



FACE

ĐIỆP VIÊN VÀ ĐIỆP VỤ

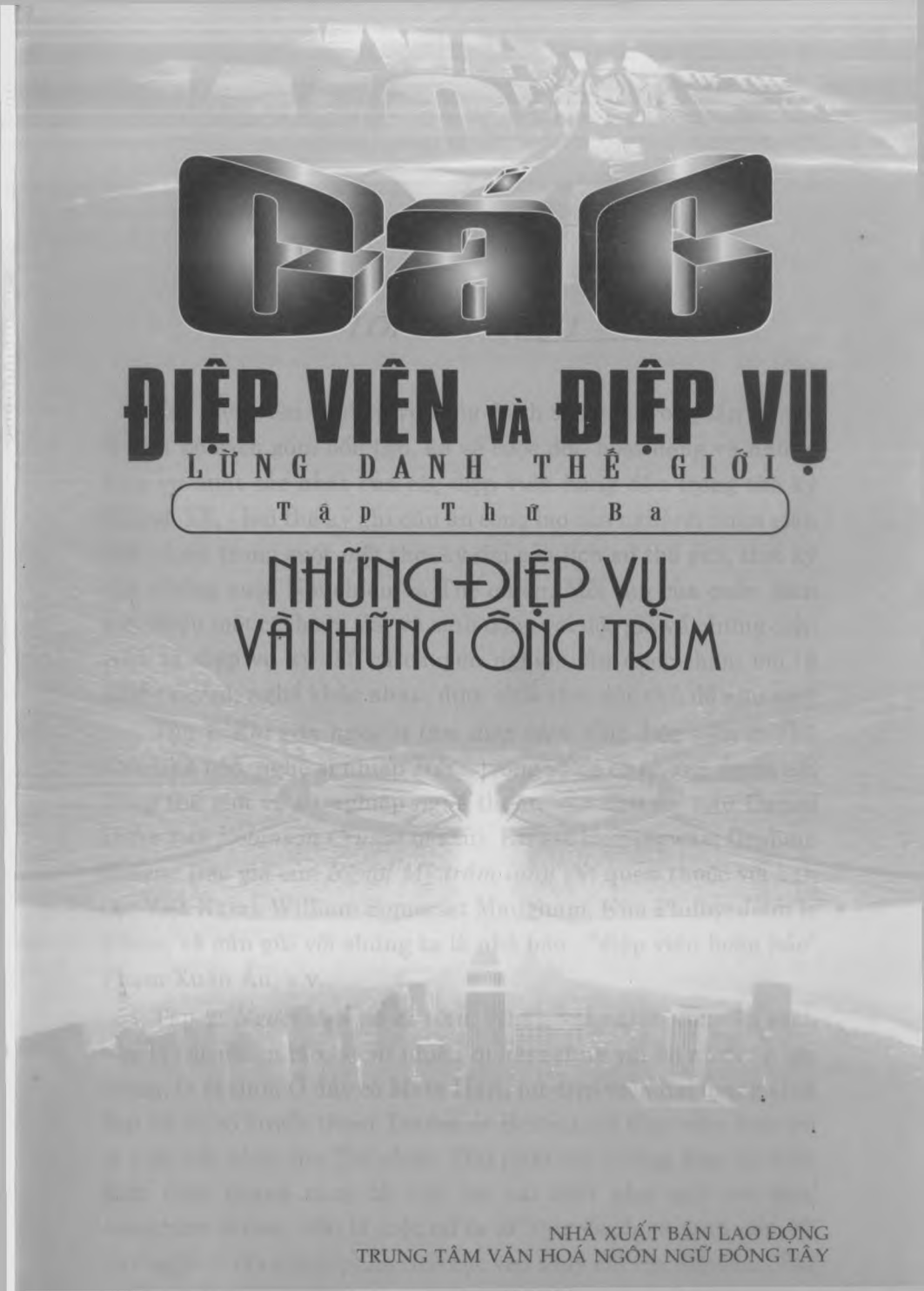
LỪNG DANH THỂ GIỚI

T ậ p T h ứ B a

NHỮNG ĐIỆP VỤ VÀ NHỮNG ỒNG TRÙM



NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG
TRUNG TÂM VĂN HÓA NGÔN NGỮ ĐÔNG TÂY



CÁC

ĐIỆP VIÊN VÀ ĐIỆP VỤ

LỮNG DANH THỂ GIỚI

T a p T h ứ B a

NHỮNG ĐIỆP VỤ VÀ NHỮNG ÔNG TRÙM

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG
TRUNG TÂM VĂN HOÁ NGÔN NGỮ ĐÔNG TÂY

LỜI GIỚI THIỆU

Các điệp viên và điệp vụ lừng danh thế giới trong lần in này là một bộ sách gồm bốn tập, kể về cuộc đời, hoạt động và những điệp vụ xuất sắc nhất của các điệp viên hàng đầu trong thế kỷ XIX và XX, - hai thế kỷ ghi dấu ấn công lao của ngành phản gián thời chiến trong suốt một thời kỳ dài của lịch sử thế giới, thời kỳ của những cuộc Nội chiến và Thế chiến. Mỗi tập của cuốn sách giới thiệu một cách chi tiết và sinh động với độc giả về những điệp viên và điệp vụ kỳ tài, cả chuyên nghiệp lẫn được chiêu mộ từ nhiều ngành nghề khác nhau, được chia theo các chủ đề như sau:

Tập 1: *Khi văn nghệ sĩ làm điệp viên*: Các điệp viên là nhà văn, nhà báo, nghệ sĩ nhiếp ảnh... trong số đó có những người nổi tiếng thế giới về sự nghiệp nghệ thuật, văn chương như Daniel Defoe (với *Robinson Crusoe* bất tử); Ernest Hemingway; Graham Greene (tác giả của *Người Mỹ trầm lặng* rất quen thuộc với bạn đọc Việt Nam); William Somerset Maugham; Kim Philby; John le Carré; và gần gũi với chúng ta là nhà báo - "điệp viên hoàn hảo" Phạm Xuân Ẩn, v.v...

Tập 2: *Người đẹp và ái tình*: Nhân vật chính của tập sách này là các giai nhân, và dĩ nhiên đi kèm cùng với họ như cặp bài trùng, là ái tình. Ở đây có Mata Hari, nữ điệp viên hai mang xinh đẹp với vô số huyền thoại; Louisa de Bettini, nữ điệp viên được coi là xuất sắc nhất của Thế chiến Thứ nhất với những điệp vụ được thực hiện thành công từ việc coi cái chết như một trò đùa; Josephine Baker, vốn là một nữ ca sĩ lừng danh và xinh đẹp với những hoạt động góp phần tích cực vào thay đổi cục diện của Thế

chiến Thứ hai; và nữ đại tá anh hùng tình báo Việt Nam Đinh Thị Vân suốt mấy chục năm âm thầm làm nhiệm vụ cực kỳ nguy hiểm trong lòng địch, v.v...

Tập 3: *Những điệp vụ và những ông trùm*: Tập này dành nói về những điệp vụ nổi tiếng trong lịch sử tình báo thế giới, và bên cạnh đó là những "ông trùm" mật vụ - những nhà tổ chức các mạng lưới điệp viên và các hoạt động tình báo, như Allen Dules - giám đốc Cục Tình báo Trung ương Mỹ; Khang Sinh - "trùm mật vụ quái vật", "kẻ thứ năm trong bè lũ bốn tên" trong Cách mạng Văn hoá ở Trung Quốc; Valter Sellenberg - trùm AMT6 của Đức Quốc xã; và Mười Hương - người chỉ huy tình báo huyền thoại trong cuộc chiến tranh chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta.

Tập 4: *Điệp viên hành động*: Trong tập sách này tập hợp đông đảo lực lượng chính làm nên sức mạnh của ngành tình báo, phản gián thế giới - các điệp viên trực tiếp hành động trong lòng địch, trên chiến trường, đối mặt với hiểm nguy và cái chết: từ Piot'r Tolstoi - điệp viên quý tộc của Piot'r Đại Đế, Carl Sulmaster - gián điệp vĩ đại của Napoleon; đến Frans fon Rintelen - điệp viên biệt kích vĩ đại nhất của Thế chiến Thứ nhất; rồi Richard George - siêu điệp viên của tình báo Xô Viết; Otto Scorseni - điệp viên SS khát máu; và cả Vũ Ngọc Nhạ - vị cố vấn của ba đời Tổng thống ngụy Sài Gòn; Nguyễn Thành Trung - điệp báo viên sau 20 năm ẩn tích ném bom Dinh Độc Lập, v.v...

Ở mỗi tập của bộ sách chúng tôi cố gắng cung cấp tư liệu một cách hệ thống, hy vọng có thể đáp ứng được cả nhu cầu tìm hiểu lẫn giải trí của đông đảo độc giả.

Người biên soạn

I - NHỮNG ĐIỆP VỤ

ROBERT BRUCE LOCKHART

DIỆP VỤ “ÂM MƯU CỦA BA ĐẠI SỨ”

Ngay từ khi còn rất trẻ, Lockhart (1887-1970) đã bộc lộ mình là một người có cái nhìn sắc bén và những tham vọng lớn. Ông được bổ nhiệm làm lãnh sự của Anh tại Moscva ngay khi mới 24 tuổi.

Trên cương vị này, Lockhart luôn tỏ rõ quan điểm ủng hộ đảng Bolsevich và hành động sao có lợi nhất cho Đảng này và Tổ quốc của mình. Tuy thế, đã có lúc ông bị hiểu lầm là người ám sát Lenin.



* Tình yêu và những bước ngoặt để đời

Nhà tình báo Anh Lockhart nổi tiếng một thời sau vụ “Âm mưu lật đổ của các ngài đại sứ” năm 1918. Nhưng hoạt động tình báo của ông khởi đầu sớm hơn nhiều.

Robert Bruce Lockhart sinh ngày 2 tháng 9 năm 1887 ở Austruter thuộc lãnh địa bá tước Faif. Cha ông là giáo viên tiểu học, tổ tiên nhà ông đều là người Scotland. “Trong tôi không hề có dòng máu người Anh” - Lockhart nhớ lại. Ông du học ở Berlin rồi sang Paris. Sau khi có được học vấn thuộc nhiều lĩnh vực ông trở về Anh quốc để chuẩn bị sang Ấn Độ

làm công chức nhà nước. Nhưng mọi việc diễn ra khác hẳn: Chú ông đã vẽ ra một viễn cảnh hấp dẫn khiến người cháu nhanh chóng quyết định đi làm ăn ở quần đảo Malaixia xa xôi để kiếm được những khoản lợi nhuận kék sù. Đến làm việc ở những đồn điền cao su, ông phải học từ đầu những điều sơ đẳng nhất của công việc kế toán và văn phòng. Ở đây ông đã tích lũy được những kinh nghiệm đầu tiên của nghề báo chí. Thể thao và văn học cuốn hút ông và làm ông tránh xa được “ba cái hàng ngày quấy nhiễu ta” của Á Đông là thuốc phiện, rượu và đàn bà. Ông là người thích đi dây đó, ban đêm ông thường đi vào những khu rừng rậm để quen dần với sự hiểm nguy. Nhưng Lockhart đã phải sớm rời bỏ Malaixia ra đi chỉ vì đã dan díu với quận chúa cháu vua Hồi.

Khi về nước, Lockhart mới 23 tuổi. Năm 1911, nhờ cha tiến cử và bản thân tỏ rõ năng lực qua cuộc sát hạch, ông được nhận vào làm việc ở Vụ Lãnh sự, Bộ Ngoại giao. Kinh qua một năm công tác, Lockhart được đề bạt là phó lãnh sự ở Moscva. Trước ngày lên đường sang nước Nga Lockhart gặp một cô gái người Australia. Hai người đính hôn và năm sau thì làm lễ cưới.

Ba năm sau, năm 1915, Lockhart được bổ nhiệm làm tổng lãnh sự Anh quốc ở Moscva. Ông là người tận mắt chứng kiến sự sụp đổ của chế độ Nga hoàng. Năm 1917, Lockhart làm quen với Kerenxki và Savincov.

Tháng 9 năm 1917, Lockhart bị triệu hồi về nước vì một lý do rất vớ vẩn: ông có quan hệ đi lại với “một cô gái Do Thái” và câu chuyện bị vỡ lở ra ngoài. Cái cơ triệu hồi về nước lại nói ông bị bệnh, nên khi vừa đặt chân về tới London ông liền đi đến vùng núi chữa bệnh. Thời gian này ở nước Nga nổ ra cuộc Cách mạng Tháng Mười. Lockhart lại rất cần thiết cho công

việc với tư cách là một chuyên gia về nước Nga. Ông đã phát biểu rằng Lenin và Troski không phải là những điệp viên của Đức, và rằng “thật là điên rồ nếu không đặt quan hệ với những người đang nắm trong tay vận mệnh của nước Nga”.

*** Luôn luôn đưa ra những nhận định chính xác**

Tháng giêng 1918, Lockhart trở lại nước Nga. “Tôi nhận được những chỉ thị rất lơ mờ. Tôi không được trao bất kỳ một quyền nào cả. Nhiệm vụ của tôi là móc nối quan hệ...” - Lockhart nhớ lại.

Lockhart có những ưu đãi ngoại giao nhất định, như có thể sử dụng mật mã và giao thông viên ngoại giao. Nhà ngoại giao Xô Viết đầu tiên ở London Litvinov có thư giới thiệu Lockhart với Troski, phụ trách Bộ Dân uỷ Ngoại giao. Do chuyện tình cờ mà Lockhart đặt chân đến Petrograd. Ông được đón tiếp chu đáo như một người có cảm tình với những đảng viên Bolsevich.

Bấy giờ vừa đúng lúc các đại sứ quán của phe Đồng Minh rút khỏi nước Nga Xô Viết. Các nước Đồng Minh cho rằng những người Bolsevich chỉ trụ vững được vài tuần là cùng. Lockhart ở lại Petrograd. Ông cho rằng những người Bolsevich về nội lực mạnh hơn rất nhiều so với nhận định về họ ở London và rằng ở nước Nga không có lực lượng nào có thể thay thế họ. Ở lại Petrograd cùng với Lockhart có tùy viên hải quân, đại úy Cromi, người không muốn hạm đội Baltic rơi vào tay quân Đức cùng một số sĩ quan và quan chức của cơ quan phản gián.

Ít lâu sau V.I.Lenin đã tiếp Lockhart ở Cung điện Smonui. Cùng dự buổi tiếp có Troski, nhân vật mà theo ý kiến của Lockhart là “người không đủ sức đưa ra những ý kiến đối

lập với Lenin, cũng giống như con bọ chết thì không thể đối chọi được với con voi". Lenin nói chuyện với Lockhart rất cởi mở, Người trả lời tất cả các câu hỏi của Lockhart và hứa đảm bảo an toàn cá nhân cho ông cũng như điều kiện để ông rời khỏi nước Nga bất kỳ lúc nào.

Lúc bấy giờ Lockhart cũng có cuộc gặp gỡ với cô Mura Benkendorf - Budberg sau này là điệp viên và tình nhân của ông. Một thời gian sau đó Mura cũng là tình nhân của Gorki và Wells.

Ngày 15 tháng 3 năm 1918, Lockhart chuyển về Moscva. Tại đây ông gặp lại nhiều người bạn, trong đó có tướng Lavernhi, công sứ Pháp, thiếu tá Mỹ Riggs. Họ thỏa thuận với nhau về chính sách sẽ thực hiện là chỉ "can thiệp khi có sự đồng ý của những người Bolsevich", trong khi đó thì có một số vị đại sứ của các nước Đồng Minh như Mỹ và Pháp không bắt nhịp với các sự kiện lại có quan điểm ngược lại là "can thiệp bất chấp sự đồng ý của những người Bolsevich".

Tháng 5 năm đó điệp viên Anh lừng danh Sidney Reilly đến Moscva. Reilly hoạt động độc lập mặc dù Lockhart không hài lòng. Một trong những việc làm của Lockhart trong thời gian này là đã cấp thị thực của Anh quốc cho Kerenxki mặc giả quân phục lính Secbi mang hộ chiếu người Secbi. Nhờ thế Kerenxki đã trốn thoát ra nước ngoài qua Murmansk.

Cuối tháng 5 năm 1918, Lockhart được gọi về Vologda. Ở đây các vị đại sứ các nước Đồng Minh khẳng định lại quan điểm "can thiệp bất chấp sự đồng ý của những người Bolsevich". Sự việc diễn ra trùng hợp với cuộc bạo loạn của người Tiệp Khắc ở Sibia. Theo sự chỉ đạo của Chính phủ Anh, Lockhart kịch liệt phản đối âm mưu giải giáp đối với người

Tiếp Khắc và cản trở họ trở về nước. Chính Lockhart thừa nhận rằng kể từ thời điểm đó ông “đã gắn mình với phong trào chống lại Chính phủ thực tế của nước Nga”. Giờ đây ông đã trở thành người ủng hộ chính sách can thiệp và lật đổ Chính phủ của những người Bolsevich. Lockhart hoạt động tích cực, có những cuộc tiếp xúc với các lực lượng chống Bolsevich, bí mật trao đổi thư từ với các thủ lĩnh của phong trào Bạch vệ, thiết lập quan hệ với “Trung tâm” và “Liên minh Phục hưng nước Nga” chống Xô Viết do Savincov thành lập. Trong số những người tham gia vào âm mưu lật đổ có đại úy Pháp Vertimon và công sứ Mỹ Kalamatiano Fried.

Ngày 6 tháng 7 năm 1918, một âm mưu đảo chính được thi hành. Savincov được người Pháp xúi giục đã chiếm Iliarslav, ở Moscva trở nên hỗn loạn, những người Tiếp Khắc tấn công ở phía Tây chiếm được Simbirsk.

Ngày 4 tháng 8, quân đội các nước Đồng minh đổ bộ vào Arkhanghelsk bắt đầu cuộc can thiệp. Lockhart đã làm mọi việc để giúp đỡ cuộc can thiệp từ bên trong, cung cấp tài chính cho các lực lượng chống Chính phủ ở địa phương. Không có tiền mặt, Lockhart viết văn bản cam kết sẽ trả tiền ở London. Đồng thời Lockhart cũng chuẩn bị rời khỏi Moscva.

*** Giúp đỡ những người lính bộ binh Latvia và bị nghi ngờ là ám sát Lenin**

Ngày 15 tháng 8 có người đến gặp Lockhart, xưng danh là Smidkhen nhưng thực ra là nhân viên Treca - Ia. Buikis, cùng đi có E. Berdin (không phải Ia.K. Berdin, sau này là Cục trưởng trinh sát của Hồng quân). Smidkhen trao cho Lockhart bức thư của đại úy Cromi gửi, trong thư viên đại úy hải quân

viết là hy vọng sẽ “đóng sập cửa lại trước khi rời khỏi nước Nga”. Smidkhen giải thích rằng những người lính bộ binh Latvia đã chán cảnh cầm súng chiến đấu vì những người Bolsevich. Họ rất muốn trở về Tổ quốc và đề nghị



*Những người lính Litva
đều muốn trở về Tổ quốc*

Lockhart ủng hộ nguyện vọng của họ, làm công văn yêu cầu tướng Puli là tư lệnh quân ở Arkhanghelsk mà họ muốn chạy sang nếu như phải ra mặt trận.

Lockhart thảo luận tình hình với tướng Lavernhi và tổng lãnh sự Pháp Grenar. Họ đồng ý với đề nghị của lính bộ binh người Latvia. Lockhart viết thư gửi tướng Puli và chuyển cho Smidkhen. Số phận tiếp theo của những người Latvia được trao cho điệp viên Anh Sidney Reilly. Reilly có ý định nếu được sự giúp đỡ của đồng nghiệp thì sẽ làm bạo động sau khi Lockhart và một số quan chức ngoại giao khác rời Moseva. Nhưng Lockhart không ủng hộ ý định đó của Reilly và từ đó hai người không gặp nhau nữa.

Ngày 30 tháng 8 năm 1918, một tên khủng bố đã giết chết người đứng đầu cơ quan Treca Petrograd Uritski. Ngày hôm sau nữ đảng viên Xã hội Cách mạng Fani Kaplan đã ám sát Lenin. Ngay trong đêm đó Lockhart cùng người phụ tá bị bắt và giải đến cơ quan Treca. Cô Mura, tình nhân của Lockhart, ngủ đêm tại nhà ông cũng bị giải đến cơ quan Treca.

Sau một hồi chờ đợi rất lâu Lockhart bị đưa sang phòng hồi cung. Phó chủ tịch cơ quan Treca toàn Nga Peters chỉ hỏi

có ba câu: “Ông có biết Kaplan, người đàn bà này không?”, “Reilly ở đâu?” và “Đây là bức thư của ông viết?” đồng thời đưa ra bức thư của Lockhart viết cho tướng Puli. Lockhart không trả lời. Ông biết rõ là người ta định gán cho ông việc mưu sát Lenin. Ông được trả về phòng giam. Nhờ được phép đi vệ sinh Lockhart đã tiêu huỷ được những trang giấy ghi mật mã kẹp trong sổ tay.

Sáng hôm sau Lockhart và người phụ tá được thả. Lockhart đến đại sứ quán Hà Lan, tại đây ông mới biết tin đại úy hải quân Cromi đã bị bắn chết trong lúc bắn nhau khi máy bay oanh tạc lãnh sự quán ở Petrograd.

Trên các báo đều đăng tin với hàng tít nổi bật “Âm mưu lật đổ của Lockhart”. Các nước Đồng Minh bị buộc tội có âm mưu lật đổ Chính phủ bằng cách mua chuộc đơn vị lính đồn trú Latvia. Mặc dù vậy Lockhart vẫn được tự do và thậm chí còn nhiều lần đến Bộ Dân uỷ Ngoại giao đề nghị thả cô tình nhân Mura. Ở Bộ Dân uỷ Ngoại giao người ta không giúp được gì, Lockhart phải đích thân đến gặp phó chủ tịch Treca toàn Nga Peters. Lockhart được hứa sẽ xem xét việc thả cô Mura, nhưng Peters buộc phải bắt giam Lockhart. Lockhart bị giam giữ đúng một tháng. Sáu ngày đầu ông bị giam ở Lubianka, sau đó ông bị giải đến điện Cremlin, nơi điều kiện giam giữ tiện nghi hơn. Hàng ngày Lockhart được phát báo chí để đọc, nhờ đó Lockhart biết tin rằng ở London để trả đũa người ta đã tống giam nhà ngoại giao Xô Viết Litvinov. Cô Mura, tình nhân của Lockhart, được Peters thả ra, thậm chí còn cho phép mang quà cho Lockhart đang bị giam giữ.

Cuối tháng 9 Lockhart được thả. Phó chủ tịch cơ quan Treca toàn Nga Peters đề nghị Lockhart ở lại nước Nga Xô

Viết. Lockhart suy nghĩ rất nhiều về lời đề nghị của Peters. Ông không muốn dứt bỏ cô tình nhân Mura nhưng ông cũng không muốn mình là nguyên nhân làm cho tình hình quốc tế phức tạp thêm. Ông không thể trở thành người Bolsevic được.

Hai ngày sau, ngày 10 năm 1918, Lockhart rời khỏi Moscva cùng với những quan chức Anh và Pháp cũng vừa được thả ra sau một thời gian bị giam giữ.

Đó là tất cả về cái giả thuyết “âm mưu lật đổ của Lockhart” được chính ông trình bày trong cuốn *Nội tình của câu chuyện*.

* Trở về nước và tiếp tục làm việc cho Bộ Ngoại giao

Sau khi về Anh quốc, Lockhart làm khá nhiều nghề. Ông viết báo, sáng tác văn học, thậm chí còn viết cả kịch bản phim cho Hollywood. Ông sống 7 năm ở Tiệp Khắc, học tiếng Tiệp, quen biết nhiều nhà lãnh đạo của nước này.

Tháng 9 năm 1939, “đại úy R. Bruce Lockhart” chính thức được mời làm việc cho Vụ Tình báo chính trị Bộ Ngoại giao. Lockhart vì thế đã đi công cán đến nhiều nước như Tiệp Khắc, Hungari, Nam Tư, Bungari, Rumani, Hy Lạp và Thổ Nhĩ Kỳ.

Nhiệm vụ của Lockhart là hàng tuần tổng hợp tình hình chính trị của các nước này báo cáo về cho bộ trưởng. Sau đó ít lâu Lockhart được cử làm phái viên của Chính phủ Anh



Một cuốn sách viết về Robert Bruce Lockhart

bên cạnh Chính phủ Tiệp Khắc lưu vong với chức danh “điệp báo viên Anh quốc”. Lockhart phản đối chức danh này vì nó gợi lại những kỷ niệm buồn trong thời gian ông làm việc ở Moseva. Nhưng sau đó vài ba năm Lockhart được đề bạt: năm 1941 - 1945 ông làm giám đốc Vụ Tuyên truyền và Tình báo Bộ Ngoại giao.

Khi Đức Quốc xã tấn công Liên Xô, việc đầu tiên mà Lockhart đã làm được là trong các lễ nghi chính thức bài Quốc tế ca “L’internationale” được cử hành, tuy trước đó bị cấm ở Anh quốc.

Mặc dù ở Nga Lockhart bị tuyên bố “ngoài vòng pháp luật” nhưng ông lại có quan hệ rất tốt đẹp với vị đại sứ Liên Xô Maiski. Lockhart là người tích cực ủng hộ việc mở mặt trận thứ hai và tăng cường giúp đỡ Liên Xô.

Trong các thư gửi Chính phủ Anh quốc Lockhart yêu cầu công nhận nước Nga là đối tác bình đẳng trong việc thảo luận chiến lược chiến tranh, ổn định tình hình hậu chiến tranh và nước Nga phải được coi là một cường quốc. Bản dự thảo của Lockhart đưa ra được Iden và Roosevelt ủng hộ và được dùng làm cơ sở cho Hiệp ước liên minh giữa Liên Xô, Mỹ và Anh quốc.

KENJI DOIHARA

ÂM MƯU THUỐC PHIỆN HÓA TRUNG QUỐC

Kenji Doihara (1883-1948) điển hình cho những gián điệp Nhật Bản vốn đặt lợi ích của Nhật hoàng lên trên tất cả. Là một con người với những tố chất đầy ưu việt, nhưng Kenji, khi thực hiện điệp vụ “khai mở” con đường xâm lược Trung Quốc của Nhật Bản, đã tiến hành mọi thủ đoạn cực đoan, từ phá hoại, khủng bố, đến “rải” thuốc phiện, để rồi nhận bản án tử hình thích đáng vì những tội ác chống lại loài người.



* Một ngành phản gián vị Nhật hoàng

Từ xa xưa Nhật Bản đã coi hoạt động tình báo là một công việc vẻ vang tôn quý. Một người Nhật từ nước ngoài về mà không đem theo cho dù một bí mật rất nhỏ của nước sở tại trong một chừng mực nào đó sẽ bị xem như người kỳ quặc. Người Nhật luôn có xu hướng tuyển mộ số lượng khổng lồ điệp viên từ đủ mọi nghề như thợ cắt tóc, nha sĩ, chủ trang trại, doanh nhân, thợ nấu ăn và hàng trăm ngành nghề khác. Ngay cả sĩ quan cấp cao cũng không thấy xấu hổ khi đóng vai đây tớ hoặc phu xe, miễn là chuyện đó có ích cho Nhật hoàng. Nhiều

khi kết quả hoạt động như vậy chẳng được là bao so với nỗ lực đã bỏ ra, nhưng dù sao tích cóp mãi rồi gió cũng thành bão. Tình báo Anh trong hồ sơ về chiến tranh Nga-Nhật đã ghi nhận: “Hệ thống tình báo xuất sắc của Nhật với sách lược riêng của mình góp phần đáng kể cho thắng lợi trên mặt trận của quân đội Nhật”. Và Kenji Doihara là một mắt xích điển hình trong cả một hệ thống tình báo vị Nhật hoàng này.

*** Những tố chất tình báo hiếm có**

Chàng thanh niên Kenji Doihara sớm bộc lộ năng khiếu hoạt động tình báo của mình. Nhà nghèo anh vẫn thi đỗ vào Học viện Quân sự thuộc Bộ Tổng tham mưu và tốt nghiệp hạng ưu. Bạn bè cùng học thán phục tài cải trang, thay hình đổi dạng xuất sắc của anh. Kenji có thể thay đổi cả dáng đi, gày đi 20 cân trong vòng mấy ngày. Anh rất thích hóa trang thay đổi khuôn mặt như một diễn viên hát kịch “Nô”. Doihara nắm vững hoàn hảo ba phương ngữ Trung Quốc và thông thạo không dưới mười thứ tiếng Châu Âu. Một vài người khẳng định chị Kenji là phi tần của Hoàng đế Ioshikhito mới lên ngôi nên chàng sĩ quan trẻ có điều kiện thăng tiến trong binh nghiệp.

*** Những điệp vụ sắc mùi khủng bố và maphia**

Đầu những năm 20, Kenji Doihara làm thư ký cho tham tán quân sự, tướng Hondze Shigeru tại sứ quán Nhật ở Bắc Kinh và đã tháp tùng sếp của mình đi khắp đất nước Trung Quốc, đã nghiên cứu tìm hiểu các thành phố lớn Thượng Hải, Thiên Tân, Nam Kinh. Năm 1925, Doihara nhận nhiệm vụ tới Mãn Châu Lý. Vùng này chiếm một vị trí đặc biệt trong kế hoạch xâm chiếm của Nhật. Chiếm được hoặc nắm được

quyền kiểm soát Mãn Châu Lý sẽ được coi là bàn đạp thôn tính năm tỉnh miền Bắc Trung Quốc. Vì vậy mục tiêu hàng đầu của điệp viên mới vào nghề Doihara là chuẩn bị cho việc thôn tính vùng này.

Doihara từ từ bắt tay vào công việc. Đầu tiên là thiết lập mối quan hệ với tổ chức “Rồng đen”, trụ cột của phản gián Nhật. Mục tiêu của “Rồng đen” là khôi phục lại vương triều nhà Thanh của Mãn Châu Lý dưới sự giám hộ và bảo trợ của Nhật. Nhân vật dành cho ngôi vị này đã được Doihara nhắm ngay từ năm 1924. Đó là Phổ Nghi, khi đó vẫn còn là một cậu bé. Phổ Nghi sinh năm 1906, mới ba tuổi đã lên ngôi kế vị và là hoàng đế cuối cùng ở Trung Quốc bị Cách mạng lật đổ. Doihara giữ Phổ Nghi trong tầm tay, nuôi dưỡng để chờ thời cơ. Doihara còn nuôi cả một đội quân Hán gian lớn để thu thập thông tin, thực thi những hoạt động phá hoại, khủng bố và tổ chức những cuộc xung đột huynh đệ tương tàn. Trong khi đó Doihara không bỏ lỡ Nga Xô. Ông ta đã thành lập các đội tình báo riêng gồm nhiều quân Bạch vệ. Nhóm lớn nhất, nhóm chiến đấu phá hoại ngầm gồm năm ngàn tên tội phạm người Nga bỏ trốn khỏi đất nước cùng với quân Bạch vệ.

Lần đầu tiên trong lịch sử hiện đại, Doihara điều hành mạng lưới phản gián của mình bằng sức hấp dẫn quyến rũ đến đam mê của thuốc phiện. Ông ta đã biến tất cả những cái gọi là câu lạc bộ ở Trung Quốc thành các phòng tiếp tân ăn chơi sang trọng, thành các sòng bạc, ổ mại dâm trụy lạc và chủ yếu là nơi hút thuốc phiện. Theo đề nghị của ông ta các nhà máy thuốc lá ở Nhật cho sản xuất loại thuốc mới nhãn hiệu “Con dơi vàng”. Thuốc chỉ để xuất khẩu, cấm tuyệt đối bán ở nội địa.

Mỗi liều thuốc có tẩm một lượng nhỏ thuốc phiện hoặc hêrôin. Người tiêu thụ không hề nghi ngờ tự nhiên trở thành con nghiện. Cục Phản gián của Doihara trả lương cho điệp viên lúc đầu một nửa bằng tiền một nửa bằng thuốc phiện, sau đó hoàn toàn bằng thuốc phiện. Và thế là các điệp viên nghiện ngập đã thành vũ khí lợi hại ngoan ngoãn trong tay Doihara.

Năm 1926, nhận nhiệm vụ “điều” Giang Gio Lin, thủ lĩnh quân phiệt Mãn Châu Lý ra khỏi căn cứ của mình, Doihara đã thuyết phục hấn trả thù Bắc Kinh về những thất bại trước đó. Hấn đã đem quân đi Bắc Kinh và vắng mặt ở Mãn Châu Lý gần hai năm. Song tướng U Sutren tạm thay thế y đã đề nghị hấn về. Con tàu chở hấn đã nổ tung, hấn chết tan xác. Thủ phạm thực của vụ tai nạn đó không rõ là phản gián Nhật hay Liên Xô, bởi cả hai phía đều có lý do quan tâm tới việc loại trừ Giang.

Bây giờ cần phải tìm cơ để quân Nhật tiến vào Mãn Châu Lý. Ngày 18 tháng 9 năm 1931, trung úy Cavamoto, người của Doihara, đã dựng chuyện tai nạn ở đường sắt tạo cơ cho quân Nhật tràn vào Mãn Châu Lý.

Ngày 10 tháng 11, thêm một vụ khiêu khích nữa ở Thiên Tân: bốn mươi người Trung Quốc được người của Doihara thuê và cho hút thuốc phiện đã tấn công trụ sở cảnh sát. Doihara đã lợi dụng sự hỗn loạn đưa Phổ Nghi ra khỏi “Vườn thiên thai”, nơi y vẫn bị quản chế lâu nay, rồi đưa thẳng lên tàu chiến Nhật trở về Mãn Châu Lý.

Ngày 1 tháng 3 năm 1934, Phổ Nghi được đưa lên ngôi Hoàng đế của vương triều Mãn Châu bù nhìn.

Lúc này ảnh hưởng của Doihara lan rộng đến nhiều thành phố và làng mạc Trung Quốc. Ông ta đã thành lập các tổ chức

phản gián ở Bắc Kinh, Thượng Hải, Thiên Tân, khắp vùng Mãn Châu. Cơ sở và Trung Tâm của chúng là những cộng đồng người Nhật đông đúc.

Ngoài phạm vi những cộng đồng ấy, các điệp viên của Nhật đã tuyển chọn các nhóm điệp viên từ gái bán hoa Nhật và Triều Tiên. Các cô gái này có nhiệm vụ thu nhật thông tin chuyển cho người của Doihara.

Điệp viên của Doihara ở vùng Mãn Châu có nhiệm vụ chuẩn bị cơ sở cho chiến tranh xâm lược Liên Xô. Trong khi đó chính Doihara, “Anh chàng Châu Âu” cũng lại nằm trong tầm theo dõi của phản gián Liên Xô.

Doihara tích cực góp phần củng cố thất chặt liên minh hợp tác với Quốc xã Đức và các cơ sở phản gián Đức. Năm 1934, Doihara đã tiếp xúc được với đại úy Eigen Otto, tham tán quân sự Đức với hy vọng đại úy giúp tạo điều kiện củng cố mối giao hảo Nhật - Đức (ông ta không hề biết rằng Otto đã “đi đêm” cung cấp thông tin cho “người bạn tốt nhất của mình” là điệp viên Xô Viết Richard Sorge).

Đại tá Hiroshi, tham tán quân sự tại sứ quán Nhật ở Berlin, phụ trách hoạt động tình báo ở Châu Âu là bạn của Doihara. Tháng 8 năm 1935, ông đã ký tắt với Canaris thỏa ước hợp tác phản gián đặt nền móng cho “Hiệp ước chống Quốc tế Cộng sản” bi thảm và được ký tháng 11 năm 1936.

Cũng thời gian này Doihara mở rộng phạm vi hoạt động của mình. Ông ta trở thành chánh thanh tra hàng không, từ năm 1941 là chỉ huy trưởng quân đoàn số 4 ở Singapore cho tới hàm tướng.

Tại Singapore, Doihara đã thành lập đội quân người Ấn Độ đưa Sandre Bos thuộc phái dân tộc chủ nghĩa lên làm chỉ

huy. Đội quân hoạt động ngầm này đã tham gia hoạt động phá hoại, khủng bố, tuyên truyền trên đài nhằm xâm hại đế quốc Anh.

*** Cái giá phải trả**

Sau năm 1945, phe Đồng Minh đã không tha cho Doihara vì tất cả những hoạt động đó. Ông ta là một trong những nhân vật cấp cao của quân đội Hoàng gia Nhật bị Tòa án Quốc tế Tokyo kết án tử hình bằng treo cổ. Án do tướng Mỹ Macartur tuyên và được thực thi vào đêm 22 rạng ngày 23 tháng 12 năm 1948 tại sân nhà tù Sugamo.

Những lời cuối cùng của Kenji Doihara nói với cha rửa tội là: *“Tôi cảm thấy cái chết đợi tôi vào lúc nửa đêm đang động đến một người nào khác... vì giữa cái sống và cái chết không có gì là khác nhau cả...”*.

NIKOLAI CROSCO

ĐIỆP VỤ “KẾT SẮT BÍ MẬT”

Nikolai Crosco (1898-1967), bí danh “Kate” - anh hùng của điệp vụ “Kết sắt bí mật”, đã khéo léo chui sâu và leo cao một cách tài tình vào “Hội Chân lý nước Nga”, - một tổ chức phản cách mạng ở Đức, được sự hỗ trợ của một số cơ quan phản gián Phương Tây, - chuyên chế ra những văn kiện giả mạo nhằm làm phương hại uy tín Liên Xô trên trường quốc tế vào cuối những năm 20, khi Liên Xô vừa thoát khỏi sự cô lập quốc tế. Công lao của “Kate” là đã phanh phui và vạch trần kết sắt bí mật này, giúp Liên Xô bảo vệ được uy tín của mình, và bản thân ông thì lừng danh khắp thế giới như “một người đi xuyên qua tường”.

*** Sự xuất hiện của những văn kiện giả mạo**

Vào những năm 1925 đến 1930, trên báo chí nước ngoài xuất hiện “những văn kiện tài liệu” về “những kế hoạch báo hiệu diêm dữ” của Tổng cục Chính trị trực thuộc Hội đồng Dân ủy Liên Xô và của Quốc tế Cộng sản gây nên cơn sốt mạnh đối với nền tảng kinh tế và chính trị của thế giới Phương Tây. Nhìn bề ngoài thì không ai nghi ngờ gì cả, từ văn phong đến từ ngữ, chữ ký của các nhân vật có chức vụ - tất cả đều nói lên đây là những văn kiện tài liệu thật. Việc công bố những văn kiện này đã kích động một làn sóng phản nộ của dư luận Phương Tây và trong nhiều trường hợp đã dẫn đến những hậu

quả bị thảm nặng nề: Những người Cộng sản Bungari bị kết án tử hình tựa hồ như chính họ được Quốc tế Cộng sản giao nhiệm vụ đã gây nên vụ nổ nhà thờ ở Sophia; Thương vụ Liên Xô ở Berlin bị cảnh sát Đức tấn công; Cơ quan đại diện Hiệp hội hợp tác Nga bị cảnh sát Anh tấn công, từ đó dẫn đến việc cắt đứt sau đó các quan hệ ngoại giao giữa Anh và Liên Xô. Uy tín của Liên Xô, một đất nước vừa mới thoát khỏi sự cô lập quốc tế, bị tổn thất nặng nề. Ở Mỹ người ta truyền đi một tin giật gân là tình báo Liên Xô quyết định mua chuộc hai thượng nghị sĩ Bor và Norris để họ thuyết phục Mỹ công nhận Liên Xô. Điều này cũng được “khẳng định theo văn kiện” và đã gây nên tai tiếng xấu và sự hằn học đối với Liên Xô. Các “văn kiện tài liệu” có nguồn gốc tựa hồ như từ Moscva, nhưng lãnh đạo Liên Xô biết chắc rằng đây là những văn kiện giả mạo. Vấn đề đặt ra là ai đã tạo ra văn kiện giả và địa điểm làm văn kiện giả ở đâu. Tình báo Liên Xô có trách nhiệm phải trả lời những câu hỏi này.

*** Lựa chọn anh hùng**

Sau khi điều tra kỹ lưỡng, tình báo Liên Xô đã xác định được nguồn xuất phát là một tổ chức có tên là “Hội Chân lý nước Nga”. Tình báo Liên Xô đã tiến hành thu thập tỉ mỉ những cứ liệu về tổ chức Hội và thủ lĩnh của Hội này. Viên tham tán Vladimira Grigorievic Orlov định cư ở Berlin, một địch thủ nguy hiểm và từng trải chính là thủ lĩnh của “Hội Chân lý nước Nga”. Dưới thời Nga hoàng, Orlov từng là dự thẩm viên xem xét những hồ sơ đặc biệt quan trọng, sau đó là trưởng cơ quan tình báo và phản tình báo của Vranghel. Chỉ có một số người rất hạn chế biết được hoạt động thực của

Orlov. Để lọt được vào giới những người thân cận với Orlov phải là người rất khéo léo, hơn nữa phải có sơ yếu lý lịch phù hợp. Lãnh đạo tình báo Liên Xô đã chọn Nikolai Crosco. Anh sinh trưởng trong một gia đình nghèo tại tỉnh Tambov. Cha mẹ anh sẵn sàng hy sinh làm bất cứ việc gì để con trai mình được học hành. Nikolai tốt nghiệp trường trung học với huy chương bạc. Năm 1918, từ thành phố Kiev bị Đức chiếm đóng Nikolai đi đến vùng sông Đông gia nhập quân đội Denikin, sau đó bỏ chạy sang Ba Lan làm việc cho Savincov, rồi mở rộng quan hệ với kiều dân Nga, chủ yếu là giới sĩ quan. Năm 1920, một điệp viên của Liên Xô hoạt động ở vùng Baltic biết tin trung úy Nikolai Crosco chán cảnh sống của ngoại kiều và đang mong muốn trở về Tổ quốc. Người ta đề nghị Crosco cộng tác với tình báo Liên Xô và anh đã vui lòng nhận lời.

* Điệp vụ “Két sắt bí mật”

Những nhiệm vụ đầu tiên giao cho Nikolai Crosco không có gì phức tạp. Phải lọt vào được một vài nhóm kiều dân Nga và xác định xem họ là ai. Những nhiệm vụ giao cho Crosco để thẩm tra anh đều được Crosco hoàn thành có hiệu quả đến mức anh được ghi tên vào biên chế tình báo đối ngoại của Liên Xô. Điều này rất hiếm khi xảy ra. Nikolai Crosco đã chính thức trở thành cộng tác viên mang bí danh “Kate”.

Bắt đầu một công việc hấp dẫn nhưng đầy nguy hiểm. Mặc dù “Kate” luôn phải đi sang nhiều nước hoạt động nhưng chủ yếu anh công tác trong thành phần cơ quan tình báo ở Berlin. Giai đoạn này ở Berlin “Hội Chữ thập trắng” hoạt động đứng đầu là cựu trung úy không quân Pavlov. Tập hợp xung quanh Pavlov là những sĩ quan trẻ đã quá thất vọng về các thủ

lĩnh cũ như Denikin, Vranghel và các tổ chức quân chủ phái hữu. Pavlov đã tìm được sự ủng hộ vật chất và tinh thần ở các nhà hoạt động trong giới phản động cực đoan Đức mà sau này trở thành những tên phát xít điên cuồng. “Kate” được giao nhiệm vụ lọt vào hàng ngũ “Hội Chữ thập trắng” và làm sao chiếm được lòng tin của Pavlov, đồng thời phải xác định được hiện nay bọn chúng đang làm gì và “Hội Chữ thập trắng” nguy hiểm đến mức nào. “Kate” đã hoàn thành vượt mức nhiệm vụ được giao: không những lọt vào được tổ chức của Hội mà còn trở thành người trợ lý thân cận của Pavlov. “Kate” hiểu rõ công việc của Hội, có thể dàn xếp những mâu thuẫn trong Hội. Vì vậy những điệp viên dự định phái sang Liên Xô sẽ được tuyển chọn lại và được sử dụng như một kênh tung tin đồn nhảm. Toàn bộ số lượng các tập sách mông và tờ rơi có nội dung chống Liên Xô được giao cho “Kate” chuyển sang Liên Xô nhưng trên thực tế đã bị hủy đi. Chẳng bao lâu sau, những thất bại trong hoạt động của “Hội Chữ thập trắng” đã làm cho người Đức chán ngán và hậu quả là người Đức từ chối giúp đỡ về vật chất cho Hội. Về thực chất “Hội Chữ thập trắng” tạm ngừng hoạt động, còn Pavlov thì chuyển nghề làm lái xe mặc dù ông ta vẫn là thủ lĩnh của Hội.

“Kate” đã sử dụng thời gian làm việc ở “Hội Chữ thập trắng” với hiệu quả lớn. “Kate” đã tạo được mối quan hệ rộng rãi với người Đức; năm 1923 “Kate” tham dự Đại hội xã hội quốc gia và tổ chức “Mũ thép”, cùng ăn nhậu với các đại biểu nên càng thắt chặt mối quan hệ với họ. “Kate” cũng quen biết các thủ lĩnh *Liên minh quân sự toàn Nga* (ở Paris), các thủ lĩnh tổ chức quân chủ, nghĩa là làm quen được với tất cả bầu sậu kiều dân Nga ở nhiều nước.

Vào đầu những năm 1920, do Liên Xô chưa có tổ chức điệp viên ở tất cả các nước nên “Kate” thường phải đi đến nhiều thủ đô của các nước Châu Âu để nắm tình hình hoạt động tại chỗ của các tổ chức kiều dân Nga. Một trong những trường hợp như thế đã xảy ra với các thủ lĩnh tổ chức quân chủ Nga. Lúc bấy giờ đại bản doanh của họ đóng ở Munich, nước Đức. Sau khi đến được đại bản doanh này “Kate” đã phải tốn biết bao nhiêu sức lực để làm quen và tiếp cận với nam tước Medem và công tước Kadembec, là hai thư ký riêng của đại công tước Kiril Vladimirovich. Dĩ nhiên, ngoài sự hấp dẫn cá nhân còn phải sử dụng cả tiền bạc của tổ chức nữa, bởi lẽ các ngài quý tộc sa sút sẽ không từ chối ăn nhậu do người khác bao. “Kate” đã được tham dự hội nghị của các đảng viên Kiril Vladimirovich với thống chế Lindendorf và với Đảng Quốc xã đang phôi thai thành lập, không những thế sau khi đại công tước Kiril Vladimirovich chuyển sang Paris hoạt động, “Kate” nhờ các viên thư ký trợ giúp đã lọt vào văn phòng của đại công tước chụp được khoảng 100 tài liệu văn kiện cất giữ trong két sắt.

Ở Paris “Kate” đã thu thập được những thông tin về các mối quan hệ của các tổ chức kiều dân Nga với giới chính khách và tình báo Pháp, qua đó phát hiện được một số điệp viên của các tổ chức này ở Liên Xô. Sau khi trở lại Berlin, một hôm vào chiều tối, “Kate” đã lấy được ở phái đoàn quân sự Denikin - Vranghel hai va li tài liệu chở về trụ sở của tình báo Liên Xô chụp ảnh lại toàn bộ tài liệu và sáng sớm hôm sau đem trả về chỗ cũ.

Nhưng mục tiêu chủ yếu của “Kate” vẫn là Orlov và “Hội Chân lý Nga”. “Kate” làm quen với đại tá Colberg là bạn đồng thời là người đồng chí hướng của Orlov. Colberg đích thân giới

thiệu “Kate” với Orlov. Orlov vốn là người cau có và đa nghi nên không vốn vã đón tiếp “Kate”, mặc dù anh chàng trung úy này gây được ấn tượng dễ chịu. Orlov thăm dò Pavlov để Pavlov đánh giá một cách tốt nhất người trợ lý của mình. Nhưng như thế còn quá ít. Cần phải chứng tỏ những điều kiện nào đó khiến Orlov quan tâm đến việc cộng tác và làm tan tảng băng không tin cậy. Một hôm “Kate” báo cáo với Pavlov rằng, theo lời khuyên của Pavlov và Orlov về những thông tin nhận được từ “người của mình ở Liên Xô” thì “người của mình” tựa hồ như đã đẩy mạnh công việc và họ đang rất cần có sự liên hệ trực tiếp. Pavlov vớ ngay lấy ý kiến của “Kate” nêu lên, ông ta muốn đề cao uy tín của mình nên thuyết phục Orlov cử “Kate” làm phái viên, vì “Kate” có thể sử dụng những mối quan hệ của mình ở Phần Lan.

Vào một đêm tháng 10 năm 1925, nhờ sự giúp đỡ của cảnh sát Phần Lan, “Kate” đã vượt biên giới Phần Lan - Liên Xô thông qua “cơ sở” mà các đồn biên phòng của Liên Xô đã chuẩn

bị trước. “Kate” đến Moscva thuận buồm xuôi gió. “Kate” báo cáo là anh đã biết về các mối quan hệ của các nhóm kiều dân Nga ở Helsinki và Vuborg với cảnh sát Phần Lan và anh cũng biết ai và bằng cách nào đã chuẩn bị và thực hiện việc đưa anh



*Phong trào đấu tranh dân tộc
ở Phần Lan đầu thế kỷ XX*

vượt biên giới. Sau đó “Kate” đã gặp mẹ và em gái ở Kiev, rồi đến Sevastopol chuyển thư của Pavlov cho bà cô ông ta và nhận thư phúc đáp. “Kate” được nhận hộ chiếu Liên Xô, tuy nhiên hộ chiếu vẫn nằm trong hồ sơ. Trước khi lên đường quay trở lại, người ta cung cấp cho “Kate” những tài liệu thông tin mà giới kiều dân Nga Bạch vệ và bạn bè Phương Tây của họ quan tâm. Sau khi trở lại Phần Lan, một phần tài liệu thông tin này “Kate” đã chuyển cho chánh cảnh sát Phần Lan để “tra công” về sự giúp đỡ của họ đối với “Kate”. Những tài liệu này gây được ấn tượng tốt đến mức cảnh sát Phần Lan muốn “Kate” gặp gỡ bí mật với “những người của họ” ở Leningrad và Moscva. Khi “Kate” trở về đến Berlin, Pavlov xuất phát từ quyền lợi riêng bắt đầu phô trương những thành tích của “Kate”, và sau đó không lâu, sau khi tìm hiểu kỹ những thông tin mà “Kate” đem về, Orlov đang trong tâm trạng phấn khích về những nhận xét tốt về “Kate” đã đề nghị “Kate” chuyển hẳn sang “Hội Chân lý Nga” làm việc. “Kate” không nhận lời ngay nên Orlov phải thuyết phục “Kate”.

Chẳng bao lâu sau “Kate” đã trở thành nhân vật được đặc biệt tin cậy của Orlov. “Kate” cũng xác định được ngoài tình báo Phần Lan, Orlov còn cộng tác với các cơ quan tình báo Anh, Pháp, Đức và với cảnh sát chính trị Berlin. “Kate” phát hiện được những đại diện của Orlov ở Latvia và Litva là những người có quan hệ mật thiết với tình báo và biên phòng sở tại. “Kate” cũng xác định, theo nhiệm vụ của cảnh sát Đức, Orlov là người huấn luyện các cộng tác viên của cơ quan đại diện Liên Xô ở Berlin, qua đó “Kate” nắm được danh sách các điệp viên này trong bảng kê những người nhận trả tiền công. Tất cả những điều kể trên rất quan trọng, nhưng để thực hiện nhiệm vụ chính là phát hiện xướng làm văn kiện tài liệu giả

mạo thì vẫn chưa với tới được. Hơn một năm trôi qua. Tài liệu giả mạo vẫn xuất hiện mà “Kate” vẫn chưa biết gì về nguồn gốc xuất xứ của nó. “Hay đây không phải do bàn tay của Orlov? - có lần “Kate” đã nghĩ như vậy.

Mùa hè 1927, theo đề nghị của cơ quan tình báo Phần Lan, đích thân Orlov phái “Kate” thực hiện một cuộc đột nhập mới vào Liên Xô. Lúc đầu “Kate” từ chối, viện cớ cách đây không lâu công việc của mình bất thành, nhưng Orlov ép làm nên “Kate” đã đồng ý. Cuộc đột nhập đã “rất thành công” đối với cả Orlov lẫn cơ quan tình báo Phần Lan vì họ đã nhận được từ “Kate” “những thông tin” về “việc gặp gỡ bí mật” ở Leningrad, nhưng trước hết đây là sự thành công đối với “Kate”, đó là sự hài lòng của chánh cảnh sát Phần Lan đã nói lên nhiều điều về hoạt động của kiều dân Nga ở Phần Lan và về mối quan hệ giữa họ với tình báo Phương Tây, trong đó có tình báo Anh. Nhưng thành công chủ yếu nhất là Orlov cuối cùng đã hoàn toàn tin cậy “Kate”. Một hôm Orlov mời “Kate” đến nói chuyện một cách nghiêm túc:

- Tất cả những gì chúng ta làm như vượt biên giới, gặp gỡ bí mật, những thông tin - điều đó là tốt nhưng không phải là chủ yếu. Nếu chúng ta muốn làm phương hại thực sự cho chính quyền Xô Viết thì phải gieo sự hiềm khích giữa họ với toàn thế giới. Để làm được việc này tôi có tiền và tôi đang làm được một vài việc.

Rồi Orlov kể hết với “Kate” về những tài liệu văn kiện giả mạo mà ở trên đã nhắc tới, và về những “dự án” khác nhằm chống lại các cơ quan đại diện của Liên Xô ở nước ngoài và bôi nhọ uy tín cá nhân. Sau đó Orlov cho “Kate” xem “xưởng” làm văn kiện tài liệu giả mạo. “Kate” vô cùng ngạc nhiên trước tử

phiếu rất lớn, những con dấu các loại, bản sao các tài liệu giả mạo ác ý nhất, mẫu các chữ ký, phòng chụp ảnh và thí nghiệm hóa học, các máy chữ với các kiểu chữ khác nhau và các máy dụng cụ chuyên dùng khác.

- Tôi mời anh, một người thông minh và quyết đoán, tham gia vào công việc của chúng tôi. Công việc này không chỉ cần thiết mà còn béo bở. Nói riêng để anh biết, diễn trang ở Me Klenburg tôi có được là nhờ thu nhập từ công việc này đây. Các nhà tình báo trả hậu hĩ mà kiểm tra tính chân thực của văn kiện không gặt gao lắm. Đối với họ cái chính là tính thời sự của nội dung văn kiện và chất lượng tạo ra văn kiện.

“Kate” rào trước đón sau đôi chút rồi đồng ý nhận lời tham gia. Sau đó ít lâu Orlov giới thiệu “Kate” với người trợ lý chính của ông ta. Đó là Iasin - Sumarocov, nguyên trước đây là cộng tác viên của cơ quan Treca toàn Nga và của Tổng cục Chính trị trực thuộc Hội đồng Dân uỷ Liên Xô sống ở Berlin mang tên là Pavlunovski theo chứng minh thư do người Đức cấp. Iasin - Sumarocov tỏ ra tin cậy đối với “Kate”, kể hết cho “Kate” nghe về những bước thăng trầm của số phận: phải lòng một cô gái người Đức có tên là Diumler, cô ả hóa ra lại là tình báo nên đã dụ dỗ Iasin - Sumarocov phản bội. Đã có sẵn ý định chạy trốn, Iasin - Sumarocov cuộm theo nhiều tài liệu văn kiện của cơ quan tình báo Liên Xô, một phần trao cho người Đức coi như trả công họ vì đã cứu mang cho cư trú, phần còn lại trao cho Orlov và Orlov đã sao lại các mẫu giấy tờ văn kiện, các con dấu, chữ ký, vì vậy như ta thấy những gì được xuất ra từ “xưởng” làm văn kiện giả mạo của Orlov trông y như thật. Iasin - Sumarocov cũng là người cố vấn cho Orlov về những vấn đề thuật ngữ của ngành tình báo Liên Xô và của Đảng

Bolsevich, về những đặc thù của đời sống Xô Viết, về mối quan hệ qua lại giữa các cộng tác viên của cơ quan đại diện và cơ quan tình báo Liên Xô ở nước ngoài v.v... Tóm lại, Iasin - Sumarocov đã tiết lộ toàn bộ những bí mật của “xưởng” làm văn kiện giả mạo của Orlov.

* Giải pháp của “Kate”

Như vậy trong tay tình báo của Liên Xô đã có đầy đủ những thông tin cần thiết về hoạt động của Orlov. Đã đến lúc phải tiến hành những biện pháp chống lại. Một số người “đầu nóng” đề nghị phá huỷ và đốt xưởng. Nhưng như thế thì chỉ có thể làm gián đoạn một thời gian công việc của “xưởng”, hơn nữa những văn kiện tài liệu giả mạo trước đây sẽ không được phanh phui, mặt khác cơ quan tình báo Liên Xô ở nước ngoài sẽ bị buộc tội là tấn công vào kiều dân Nga. “Kate” đã đề nghị cách giải quyết khác. “Kate” làm những khuôn rập các chìa khoá phòng ở, phòng thí nghiệm, kết sắt và tủ đựng tài liệu. Theo các khuôn rập này sẽ làm ra những chìa khoá giống hệt chìa khoá gốc. “Kate” phải chờ cơ hội thuận tiện mất mấy tuần lễ. Cuối cùng, khi Orlov đi Menkleburg, “Kate” lập tức đột nhập vào phòng ở của Orlov và lấy đi các bản sao, bản nháp và tiêu đề các văn kiện tài liệu giả mạo, các mẫu con dấu. Trong số các tài liệu giả thu được có hai tiêu đề văn kiện giả mạo - đó là văn kiện bịa đặt về việc chính phủ Liên Xô mua chuộc hai thượng nghị sĩ Mỹ Bor và Norris. Theo kênh riêng của mình, tình báo Xô Viết đã thông báo cho Chính phủ Mỹ biết về văn kiện tài liệu giả mạo này. Việc công bố văn kiện giả mạo đã trở thành một tin giật gân ở Mỹ. Âm mưu muốn truyền bá những hành động khủng bố đến nước Mỹ đã gây ấn tượng to lớn

không chỉ đối với dư luận mà cả với Chính phủ Mỹ. Nhận được những số liệu thuyết phục về tài liệu giả mạo do ai ngụy tạo ra và ngụy tạo như thế nào, Washington yêu cầu mở phiên tòa xét xử các tác giả làm giả tài liệu văn kiện. Phía Liên Xô tán đồng với lời yêu cầu đó. Có thể đây là sáng kiến hợp tác Xô - Mỹ đầu tiên trong lịch sử.

Ngày 27 tháng 2 năm 1929, Orlov và những cộng sự của y, Iasin - Sumarocov (tức Pavlunovxki), nữ tình báo Diumler, tình nhân của Iasin - Sumarocov và đại tá Kolberg đã bị bắt và trao cho tòa án. Bọn chúng bị buộc tội là có âm mưu bán cho phóng viên tờ báo Mỹ *New - York Evening Post* Arthur Nicker-Boker bức thư giả mạo có nội dung hai thượng nghị sĩ Bor và Norris nhận tiền của Chính phủ Liên Xô để họ đứng lên ủng hộ việc nước Mỹ công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với Liên Xô. Trước tòa những văn kiện tài liệu giả mạo khác cũng được vạch trần. Orlov bị kết án 14 tháng tù giam và sau khi mãn hạn tù sẽ bị trục xuất khỏi nước Đức.

“Kate” cũng phải cấp tốc rời khỏi nước Đức, bởi lẽ khi nguyên tắc hoạt động bí mật bị vi phạm nghiêm trọng thì đối với điệp viên tình báo nguy cơ thất bại luôn đe dọa họ. “Kate” đáp tàu thủy “Ghertcen” trở về Liên Xô. Khi báo chí đăng các bức điện báo về “viên trung úy đã mất hút một cách bí ẩn” và các văn kiện tài liệu trong két sắt biến mất thì “Kate” đã ở ngoài biển khơi.

Vì nhiều lý do khác nhau, vai trò của “Kate” trong việc vạch trần âm mưu làm giả văn kiện tài liệu của Orlov chỉ được Phương Tây biết đến vào cuối những năm 20 của thế kỷ XX, vai trò của “Kate” được dùng làm cơ sở cho những tin giật gân có tiêu đề hấp dẫn như *Ông hoàng của những điệp viên điện*

Cremlin; Ông chủ các kết sắt bí mật của ông hoàng Kirill; Người sưu tập những kẻ vô công rồi nghề; Người đi xuyên qua tường... “Kate” lừng danh khắp thế giới trừ Liên Xô - Tổ quốc của mình, nơi nhiều năm người ta đã giữ kín được về những việc làm của “Kate”.

Nikolai Crosco thọ 69 tuổi, nhiều năm ông đã đào tạo, giáo dục được nhiều tình báo viên trẻ và đến năm 1967, khi ông lâm bệnh nặng, ông đã viết xong hồi ký về hoạt động tình báo của mình.

MORIS BUKMASTER

CHIẾN DỊCH “PHÁP HÓA” CÁC ĐIỆN VIÊN “BAN NƯỚC PHÁP” CỦA TỈNH BÁO ANH

Moris Bukmaster (sinh năm 1902) lãnh đạo Ban nước Pháp - ban lớn nhất và quan trọng nhất trong Cục Đặc vụ - trong vòng bốn năm. Dưới sự chỉ huy của ông, đã có bốn trăm tám mươi người, cả đàn ông lẫn đàn bà được tung vào nước Pháp. Mỗi điện viên lên đường ông đều đích thân đưa tiễn. Toàn bộ ba trăm bảy mươi lăm điện viên còn sống sót đều có tình cảm hết sức nồng ấm đối với ông.

* Nhận nhiệm vụ lãnh đạo Ban nước Pháp

Tháng 7 năm 1940, Cục Đặc vụ Anh ra đời. Trong bị vong lục⁽¹⁾ trình lên Nội các quốc phòng, Thủ tướng Churchill nói rằng Cục được thành lập “nhằm phối hợp các hoạt động phá hoại trên lãnh thổ đối phương”, hoặc như về sau ông ta tuyên bố là để “thieu hủy Châu Âu”. Đơn vị chủ lực của Cục là ban phụ trách khu vực nước Pháp - cũng như các ban khác của Cục - nằm trên Bake Street là đường phố nổi tiếng có thời thám tử

(1) *Bị vong lục*: Văn bản ngoại giao do Chính phủ hay Bộ Ngoại giao công bố, trình bày lại một cách có hệ thống lịch sử của một vấn đề để tranh thủ dư luận.

Sherlock Holmes lừng danh và bạn của ông là bác sĩ Watson “cư ngụ”.

Đại úy (ít lâu sau được thăng cấp trung tá) Moris Bukmaster lần đầu đặt chân lên Bake Street vào một ngày tháng 3 năm 1941, khi công tác của Ban nước Pháp đang rối tung. Ông đến thay chân đại tá Marriot vừa từ nhiệm.



*Bake Street,
nơi Cục Đặc vụ Anh đặt trụ sở*

Moris Bukmaster lãnh đạo Ban nước Pháp - ban lớn nhất và quan trọng nhất trong Cục Đặc vụ - trong vòng bốn năm. Dưới sự chỉ huy của ông, đã có bốn trăm tám mươi người, cả đàn ông lẫn đàn bà được tung vào nước Pháp bằng đường nhảy dù, từ các máy bay nhỏ hiệu “Laizender”, bằng tàu ngầm và tàu đánh cá nhỏ. Nhiều năm trôi qua, sau chiến tranh, có vài người buộc tội đại tá Bukmaster cố ý giao nộp một số điệp viên cho Gestapo để đánh lạc hướng chú ý của chúng khỏi những điệp vụ và điệp viên quan trọng khác. Thực ra không thể phủ nhận rằng Ban nước Pháp cũng như Cục Đặc vụ đã có một số sai lầm và tội lỗi. Nhưng cũng không nên quên rằng Bukmaster và các đồng sự của ông đã hết sức nỗ lực tiến hành một hoạt động cực kì khó khăn vượt quá sức người. Bản thân ông biết rõ từng điệp viên được tung vào nước Pháp, hết lòng lo lắng cho họ. Có thể với tính cách mềm yếu của mình ông không nên nắm giữ chức vụ buộc phải đưa người đến chỗ gần như chắc chắn phải chết. Mỗi điệp viên lên đường ông đều đích

thân đưa tiễn, trước phút chia tay còn hỏi lại một lần xem người đó đã sẵn sàng bay vào hậu cứ của quân thù chưa, và nói trước việc từ chối sẽ không gây hậu quả xấu hoặc thậm chí chỉ là phản ứng khó chịu. Toàn bộ ba trăm bảy mươi lăm điệp viên còn sống sót (trong đó có hai mươi lăm người đã trải qua nhà tù và các trại tập trung của phát xít Đức) đều có tình cảm hết sức nồng ấm đối với ông.

*** Trước khi trở thành điệp viên**

Bukmaster sinh năm 1902. Sau tốt nghiệp Đại học Tổng hợp Oxford, ông đã học tập và sinh sống tại Pháp, trở thành phóng viên báo *Maten* tại Paris, sau đó là nhân viên quản lý của hãng “Ford” tại Pháp và Anh. Năm 1938, ông được ghi danh vào lực lượng quân dự bị, còn khi chiến tranh xảy ra vào năm 1939 thì chính thức nhập ngũ. Kết thúc mấy khóa đào tạo tình báo, ông được phong hàm đại úy và mùa xuân năm 1940 được điều sang Pháp, tham gia chiến đấu bảo vệ hành lang Dunkirk, nơi từ đó quân Anh rút lui. Bản thân ông rời Dunkirk ngày 2 tháng 6 năm 1940 với một nhóm thương binh.

*** Dưới sự chỉ đạo của Bukmaster là những điệp viên xuất sắc**

Ngày 17 tháng 3 năm 1941, đại úy Moris Bukmaster xuất hiện trên Bake Street. Khi Bukmaster bắt đầu công việc ở Ban nước Pháp, biên chế dưới quyền ông có tám người. Trong vòng một năm con số đó tăng lên thành hai mươi tư. Các trợ thủ của ông không phải là “lũ chuột ở ban tham mưu”, có người đã ở mặt trận, ở hậu cứ của quân Đức trên đất Pháp, và không chỉ một lần; có những người đã bị thương hoặc trốn thoát từ các nhà tù

phát xít. Trong số các cộng sự của ông có nhân viên chính phụ trách việc tuyển mộ là đại úy Lewis Jelgood, trước và sau thời gian công tác tại Cục Đặc vụ đã làm việc trong tổ chức “Hong thập tự”, còn về sau này, trước năm 1955, là lãnh đạo nhân sự của UNESCO. Ông này đã tuyển mộ phần lớn những điệp viên xuất sắc cho Cục. Những nhân viên tuyển mộ tài năng khác có thể kể đến là đại úy Calvin Jackson, tác giả của nhiều cuốn sách bestseller trinh thám. Nicolas Bodington, cựu phóng viên của tờ *Daily Express* (Paris), là người nhiều lần xâm nhập nước Pháp khi cần giải quyết những vụ võ lữ và khắc phục hậu quả. Thiếu tá Born-Paterson nhớ nằm lòng không chỉ bất kỳ một làng quê trên bản đồ nước Pháp, mà toàn bộ những địa điểm đã tung điệp viên và hàng hóa, tất cả những hầm trú ẩn và các căn nhà bí mật, là “cây tự diễn” sống của Ban nước Pháp.

Thiếu tá Jerer Morel là nhân vật huyền thoại trong ban tham mưu của Bukmaster. Mùa xuân năm 1940, ông là sĩ quan thông tin trong quân đội Pháp. Ông bị ốm nặng và rơi vào tay quân Đức ở Dunkirk. Được cứu thoát khỏi trại tù binh trong tình trạng mạng sống vô phương hy vọng. May mắn sống sót, ông sang Tây Ban Nha, từ đó xuyên Brazil đến Bồ Đào Nha, bắt liên lạc với tình báo Anh và gia nhập Cục Đặc vụ. Ngày 4 tháng 9 năm 1941, ông là người đầu tiên trong hàng ngũ sĩ quan tình báo được tung vào nước Pháp không qua đường nhảy dù (do tình trạng sức khỏe) mà từ chiếc phi cơ nhỏ “Laizender” (đó là cuộc đổ bộ đầu tiên của máy bay Anh xuống nước Pháp sau cuộc chiến ở Dunkirk). Morel đã nối lại liên lạc của nhóm tình báo với Ban tham mưu, nhưng do một vụ phản bội ông bị bắt sau đó sáu tuần. Vì tuyệt thực nên ông ốm nặng. Tại bệnh xá của nhà tù người ta mổ cho ông: với khoang bụng

chưa liền sẹ ông trốn thoát và đến được Tây Ban Nha. Rơi vào tay quân biên phòng Tây Ban Nha, ông bị đưa vào trại tù binh. Ông lại trốn thoát và về được London với tình trạng sức khỏe lúc đó hết sức tồi tệ, chỉ ăn được bánh mì khô và uống sữa. Morel đã triển khai hàng trăm điệp vụ. Tháng 2 năm 1944, ông trở về Pháp với nhiệm vụ không mấy dễ chịu là bắt một điệp viên đang bị nghi ngờ. Morel đã hoàn thành công việc được giao và dẫn điệp viên nọ về London.

* Vera Atkins, điệp viên xuất sắc nhất

“Thiên thần tốt bụng” là biệt danh dành cho nhà nữ tình báo của Ban nước Pháp Vera Atkins.



Vera Atkins và một cuốn sách viết về bà

Vì số lượng người Pháp để tung vào hậu cứ của quân Đức không đủ nên người ta buộc phải tạo ra “người Pháp” từ những người Anh và người Canada. Tạo ra một Jacques Dupon từ một John Smith là chuyện không dễ dàng, và toàn bộ hoạt

động này do Vera Atkins trẻ tuổi, trí thức và tài năng chỉ đạo. Những người quen biết đều gọi bà là người phụ nữ “lạnh lùng, đặc biệt thông minh am hiểu, với óc phân tích sắc sảo”, là “bộ não và trái tim” của Ban nước Pháp. Gần năm năm của cuộc đời mình bà cống hiến cho Ban nước Pháp. Vera Atkins thu lượm từng mẩu thông tin về cuộc sống trong nước Pháp chiếm đóng, nắm lượng kiến thức bách khoa về tất cả các vấn đề có thể liên quan đến cuộc sống của điệp viên được tung vào hậu cứ của kẻ thù như công việc, cách thức di chuyển, giờ giấc nghiêm, tiêu chuẩn lương thực, thủ tục đăng ký ở cảnh sát... Giấy tờ giả được làm trong một phòng thí nghiệm đặc biệt của Cục Đặc Vụ, nhưng Vera biết bổ sung thêm những chi tiết hết sức quan trọng như những bức ảnh “gia đình”, những tấm danh thiếp cũ, thư của bạn gái hay người yêu cũ... nói chung là bất kỳ những thứ lặt vặt có thể khẳng định nhân thân của một người. Bà khai thác tất cả những thứ đó từ các nguồn bí mật riêng, và ngoài ra còn có nhãn mác các nhà may của Pháp, vé tàu điện ngầm, diêm Pháp và những đồ phụ tùng lặt vặt khác... Bên cạnh đó, bà trực tiếp tham gia huấn luyện điệp viên ngay trước khi họ được tung vào hậu cứ của quân thù. Mỗi điệp viên đều có một sĩ quan chịu trách nhiệm về việc đào tạo và chỉ dẫn trong những ngày cuối cùng trước chuyến bay, nhưng các đợt huấn luyện đó đều nhất thiết phải có sự tham gia cố vấn của Vera. Điệp viên phải cư xử ra sao trong bữa ăn? Theo phong cách của người Anh hay người Pháp? Cách đặt dao và đĩa? Cách uống bia? Thường thường “giờ học” được tiến hành tại nhà hàng Pháp “Kokil” ở Soho, nơi bất kể đang là thời chiến vẫn duy trì được nhà bếp và các truyền thống Pháp. Buổi tối tiễn đưa diễn ra trong phòng làm việc bài trí theo lối Pháp

của người đứng đầu Ban nước Pháp Moris Bukmaster. Tất thấy đều phải tập trung cho mục đích tạo bầu không khí thân thiện, tin cậy và hy vọng, tin tưởng vào thành công.

Vera Atkins hiểu vai trò của nhân tố con người nên luôn khéo léo tìm cách để báo tin qua mạng liên lạc rộng rãi lớn cho những điện viên cụ thể về tình hình cuộc sống, sức khỏe của các thành viên trong gia đình họ, về cha mẹ già, về chuyện con cái được sinh ra, về chuyện một người anh của điện viên đang trong quân ngũ vẫn sống mạnh khỏe và công tác tốt. Còn người thân của họ thì không hay biết gì về nơi ở của con trai hay chồng mình mà chỉ hiểu họ “đang đi làm nhiệm vụ”.

*** Đối đầu với tổ chức của tướng De Gaulle**

Bukmaster còn phải đương đầu gay gắt với Ủy ban Dân tộc Giải phóng Pháp (gọi cách khác là “Nước Pháp Tự do”), do tướng De Gaulle đứng đầu. Ban nước Pháp và “Nước Pháp Tự do” là những đối thủ cạnh tranh không khoan nhượng không chỉ trong cuộc đấu tranh về “số lượng tuyển mộ”, mà cả trong hàng loạt các vấn đề nguyên tắc khác. Về mặt lý thuyết, Bukmaster không phải sử dụng công dân Pháp. Tướng De Gaulle khẳng định (và có được lời cam đoan của Thủ tướng Churchill) rằng tất cả người Pháp đến nước Anh sẽ được thu hút hoạt động chỉ với tổ chức của ông. Trên thực tế lại có rất nhiều công dân Pháp, đặc biệt những người đến từ các thuộc địa trở thành điện viên trong biên chế của Cục Đặc vụ.

Vì sao De Gaulle lại phản đối điều này? Thứ nhất, ông ta sợ sau chiến tranh tất cả những điện viên của Anh này sẽ ở lại



Tướng De Gaulle

nước Pháp và hoạt động cho người Anh. Thứ hai, ông ta không mong muốn để các điệp viên của Cục Đặc vụ tiến hành hoạt động phá hoại ngầm bởi vì điều đó có thể kích động những biện pháp trả đũa của quân Đức và khiến dân Pháp tức giận chống lại cả những người đang lãnh đạo cuộc chiến chống quân Đức, kể cả chống lại tổ chức “Nước Pháp Tự do”. Ông ta cho rằng Ban nước Pháp chỉ được phép hoạt động tình báo. Trong cuộc đối thoại với Thủ tướng Churchill, ông De Gaulle tuyên bố rằng những hoạt động của các điệp viên Anh trên nước Pháp “vi phạm chủ quyền của nó”.

Giữa Ban nước Pháp và tổ chức “Nước Pháp Tự do” luôn xảy ra mâu thuẫn về việc sử dụng hàng không, các vụ cung cấp vũ khí do điệp viên người Pháp khai thác được. Người Anh đôi xử với người Pháp như với những người họ hàng nghèo khổ.

Đã có thời kỳ Anh và Mỹ nói chung không muốn công nhận De Gaulle là người lãnh đạo phong trào giải phóng nước Pháp. Cục Đặc vụ không can dự vào những cuộc tranh cãi chính trị, nhưng với các ban đặc biệt của De Gaulle họ cũng không hợp tác. Về phần mình, De Gaulle cũng không công nhận Cục Đặc vụ, nhưng các đơn vị trong tổ chức của ông ta thì rất sẵn lòng hợp tác với tình báo Anh.

*** Thất bại nặng nề**

Bất chấp các nỗ lực của Bukmaster, năm 1942 được đánh giá là không thành công đối với Ban nước Pháp. Mặc dù có

một số lượng lớn điệp viên được tung ra nhưng đa phần trong số họ đã bị bắt. Liên lạc với những người còn lại thường xuyên bị đứt mạch trong hàng tuần lễ dài, các chuyến cung cấp vũ khí cho những nhóm Kháng chiến bị ngưng trệ. Tình trạng thiếu hụt chỉ đạo viên và vũ trang đã gây thất vọng cho những thành viên của phong trào Kháng chiến hoạt động dưới sự hỗ trợ của Cục Đặc vụ. Vì thiếu phương tiện giao thông, nên năm 1942 nước Pháp chỉ được cung cấp hai tấn thuốc nổ, hai trăm sáu mươi chín súng máy, ba trăm tám mươi tám súng lục, tám trăm năm mươi sáu trái bom cháy. Hoạt động trong những năm 1943-1945 diễn ra theo chiều hướng hoàn toàn khác. Số lượng nhóm và điệp viên riêng lẻ được tung đi tăng lên đáng kể mặc dù tổn thất vẫn rất lớn. Trong nửa đầu năm 1944, người Anh thả xuống nước Pháp bốn mươi lăm nghìn súng máy, mười bảy nghìn súng lục... Các điệp viên của Cục Đặc vụ hoạt động cả theo hình thức riêng lẻ lẫn kết hợp với các thành viên người Pháp của phong trào Kháng chiến. Sau khi mặt trận thứ hai được mở họ liên kết với quân Đồng Minh.

Theo tổng kết của Ban nước Pháp, trong thời kỳ chiến tranh đã có bốn trăm tám mươi điệp viên được tung vào Pháp. Trong số đó có một trăm ba mươi người rơi vào tay quân Đức, hai mươi sáu người sống sót và được giải thoát. Một số người hy sinh trong chiến đấu. Tại Pháp đã có từ bảy mươi đến tám mươi cơ sở tình báo của Cục Đặc Vụ, ba mươi nhóm và cơ sở sở tại hoạt động.

Sau chiến tranh, tại Pháp và Đức có bốn mươi câu lạc bộ "Chiến hữu Bukmaster" được thành lập. Đó là nơi các cựu chiến binh Ban nước Pháp của Cục Đặc vụ gặp gỡ với nhau.

ALECSANDR TSEK

DIỆP VỤ ĂN CẤP BỘ MẬT MÃ NGOẠI GIAO ĐỨC

Cuộc chiến tranh của những người lập mã và giải mã cũng không kém phần khốc liệt so với cuộc chiến tranh ngoài chiến địa. Nó có quy mô đặc biệt trong những năm Đại chiến thế giới Thứ nhất, khi liên lạc vô tuyến được sử dụng rộng rãi.

* Quà tặng của người Nga và bộ mật mã không thể giải

Tháng 10 năm 1914, ở vịnh Phần Lan, thủy quân Nga đã đánh chìm một tuần dương hạm nhỏ của Đức “Magdeburg”, thu được một cuốn sách nguyên vẹn các mật mã của hải quân Đức. Mọi việc hết sức tốt đẹp, quân Đức không biết gì và vẫn tiếp tục sử dụng mật mã cũ. Chiến tích này người Nga chia sẻ với quân Đồng Minh, trong suốt cuộc chiến tranh người Anh đã đọc được các bức điện của thủy thủ Đức. Đọc mật mã là việc của một phân đội tình báo Anh dưới quyền Redzhinald Holl. Đó là “Phòng 40”, nơi làm việc của những chuyên gia tài giỏi. Nhờ nhóm này (và cả món quà của người Nga) mà thủy quân Hoàng gia đã đánh thắng một trận ngoạn mục đối với quân Đức ở Anh cuối tháng 5 năm 1916. Một việc khó khăn hơn là giải bộ mã ngoại giao Đức. Đã hết sức cố gắng nhưng “Phòng 40” vẫn không khám phá được bí mật.

Ban chỉ huy tình báo Anh hiểu rằng không thể lặp lại

được một chiến công như đối với tàu “Magdeburg”. Muốn kiếm được bộ mật mã Đức phải có một đội tình báo. Tình báo Anh có khả năng nhiều nhất là ở Bỉ. Họ hướng tới đó. Thiếu tá Cameron được giao nhiệm vụ lãnh đạo các điệp viên ở miền Bắc nước Pháp và ở Bỉ (cô y tá người Anh Edit Kavel, những thanh niên Bỉ Margerit Valrevens và Marta Knokert, cô gái Pháp Louisa Bettini tức Alisa Duybua và những người khác). Trong nhóm này có đội mật mã của thiếu tá Trench. Họ chuyên đi săn lùng các sách mật mã ở những khinh khí cầu. Đức bị bắn rơi, đôi khi họ cũng có thắng lợi. Nhưng bộ mã ngoại giao thì không sao kiếm được.

* Một sự kiện không ai chú ý

Ngay khi bắt đầu cuộc chiếm đóng thì ở Trung tâm Brussel (Bỉ) có một sĩ quan Đức đến ở nhà một người giàu có. Gia chủ là một nhà doanh nghiệp Áo gốc Tiệp họ là Tsek sống cùng với con trai là Alecsandr và vợ là một người Anh. Trong thời gian đó bà đang ở bên Anh thì chiến tranh nổ ra, và vì bà là thân dân của nước thù địch (Áo - Hung) nên bị giam lại. Một hôm Alecsandr gõ cửa phòng viên sĩ quan xin vào nói một chuyện quan trọng. Việc là thế này: Khi làm thí nghiệm về điện tín vô tuyến anh đã làm được một máy thu thanh đặc biệt để trên tầng sát mái. Vì thế anh yêu cầu viên sĩ quan thông báo cho ban chỉ huy để họ không nghi anh làm gián điệp. Viên sĩ quan an ủi chàng thanh niên ngây thơ và nói lại chuyện này với một người bạn trong trung đội kỹ thuật điện. Anh này đến xem máy móc và xác nhận rằng quả thật Alecsandr làm được một máy thu thanh mà quân đội Đức cũng chưa có: máy này có thể thu được cả sóng cực ngắn lẫn sóng dài. Họ báo cáo về

anh và chiếc máy đó cho chỉ huy biết. Người ta chú ý đến anh. Chính quyền quân sự và đội phản gián đã khám xét gia đình Alecsandr. Các nhóm quyền lực Áo-Hung đã biết rằng bọn phản gián chú ý đến Alecsandr. Người ta đặt yêu cầu. Bộ chỉ huy quân sự đã trả lời, và về phía mình bộ chỉ huy cũng quan tâm xem có thể lợi dụng được hay không những tri thức kỹ thuật của anh và yêu cầu anh làm một việc có liên quan đến những bí mật quân sự quan trọng. Câu trả lời có ngay: “Anh không bị nghi ngờ gì cả”. Alecsandr được mời đi làm. Những quan điểm của anh trùng với những quan điểm của bố, coi mình là người yêu nước của Áo và sẵn sàng nhận lời đề nghị.

Anh được nhận vào làm một chức nhỏ trong Đài truyền thanh trung ương dân sự Bỉ. Đầu tiên anh làm việc lắp ráp máy móc. Anh tỏ ra kiên trì và có năng lực, chẳng mấy chốc được cấp trên hoàn toàn tin tưởng. Anh được bố trí vào làm một trong những vị trí có trách nhiệm nhất của người chuyên thu những bức điện mà chính quyền Đức ở Bỉ nhận được từ Berlin cũng như từ các bộ chỉ huy quân sự. Đó là một công việc hoàn toàn bí mật. Bộ mật mã được dùng để gửi những văn kiện cực kỳ quan trọng của chính phủ chỉ được lưu ở những quan chức trọng yếu nhất. Những cuốn sách ghi mật mã chỉ có ở các tư lệnh, các toàn quyền các vùng lãnh thổ chiếm được và ở các đại sứ Đức.

Khoá điện tín Đức đã được soạn thảo từ những năm trước chiến tranh, được lưu vào hai quyển sách. Quyển “dày” là bảng chữ cái và một vài từ được thể hiện bằng những ký hiệu số quy ước. Quyển này không dùng được nếu thiếu quyển hai là quyển “mỏng”. Quyển này quy định ngày nào trong năm thì dùng khoá nào, bởi vì các số ở quyển một hàng ngày thay đổi

ý nghĩa. Ngoài ra, vào những ngày khác nhau trong năm các khoá của quyển dày lại có cách kết hợp riêng với những số nhất định của quyển mỏng. Mật mã của người Đức thuộc hạng những mật mã thực sự là không thể giải được.

Alecsandr Tsek là một trong mấy người phải ngồi suốt ngày đêm trong một căn phòng cách ly và được bảo vệ để giải mã những bức điện mật của chính phủ gửi cho toàn quyền nước Bỉ bị chiếm đóng Moris fon Bissing.

*** Một cuộc trao đổi**

Tình báo Anh vẫn tiếp tục tìm kiếm các mật mã Đức. Thiếu tá Trench nói rõ ràng ở Brussel có một trạm radiô nhận được các bức điện theo một mật mã. Ông lệnh cho các nhân viên ở Bỉ tìm hiểu xem ai là người giải được mật mã. Họ thông báo tên tuổi mấy người. Tình báo Anh tìm hiểu mọi thông tin về các nhân viên đài truyền thanh và chú ý đến Alecsandr Tsek. Mọi người thấy chọn anh là hợp, vì anh có một nửa dòng máu người Anh, mẹ anh đang ở nước Anh và đang bị chính quyền Anh bắt giữ.

Người vận động được anh là cô y tá Edit Kavel và nhà xuất bản bí mật Phillip Bokk. Để đổi lại người ta hứa đảm bảo an ninh cho bà mẹ yêu quý của anh và đưa anh sang Anh khi anh hoàn thành công việc. Người ta đã trao cho anh bức thư của mẹ anh. Alecsandr Tsek chăm chú nghe rồi đọc bức thư trong đó mẹ anh bảo anh rất thận trọng đối với những gì mọi người sắp nói. Vào thời điểm này anh đã thất vọng với Đồng Minh Đức của Áo - Hung, với vua Wilhelm. Đề nghị của hai người khiến anh vui mừng, hơn nữa anh đang lo lắng cho mẹ. Anh đồng ý.

Lãnh đạo tình báo Bendzhamin Holl làm việc theo kiểu

lính tráng. Ông đề nghị Alecsandr ăn cắp sách mật mã, rồi đến đêm rất thận trọng chạy sang nước Hà Lan trung lập. Nhưng thiếu tá Trench phản đối.

- Khi biết là mất, bọn Đức sẽ thay ngay khoá mã, và cuộc phiêu lưu phí công.

Đề nghị của Trench được chấp nhận - đêm đêm khi ngồi trực, anh phải chép lại cả hai cuốn sách. Công việc đó thật nặng nề và nguy hiểm, anh đã phát ốm thật sự. Bác sĩ xác nhận là quá sức. Khi hơi hồi sức anh phải bắt tay vào phần hai của công việc: chuyển được hai cuốn đó sang Hà Lan. Đêm 14 tháng 8 năm 1915, người giao liên dẫn anh đến đường dây điện cao thế và chỉ cho anh một chỗ bảo vệ sơ sài. Tại đó, dùng một chiếc xe đạp có các tấm gỗ cách điện che chắn anh đã lách được sang đất nước Hà Lan.

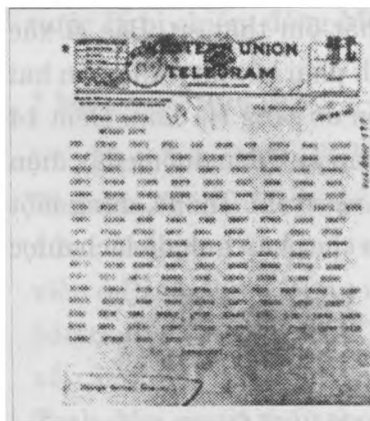
*** Giọt nước làm tràn ly**

Hai cuốn này được đưa vào tay thiếu tá Oppengeym, trùm tình báo Anh ở Rotterdam, qua ông ta lại đến tay đô đốc Holl. Từ ngày đó, tức là trước khi Mỹ tham chiến khá lâu, quân Đồng Minh đã có khả năng giải mã các bức điện mật của chính phủ Đức. Hành động của Alecsandr Tsek đã dẫn tới chỗ nước Mỹ tham chiến và nhìn chung đã thấy nước Đức thất bại. Vì thế đôi khi các nhà sử học gọi Alecsandr Tsek là người quyết định kết cục cuộc Đại chiến thế giới lần Thứ nhất.

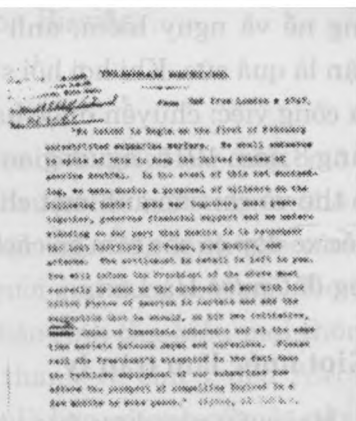
Câu chuyện xảy ra như thế nào?

Ngày 17 tháng 1 năm 1917, "Phòng 40" nhận được một bức điện. Cũng như nhiều bức khác, bức này đã đi qua hãng thông tin Mỹ "Western Union", và người Anh đã nhận lại bằng cách "ăn cướp".

Những người giải mã thuộc nhóm A là Naidzel di Grey và William Montgomeri. Những nhóm số đầu tiên cho thấy rằng nó thuộc bộ chữ kiểu 13040 là số khoá của mật mã ngoại giao Đức. Chẳng bao lâu người ta đã đọc được cả chữ ký dưới bức điện (97556). Đó chính là Artur Tsimmerman - Bộ trưởng Ngoại giao Đức. Bức điện gửi cho chỉ huy Đức ở Mexico là fon Ekardt:



*Bức điện Zimmerman được gửi
từ Washington đến Mexico
ngày 16.1.1917*



*Bức điện Zimmerman
được thông dịch đầy đủ*

“Bản tham khảo số 13042. Bộ Ngoại giao, ngày 16 tháng 1 năm 1917. Tuyệt mật. Phải tự mình giải mã. Chúng ta có ý định bắt đầu cuộc chiến tranh tàu ngầm không giới hạn từ ngày 1-2. Tuy thế, tôi cho rằng vẫn có khả năng duy trì tính trung lập của nước Mỹ. Nếu những cố gắng của chúng ta theo hướng này không có kết quả, chúng ta sẽ ký kết đồng minh với Mexico theo những điều kiện sau đây: Chúng ta sẽ coi họ là đồng minh và sẽ ký kết hoà bình. Chúng ta có thể dành cho họ một khoản viện trợ tài chính và cố gắng trả lại cho họ những miền đất mà họ đã mất năm 1848, tức là các bang New Mexico

và Arizona. Việc định ra chi tiết cho kế hoạch này là tùy theo ý kiến của ông. Nhiệm vụ của ông là phải nghiên cứu tuyệt mật ý kiến của Karantsa, và khi nào ông ta biết rằng chúng ta không thể tránh khỏi chiến tranh với Mỹ, thì hãy nhắc nhở rằng nếu là khôn ngoan thì ông ta hãy chủ động đàm phán với Nhật Bản về chuyện đồng minh, hãy đàm phán đến khi có kết quả tốt đẹp, sau đó ngay lập tức phải đề nghị được làm người trung gian giữa Đức và Nhật. Hãy lưu ý ông Karantsa rằng khi chúng ta bắt đầu cuộc chiến tranh tàu ngầm ác liệt thì sẽ có điều kiện làm tê liệt nước Anh và có thể tiến tới hoà bình trong vòng vài ba tháng. Tsimmerman”.

Bức điện này rơi vào tay phó đô đốc Redzhinald Holl. Lập tức ông phải báo cho Tổng thống và nhân dân Mỹ biết. Nhưng làm thế nào thực hiện được việc đó mà không để cho toàn thế giới biết rằng “Phòng 40” có khả năng thu tóm và đọc những văn kiện bí mật nhất của quân thù?



*Tổng thống Mỹ
Woodrow Wilsson*

Lúc này, khi Tổng thống Mỹ Woodrow Wilson đang hội đàm với Đại sứ Đức về việc hạn chế cuộc chiến tranh tàu ngầm thì bí thư Bộ Ngoại giao của nhà vua lại tăng cường tìm kiếm những lực lượng chống Mỹ ở Mexico và Nhật Bản, còn hạm đội của nhà vua thì chuẩn bị mở rộng các hoạt động tàu ngầm. Người ta quyết định công khai hoá bức điện bằng cách này: Ở Mexico họ thoả thuận với “Western Union” để có được bản sao bức điện và trình nó cho Washington. Ai giải mã và giải

thế nào thì phải im lặng. Họ làm đúng như vậy. Nội dung bức điện được chuyển cho sứ quán Mỹ ở London.

Việc công bố bức điện làm dấy lên một cơn bão phần nộ khắp thế giới. Như thế là nước Đức đã âm mưu chống lại thêm một cường quốc trung lập nữa và muốn lôi kéo Nhật vào vòng chiến chống Anh và Mỹ. Báo chí Mỹ lên tiếng ủng hộ chiến tranh, đã nhấn mạnh đến những hiểm họa đe dọa nước Mỹ. Họ viết rằng theo các nhà quân sự lớn của Mỹ thì việc Nhật tấn công Mỹ sẽ diễn ra theo con đường cắt ngang lãnh thổ Mexico tới thung lũng Missisipi để chia đất nước ra làm hai phần.

Sau khi hãng "Reutes" công bố bức điện, bọn Đức mới biết rằng văn bản đã rơi vào tay kẻ địch. Cả nước Đức ngỡ ngàng. Ngoại trưởng Tsimmerman* đã phải tường trình trước Quốc hội. Đáng lẽ phải từ bỏ bức điện đó, phải gọi việc này là giả mạo và khiêu khích, thì ông lại nói rằng ông hoàn toàn không hiểu vì sao nó rơi vào tay người Mỹ, vì nó được gửi đi "bằng mã tối mật". Trong cuộc họp báo ông cũng lâm vào tình trạng tồi tệ: vì giận dữ vô lối trước cách nói thô bạo của người Anh, ông lại đã khẳng định tính nguyên tắc của văn bản. Hậu quả sẽ ra sao? Tổng thống Wilson bị giáng một đòn mạnh, khi biết được trò chơi hai mặt của người Đức. Ngày 3 tháng 2, Mỹ tuyên bố cắt đứt quan hệ với Đức, và ngày 6 tháng 4 năm 1917 tuyên bố Mỹ tham chiến.

*** Số phận của người giải mã - Alecsandr Tsek - thì ra sao?**

Anh vượt biên... và mất tích. Không ai nhìn thấy anh nữa. Thậm chí người ta cũng không biết các văn bản rơi vào tay Tổng thống Anh như thế nào. Tựa hồ Alecsandr Tsek lặn xuống đáy nước, không ai tìm thấy dấu hiệu nào xem anh

sống chết ra sao. Ông bố tội nghiệp tốn bao nhiêu tiền của để tìm kiếm anh, một dạo đã nuôi cả một đội thám tử, nhưng vô ích. Dấu vết duy nhất mà ông bố biết được đã dẫn mọi người từ Hà Lan sang Anh. Ông bố viết một bức thư tuyệt vọng gửi ngài Redzhinald Holl. Ngày 3 tháng 5 năm 1925, Holl trả lời rằng ông không hề thấy hoặc nghe thấy tên người nào là Alecsandr Tsek. Nhưng ông ta đã lờ đi một chuyện. Ông rất lo lắng là điều gì sẽ xảy ra khi quân Đức biết việc chạy trốn của người giải mật mã. Chúng sẽ thay đổi mã và thế là mọi việc lại bắt đầu từ đầu! Nếu anh ta còn sống thì anh ta có thể thú nhận rằng chính anh ta đã trao mật mã cho người Anh. Nếu hoàn toàn xa lánh được anh thì đấy lại là một chuyện khác. Các nhà nghiên cứu cho rằng pháp luật hà khắc đã xử tử anh. Nói đúng hơn, người Anh đã mang xác anh về Brussel để khẳng định với người Đức rằng Tsek đã chết trong một tai nạn. Kết quả là nhân viên mật mã của vua Đức vẫn tiếp tục dùng những bộ mã cũ.

Thế nhưng lại vẫn có những người làm chứng rằng anh đang phục vụ cho tình báo Anh. Đó là Edit Kavel và Phillip Bokk. Nhóm của họ bị Đức bắt ngay ngày hôm sau khi Tsek chạy sang Hà Lan. Trong tập bút ký viết về Edit Kavel có kể lại rằng trước khi ra toà người ta đã có khả năng tổ chức cho Edit Kavel trốn trại, và để cứu thoát cô, chỉ cần có một ngàn bảng Anh. Nhưng tình báo Anh quan tâm đến vấn đề ngược lại - làm sao thoát khỏi những nhân chứng có liên quan đến việc giải mã. Cùng với những người khác Edit Kavel và Phillip Bokk bị kết án tử hình. Tướng Bissing tha cho 3 người. Edit Kavel và Phillip Bokk bị xử tử ngày 12 tháng 10 năm 1915.

DIỆP VỤ ĐÁNH THÁO MUSSOLINI

Năm 1943, Thủ tướng độc tài của Italia Mussolini bị lật đổ và bắt giữ. Phát xít Đức đã dày công tổ chức một chiến dịch giải cứu Mussolini. Tham gia vào chiến dịch này có Otto Scorseni - một sĩ quan SS ranh ma xảo quyệt và trung thành với Hitler, với Đức Quốc xã đến mức cuồng tín. Dưới đây là một phần trong quyển hồi ký của Otto Scorseni về chiến dịch đó.



* Nhận nhiệm vụ

Ngày 26-7-1943, tôi được lệnh triệu hồi khẩn cấp về dinh Quốc trưởng. Sau khi nghe tôi trình bày ngắn gọn lý lịch của mình: nơi sinh, học ở đâu, các giai đoạn sĩ quan dự bị và tình trạng hiện nay, Hitler lùi lại một bước và đột ngột ra câu hỏi đầu tiên:

- Ai trong các ông biết nước Italia?

Chỉ có mình tôi đáp:

- Trước chiến tranh, tôi đã hai lần ở Italia, thưa Quốc trưởng. Tôi đã đi mô tô đến tận Napoli.

Ngay lập tức, một câu hỏi nữa cho tất cả:

- Các ông suy nghĩ gì về Italia?

Với vẻ bối rối, lúng túng, nhiều sĩ quan trả lời lấp bắp. Cuối cùng đến lượt tôi, tôi trả lời ngắn gọn:

- Tôi là người Áo, thừa Quốc trưởng.

Tôi cho rằng, chỉ cần đáp thế là đủ để bày tỏ quan điểm của mình. Bất kỳ một người Áo chân chính nào cũng trải qua nỗi đau sâu sắc khi mất miền Nam Tiroli, một vùng đẹp nhất mà trước đó đã từng của chúng tôi.

Hitler đắm chiêu nhìn tôi, sau đó nói:

- Tất cả có thể ra. Còn ông, đại úy Scorseni, hãy ở lại. Tôi muốn trao đổi với ông.

Hitler bắt đầu:

- Tôi có một nhiệm vụ đặc biệt quan trọng cho ông. Thủ tướng Italia - Mussolini bạn tôi và là chiến hữu trung thành của chúng ta, hôm qua đã bị Quốc vương làm phản và bị đồng bào của ông ấy bắt giam. Cần giải thoát

Mussolini một cách nhanh nhất. Tôi trao cho ông sứ mệnh này. Ông cần giữ bí mật tuyệt đối chuyện này. Ngoài ông ra, chỉ có 5 người nữa được biết về chiến dịch. Ông sẽ trực thuộc tướng Student. Bây giờ, ông sẽ gặp ông ấy.

Tôi bước vào gian phòng nhỏ ở bên cạnh của tướng Student. Viên tướng chưa kịp nói gì với tôi thì Himmler, sếp của SS xuất hiện. Phân tích các sự kiện dẫn đến sự sụp đổ của Mussolini, Himmler đã liệt kê một số tên các sĩ quan, các nhà hoạt động chính trị và các quý tộc - trong số ấy tôi không hề biết một ai. Một số, Himmler gọi là lũ phản bội, còn số thứ ba,



Hitler và Mussolini

ông ta coi là những người bạn đáng tin cậy. Khi tôi lấy giấy bút định ghi thì Himmler bỗng nổi giận ngăn tôi lại:

- Ông điên rồi. Điều đó cần phải hết sức giữ bí mật. Ông phải nhớ lấy!

Ít phút sau, tất cả đã được giải quyết: buổi sáng, tôi sẽ bay cùng tướng Student tới Rome. Chính thức tôi sẽ là sĩ quan tùy tùng của ông ta. Cùng thời gian này, 50 chiến sĩ trong đội xung kích của tôi sẽ bay từ sân bay ở Berlin tới miền Nam nước Pháp, rồi từ đó sẽ bay tới Rome cùng với các đơn vị của sư đoàn không quân cơ động đầu tiên cần có mặt ở mặt trận Italia. Buổi chiều hôm đó, tướng Student đưa tôi, với tư cách sĩ quan tùy tùng, đến chỗ Thống soái Kesenrinh. Viên tướng đó thề rằng, ông ta và bất kỳ người nào trong giới lãnh đạo quân sự Italia đều không biết tý gì về địa điểm Mussolini đang bị giam giữ.

* Lăn theo dấu vết

May sao, trong hàng trăm cái tên mà Himmler đã nêu ra, tôi lại nhớ được hai tên quan trọng nhất: Kapple và Donman. Kapple là đại diện của Gestapo tại Italia. Còn Donman là người đã sống ở Italia tương đối lâu. Theo lời khuyên của trùm SS Himmler, tôi và tướng Student đã có tiếp xúc với họ, nói về mục đích sứ mệnh của mình và yêu cầu họ giúp đỡ. Chúng tôi được biết rằng, ở khắp thủ đô Italia đang có những tin đồn khác nhau. Một số nói rằng, Mussolini đã tự sát, số khác nói ông ta đang lâm trọng bệnh. Số thứ ba khẳng định Mussolini đang ở nhà nghỉ. Nhưng chúng tôi may mắn biết được rằng: buổi trưa ngày 25 tháng 7, Mussolini đã tới tiếp kiến Quốc vương. Từ lúc đó không ai nhìn thấy ông ta nữa. Như vậy, ông ta đã bị bắt ngay trong hoàng cung.



Mussolini

Trong số quan chức Italia mà Kapple giao tiếp, có một sĩ quan quân đoàn cácbin (tất cả lính tráng đều được trang bị súng cácbin. Viên sĩ quan này hé ra các tin tức quý giá: dường như Mussolini bị đưa đi trên chiếc xe cứu thương từ hoàng cung đến các doanh trại lính cácbin ở Rome. Việc điều tra của chúng tôi đã khẳng định thông tin này. Ngoài ra, chúng tôi còn biết tù binh bị giam ở

chỗ nào, ở tầng nào của tòa nhà. Nhưng, đã 10 ngày trôi qua từ khi bị bắt, Mussolini có thể đã bị chuyển đến chỗ khác.

Tại một nhà hàng nhỏ ở Rome, chúng tôi đã làm quen với một thương gia buôn bán hoa quả. Con gái người hầu của một trong số các khách hàng của ông ta yêu một anh lính cácbin. Anh ta phục vụ trên đảo Ponsa, nơi có một trại giam, và anh ta thường viết thư cho người yêu của mình. Trong một bức thư, anh ta kể chuyện: có một người tù quan trọng, một nhân vật cao cấp nào đó bị đưa tới đảo. Thông tin này nhanh chóng được xác nhận, nhưng ngay sau đó, một sĩ quan hải quân trẻ, trong lúc nửa tỉnh nửa say đã lộ ra rằng: chiến hạm của anh ta mới đây đã chở Mussolini từ trại giam trên đảo Ponsa về thành phố nhỏ Spexia, nơi có căn cứ Hải quân của Italia bên bờ Liguri.

Sau đấy, chúng tôi nhận được nhiều tin tức từ nhiều nguồn khác nhau. Mọi tin đồn rằng, Mussolini ở một hòn đảo nhỏ hay tại một quân y viện của một thị trấn nhỏ nằm sâu trong rừng núi, đều là giả. Ngược lại, tin tức về sự có mặt của

Mussolini ở một pháo đài bên bờ biển Xanta Madalena ở tận mũi Đông Bắc của Xardinia, được xác định đúng hơn cả. Các thông tin này đối với tôi quan trọng đến nỗi tôi quyết định bay ngay đến Xardinia và tự mình tiến hành trinh sát. Tôi đem theo thuyền trưởng và trung úy Vargher trong đội của mình, bởi anh ta nói sõi tiếng Italia, đi trên chiếc tàu quét mìn của Đức, lượn khắp khu vực trên mặt nước của cảng và dọc các bờ của đảo. Nấp dưới cánh buồm, tôi đã chụp nhiều kiểu ảnh về các công trình của cảng và dù từ xa, tôi vẫn chụp được tòa biệt thự mà chúng tôi quan tâm hơn cả - đó là biệt thự Veber nằm ở ngoại ô thành phố. Sau đấy, tôi tìm cách xác minh "người tù quan trọng" là ai. Để đạt mục đích này, tôi quyết định dùng trung úy Vargher.

Vargher ăn mặc giả một thủy thủ bình thường của Đức. Trời nhập nhoạng tối, anh ta sẽ lân la ở các quán rượu và lắng nghe các cuộc trò chuyện. Khi nào tóm được câu chuyện về Mussolini, anh sẽ xen vào và tuyên bố rằng Mussolini bị bệnh nặng. Rõ ràng là ý kiến của anh sẽ bị bác lại và điều này cho phép Vargher đánh cuộc. Để thêm sức thuyết phục, Vargher phải đóng vai một kẻ nát rượu.

Kế hoạch của tôi có vẻ đơn giản, song lại có kết quả không ngờ. Một người bán hàng rong, hằng ngày thường đem hoa quả tới biệt thự Veber, nhận đánh cuộc. Để chứng tỏ cho Vargher, ông ta đã dẫn anh chàng tới ngôi nhà cạnh biệt thự và qua ô cửa tò vò của trần nhà, ông ta chỉ cho Vargher cái sân gác mà "tù nhân đặc biệt" thường đi dạo. Sang ngày hôm sau, Vargher quay lại vị trí quan sát này. Ít bữa sau, anh ta đã biết gần chính xác số lính gác, thời gian thay gác, các điểm súng máy...

Đã tới lúc soạn kế hoạch hành động tiếp theo. Bằng cách

nào có thể đưa được Mussolini ra khỏi biệt thự và đưa ông ra khỏi thành phố bằng phương tiện gì?

* Những giả thiết trái ngược

Kế hoạch soạn xong thì bỗng nhiên - như sét đánh giữa trời quang - có lệnh từ hành dinh Quốc trưởng: "Hành dinh vừa nhận được báo cáo từ Abver (Đô đốc Canaris) rằng, Mussolini đang ở một đảo nhỏ cách đảo Enba không xa. Đại úy Scorseni nhanh chóng chuẩn bị chiến dịch đổ bộ và thông báo về hành dinh thời gian có thể tiến hành chiến dịch. Hành dinh sẽ phê chuẩn kế hoạch chiến dịch".



Adolf Hitler

Thế này là thế nào? - Chúng tôi tự hỏi. Tuy rằng tình báo của đô đốc có các phương tiện thu thập tin tức cực kỳ hiệu quả, nhưng không lẽ những gì chúng tôi nắm được đều là tin nhầm cả hay sao? Vì ý kiến của chúng tôi đối lập nhau, nên tướng Student đề nghị được trực tiếp báo cáo với Quốc trưởng. Sau nhiều lần giải thích qua điện thoại, cuối cùng cũng được phép. Chúng tôi được lệnh bay ngay lập tức đến Đông Phổ và sau buổi trưa, vừa hạ cánh, chúng tôi đã biết rằng Hitler đang đợi.

Tướng Student giới thiệu vắn tắt về tôi, sau đấy ông nhường lời cho tôi. Theo khả năng, tôi trình bày rõ ràng, ngắn gọn và chi tiết các giai đoạn điều tra của chúng tôi. Nhiều chứng cứ có sức thuyết phục, nghiêng về giả thiết của chúng

tôi, phù hợp với việc Mussolini hiện đang ở Xanta Madalena, đã gây được ấn tượng.

Những lý lẽ mà tôi trình bày đã thuyết phục được Hitler. Ông ta muốn tôi trình bày tiếp kế hoạch giải cứu Mussolini. Nhờ sơ đồ, tôi kể về dự án của chúng tôi mới phác thảo vài ngày trước. Tôi giải thích rằng, ngoài hạm đội tàu phóng lôi, tôi cần một số tàu quét mìn và ngoài 50 người của tôi, còn cần gần 1 đại đội quân tình nguyện từ biên chế của Lữ đoàn SS đóng lại Corxica. Mặt khác, để yểm trợ cho việc rút quân, tôi cần có quyền sử dụng các đại đội cao xạ của quân đội Đức ở Corxica và Sardinia. Nghe xong, Hitler rất tán thành và lệnh cho Đại đô đốc Denis, hãy ra các mệnh lệnh cần thiết cho các đơn vị của mình. Trong suốt thời gian tiến hành chiến dịch, phải hành động dưới sự chỉ huy của tôi.

Sau khi các tàu phóng lôi đã đến Xanta Madalena, Riedli, - đồng đội của tôi liền lên tàu quét mìn tới Corxica kiểm tra quân đồ bộ xuống tàu. Trong lúc chờ đợi, tôi bắt tay nghiên cứu thêm biệt thự Veber và các vùng lân cận của nó. Mặc dù Vargher đã làm việc rất tốt, nhưng tôi vẫn quyết định tự mình đi kiểm tra lại tất cả một lần cuối. Chúng tôi “đi dạo” gần biệt thự và ngủ trưa trong bộ quần áo lính thủy lôi thôi. Tôi tìm cách xem xét biệt thự và công viên bao quanh nó. Mọi thứ có vẻ yên tĩnh. Trên đường quay về, tôi ghé qua một hiệu giặt. Lại thêm một điều may mắn nữa đến với tôi. Có một anh lính cácbin trong đội canh gác Mussolini ghé vào chơi với bà chủ hiệu. Tôi lấy cớ làm quen và cẩn thận hướng câu chuyện về việc sụp đổ của Mussolini. Mới đầu anh chàng có vẻ hoàn toàn không quan tâm đến vấn đề này. Anh ta chỉ hoạt bát lên khi tôi cho rằng, chắc là Mussolini đã chết, không chịu được các

tình tiết trong phút lâm chung của Mussolini do tôi bịa ra, anh ta gào lên: “Tôi vừa mới nhìn thấy Mussolini sáng nay. Chính tôi đã hộ tống ông ấy, khi họ chở ông ấy tới chiếc máy bay màu trắng để đưa ông ta bay đi đâu đó, rời khỏi đây”.

Trời! Quả là một điều bất ngờ! Chỉ tới lúc đó tôi mới chợt nhớ rằng, chiếc thủy phi cơ cứu thương, chiều qua tôi vẫn còn thấy dập dềnh trên sóng bên cạnh bờ, sáng nay đã biến mất. Tôi đã nhận ra điều đó, song không mấy lưu ý. Mặt khác, tôi cũng hơi ngạc nhiên, khi nhìn vào biệt thự thấy lính gác có vẻ thảnh thơi.

Bây giờ, điều cần thiết trước hết là bãi bỏ chiến dịch và dừng ngay việc di chuyển lực lượng đến các vị trí.

Lúc này, “ngành tình báo” nhỏ bé riêng của tôi cũng thu thập được tin tức, gần như hoàn toàn chắc chắn, rằng Mussolini đang ở trong một khách sạn nằm ở chân đỉnh núi Gran Xarxo.

Suốt mấy ngày, chúng tôi cố tìm kiếm các bản đồ chi tiết của vùng này. Bởi vì khách sạn được xây xong không bao lâu trước chiến tranh, nên hiện giờ nó chưa có trên bản đồ. Để chuẩn bị một chiến dịch lớn, chúng tôi thấy rất cần có các bức ảnh chụp từ trên không, càng nhanh càng tốt. Tướng Student giao cho tôi chỉ huy một chiếc máy bay có trang bị máy quay phim tự động. Sáng ngày 8-9, tôi cất cánh từ Pratica-di-Mar gần Rome, cùng với Riedli và một sĩ quan trinh sát ban tham mưu sư đoàn. Còn cách Gran Xarxo khoảng 30km, chúng tôi quyết định chụp vài kiểu ảnh để thử nghiệm chiếc máy quay to được lắp ở bụng máy bay. Đến lúc ấy mới phát hiện ra rằng cuộn phim bị dính vì quá lạnh (chúng tôi bay ở độ cao 5.500m). May sao, chúng tôi mang theo máy quay xách tay. Nhưng vì

trong khi bay không thể mở hoàn toàn vòm kính lớn của cabin sau nên chúng tôi đành phải bẻ một phần của nó cho vừa tầm quan sát của camera. Thợ chụp ảnh buộc phải thò đầu, vai và hai tay qua lỗ này. Rất khó khăn tôi mới luôn được ngực qua lỗ, còn Riedli ngồi giữ chân tôi. Vài giây sau, chúng tôi bay qua trên Kambo-Imperator, một cao nguyên hoang đại địa hình phức tạp, rồi cuối cùng chúng tôi cũng bay qua trên mục tiêu của mình là khách sạn. Đó là một công trình tương đối đồ sộ. Tôi chụp kiểu ảnh đầu tiên. Tôi nhận thấy ngay sau khách sạn là một bãi cỏ gần như hình tam giác. Lập tức, tôi nhủ thầm: đây là bãi hạ cánh cho máy bay! Tôi chụp tiếp kiểu ảnh nữa. Sau đó, tôi ra lệnh cho phi công quay 180 độ và lên cao 5.500m để bay qua đỉnh Gran Xarxo. Lần này đến lượt Riedli. Riedli luôn người ra, còn tôi quỳ xuống giữ chân cậu ta. Khi đỉnh núi đã nằm trong tầm nhìn, tôi bấm vào bấp chân cậu ta ra hiệu sẵn sàng. Có lẽ chúng tôi đã không bay qua đúng đỉnh khách sạn, nên Riedli phải nghiêng người chụp cắt góc. Điều này rất có lợi, bởi vì những bức ảnh độ tốt hơn những bức ảnh chụp thẳng đứng và cho phép hình dung được độ dốc của địa hình. Sau đó tôi cho phi công các chỉ dẫn cụ thể: hạ độ cao xuống 1.500m và trở về, nhưng hơi chệch hướng lên phía Bắc. Tới Địa Trung Hải bay hẳn về phía Bắc Rome. Rồi lấy hướng về sân bay với độ cao gần sát mặt đất. Mười lăm phút sau, tôi mới thấy rằng sự đề phòng này đã cứu sống chúng tôi, vì khi bay tới bờ biển, bất chợt tôi nhìn thấy các máy bay của địch dàn thành các hàng dày đặc bay đến Praxcati. Những quả bom chúng ném xuống thành phố, chính xác vào ban tham mưu của chúng tôi. Chỉ đến giây phút đó, tôi mới hiểu rằng, nếu tôi không ra lệnh

bay vòng một chút lên hướng Bắc, thì chúng tôi đã bị vây ở giữa bầy dày đặc các máy bay của Đồng Minh.

Khi về đến Praxcati, chúng tôi bị rơi vào tình trạng hỗn loạn. Ngôi nhà đặt ban tham mưu của tướng Student tuy không bị bom đụng đến, nhưng một sĩ quan cảnh báo rằng dưới tầng hầm có 2 quả bom nổ chậm. Chúng có thể nổ bất cứ lúc nào. Trong phòng ngủ vẫn còn các giấy tờ quan trọng, có cả các kết quả điều tra của chúng tôi nữa. Thế là chúng tôi leo qua lan can vào phòng của mình. Mặc dù trong phòng cực kỳ lộn xộn, nhưng chúng tôi vẫn tìm được hồ sơ của mình.

*** Chuẩn bị cho giờ G**

Tôi vẫn đi tìm sự khẳng định việc có mặt của Mussolini ở khách sạn tại Gran Xarxo. Ở Rome tôi có quen một bác sĩ quân y người Đức. Anh ta là một thanh niên trung thực, luôn mơ ước đạt được phần thưởng danh dự. Tôi quyết định lợi dụng lòng khát khao của anh ta và chiều ngày 7-9, tôi đã giải thích là anh ta có thể gây được thiện cảm của cấp trên như thế nào. Trước thời gian này, lính Đức bị sốt rét rất nhiều, được đưa đến điều trị ở Tirol. Tôi đã đề nghị bác sĩ của mình “theo sáng kiến riêng” tới khách sạn nằm trên núi Gran Xarxo, để tìm hiểu xem có thể biến cơ sở nằm trên độ cao khoảng 2.000m này thành nhà nghỉ được không. Tôi dựa vào việc, cần phải thương thuyết tại chỗ với người quản lý, xem có bao nhiêu giường bệnh, xem xét buồng vệ sinh... Đề nghị của tôi được thực hiện: Sáng ngày 8-9, ông bạn bác sĩ của tôi lên đường bằng ô tô. Ngày hôm sau, “thảm tử bất đắc dĩ” của tôi trở về, mặt mày ủ dột. Anh ấy kể rằng, trong khách sạn, đường vào chỗ thang máy bị chắn ngang bởi một barie, thêm vào đó còn nhiều trạm

bảo vệ của lính cácbin. Sau một hồi thương thuyết khá lâu, cuối cùng anh ấy cũng được phép gọi điện vào khách sạn. Nhưng trả lời anh ấy không phải là người quản lý: ở đầu dây bên kia, một sĩ quan nào đó nhắc nhở anh ta rằng đây là khu quân sự, và tất nhiên, mọi việc sử dụng cao nguyên và các tòa nhà ở đây vào mục đích khác đều bị cấm. Theo quan sát của bác sĩ: trong thung lũng, anh ta thấy có xe ô tô trang bị vô tuyến điện, còn thang máy thì hoạt động liên tục. Ở làng nhỏ gần đây, dân chúng kể cho anh ta những câu chuyện khó có thể tin nổi: khách sạn mới bị chiếm cách đây không lâu, ngay lập tức cả bộ máy dân sự ở đây bị đuổi ra ngoài. Các phòng được trang bị lại, để sắp xếp trong đó khoảng 200 tên lính. Máy lần có cả sĩ quan cao cấp tới thung lũng. Một số người tỏ vẻ am hiểu nhiều cho rằng, Mussolini đang bị giam giữ ở trong khách sạn. Nhưng anh bác sĩ quân y thì cho là tin đồn nhảm.

Còn tôi, tất nhiên, không có ý định làm cho anh ta tin và tích cực làm những chuẩn bị cuối cùng.

Trước tiên, tôi cùng với Riedli nghiên cứu các phương án khác nhau để chọn lấy một. Tôi rất cân nhắc với ý tưởng cho rằng, hàng ngày chỗ giam giữ Mussolini có thể thay đổi, đây là chưa nói đến điều chúng tôi lo ngại: Mussolini có thể bị giao cho quân Đồng Minh, họ đã đòi vậy. Sau đó ít lâu, chúng tôi được biết rằng tướng Eisenhower đã liệt yêu cầu này vào các điều kiện ngừng bắn.

Chúng tôi thấy chỉ có hai cách: đổ bộ bởi quân nhảy dù hoặc các tàu lượn vận tải hạ cánh xuống cạnh khách sạn. Sau một hồi lâu phân tích, chúng tôi chọn cách thứ hai. Để đề phòng việc rơi xuống quá nhanh trong không khí loãng ở độ

cao này, chúng tôi cần phải có những chiếc dù đặc biệt. Thêm nữa, vì địa hình bị chia cắt quá rộng, những người nhảy dù tiếp đất tản mạn khá xa nhau và một cuộc tấn công nhanh chóng với đội ngũ dày đặc là không thể được. Chỉ còn mỗi cách là cho một số tàu lượn vận tải hạ cánh.

Quá trưa ngày 8-9, tôi đã rửa được một số bức ảnh, cỡ 14 x 14cm. Trên ảnh hiện rõ bãi cỏ hình tam giác mà tôi đã chú ý bay trên khách sạn. Chính bãi cỏ này sẽ là bãi hạ cánh, tôi sẽ thực hiện kế hoạch của mình. Cần phải nghĩ đến việc yểm trợ cho phía sau và bảo đảm rút ra sau khi hoàn thành chiến dịch. Theo kế hoạch của tôi, cả hai mục đích đều đạt được nhờ tiểu đoàn dù. Tiểu đoàn này cần đột nhập thung lũng vào ban đêm và đến giờ "G" sẽ chiếm trạm thang máy.

Sau khi soạn xong các chi tiết chính của chiến dịch, tôi tới chỗ tướng Student. Sau hồi lâu suy nghĩ, viên tướng này đã chấp nhận kế hoạch. Tôi cùng với Riedli xem xét lại các chi tiết cuối cùng. Cần phải tính toán rất chính xác khoảng cách, xác định trang bị cho mọi người và bố trí điểm hạ cánh cho từng chiếc trong 12 chiếc tàu lượn. Ngoài phi công, mỗi tàu lượn có thể mang được 9 người, tức là một nhóm. Chúng tôi đặt cho mỗi nhóm một nhiệm vụ cụ thể. Tôi sẽ bay ở chiếc thứ ba, để khi tấn công trực tiếp vào khách sạn, sẽ được sự yểm trợ của những người ở hai chiếc đầu. Chúng tôi phải đụng độ với 250 tên lính Italia, họ biết rõ địa hình và cố thủ trong khách sạn như trong pháo đài. Về trang bị vũ khí thì tương đối cân bằng. Súng tiểu liên của chúng tôi trội hơn chút ít, trong điều kiện những tổn thất ban đầu của chúng tôi không quá lớn.

Tôi có thêm một mối quan tâm nữa: không tìm ra được cách nào để tăng tính bất ngờ. Chúng tôi vô đầu suy nghĩ

khoảng 1 giờ đồng hồ, bỗng Riedli nảy ra ý nghĩ tuyệt vời: Chúng tôi sẽ đem theo một sĩ quan cấp cao nào đó của Italia. Chỉ cần sự có mặt của ông ta cũng đủ để gieo rắc sự dao động trong lòng các tên lính cácbin, mà điều này cản trở chúng đánh trả nhanh chóng hoặc giết Mussolini.

* Đường tới mục tiêu

Chủ nhật, 12 tháng 9 năm 1943, trong lúc chờ đợi các tàu lượn, cùng với người đã tham gia trong chuyến bay trinh sát, tôi kiểm tra và tính toán lại các chi tiết chính như quan sát bấm giờ đường bay, độ cao, hướng... Chúng tôi quyết định cất cánh đúng vào lúc 13 giờ. Bỗng nhiên, lúc 12 giờ rưỡi có báo động phòng không. Máy bay ném bom của quân Đồng Minh xuất hiện và những tiếng nổ đầu tiên dội lên ngay lối vào sân bay. Chúng tôi tản ra tán loạn và vào hầm trú ẩn. Gần 13 giờ, còi báo yên. Lớp phủ bê tông trên nhiều đoạn băng bị hỏng nhưng máy bay thì không bị hư hại gì.

Đúng 13 giờ, chúng tôi xuất phát. Cả đoàn chỉnh đốn đội hình và hướng về phía Đông Bắc. Thời tiết cho công việc này thật là lý tưởng: mây trắng tạo thành từng đám khổng lồ lơ lửng ở độ cao 3.000 mét. Không một thứ gió nào có thể làm tan chúng được, vì thế chúng tôi có cơ hội đạt tới đích mà không bị phát hiện và sau đó sẽ đột ngột lao thẳng xuống mục tiêu.

Khi bay đến Tivoli, tôi bất ngờ nhận được thông báo là trong đội hình chỉ có 7 chiếc tàu lượn, thay vì 9 chiếc. Vì trong lúc cất cánh, hai chiếc bị sa vào hố bom nên phải quay lại. Tôi truyền đạt cho phi công máy bay - tàu kéo: "Hãy nhận trách nhiệm dẫn đường tới mục tiêu". Bây giờ lúc hạ cánh, tôi sẽ

không được sự yểm trợ, mà lẽ ra sẽ do những người của hai tàu lượn bị mất tích đảm nhận.

Còn mấy phút nữa là đến giờ X, chúng tôi đã bay qua trên thung lũng Acvila. Trên đường, tôi nhận rõ các xe vận tải của tiểu đoàn dù đang bon nhanh theo hướng tới trạm thang máy của con đường cáp treo. Họ đã may mắn vượt mọi trở ngại và tấn công chính xác vào thời điểm phù hợp. Khi phía dưới đã xuất hiện mục tiêu - khách sạn trên núi Gran Xarxo, phi công lái ngoặt tàu lượn và bắt đầu tìm kiếm một vị trí thuận lợi để hạ cánh xuống bãi cỏ dốc thoải. Từ cái nhìn đầu tiên, tôi phát hiện ra bãi cỏ hình tam giác, chỉ có điều không hoàn toàn "hơi dốc" mà chạy xuống dưới, dốc đứng, như cái cầu nhảy trượt tuyết. Tôi nhanh chóng quyết định:

- Hạ cánh kiểu bổ nhào! Thật gần với khách sạn!

Không một chút do dự, phi công cho tàu lượn vòng lại và nghiêng cánh trái lên trên, lao bổ nhào xuống. Tiếng réo của gió tăng lên và trở thành tiếng rít, vừa lúc trước mắt tôi, mặt đất xuất hiện. Tôi nhìn thấy trung úy Maier tung chiếc dù hãm. Chiếc tàu lượn nảy tung lên đôi ba lần khi chạm đất. Tôi nhắm mắt lại theo bản năng. Sau khi chồm lên lần cuối cùng, nó đã chết yên tại chỗ.

Người đầu tiên của chúng tôi nhảy ra ngoài, tôi lướt lên phía trước. Chúng tôi cách khách sạn khoảng 15 mét. Chạy dọc tòa nhà, lượn qua góc và chúng tôi đứng trước một bức tường cao khoảng 3 mét. Ngay lập tức, một sĩ quan biển mình thành chiếc thang, tôi nhảy lên vai anh ta và trèo qua. Những người còn lại cũng làm theo tôi.

Tôi quan sát khắp tiền sảnh. Ở cửa sổ tầng một, tôi nhìn thấy cái đầu to đặc trưng của Mussolini. Tôi kêu lên để ông rời

cửa sổ và lao thẳng theo lối chính. Ở đó, chúng tôi gặp một đám đông lính mang súng cácbin vừa tập hợp đi ra. Hai khẩu tiểu liên của chúng tôi hất tung bọn chúng trở lại.

Tôi lọt vào hành lang. Bên phải là cầu thang, tôi như bay trên đó khi bước 3 bậc một. Lên tới tầng một, tôi lao dọc hành lang, mở đại một cánh cửa trong rất nhiều cánh và thành công rồi! Trong phòng có Mussolini và hai sĩ quan Italia. Ngay lập tức hai tên đó bị tôi dồn vào góc tường. Bây giờ Mussolini đã ở trong sự bảo vệ của chúng tôi. Từ lúc hạ cánh đến giờ chỉ chừng 3 hoặc cùng lắm là 4 phút.

Từ cửa sổ, nghe tiếng những bước chân đều đặn đang tới gần cầu thang. Đó là một nhóm người của tôi dưới sự chỉ huy của Riedli và trung úy Menseli. Tôi quan sát thấy các tàu lượn số 5, 6, 7 tới cùng lính dù. Họ tiếp đất thật hoàn hảo, song với tàu lượn số 8 thì cảnh tượng thật kinh hoàng: nó bị rơi vào phễu không khí, sau khi bị vận xoắn, đập vào phần đá lở, như một hòn cuội và vỡ tan tành.

Xa xa vang lên vài phát súng lẻ tẻ, hiển nhiên là từ các trạm gác của lính Italia nằm rải rác khắp cao nguyên. Tôi bước ra hành lang, gọi to người quản lý khách sạn. Ông ta, quân hàm đại tá, xuất hiện ngay. Tôi giải thích cho ông ta rằng mọi sự kháng cự đều vô ích và đề nghị nhanh chóng đầu hàng. Chỉ ít phút sau, lá cờ treo ngoài cửa sổ bây giờ đã đổi sang màu trắng. Việc đầu tiên là tôi truyền qua vô tuyến điện về Rome rằng tôi đã kết thúc thành công một phần chiến dịch. Sau đó tôi bắt tay vào việc thực hiện kế hoạch do tướng Student đề nghị, gồm cuộc tập kích chớp nhoáng sân bay ở Acviladi - Abrussa, nằm trên đường ra khỏi bình nguyên. Tôi phải giữ nó đến khi có mặt 3 máy bay vận tải, sẽ hạ cánh sau khi tập kích

ít phút. Nhưng vừa chuẩn bị liên lạc với Rome và thông báo giờ G chúng tôi sẽ tấn công sân bay Acviladi, thì nhân viên điện đài biến đâu mất. Thế là kế hoạch này phải bỏ. Tôi đành tính chuyện đưa Mussolini về Rome theo một kế hoạch rất mạo hiểm. Gherlakh, phi công riêng của tướng Student sẽ hạ cánh trên một máy bay “con cờ”. Gherlakh, với sự khéo léo cực kỳ của mình, đã hạ xuống “đường băng” mà chúng tôi vừa kịp dọn gần khách sạn. Khi biết rằng tôi dự định bay cùng anh, anh không tỏ ra vui mừng. Nhưng khi tôi bổ sung thêm rằng, chúng tôi sẽ bay cả 3 người - Mussolini, anh và tôi - thì anh bác bỏ thẳng thừng. Anh cho rằng, kế hoạch của tôi hoàn toàn không thể thực hiện được. Tôi kéo anh ra một nơi và trình bày rất thuyết phục các lý do làm tôi buộc phải thực hiện kế hoạch của mình. Tự tôi cân nhắc rất lâu cái được và cái không được, hoàn toàn ý thức được trách nhiệm to lớn này. Cuối cùng, sau một lúc do dự, Gherlakh đồng ý. Thở phào nhẹ nhõm, tôi trao cho Riedli các mệnh lệnh phù hợp.

Khi đại úy Gherlakh chỉ huy binh lính chuẩn bị đường băng cất cánh, tôi đã có thể dành hoàn toàn bản thân mình cho Mussolini. Con người đang ngồi đối mặt với tôi trong bộ quần áo dân sự quá rộng, không hề có một phong độ nào như đã thể hiện trong các tấm ảnh mà tôi được xem trước đó. Tôi vui mừng thông báo với ông một tin dễ chịu:



*Cuộc đánh tháo thành công,
Mussolini được đưa về Rome*

- Thừa ngài Mussolini, chúng tôi không phút nào quên gia đình ngài cả. Thống chế Badoglio đã bố trí phu nhân và hai con của ngài tại điền trang của ngài ở Rocca-della-Kraminata. Vài tuần trước đây, chúng tôi đã duy trì liên lạc với Dona Rakele. Và vào thời điểm này, khi chúng ta đang ngồi đây, một đội khác trong quân đội của tôi đã bắt đầu chiến dịch giải thoát gia đình ngài. Tôi tin rằng tới giờ này chiến dịch đã kết thúc rồi.

Quá xúc động, Mussolini nắm chặt tay tôi:

- Trời, thật tuyệt! Tôi cảm ơn ông từ cả trái tim mình.

Chúng tôi rời khách sạn. Gherlakh đã điều khiển máy bay khỏi bị bỏ nhào và chậm rãi giữ thăng bằng ở vị trí nằm ngang. Bây giờ máy bay của chúng tôi chuyển động với tốc độ đủ để giữ nó trong không khí loãng này. Máy bay vượt qua phía trên những nhánh núi cuối cùng rồi bay vào bầu trời Rome, hướng về sân bay Pratica-di-Mar.

GEORGE BLAKE

VÀ NHỮNG ĐIỆP VỤ SAU THẾ CHIẾN THỨ HAI

Luôn mang trong đầu những câu hỏi cuộc đời trước bất kỳ một cuộc chiến: “Chúng ta cần gì trong cuộc chiến tranh này? Tôi phải đứng về phía ai mà chiến đấu?”, con người này đã trở thành điệp viên nòng cốt của tình báo Xô Viết. Chính “con người này đã phá hoại gần như tất cả những gì mà các cơ quan tình báo Anh đã tạo dựng được từ khi kết thúc Đại chiến thế giới Thứ hai”. Cũng chính con người này mỉm cười trước cái án 42 năm tù giam. Đó chính là George Blake.

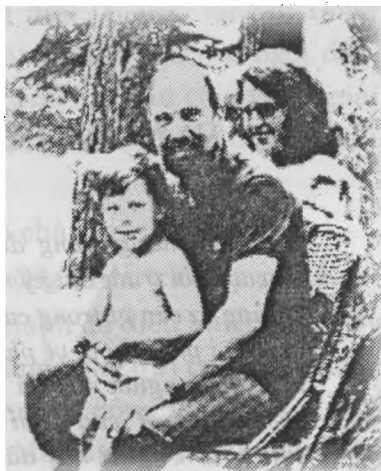


’ Bước ngoặt cuộc đời

George Blake sinh ở Hà Lan ngày 22-11-1922. Bố anh là người Anh, tên là Albert Biher, cựu nhân viên tình báo Anh. Mẹ anh, Ketrin người Hà Lan, quê ở Beydervellen. Thời trẻ George rất sùng đạo, thậm chí còn muốn làm mục sư Tin lành. Khi quân Đức bắt đầu chiếm đóng, anh tham gia Kháng chiến. Năm 1940 bị bắt và bị cầm tù trong trại giam Sherl, nhưng anh trốn thoát. Năm 1942 lại bị bắt và lại trốn thoát, lần này anh vượt qua Pháp và Tây Ban Nha sang Anh. Tại đây anh vào hải quân, từ đó làm tình báo. Lúc này anh mang tên Blake. Lý lịch

của anh có ghi: “Biết thành thạo các thứ tiếng Đức, Anh, Pháp, Hà Lan. Đã kinh qua chiến đấu, nhiều ưu điểm, dũng cảm và quyết đoán, có nhiều triển vọng cho công tác tình báo”.

George rất khâm phục vai trò của Liên Xô trong cuộc đấu tranh chống phát xít, khâm phục chủ nghĩa anh hùng của người Liên Xô và sự công bằng trong chế độ xã hội. Năm 1950, anh tham gia chiến tranh Triều Tiên. “Tôi thấy máy bay Mỹ thực sự là san bằng các làng mạc và thành phố của Triều Tiên... Và tôi tự hỏi: Chúng ta cần gì trong cuộc chiến tranh này? Tôi phải đứng về phía ai mà chiến đấu?” - George nhớ lại.



George Blake cùng gia đình sau khi hợp tác với Liên Xô

Trong thời gian chiến tranh anh bị bắt làm tù binh ở Bắc Triều Tiên. Đây là giai đoạn quyết định trong cuộc đời anh. Anh rút ra một kết luận dứt khoát là phải đứng về phía nào. Chính tại đây anh trở thành điệp viên, và sau này trở thành cán bộ nòng cốt của tình báo Xô Viết. Năm 1955, từ Triều Tiên trở về, anh tiếp tục phục vụ cho tình báo Anh (CIC). Anh phụ trách mạng lưới điệp viên của Anh ở Đông Đức và Tiệp Khắc. Moscva đã biết rõ những ý đồ của điệp viên Phương Tây đối với những nước này. Nhưng phải bố trí công việc sao cho Blake không bị nghi ngờ. Tất cả phụ thuộc vào nghệ thuật của các sĩ quan tình báo Xô Viết làm việc với anh. Trong số điệp viên của

anh không có ai bị bắt. Một số chỉ bị điều di vùng khác, một số khác thì bị thận trọng bịt đầu mối vào những tài liệu mật, một số khác nữa thì bị nhận những “tài liệu giả”, mà việc “rò rỉ” này chỉ có lợi cho tình báo Xô Viết. Ngoài những tình báo do chính anh tuyển chọn, các tình báo viên Nga còn cung cấp cho anh những điệp viên vững chắc nữa. Nhờ có Blake đã phát hiện được một trong những chiến dịch bí mật của CIA và CIC sau Đại chiến thế giới Thứ hai có tên là “Gold” (Vàng).

*** Chiến dịch “Vàng” và những sự kiện không thể lường trước**

Chiến dịch này là thế nào? Trên lãnh thổ Đông Berlin, khá gần với phần Tây Berlin có một con đường ngấm bí mật của chính phủ và quân đội Xô Viết. Người Mỹ cũng xây dựng một đường ngấm ở mép biên giới này, gần với đường kia và đặt các thiết bị nghe trộm các cuộc nói chuyện. Chiến dịch này được tính toán và tiến hành theo đúng kiểu Mỹ. Thành công của nó là nhờ có tính bí mật tuyệt đối, tiền chi nhiều và kỹ thuật hiện đại nhất của Anh. Việc nghe trộm, ghi chép và phân tích các cuộc nói chuyện theo đường này có thể cung cấp những thông tin quý báu cho các cơ quan mật vụ Anh, Mỹ mà không điệp viên nào có được.

Mọi việc dường như suôn sẻ, nếu không có chữ “nhưng”. Nhờ có Blake, tình báo Xô Viết biết được mọi chi tiết về chiến dịch “Vàng”. Có thể ngăn chặn được chiến dịch này ngay từ đầu, nhưng mọi người muốn lôi kéo “đối tác” chơi hơn nữa. Mặc dù mọi cuộc nói chuyện đều được kiểm tra gay gắt nhằm không để thất thoát sang Phương Tây những thông tin giá trị, nhưng đôi khi vẫn để “rò rỉ” một ít, để “đối tác” không

ngghi ngờ gì. Tuy nhiên, cũng đến lúc phải chấm dứt cuộc chơi, nhưng phải làm sao để Blake không bị ngờ vực. Một ngày tháng 4 năm 1956, các tình báo quân sự Mỹ, các nhà kỹ thuật phụ trách các máy nghe trộm bồng nghe thấy những giọng nói to từ phía hầm đối diện bên Đông Đức. Họ hoảng sợ quá đến mức bỏ chạy, không kịp tháo gỡ máy móc. Đường hầm của họ đã bị bật mở bởi các “liên lạc viên” Xô Viết và Đức với lý do “phát hiện thấy trục trặc trong đường hầm thông tin”, từ đó dẫn tới nơi có các máy nghe trộm. Lỗi phản thông tin này được tiến hành khéo đến mức thậm chí một uỷ ban đặc biệt của CIA và CIC cũng chỉ đi đến kết luận rằng đó là sự cố ngẫu nhiên. Blake không hề bị nghi ngờ gì cả.

Điểm yếu nhất trong công tác tình báo là đường dây liên lạc, tại đó họ thường bị “chết cháy”. Đối với Blake người ta đã nghĩ ra một cách: anh công khai gặp gỡ một công dân Xô Viết tên là “Boris”, anh chàng này dường như là làm việc cho CIC. Thực ra anh ta là điệp viên Xô Viết, là liên lạc nhận tin của Blake. Đồng thời thông qua Boris mà tung cho bọn Anh những tin giả đã được chuẩn bị khéo léo sao cho chúng vẫn tưởng thật: “Tôi là cộng sự duy nhất của CIC, mà trên đường dây của mình lại có một người Nga thật”. Những thông tin nhận được qua anh ta nhìn chung là mang tính chất kinh tế (phần lớn là những vấn đề quan hệ kinh tế qua lại và hợp tác kinh tế giữa Liên Xô và Đông Đức), đôi khi cũng là chính trị, và như Blake nhớ lại trong cuốn sách của mình “Không còn cách lựa chọn nào khác”, “những thông tin này được đón nhận một cách nồng nhiệt ở London... Dần dần London giao cho tôi những nhiệm vụ đặc biệt, liên quan đến một số vấn đề của tình hình hiện tại, và bao giờ “Boris” cũng trở về với những thông tin cần thiết”.

Nhưng rồi cũng xảy ra đổ vỡ - mà không phải do Boris và Blake, mà do sự phản bội của nhân vật trung gian, một người Đức tên là Mikka. Blake bị bắt và bị đưa ra toà án Anh. Toà kết luận: “Con người này đã phá hoại gần như tất cả những gì mà các cơ quan tình báo Anh đã tạo dựng được từ khi kết thúc Đại chiến thế giới thứ hai”.

*** 42 năm tù giam - con số để hy vọng**

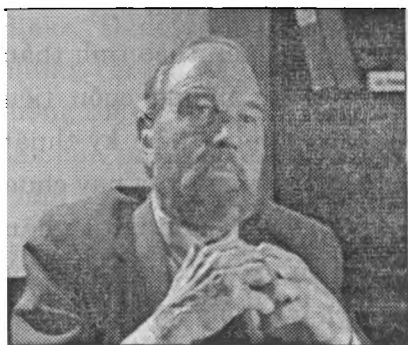
George Blake bị kết án bốn mươi hai năm tù. Trong cuộc nói chuyện với nhà tình báo V. Andrianov, Blake nhớ về bản án như sau: “Khi nghe đến 42 năm tù tôi mỉm cười. Thời hạn này là không khả thi, trong thời gian đó sẽ có thể xảy ra bao chuyện, cho nên tôi thấy là không hiện thực. Nếu người ta kết án tôi 14-15 năm thì sẽ gây cho tôi ấn tượng lớn hơn là 42 năm. Và tất nhiên, một thời hạn dài như thế là cái cớ tốt nhất để... - “Cố gắng rút ngắn lại”, - người tiếp chuyện chêm vào. - Vâng... Có nhiều người thông cảm với tôi. Vì thế mà tôi đã chạy thoát”.

Cuộc chạy trốn dũng cảm được thực hiện theo tinh thần những truyền thống tốt đẹp nhất trong những cuốn tiểu thuyết phiêu lưu của Alexandre Dumas cộng thêm kỹ thuật hiện đại. Nhà tù “Wordvus Scrable” nổi tiếng vì xưa nay chưa có ai chạy thoát. Vì thế đây là nơi giam giữ những tù nhân nguy hiểm như các điệp viên Xô Viết. Cũng còn có cả những tù nhân không mấy nguy hiểm. Chẳng hạn, trong đó có hai nhà đấu tranh người Anh chống việc bố trí vũ khí hạt nhân ở Anh là M. Rendlee và P. Potle. Còn một tù nhân nữa tên là Son Berg. Chính những người này giúp Blake chạy trốn.

M. Rendle và P. Potle ở tù không lâu và chẳng bao lâu đã được thả. Son Berg được làm việc ban ngày ở ngoài nhà tù, đến

kỳ nghỉ cuối tuần được cấp giấy nghỉ phép. Nhờ thế anh đã chuyển được cho Blake thiết bị truyền tin và một con dao. Việc chuẩn bị được tiến hành khẩn trương. Lợi dụng chiều tối thứ bảy có chiếu phim cho tù nhân, bọn bảo vệ cũng bớt cảnh giác. Trước ngày trốn, Blake đã rút được ra một tấm kính cửa sổ, cửa được chấn song sắt rồi đặt lại như cũ. Tối thứ bảy anh mới lấy ra, trèo qua cửa sổ ra sân cạnh tường vây cao. Trời mưa tầm tã, Blake phải đợi đến một tiếng để Sơn Berg ném thang dây vào. Khi không còn ai, Sơn đến gần tường ném vào một chiếc thang dây tự tạo. Blake nhanh chóng leo lên, đến lúc tụt xuống thì lại ngã gãy xương bàn tay. Đau điếng người, nhưng anh đã chui được vào xe Sơn. Tự do đang chờ anh ở phía trước! Để chữa tay phải tìm một bác sĩ quen. Người này đã không tố giác, mà bó bột cho anh.

* Cuộc vượt thoát thành công



George Blake - năm 85 tuổi (2007)

Cả nước Anh báo động vì cuộc chạy trốn đó. Tất cả các cảng biển, bến tàu, sân bay đều đặt trạm gác. Cảnh sát rà soát các địa điểm và các căn hộ nghi vấn. Nhưng anh vẫn ẩn nấp rất gần, trong nhà các bạn bè. Họ có nhiệm vụ đưa anh ra khỏi lãnh thổ Anh. Việc đó không dễ, vì

hình ảnh George đã được treo khắp nơi, mỗi cảnh sát, nhân viên hải quan và lính biên phòng đều có. Các bạn anh bàn nhiều phương án. Có người bàn phải thay đổi màu da của anh,

biến anh thành da đen. Nhưng George gạt đi. Vợ chồng Rendle thiết kế được một khoang bí mật trong chiếc xe nhà to của mình, bên dưới chiếc giường trẻ con. Trong khoang này anh có thể ngao du với vợ chồng Rendle và hai đứa con nhỏ hai tuổi và bốn tuổi.

Ngày 17-12-1966, họ rời London, đến Duvre, từ đó đi phà sang cảng Ostende của Bỉ, rồi đi một mạch đến Berlin. Suốt dọc đường trên lục địa George ở trong xe cùng gia đình Rendle. Anh chỉ chui vào “công ten nơ” khi đi trên đất Anh, khi qua eo biển La Manche và lúc qua biên giới. Cuối cùng anh sang được Đông Berlin, khi các chiến sĩ biên phòng Đông Đức và các sĩ quan Xô Viết đang chờ đón các khách du lịch. Tất nhiên mọi người kinh ngạc vì ông khách bất ngờ chui ở trong hòm ra. Mọi việc được giải thích ngay, nhất là lại có một tình báo Xô Viết quen anh. Chuyến du ngoạn dài ngày và nguy hiểm kết thúc. George Blake sống ở Moscva và làm nhiệm vụ đào tạo các tình báo trẻ tuổi.

AMIA

NGƯỜI PHÁ ĐIỆP VỤ MƯU SÁT LÃNH TỰ TAM CƯỜNG

Người thầy đầu tiên của Amia (tên thật là Ghevor Vactanhian, sinh năm 1924) là một điệp viên Xô Viết “nằm vùng” tên là Agaian. Nhiệm vụ đầu tiên của anh là chọn lựa nhóm bạn bè và những thanh niên cùng chí hướng. Họ đều trẻ trung, dũng cảm và sẵn sàng hy sinh. Giới điệp viên gọi đùa họ là đội “Khinh kỵ binh”, rất có thể là vì họ cưỡi xe đạp đi lại trong thành phố. Tuy vậy, chỉ trong vòng hai năm rưỡi, đội của Amia đã phát hiện được bốn trăm người có liên hệ với cơ quan tình báo Đức.

* Hội nghị của ba cường quốc

Sau khi cuộc Chiến tranh Vệ quốc bắt đầu được ít lâu, ngày 25 tháng 8 năm 1941, các lực lượng vũ trang Liên Xô và Anh cùng phối hợp tiến hành một chiến dịch quân sự chớp nhoáng. Hai binh đoàn Xô Viết tiến vào Iran từ phía Bắc và chiếm các tỉnh miền Bắc nước này, còn các đơn vị quân đội Anh thì đồng thời tiến vào từ mạn Tây Nam. Họ không bị một tổn thất nào và đến ngày 17 tháng 9 thì gặp nhau ở thủ đô Teheran của Iran. Đến năm 1942, hai cảng của Iran bị quân Mỹ chiếm đóng. Có một vài nguyên nhân dẫn đến việc quân Đồng Minh tiến vào Iran. Thứ nhất, Chính phủ Iran có thiện cảm với nước Đức Hitler và có thể từ hậu phương tấn công vào Liên Xô. Thứ hai, ở Iran có một số lượng lớn điệp viên Đức hoạt

động, tạo nên mối đe dọa đối với Liên Xô. Thứ ba, Iran là đường trung chuyển thuận tiện cho việc đưa thiết bị quân sự của Mỹ vào Liên Xô.

Ít lâu sau, Iran gia nhập liên minh chống Hitler. Mặc dù vậy, mạng lưới điệp viên Đức của Canaris và Sellenberg vẫn tiếp tục hoạt động ở nước này, và cuộc đấu tranh với chúng tiếp tục gần như cho đến hết chiến tranh.

Mùa thu năm 1943, các nước Đồng Minh quyết định tổ chức hội nghị các nhà lãnh đạo ba cường quốc là Liên Xô, Mỹ và Anh ở Teheran. Tham dự hội nghị có nhà lãnh đạo Liên Xô Stalin, Tổng thống Mỹ Roosevelt và Thủ tướng Anh Churchill.



*Stalin (trái), Roosevelt (giữa)
và Churchill tại hội nghị Tehrran*

Địa điểm hội nghị được chọn lựa sau những cuộc thương lượng và thảo luận kéo dài, và cuối cùng, tất cả các bên đều thấy Teheran là thuận lợi hơn cả.

*** Lập kế hoạch mưu sát nhưng thất bại**

Điệp viên Đức biết được việc chuẩn bị cho hội nghị và thông báo tin này cho ban lãnh đạo nước Đức phát xít. Hitler liền quyết định mở chiến dịch “Bước nhảy dài” - đó là tên gọi mà điệp viên Đức đặt cho kế hoạch mưu sát các nhà lãnh đạo “Tam cường” trong thời gian diễn ra hội nghị Teheran. Hitler trao việc mưu sát này cho “sủng thần” của y là Otto Scorseni.

Tháng 8 năm 1943, một điệp viên Đức giàu kinh nghiệm là Roman Gamota nhảy dù xuống khu vực Teheran. Ý lập tức liên lạc với tên đứng đầu mạng lưới điệp viên Đức ở đây là Frank Maie. Đồng thời một nhóm sáu tên biệt kích Đức cũng được tung vào để hỗ trợ cho chúng. Nhóm biệt kích Đức nhảy dù xuống khu vực thành phố Cum, cách Teheran chừng bảy mươi cây số, và chúng phải mất hơn hai tuần mới đến được Teheran. Chúng đem theo nhiều đạn dược vũ khí, lúc đầu chúng chở trên lưng mười con lạc đà và về sau chất lên một chiếc xe tải. Chúng nhuộm lại tóc thành màu đen, mặc quần áo người Iran, trú ngụ tại một địa điểm bí mật để chờ những tên chủ chốt trực tiếp thực hiện chiến dịch “Bước nhảy dài”.

Tuy nhiên, cơ quan tình báo Xô Viết đâu có ngu yên. Một trong những tin tức đầu tiên về ý đồ của bọn Đức đã được điệp viên Nicolai Kuznesov thông báo. Anh hoạt động ở thành phố Rovno nằm trong hậu phương phát xít dưới lớp vỏ thượng uý Đức Paul Giberg. Người để lộ tin này cho anh biết là viên sĩ quan SS Unrich fon Orten khi y mời “anh bạn Paul” tham gia một “vụ làm ăn” ở Teheran. Kudonesov từ chối, còn Orten thì lên đường tới thủ đô Uran nhập bọn với Maie và Gamota.

Cơ quan tình báo Xô Viết cũng nhận được tin từ các nguồn khác - từ người Iran, từ người Đức và nhất là từ một thanh niên 17 tuổi tên là Amia, người đứng đầu đội “khinh kỵ binh”.

Ngày khai mạc hội nghị đến gần. Cơ quan tình báo thi hành những biện pháp cần thiết. Những hành động của nhóm phá hoại chính đã nằm trong tầm nhìn của tình báo Xô Viết và

tình báo Anh, và chúng bị theo dõi thường xuyên. Hoạt động của các điện đài của chúng bị kiểm soát, các bức điện bị đón bắt và giải mã, sau đó cả nhóm phá hoại bị bắt giữ.

Khi biết tin thất bại, Hitler đổi ý và không phái đến Teheran những tên chịu trách nhiệm chính thực hiện chiến dịch “Bước nhảy dài” nữa, chiến dịch bị bãi bỏ. Mãi đến sau chiến tranh, người ta mới được biết quyết định đó là của Hitler. Nhưng hồi đó, vào năm 1943, không ai biết chuyện này và mọi người vẫn phỏng đoán một cách hợp lý rằng bọn Đức có những phương án khác, do đó, vẫn cần đề phòng cuộc mưu sát. Vì vậy, khi các nhà lãnh đạo “Tam cường” gặp nhau, Stalin đề nghị Roosevelt đến ở tại sứ quán Xô Viết. Roosevelt nhận lời, còn Churchill thì tỏ ra rất ghen tức và thừa nhận:

- Stalin đã qua mặt chúng ta và thắng cả hiệp đấu này nữa...

Sau khi trở về Washington, Roosevelt nói trong một cuộc họp báo:

- Nguyên soái Stalin tuyên bố rằng một âm mưu nhằm mưu sát tất cả những người tham dự hội nghị rất có thể sẽ được tổ chức. Ông đề nghị tôi đến ở sứ quán Xô Viết để đỡ phải đi lại trong thành phố... Bọn Đức sẽ khá thuận lợi sát hại nguyên soái Stalin, thủ tướng Churchill và tôi vào lúc chúng tôi đi lại trên các đường phố Teheran bởi vì sứ quán Liên Xô và sứ quán Mỹ cách xa nhau đến một cây số rưỡi...

Hội nghị các nhà lãnh đạo “Tam cường” đã thành công. Hội nghị thông qua một loạt quyết định quan trọng và không gặp trở ngại gì. Chiến dịch “Bước nhảy dài” của Hitler đã bị thất bại nhờ hoạt động có kết quả của các cơ quan tình báo

Liên Xô và Anh, trong đó có hoạt động của nhóm Amia, tức là của Ghevor Vactanhian.

* Người phá vỡ kế hoạch mưu sát

Bố của Amia là thần dân Iran và ông hợp tác với cơ quan tình báo Xô Viết. Gia đình ông sinh sống ở thành phố Nga Rostov trên sông Don, nhưng khi Amia lên sáu tuổi thì gia đình chuyển sang Iran theo yêu cầu của cơ quan tình báo Xô Viết. Bố của Amia trở thành một thương nhân thành đạt, ông hầu như không bao giờ dùng đến tiền của Trung Tâm mà tự mình đảm nhận mọi chi phí. Ông xây dựng một mạng lưới điệp viên và đã giúp đỡ rất nhiều cho tình báo Xô Viết. Ông đã vài lần bị bắt vì bị nghi ngờ hoạt động gián điệp, nhưng vì không có bằng chứng nên lại được trả tự do. Ông chân thành yêu mến nước Nga Xô Viết và giáo dục các con theo tinh thần đó. Chính là dưới ảnh hưởng của ông mà chàng thanh niên Amia tuy hồi đó còn rất trẻ, mới 16 tuổi, đã trở thành điệp viên Xô Viết vào năm 1940.

Họ không có phương tiện đi lại khác, và mãi đến năm 1942, họ mới có một chiếc mô tô Đức chiến lợi phẩm.

Theo nhiệm vụ của Agaian giao cho, đội “Khinh kỵ binh” hoạt động như một đội quan sát bên ngoài, đôi khi như một đội phản ứng nhanh “có khả năng thực hiện những nhiệm vụ đặc biệt”. Họ còn rất trẻ nên đã đánh lạc hướng được những kẻ bị họ theo dõi. Không một ai ngờ rằng những thiếu niên non choẹt chuyên cưỡi xe đạp đó lại có thể theo dõi ai đấy. Nhưng họ không chỉ làm nhiệm vụ theo dõi, đôi khi họ phải tham gia những chiến dịch nguy hiểm, tính mạng như ngàn cân treo sợi tóc. Đó là thời buổi chiến tranh tàn khốc và họ biết rằng những

chàng trai cùng tuổi với họ trong các đội du kích cũng đang chiến đấu gan dạ như vậy với kẻ thù. Chính đội của Amia đã phát hiện được tên điệp viên Đức Maie lẩn trốn ở Teheran. Nhưng tình báo Xô Viết không bắt được y: Y cũng bị tình báo Anh theo dõi và “nặng tay trên”. Dù sao thì y cũng bị loại khỏi “cuộc chơi” và hai nhân viên điện đài của y cũng bị bắt gọn.

Trong quá trình theo dõi Maie, Amia cùng các bạn còn phát hiện được những kẻ đồng lõa đã cung cấp nơi trú ẩn cho Maie và chuẩn bị cung cấp nơi trú ẩn cho cả những điệp viên Đức khác. Nhờ “bộ bảy” của Amia giúp đỡ, tình báo Xô Viết đã bắt được cả tên trợ thủ chính của Maie là Otto Enghen. Bị mất những kẻ cầm đầu và mất điện đài liên lạc, hoạt động của mạng lưới tình báo Đức đến cuối năm 1943 đã bị yếu hẳn.

Ngay từ trước những cuộc bắt giữ nói trên, tình báo Xô Viết đã biết rằng một thương nhân Đức (y được đặt cho bí danh là “Dược sĩ”) đang tích cực tiến hành hoạt động gián điệp và thường bí mật gặp gỡ những quan chức cao cấp của Iran. Nhưng đội của Amia chịu trách nhiệm theo dõi y không phát hiện được bất kỳ những cuộc gặp gỡ nào của y. Khi ấy, họ liền quay sang theo dõi ngôi nhà y ở và phát hiện ra người em trai sinh đôi của y. Hai anh em y thường tìm cách đánh lạc hướng những người theo dõi, chẳng hạn như một tên ra khỏi nhà để dụ những người theo dõi đi theo rồi tạt vào quán ba hoặc rạp chiếu phim và chẳng gặp gỡ một ai hết. Trong khi ấy, tên thứ hai sau khi tin chắc là không có ai theo dõi, liền ra khỏi nhà để đến nơi hẹn gặp. Họ cũng phát hiện ra một người Đức đáng chú ý nữa là Vante. Ông ta là chủ một cửa hiệu sách cũ mà các sĩ quan Iran thường rẽ vào để mua hoặc bán sách. Họ ngờ rằng cửa hiệu này là “hòm thư” của gián điệp Đức. Họ liền bắt đầu năng tạt vào hiệu sách và làm quen với Vante. Ông ta quả thật

là người giữ hòm thư của các sĩ quan Đức nhưng ông ta không tin vào chiến thắng của nước Đức. Ông ta cho rằng việc Đức tấn công Liên Xô là một sai lầm nghiêm trọng của Hitler và nhất định sẽ dẫn đến thảm họa. Tình báo Xô Viết tiếp cận Vante sát hơn nữa và ít lâu sau thì tuyển mộ ông ta. Ông ta là một trong những người đã thông báo về kế hoạch mưu sát các nhà lãnh đạo "Tam cường".

Các chàng trai của Amia cũng là những người đầu tiên biết được và thông báo về một nhóm tiền trạm Đức đổ bộ để tham gia kế hoạch mưu sát và họ đã giúp vào việc vạch mặt nhóm này.

*** Tiếp tục thâm nhập hàng ngũ tình báo Anh và thành công mỹ mãn**

Mặc dù là đồng minh với Liên Xô nhưng người Anh vẫn đồng thời tiến hành hoạt động thù địch chống đất nước Xô Viết. Dưới lớp vỏ câu lạc bộ radio, họ thành lập một trường tình báo chuyên đào tạo điệp viên để tung vào các nước Cộng hoà Trung Á và ngoại Kavkaz của Liên Xô. Cơ quan tình báo Xô Viết trao nhiệm vụ cho Amia thâm nhập vào trường này. Ở đó, Amia đã được huấn luyện kỹ càng về công tác tình báo, một điều rất hữu ích cho anh trong tương lai. Anh được dạy nhiều thứ mà người điệp viên cần biết và cần làm, chẳng hạn như liên lạc hai chiều qua điện đài, mật tự, những thủ pháp giữ bí mật, cách sử dụng bí số, những phương pháp tuyển mộ điệp viên. Amia cùng các bạn của anh đã thu thập được những tin tức chi tiết về trường này và về các học viên trong trường. Họ được biết rằng sau những đợt huấn luyện kéo dài 6 tháng, những học viên tốt nghiệp thường được phái sang Ấn Độ và tại

đây họ hoàn thiện trình độ và tập luyện nhảy dù. Sau đó, họ được tung vào lãnh thổ Liên Xô. Nhờ nhóm của Amia, người ta cũng biết được về nhiều học viên tốt nghiệp trường nói trên. Hầu hết bị bắt ngay sau khi được tung vào Liên Xô. Một số đồng ý làm việc cho tình báo Xô Viết và truyền thông tin giả cho người Anh. Kết quả là trường không những hoạt động vô bổ mà còn gây hại cho những kẻ mở trường nữa nên rốt cuộc đã bị giải thể.

Trợ thủ và về sau trở thành vợ của Amia là một cô gái mười sáu tuổi tên là Goa. Họ đã cùng nhau trải qua một con đường dài trong ngành tình báo Xô Viết, đã hoạt động ở nhiều nước khác nhau trên thế giới. Goa đã giúp tình báo Xô Viết phát hiện được nhiều điệp viên Đức. Cô cũng đã khôn khéo tìm thấy căn phòng bí mật mà tình báo Đức dùng để che giấu hai phi công Xô Viết phản bội. Hai tên này đã lái máy bay từ Baku sang Iran, và bọn Đức dự định sẽ đưa chúng về Đức. Nhưng chúng đã bị bắt và bị trừng phạt.

Đội của Amia hoạt động cho đến cuối những năm 40.

Bản thân Amia cùng vợ hoạt động nhiều năm ở nước ngoài và hiện nay vẫn tiếp tục hoạt động. Thật đáng tiếc là vẫn còn chưa đến lúc kể về mọi việc làm của Ghevor Vactanhian.

Amia, tên thật là Ghevor Vactanhian, được tặng thưởng danh hiệu cao quý Anh hùng Liên Xô, còn Goa được tặng thưởng Huân chương Cờ Đỏ.

SỰ PHÁ SẢN CỦA “ĐỒNG CHÍ LI KHAI CHEN”

Không một tiếng súng, không phải đổ máu, trong vòng 5 năm, tình báo Xô Viết đã lần lượt đón lõng và đưa vào trại giam hơn 2500 gián điệp Nhật, làm phá sản hoàn toàn chiến dịch đưa điệp viên vào phá hoại lãnh thổ Liên Xô của “đồng chí Li Khai Chen”.

Đó là một chiến dịch phản gián đã góp phần không nhỏ làm cho đạo quân Quan Đông của Nhật phải đầu hàng vào cuối Chiến tranh thế giới Thứ hai. Cho đến nay cũng mới chỉ có một nhóm nhỏ các chuyên gia được biết tới chiến dịch này - một chiến dịch do các cơ quan an ninh quốc gia Xô Viết tiến hành âm thầm mà đầy hiệu quả trong suốt những năm từ 1939 đến 1945 tại vùng Viễn Đông. Đối thủ chính của các chiến sĩ Treca (an ninh Liên Xô) là cơ quan tình báo của Bộ Tổng tham mưu Nhật với siêu điệp viên Li Khai Chen có thâm niên 40 năm trong nghề.

*** Li Khai Chen - Người đứng đầu trường đào tạo điệp viên cho Nhật Bản**

Vào cuối năm 1938, tại thủ phủ Thẩm Dương của chính phủ bù nhìn thân Nhật Mãn Châu Quốc, trong ngôi nhà số 4,

phố Liu Chuen Đưng, xuất hiện một tổ chức mới lạ. Dưới vỏ bọc là “một học xá tư thực”, nhưng bên trong ẩn giấu một trường đào tạo bí mật. Tại đây, bằng tiền của Nhật, với sự tham gia của các giảng viên người Nhật, trường đã đào tạo các điệp viên để chuẩn bị tung vào lãnh thổ Liên Xô. Đứng đầu “học xá” này là Li Khai Chen rất giàu có - ông chủ của hàng loạt xí nghiệp công nghiệp mỏ, đồng thời cũng là một điệp viên lão luyện của tình báo Nhật. Rất nhiều điệp viên của ông ta dưới vỏ bọc là các nhà buôn đã la cà khắp những vùng đông quân của Liên Xô để thu thập tin tức, còn Li Khai Chen thì sử dụng hệ thống thông tin rất tinh xảo của mình để đưa những thông báo chính xác tới Bộ Tổng tham mưu Nhật.

Cũng cần phải lưu ý rằng, ngay từ khi còn là một cậu bé nhà quê ở một làng hẻo lánh miền Bắc Triều Tiên, Li đã có dịp tiếp xúc với Bem Sen - một tên khủng bố và điệp viên nổi tiếng của Nhật khi đó đang bị lưu đày ở quê của Li. Chịu ảnh hưởng của Sen, Li đã thấm nhuần thuyết Đại Đông Á của Nhật Bản và thậm chí đã tham gia vào vụ mưu sát Hoàng đế Triều Tiên. Li rất tích cực giúp đỡ các ông chủ Nhật Bản trong việc chuẩn bị chiếm đóng Tổ quốc mình, đổi lại, Li giành được nhiều đặc quyền trong kinh doanh.

* Âm mưu phá hoại Liên Xô

Vào giữa những năm 30, khi giới cầm quyền quân phiệt Nhật lên kế hoạch tấn công Liên Xô, nhà công nghiệp mỏ Triều Tiên này đã trở thành một nhân vật then chốt trong việc chuẩn bị thực hiện kế hoạch đó. Li Khai Chen đã viết một cuốn sách có tựa đề *Những hình dung của tôi về phòng thủ quốc gia ở biên giới Liên Xô - Mãn Châu Lý* được dùng làm tài liệu học

tập trong tổng hành dinh và được báo cáo lên Nhật hoàng. Còn tác giả của cuốn sách thì chiếm một vị trí quan trọng trong “Hắc Long Hội” - một đơn vị đặc biệt của tình báo Nhật được “đánh” sang Liên Xô.

Li Khai Chen đã soạn thảo cho các học trò của mình một lý lịch đầy thuyết phục: tất cả họ đều vào Liên Xô dưới danh nghĩa những nhà “Cộng sản yêu nước” Triều Tiên. Vị khách đầu tiên kiểu đó đã xuất hiện trên đất Xô Viết vào đêm 23 tháng 06 năm 1939. Trước đó, cơ quan an ninh vùng duyên hải đã nhận được thông báo từ đồn biên phòng rằng, phái bộ quân sự Nhật Bản ở Mãn Châu Lý đã chuẩn bị người để thực hiện nhiệm vụ đặc biệt trên lãnh thổ Liên Xô. Phía Liên Xô ngờ rằng đó là sự chuẩn bị cho một vụ mưu sát Stalin và các vị lãnh đạo khác của Nhà nước Xô Viết. Bởi trước đó, tại cuộc diễu hành 1 tháng 5 năm 1939 ở Moseva, người ta đã ngăn chặn được một âm mưu nổ mìn có sức công phá lớn do một điệp viên Nhật bí mật đặt ở lăng Lênin.

*** Chiến dịch từng bước bị phá sản**

Các biện pháp an ninh trên biên giới được tăng cường. Và lực lượng biên phòng đã bắt được một người vượt biên tự xưng là đảng viên Cộng sản Triều Tiên, được tổ chức Cộng sản bí mật phái sang liên lạc với chính quyền Xô Viết nhằm mục đích chuẩn bị cuộc nổi dậy chống Nhật tại nước mình. Nhưng rất nhanh chóng, các cơ quan an ninh Xô Viết đã nắm được ý đồ của Li là định thiết lập trên lãnh thổ Liên Xô một cơ sở phá hoại và mở ra một kênh thâm nhập hoàn toàn hợp pháp cho các môn đệ thuộc “học xá” Thẩm Dương tiếp cận với các đối tượng của các chiến dịch đặc biệt trong tương lai ở vùng duyên

hải và ngoại vi Baical. Cáo già Li dường như đã tính toán tất cả. Chỉ có điều hấn đã không tính tới một thực tế là sự tồn tại của "tổ chức Cộng sản" đó đã được Bộ Nội vụ Liên Xô kiểm tra rất kỹ qua hệ thống điệp viên vùng biên giới của mình.

Không lâu sau đó, trên biên giới, lực lượng biên phòng Liên Xô lại bắt giữ được một điệp viên thứ hai của Li. Còn tên trước đó đã được cơ quan phản gián Liên Xô gửi trở lại Triều Tiên, sau khi làm ra vẻ tin lời hấn nói. Moseva quyết định mở màn "cuộc chơi" với tình báo Nhật nhằm làm rõ hơn kế hoạch và ý đồ của Nhật. Điệp viên thứ hai của Li đã khai với các chiến sĩ an ninh Liên Xô rằng, hấn sang để kiểm tra xem có đúng là người thứ nhất đã gặp chỉ huy Xô Viết hay chưa và gần như lặp lại từng lời câu chuyện về sự tồn tại trên đất Triều Tiên bị Nhật chiếm đóng một tổ chức Cộng sản mạnh mẽ đứng đầu là "đồng chí" Li, người đã thoát khỏi nhà tù của Nhật. Vị "sứ giả" này đã nhận được những đảm bảo mà hấn yêu cầu rồi cũng được gửi trở lại Triều Tiên.

Thế rồi, ngày 19 tháng 10 năm 1939, trên biên giới Liên Xô đã xuất hiện cả một phái đoàn do "đồng chí" Li cử sang, đứng đầu là Takaiaama, tự xưng là cựu biên tập viên của một tờ báo ở Seoul. Còn 2 người trong đó lại chính là 2 tên đã sang đầu tiên mà Li có ý định gửi lại ở Liên Xô để "học tập" phương pháp nổi dậy. Theo lời Takaiaama, "đồng chí" Li đang nóng lòng muốn bí mật sang "thăm" Liên Xô và bàn cách đẩy mạnh công cuộc chuẩn bị "lật đổ" bọn chiếm đóng.

Vào giữa tháng 2 năm 1940, lại có 5 sứ giả trẻ tuổi nữa của Li qua biên giới Liên Xô, tới mùa xuân thì con số này đã lên tới 40. Cơ quan an ninh vùng duyên hải Liên Xô đã dành cho các "đồng chí" Triều Tiên một ngôi nhà có đủ tiện nghi ở

trạm Đại Dương bên bờ vịnh Amur và tạo cho họ mọi điều kiện gần giống như các học viên quân sự Liên Xô. Tiếp theo là những giờ học do các cán bộ của Quốc tế Cộng sản (thực chất là các cán bộ an ninh Liên Xô) hướng dẫn. Trong quá trình đó, từng “chiến sĩ Cộng sản Triều Tiên” phải viết tự thuật chi tiết về mình. Phân tích những bản lý lịch tự thuật này, so sánh với các dữ liệu khác đã cho phép cơ quan an ninh Liên Xô nắm vững được nhân sự của tình báo Nhật và thiết lập được sự kiểm tra đặc biệt đối với chúng.

Chẳng bao lâu sau, cùng với một nhóm “những người Cộng sản bí mật” khác, nhân vật phó của Chủ tịch Li tên là Kim En San cũng vượt biên giới vào Liên Xô. Ông ta khẳng định ý định của “lãnh tụ” Li là sẽ bí mật sang thăm Tổ quốc của Lênin và nếu có thể thì sẽ tới tận Moscva để xin đàm đạo với Stalin. Dưới sự dàn dựng của phản gián Liên Xô, không chút nghi ngờ, Kim đã trở về bên kia biên giới chuyển lời mời “thủ lĩnh” Li sang thăm Liên Xô.

Nhưng lão luyện trong các trò chơi phản gián, Li chưa vội xuất hiện. Hắn còn chờ đợi xem có những dấu hiệu nào chứng tỏ an ninh Liên Xô gài bẫy hay không. Cho nên qua liên lạc, lúc thì hẩn thông báo, do hiến binh Nhật tăng cường truy nã nên không thể đi được, lúc thì đề nghị cho gặp gỡ các “đồng chí Liên Xô” ở... Mỹ. Nhưng lần nào hẩn cũng nhận được câu trả lời rất thân thiện, hợp tình hợp lý rằng, Liên Xô sẵn sàng nghênh đón “đồng chí” Li ở bên bờ tả ngạn sông Amur.

Tháng 3 năm 1940, Kim En San lại sang Liên Xô một lần nữa và lại được tiếp đón rất nồng hậu, rồi được đưa đi thăm trạm Đại Dương xem các “học viên Triều Tiên của các lớp Quốc tế Cộng sản” sống và học tập như thế nào. Sau chuyến đi này

của Kim, Li Khai Chen đã tự đặt vấn đề với cơ quan tình báo Nhật về chuyển sang thăm Liên Xô của mình với lý lẽ khá thuyết phục rằng, nếu tiếp tục trì hoãn sẽ làm cho người Nga sinh nghi. Còn trong trường hợp âm mưu bại lộ, hấn hứa sẽ tự kết thúc đời mình bằng cách rạch bụng theo kiểu các võ sĩ đạo.

* Cáo già bị sập bẫy

Ngày 10 tháng 7 năm 1940, Li Khai Chen được sự hộ tống của một số cộng sự đã có mặt trên lãnh thổ Liên Xô ở khu vực làng Poltavca. Và một cán bộ (an ninh) Nga đã ra tận biên giới đón tiếp thân mật. Chỉ vài tiếng sau, cả nhóm đã được đưa tới Vladivostok. Theo một kịch bản đã chuẩn bị trước, “đồng chí” Li được đưa đi thăm trạm Đại Dương để được tận mắt nhìn và tin tưởng vào sự tồn tại của các “khóa học Quốc tế Cộng sản”. Sau khi được nghỉ ngơi thoải mái và hoàn toàn yên tâm về mọi chuyện, “đồng chí” Li đã đề cập đến nguyện vọng được tới Moscva để gặp lãnh đạo tối cao của Liên Xô.

Cuộc hành trình của Li Khai Chen tới Moscva đã được chuẩn bị từ trước và được thực hiện chu đáo. Chỉ có điều không phải trên đoàn tàu tốc hành xuyên Sibir, mà là trong một cũi sắt ở toa đặc biệt dưới sự canh gác cẩn mật. Sau đó, trong phòng giam ở nhà tù Baturiski, do không có điều kiện để tự mổ bụng nên Li Khai Chen đã tuyệt thực. Ngày 16-04-1941, hấn đã bị chết vì bị đói trong bệnh viện nhà tù. Cùng lúc đó, tại vùng duyên hải, các môn đệ của “đồng chí” Li cũng được chuyển từ ngôi nhà đầy đủ tiện nghi ở trạm Đại Dương vào thẳng các phòng giam của cơ quan an ninh Liên Xô. Nhưng điều thú vị là chiến dịch này vẫn chưa kết thúc ở đó, vì “khu học xá” ở Thẩm Dương và hàng chục cơ sở tương tự khác vẫn

tiếp tục đào tạo những tên khủng bố và phá hoại khác. Do vậy cần phải tiếp tục đưa chúng vào trồng.

Qua một môn đệ của Li Khai Chen đã được cơ quan an ninh Liên Xô cải hóa và tuyển mộ, một bức thư dường như do đích thân “lãnh tụ” Li viết đã gửi về bên kia, trong đó thông báo rằng, ông ta đã tới Moscva để hội đàm với lãnh đạo cao nhất của Liên Xô về việc mở rộng các khóa đào tạo dành cho các “đồng chí Triều Tiên” và do vậy các học viên đã được “chuyển tới” thành phố Molotov (nay là thành phố Permơ). Bức thư cũng đề nghị “ở nhà” tiếp tục cử sang Liên Xô những nhóm học viên tin cậy... Và thế là tình báo Liên Xô lần lượt đón lõng đưa vào trại giam tổng cộng hơn 2.500 gián điệp Nhật trong vòng 5 năm.

Về cái chết của Li Khai Chen sau đó, cơ quan phản gián Liên Xô đã khéo léo tạo tình huống lý giải khiến phía Tokyo không thể nghi ngờ gì. Theo các “kênh đã được thử thách”, tình báo Nhật vẫn tiếp tục cử điệp viên của mình sang nhằm bổ sung và củng cố cho “đạo quân thứ năm” gồm toàn người Triều Tiên của Li Khai Chen. Theo lời khai của một sĩ quan tình báo Nhật bị Liên Xô bắt vào mùa thu năm 1945, thì phía Nhật đã chi không dưới 900.000 yên (thời đó) cho “tổ chức Cộng sản bí mật” của Li Khai Chen và hơn 300.000 yên chu cấp hằng năm cho gia đình của những điệp viên này.

Vậy mà cả một đạo quân ngấm đã bị cơ quan phản gián Liên Xô vô hiệu hóa hoàn toàn. Chính việc đập tan ngay từ đầu chiến dịch gián điệp này đã góp phần đáng kể vào chiến thắng như vũ bão của Hồng quân Liên Xô trước đạo quân Quan Đông Nhật Bản.

Thu Tâm

(Theo An ninh thế giới, số 222)

ĐIỆP VỤ SẴN LÒNG VĨ ĐẠI CỦA ĐIỆP VIÊN THƯỢNG ĐẢNG

Chiến tranh thế giới thứ Hai kết thúc, chàng thanh niên 28 tuổi Angleton đã có một bản dày đặc thành tích đập tan các điệp vụ của Đức. Anh gia nhập CIA và trở thành một trong những nhân vật nổi bật nhất. Angleton được trao cho đặc quyền rất lớn nhằm đảm bảo không cho KGB thâm nhập vào CIA. Nhưng cũng chính nhiệm vụ này đã đẩy ngành tình báo Hoa Kỳ phải hứng chịu thất bại nhục nhã nhất.

* Từ thiên đường xuống địa ngục

Tháng 2 năm 1964, Yuri Nosenko, một điệp viên KGB đã phản bội Tổ quốc đến ngôi biệt thự thiên đường trong mộng của anh ta. Nó khác hoàn toàn với cuộc sống khó khăn và thiếu thốn ở Liên Xô. CIA tìm mọi cách để kẻ phản bội kia hài lòng. Chúng tận tình cung cấp cho Nosenko những điều xi gà Cu Ba hảo hạng, thường xuyên đưa anh ta tới du lịch ở Baltimore và Washington D.C. Tại đây, Nosenko qua đêm với các gái điếm cao cấp do CIA tuyển chọn. Nhưng chỉ một tháng sau, khi Nosenko vừa kịp bén hơi vào cuộc sống sung sướng thì mọi thứ bất chợt kết thúc chỉ trong một đêm. Trong khi đang ngủ say sưa thì anh ta bất chợt bị bốn người đàn ông gi súng vào đầu.

Bọn họ còng tay và lôi anh ta ra ngoài rồi tống cổ vào một thùng xe tải. 5 tiếng sau, Nosenko bị ném vào một thế giới hoàn toàn khác nơi anh ta vừa rời khỏi. Phải đến 3 năm sau, Nosenko mới tìm ra câu trả lời. Trong suốt 3 năm bị giam giữ, anh ta thường xuyên chịu các trận tra tấn tâm lý khủng khiếp, các đợt hỏi cung dồn dập và nỗi ám ảnh rằng tình thế tồi tệ này sẽ kéo dài mãi mãi.

Những điều xảy ra với Nosenko chính là một trong những điều nhục nhã nhất trong lịch sử tình báo Hoa Kỳ. Câu chuyện của Nosenko xảy ra tại một trong những thời gian cực kỳ tăm tối trong trận chiến tình báo thời Chiến tranh lạnh. Cuộc chiến này nổ ra khi Angleton phát hiện ra mình đã để Kim Philby lừa bịp.

Thời còn học ở Đại học Yale, Angleton điều hành một tạp chí văn học của nhà trường và là nhà thẩm mỹ học số một trong các sinh viên tại đây. Sau đó, anh ta được tuyển mộ vào phòng X-2 (phản gián) của OSS (cơ quan tình báo chiến lược Mỹ - giải thể năm 1945). Chiến tranh thế giới Thứ hai kết thúc, chàng thanh niên 28 tuổi này có một bằng dày đặc thành tích đập tan các điệp vụ của Đức và điều tất nhiên là anh ta đã gia nhập CIA và trở thành một trong những nhân vật nổi bật nhất thời kỳ này. Angleton được trao cho đặc quyền rất lớn nhằm đảm bảo không cho KGB thâm nhập vào CIA. Và cũng chính nhiệm vụ đã đưa đẩy họ - Angleton đến với Philby - sếp mới của MI-6 ở Washington năm 1949.



Youri Nosenko

Do có quan hệ công tác gần gũi, Angleton và Philby dần thân thiết. Angleton trở nên ngưỡng mộ tài năng của Philby và chưa bao giờ dám nghi ngờ lòng trung thành của Philby dành cho nước Anh. Năm 1951, sau vụ phản bội của Guy Burgess và Donald Maclean (hai trong số nhóm người Anh quyền lực làm việc cho Liên Xô) thì các nhân viên CIA bắt đầu nghi ngờ Philby chính là nhân vật thứ ba, kẻ đã báo động để Maclean chuồn sớm và cũng là một gián điệp KGB. Angleton cực lực bảo vệ cho Philby do anh ta luôn tin vào cảm tính của mình. Giác quan thứ sáu bảo Angleton rằng, Philby trung thành, do đó chắc chắn Philby không thể nào là kẻ phản bội. Con lốc lên đến đỉnh điểm vào năm 1955 khi các bằng chứng thu thập được chỉ rõ Philby là một điệp viên nằm vùng của KGB. Từ lúc đó, trong đầu Angleton hình thành một giả thiết về vụ lừa đảo tinh vi có quy mô lớn của KGB nhằm vào Phương Tây.

*** Năm được một tên phản bội của KGB...**

Tháng 12 năm đó, một nhân viên KGB tên là Anatoli Golitsin đã phản bội và chạy đến cơ sở của CIA ở Helsinki. Nhờ trước đây làm việc ở trụ sở đầu não của KGB liên quan đến các điệp vụ Tây Âu, Golitsin có cơ hội xem chi tiết danh sách những điệp viên do KGB tuyển mộ. Kết quả là hàng tá điệp viên bị lộ mặt, trong đó nổi bật nhất là nhóm điệp viên có mật danh SAPPHIRE hoạt động trong thượng tầng Chính phủ Pháp. Người này cũng cung cấp những bằng chứng cuối cùng cho thấy Philby làm gián điệp cho KGB từ năm 1934. Điều này khiến Philby phải chạy trốn sang Moscva. Tuy nhiên, những tiết lộ trên chỉ có tầm quan trọng thứ yếu. Giá trị thực sự của

Golitsin - theo quan điểm của Angleton - nằm ở những hiểu biết của người này về âm mưu “đen tối” của KGB nhằm phá hoại tình báo Phương Tây. Được đà, Golitsin rỉ tai Angleton về một cuộc họp đặc biệt của KGB diễn ra ở Moscva năm 1959 mà hẳn ta có may mắn tham gia. Trong cuộc họp này, các quan chức cao cấp KGB phác thảo một kế hoạch “tác động đến nền tảng sức mạnh lý trí của kẻ thù”. Cũng theo Golitsin thì kế hoạch này gồm việc tạo nên một làn sóng những kẻ trá hàng, nhằm tạo ra luồng thông tin giả, đánh lạc hướng Phương Tây. Và đúng như Golitsin dự đoán, đầu năm 1964, một sĩ quan tình báo KGB đã tìm đến CIA, người này tên là Yuri Nosenko.

*** ... và nghi ngờ một tên phản bội thực thụ**

Nosenko từng phục vụ cho tình báo Hải quân. Ba năm sau đó, người ta tiếp tục chuyển Nosenko đến KGB. Vào thời điểm này, làm việc cho KGB được coi là một lựa chọn sáng suốt. Vì KGB đóng một vai trò đặc biệt trong xã hội nên các nhân viên của cơ quan này được hưởng rất nhiều ưu đãi cũng như đặc quyền. Nhưng đến năm 1962, Nosenko tỏ thái độ bất mãn và quyết định bắt liên lạc với CIA. Khi được cử theo một phái đoàn Xô Viết đến Genève tham gia hội nghị giải trừ quân bị, Nosenko xác định được một nhân viên CIA nằm trong phái đoàn Mỹ và ra hiệu muốn nói chuyện. Một lát sau, tại một căn cứ an toàn của CIA, Nosenko tuyên bố anh ta muốn làm gián điệp cho Mỹ nhưng không muốn có bất cứ cuộc gặp gỡ nào với các điệp viên CIA còn cắm trên đất Liên Xô. Sau khi tiết lộ tung tích vài điệp viên KGB hạng “ruồi”, để chứng tỏ thiện ý của mình, Nosenko hứa sẽ liên lạc nếu có thêm tin tức quan trọng, rồi anh ta quay trở lại với

phái đoàn Liên Xô. Một thời gian sau đó, CIA không nhận được tin tức gì từ Nosenko, nhưng số phận anh ta đã bị một tên phản bội khác - Antoli Golitsin - định đoạt. Sau khi được tường thuật lại chi tiết buổi gặp gỡ của Nosenko với CIA, Golitsin ngay lập tức coi đây là vụ trá hàng. Hắn coi câu chuyện rác rưởi của Nosenko chỉ là một loại cổ tích hiện đại nhằm che giấu tung tích siêu điệp viên KGB đang ẩn náu trong hàng ngũ CIA, kẻ đang lật tẩy hàng tá gián điệp CIA đang hoạt động ở Moscva dưới vỏ bọc ngoại giao. Hắn dự đoán tiếp là Nosenko rồi sẽ chạy trốn sang Mỹ với nhiệm vụ đặc biệt là phá hoại uy tín của Golitsin.

Ngày 4 tháng 2 năm 1964, Nosenko lại xuất hiện ở Genève và bắt đầu liên lạc với CIA. Anh ta nói vừa nhận được bức điện triệu hồi về Moscva, một dấu hiệu cho thấy chắc chắn anh ta đã bị nghi ngờ. Anh ta tuyên bố ý định muốn bỏ trốn ngay lập tức. Để chứng tỏ giá trị của mình, Nosenko liền tiết lộ một bí mật bất ngờ. Theo lời Nosenko, vài năm trước có một người Mỹ bất mãn tên là Lee Harvey Oswald đến sống ở Liên Xô. Nosenko được cử đi theo dõi xem liệu đây có phải là người của CIA hay không. Anh ta kết luận là không. KGB đã có ý định tuyển mộ người này nhưng lại thôi vì thấy đây là người thần kinh có vấn đề. Do đó, họ không quan tâm đến Oswald nữa, thậm chí còn cho phép anh ta quay trở lại Mỹ với cô vợ người Nga.

Tình thế Nosenko giờ lại càng đen tối hơn. Golitsin khẳng định nếu Nosenko là một phần của kế hoạch đánh lừa của KGB thì tất cả những điều về Oswald là dối trá. Theo lý luận của Angleton, KGB gửi Nosenko đi trá hàng nhằm đạt nhiều mục đích một lúc, mà một trong số đó là thuyết phục CIA rằng, Nga chẳng liên quan gì đến Oswald cả. Do đó, Angleton suy ra

chắc chắn KGB có liên hệ với Oswald và có thể đã đạo diễn vụ ám sát Tổng thống Kennedy.

Khi chiếc máy bay chở Nosenko hạ cánh xuống Washington, anh ta không biết giông tố đang đợi phía trước. Những đối xử tử tế ban đầu có chủ định làm mềm ý chí kẻ phản bội, làm cho anh ta không được chuẩn bị những thử thách sắp đến. Khi bị giam giữ, Nosenko phải trải qua hàng loạt những loại tra tấn tinh thần làm tê liệt ý chí, khiến anh ta phải thú nhận những giả thiết do Angleton nghĩ ra là sự thật: Yuri Nosenko là kẻ trá hàng nằm trong kế hoạch của KGB có nhiệm vụ đánh lạc hướng CIA về sự dính líu của Nga trong vụ ám sát Tổng thống Kennedy. Thế nhưng, không một biện pháp nào phát huy tác dụng. Hai cai ngục bèn thay đổi nhiệt độ phòng giam từ cực nóng đến lạnh, lôi anh ta dậy để thẩm vấn vào những giờ hết sức quái gở, thỉnh thoảng lại bỏ đói kẻ phản quốc trong vài tuần, không cho hút thuốc, chiếu sáng phòng giam suốt cả ngày để anh ta không ngủ được, gắp gõ các tên hời hợt hung tợn dọa giết anh ta bất cứ lúc nào mà không ai hay. Để chắc chắn hơn, toán thẩm vấn còn trưng ra cho Nosenko vài bằng chứng mà “Điện triệu hồi” là một ví dụ điển hình. Qua một cuộc kiểm tra từ Cục An ninh quốc gia Mỹ (NSA) - cơ quan đã theo dõi phái đoàn Xô Viết trong suốt cuộc đàm phán giải trừ quân bị - thì không hề có bức điện nào có nội dung như Nosenko khai báo được gửi từ Moseva. Việc anh ta tuyên bố mình là một đại tá lại là sự dối trá nữa. Thực tế anh ta là thiếu tá. Nosenko thừa nhận anh ta đã nói dối nhưng chỉ nhằm mục đích làm tăng tầm quan trọng của bản thân để CIA sớm đánh tháo anh ta đến Mỹ mà thôi. Và cho dù phải chịu thêm các cực hình tàn khốc thế nào đi nữa thì Nosenko vẫn khẳng định không chịu thay đổi lời khai, nhất

quyết chỉ khai anh ta thực sự là một kẻ đào tẩu, rằng Lee Harvey Oswald là một gã mất trí mà KGB không muốn thu nạp. Còn đối với Golitsin, theo lời Nosenko - thì KGB vui mừng vì đã tống khứ được hắn đi. Đây là một gã tự cao tự đại đã có lần kiến nghị thay đổi toàn bộ cấu trúc ngành Tình báo Xô Viết mà trong đó hắn sẽ là người lãnh đạo cao nhất.

Sự bướng bỉnh không chịu nhận tội ở đây được Angleton hiểu là Nosenko quyết tâm hy sinh để hoàn thành nhiệm vụ. Do không giải quyết được vụ Nosenko nên Angleton và Golitsin quyết định dành thời gian để tìm ra có bao nhiêu điệp viên trong số đã bị Golitsin khai quật từ đồng hồ sơ cá nhân của CIA. Đầu tiên, con số kẻ bị tình nghi lên đến 120, rồi giảm 50 và danh sách cuối cùng còn 16. Cơ sở duy nhất để nghi ngờ 16 sĩ quan CIA với tội danh nghiêm trọng làm gián điệp chỉ là quá trình Golitsin nghiên cứu hồ sơ cá nhân. Bằng một sự suy diễn bí hiểm mà chỉ có Angleton mới hiểu được, Golitsin đưa ra kết luận xem ai là gián điệp của KGB bằng cách chỉ ra những chi tiết mà hắn gọi là manh mối không thể nhầm lẫn được nằm trong hồ sơ cá nhân của người này.

*** Hậu quả nặng nề và số phận của nhân vật chính**

Sau khi cuộc truy tìm điên rồ của Angleton diễn ra một thời gian thì bộ máy CIA bị phá hoại tởm. Họ không phát hiện ra bất cứ gián điệp nào. Mặc dù vẫn bị giam cầm khổ sở nhưng Nosenko không chịu đổi lời khai trong khi các nhân viên phản gián không tìm ra được bằng chứng nào để kết tội kẻ nghi phạm cứng đầu này. Các vị lãnh đạo cao cấp CIA bắt đầu cảm thấy bồn chồn, ra lệnh cho Angleton phải giải quyết dứt điểm vụ Nosenko ngay lập tức sau vòng thẩm vấn, cuối

cùng Nosenko được thả. Lo lắng vụ này bị phanh phui, CIA trao cho Nosenko một tấm séc 30.000 USD và để hắn làm tư vấn tại cơ quan tình báo này. Trong khi đó, Giám đốc CIA, Richard Helm triệu tập một cuộc họp kín nhằm xét lại trường hợp Nosenko. Kết luận cuối cùng của họ là Nosenko thực sự là một tên phản quốc chạy trốn.



James Jesus Angleton

Lúc Nosenko được minh oan cũng là khởi điểm cho sự kết thúc của Angleton cùng cánh tay phải Golitsin. Ngày càng nhiều lời phàn nàn về Angleton. Năm 1974, giám đốc mới của CIA, William Colby khám phá ra vụ giám đốc Cục Phản gián đã phạm phải rất nhiều trọng tội trong “công cuộc bảo vệ” CIA khỏi các điệp viên KGB hư ảo mà trong đó có việc giam giữ trái phép Nosenko. Angleton còn cả gan phá luật để đặt máy nghe trộm tại tư gia các sĩ quan CIA mà ông ta tình nghi, cũng như bóc trộm thư tín. Người ta buộc Angleton từ chức và chấm dứt hợp tác với Golitsin.

Thế là cuộc “săn lùng vĩ đại” chấm dứt. Một năm sau, người kế vị Angleton là George Kalaris đã tổ chức một buổi nói chuyện bất ngờ. Nội dung của nó là các kỹ thuật phản gián của Liên Xô, còn diễn giả là Yuri Nosenko! Sau đó, các nạn nhân - những nhân viên CIA bị cuộc săn lùng điệp viên tàn phá sự nghiệp - được lặng lẽ bồi thường. Còn Angleton, cho đến lúc chết (cuối năm 1987) vẫn tiếp tục khẳng khái

mình hoàn toàn làm đúng. Nếu còn sống, chắc chắn Angleton sẽ hết sức ngạc nhiên nếu biết được một trong những di chứng mà cuộc chiến do ông ta phát động để lại. Đó là một bản báo cáo dài lê thê được đọc sau một buổi họp diễn ra ngay sau khi ông ta mất ghế nhằm đánh giá những hậu quả của cuộc chiến gián điệp gây ra. Trước hết, nó chỉ ra rằng CIA đã phải chịu những tổn thất nặng nề có thể là do kết quả của một điệp vụ phá hoại của KGB, một điệp vụ được chỉ đạo bởi một siêu điệp viên thượng đẳng của KGB nằm ở tầng chóp của CIA - đó là Angleton!

ĐIỆP VỤ CIA ĐÁNH CẤP THÔNG TIN CỦA LIÊN XÔ DƯỚI ĐÁY BIỂN OKHOSK

Trong thời kỳ Chiến tranh lạnh, giữa CIA và KGB đã diễn ra cuộc đối đầu gay go quyết liệt, tuy không phải bằng súng đạn nhưng các trận đánh “giáp lá cà” ở các buổi lễ hội, các ngõ phố hay những lần đối đầu bằng vệ tinh gián điệp trên không, tàu ngầm nằm sâu dưới đáy biển v.v... tất cả đều làm cho người ta không thể lý giải, phân biệt đâu là thật, đâu là giả. Việc Mỹ sử dụng tàu ngầm hạt nhân bí mật hoạt động và lắp đặt thiết bị nghe trộm điện thoại của hạm đội Thái Bình Dương (Liên Xô) dưới đáy biển Okhotsk là một trong những ví dụ điển hình nhất.

*** Động cơ thúc đẩy**

Nhiệm vụ chủ yếu của thượng tá Bradly, trưởng phòng Tác chiến trên biển, thuộc Cục Tình báo Hải quân Mỹ, là thu thập các yêu cầu tình báo của Cục An ninh quốc gia, Lầu Năm Góc, Nhà Trắng, sau đó lập kế hoạch - thông qua các phương thức như theo dõi hoạt động của tàu ngầm, giám sát việc thử tên lửa, thu thập tín hiệu điện tử của Liên Xô để có được những tin tức tình báo cần thiết. Mỹ vừa phóng một số vệ tinh gián điệp thế hệ mới nhất “Sky eyes”, chúng có thể tiến hành

trình sát các địa điểm phóng tên lửa trên bộ và các xưởng chế tạo tàu ngầm mới nhất của Liên Xô, vậy mà phía hải quân Mỹ đang muốn những chiếc vệ tinh này không chỉ chụp được ảnh loại tàu ngầm mới nhất, mà còn thu thập được các tin tức tình báo có liên quan đến các tính năng của loại tên lửa được Liên Xô lắp đặt trên tàu ngầm mới nhất đó. Sau khi nhận được mệnh lệnh, Bradly dự định điều một chiếc tàu ngầm đặc chủng của hải quân bí mật đột nhập vào vùng biển Okhotsk do Liên Xô kiểm soát nhằm nghe trộm cáp điện có thể được Liên Xô lắp đặt dưới đáy biển. Đầu của dây cáp điện hình như bắt nguồn từ căn cứ tàu ngầm của Liên Xô nằm ở Petropavlovsk, xuyên qua biển Okhotsk tiếp nối với Bộ Tư lệnh hạm đội Thái Bình Dương, sau cùng được nối thẳng về Bộ Tư lệnh hải quân ở Moscva. Nếu như chiếc tàu ngầm đặc chủng của hải quân Mỹ phát hiện và nghe trộm được cáp điện thì Mỹ sẽ xâm nhập được vào lĩnh vực cơ mật nhất của Liên Xô, thu thập được nhiều tin tức tình báo như tính năng kỹ thuật tàu ngầm hạt nhân, dự đoán được khả năng tác chiến, báo cáo thử nghiệm tên lửa vượt đại châu và tên lửa thuộc căn cứ trên biển, ý đồ tác chiến của các quan chức chỉ huy Liên Xô. Nhưng tất cả đều được đặt dấu chấm hỏi: Có đúng là có dây cáp điện của Liên Xô bố trí ở dưới biển Okhotsk không? Và nếu có thì làm thế nào để tìm được nó. Bằng kinh



Bản đồ vùng biển Okhotsk

nghiệm nhiều năm hoạt động tình báo, Bradley biết rằng, các sĩ quan chỉ huy của Liên Xô đóng tại các căn cứ quân sự ở nước ngoài thường xuyên thông báo hoạt động tác chiến của họ cho chỉ huy cấp cao ở trong nước. Do vậy, Liên Xô đã lập ra được một hệ thống mật mã điện báo khổng lồ. Tuy nhiên, các sĩ quan hải quân Liên Xô chưa chắc đã sử dụng hệ thống truyền tin phức tạp mà họ sẽ sử dụng phương pháp truyền tin nhanh và đơn giản. Phương pháp truyền tin này chỉ có thể sử dụng hệ thống cáp điện thoại. Như vậy, đường dây cáp nối từ Petropavlovsk đến Bộ Tư lệnh Hạm đội Thái Bình Dương của Liên Xô nhất định phải đi qua biển Okhotsk.

*** Từ những giả thiết đi đến những quyết định táo bạo**

Khi đặt giả thiết có thể có đường dây cáp điện của Liên Xô dưới đáy biển Okhotsk, Bradley vẫn trầm trọc suy nghĩ dây cáp điện đó sẽ nằm ở vị trí nào dưới đáy biển Okhotsk rộng lớn. Nghĩ đến đây, Bradley nhắm mắt lại và hồi tưởng về thời ấu thơ của mình: Khi còn là một cậu bé, Bradley đã cùng gia đình ngồi tàu thủy qua sông Mississippi, khi qua sông, ngoài việc nhìn thấy mấy bảng chỉ dẫn, Bradley còn nhìn thấy một biển báo: *“Ở đây có dây cáp, cấm không được neo đậu tàu”*. Liên tưởng đến những gì đã nhìn thấy trên sông Mississippi, Bradley đặt giả thiết có khả năng sẽ có biển báo như vậy trên biển Okhotsk, tàu ngầm của Mỹ sẽ dựa vào biển báo này để tìm ra được dây cáp điện. Nghĩ đến đây, Bradley quyết định sẽ điều chiếc tàu ngầm đặc chủng SSGN-587 đến biển Okhotsk tìm kiếm dây cáp điện.

Chiếc tàu SSGN-587 là loại tàu ngầm được thiết kế kém nhất về động lực học thể lưu trong hạm đội tàu ngầm của Mỹ,

dáng vẻ bên ngoài của nó trông như một con quái vật dưới biển, bộ phận bên trên nhô lên trông như bướu con lạc đà, phía sau là khoang tàu trông như mồm của con cá mập lớn. Nhìn bên ngoài con tàu thật không có một chút cảm tình, nhưng nó là loại tàu ngầm đặc chủng lý tưởng, không gian rộng lớn của chiếc tàu có thể lắp đặt được thiết bị gián điệp đặc chủng vì khoang của tàu có đường kính 6,7m. Tháng 2 năm 1965, tàu SSGN-587 được đưa đến cải tiến ở Trân Châu Cảng. Tháng 5 năm 1965, tàu SSGN-587 hoàn tất phần cải tiến. Phía ngoài tàu với đài chỉ huy cao lớn trước đây đã được vứt bỏ, thay vào đó là ăngten và kính tiềm vọng để thu và ngăn chặn thông tin từ các tàu của Liên Xô. Bên trong tàu có một gian phòng kín, một phòng phân tích và một phòng máy tính hiện đại. Ngoài ra, tàu còn có đủ giường nghỉ cho 16 thủy thủ và các nhân viên trinh sát. Đặc biệt, trên tàu có thiết bị chụp ảnh đặc chủng có tên là "Fish", nặng khoảng 2 tấn, dài 3,7m, được lắp thiết bị đặc biệt có thể chụp ảnh trong bóng tối ở độ sâu dưới đáy biển. Năm 1969, Mỹ có những bước tiến vượt bậc về kỹ thuật lặn dưới biển sâu, tàu SSGN-587 lại được cải tiến một lần nữa, nhờ vậy, nó có thể mang theo các thợ lặn tiến hành hoạt động gián điệp ở dưới biển. Đến mùa hè năm 1971, công việc cải tiến đã hoàn thành sơ bộ.

Ngày 22 tháng 10, tàu SSGN-587 bắt đầu rời khỏi căn cứ đến biển Okhotsk. Khi đến Okhotsk, các thủy thủ dễ dàng nhìn thấy núi lửa đang hoạt động thông qua kính tiềm vọng, nhưng điều khiến họ sợ nhất đó là ánh mặt trời, bất cứ ánh phản quang nhỏ nào trên kính tiềm vọng cũng có thể bị máy bay chống tàu ngầm và tàu đánh cá của Liên Xô phát hiện. Thuyền trưởng McNish ra lệnh cho tàu đi theo đường ven biển của Liên Xô, đồng thời cho kính tiềm vọng truy tìm mục tiêu.

Sau một tuần tìm kiếm, họ đã tìm thấy biển báo ở phía Bắc biển Okhotsk giống như lời Bradly đã từng nói, một biển báo được ghi bằng tiếng Nga: *“Cấm neo đậu thuyền ở đây, phía dưới có dây cáp điện”*. McNish ra lệnh thả thiết bị “Fish” ra. Hình ảnh xung quanh được hiện lên qua máy theo dõi. Theo hướng dẫn của máy theo dõi, thiết bị “Fish” bắt đầu chụp ảnh, với tốc độ 24 ảnh/giây. Đến đây các thủy thủ cho rằng họ đã tìm thấy dây cáp điện, nhưng muốn biết chính xác cần phải đợi rửa ảnh xong, mà muốn rửa ảnh thì phải cho tàu nổi lên trên mặt nước. Do đó, họ phải đợi đến đêm mới cho tàu nổi lên. Ở gian phòng kín của con tàu, các thợ ảnh và các nhân viên trong “Nhóm công tác đặc biệt” khi thực hiện rửa ảnh xong đã tận mắt nhìn thấy mục tiêu mà họ cần tìm - dây cáp điện của Liên Xô. Công việc của họ bây giờ là tìm một địa điểm thích hợp gần với đường dây cáp điện. Lúc này cũng chính là lúc các thợ lặn ra tay. Khi tiếp cận được dây cáp điện, các thợ lặn phải gạt bỏ lớp bùn cát phủ trên dây cáp, sau đó bắt đầu lắp thiết bị nghe trộm có kích cỡ như máy ghi âm, bên trong máy được cài thêm một bình ắc quy Urani để cung cấp điện, sau đó họ lắp một máy tiếp nối dạng cảm ứng trùm lên dây cáp điện, lúc này nhân viên trực máy theo dõi nghe rõ tiếng đối thoại bằng tiếng Nga qua dây cáp, các nhân viên trong “Nhóm công tác đặc biệt” thật không thể tin nổi kế hoạch gián điệp mạo hiểm của tình báo hải quân Mỹ lại thành công một cách dễ dàng như vậy. Sau hai tuần hoạt động, tàu SSGN-587 về đến cảng Mali an toàn.

*** Thành công tiếp nối thành công**

Trước khi tàu SSGN-587 rời khỏi vị trí để trở về, băng ghi âm nghe trộm được qua dây cáp điện đã được gửi về Trung

Tâm Trinh sát Điện tử thuộc Cục An ninh quốc gia Mỹ, trung tâm này chuyên giải mật mã và phân tích các tin tức, tín hiệu tình báo mà Bộ Quốc phòng Mỹ có được thông qua tàu ngầm và các phương thức gián điệp khác. Bradley nhanh chóng biết được nội dung đã nghe trộm, tất cả đều là thông tin quân sự của hải quân Liên Xô, như vậy Mỹ lại có thêm một nguồn thông tin tình báo mới. Các vệ tinh gián điệp, máy bay gián điệp, trạm theo dõi có thể theo dõi và nghe trộm được mọi việc làm của Liên Xô, nhưng hệ thống nghe trộm tiên tiến nhất của Mỹ vẫn chưa xâm nhập được vào hệ thống điện thoại hữu tuyến cố định của Liên Xô. Mỹ chỉ có máy vệ tinh tập trung theo dõi ở Moscvơ và bờ biển Bắc của Liên Xô, còn tín hiệu trinh sát từ hạm đội Thái Bình Dương vẫn chỉ là con số không, nên nếu lấy được thông tin qua dây cáp dưới đáy biển Okhotsk thì Mỹ sẽ lấp được chỗ trống này. Bradley tiếp tục lập phương án hành động mới, cần phải nghe được nhanh, nhiều thông tin từ đường dây điện thoại của dây cáp điện. Bradley nghĩ ra ý tưởng nghiên cứu chế tạo một thiết bị nghe trộm có thể làm việc liên tục trong một tháng, thậm chí cả một năm. Nắm bắt được ý tưởng của Bradley, Công ty Bells đã nghiên cứu ra thiết bị đó với trọng lượng nặng 6 tấn, dài 20m, rộng 3m, sử dụng năng lượng hạt nhân để cung cấp điện, thời gian nghe trộm kéo dài trong một năm, có thể nghe được 10 cú điện thoại qua mỗi lần nghe trộm, nếu như lắp ráp vào với dây cáp điện thì một năm sau mới phải



Thiết bị do thợ lặn Mỹ cài dưới đáy biển Okhotsk

quay lại để kiểm tra lấy tin tức. Chuẩn bị xong xuôi mọi việc, Bradly tiến hành hội báo phương án hành động của mình. Sau khi nghe các cuốn băng do tàu SSGN-587 ghi được, các quan chức cấp cao của Mỹ đều nhất trí thông qua kế hoạch của Bradly, đồng thời đặt tên cho kế hoạch này là “Chuông gió”. Ngày 4 tháng 8 năm 1972, tàu SSGN-587 lần thứ hai đến biển Okhotsk, sau khi lắp ráp thiết bị mới vào dây cáp điện, con tàu đã hoạt động dưới biển hơn một tuần, thu thập được khá nhiều cuộc nói chuyện bằng điện thoại của hải quân Liên Xô, sau đó nó tiếp tục quay trở về căn cứ an toàn.

Kế hoạch “Chuông gió” được tiến hành đến năm thứ 10, tức năm 1981, thì cơ quan tình báo Liên Xô phát hiện ra thiết bị nghe trộm dưới đáy biển Okhotsk và cho trục vớt lên. Tuy Mỹ bị mất một “kho vàng tình báo” quý giá nhưng cũng vào thời điểm đó Mỹ đã triển khai một thiết bị nghe trộm khác lắp ráp vào dây cáp điện của Liên Xô trên biển Barents ở Bắc Băng Dương với quy mô ngày càng lớn hơn và khó bị phát hiện hơn.

Phạm Nghiêm Minh

(Theo An ninh thế giới, số 198)

CÚ LỬA NGOẠN MỤC CỦA TÌNH BÁO CU BA

Vào một ngày tháng 7 năm 1987, một thông điệp làm chấn động sở chỉ huy của CIA ở Langley, bang Virginia, dưới dạng một bức điện tín từ một trong những nước là “kẻ thù” hàng đầu của Mỹ. Bức điện đánh dấu sự thất bại của một kế hoạch: DGI (cơ quan tình báo Cuba) đã thành công trong việc điều khiển tất cả 38 điệp viên ngấm của CIA. Tại sao tình báo của một đất nước nhỏ bé thuộc thế giới thứ 3 có thể đánh lừa được CIA với công nghệ cao và đội quân tình báo đồ sộ? Câu trả lời liên quan đến tất cả những nhân tố cơ bản của một kế hoạch.

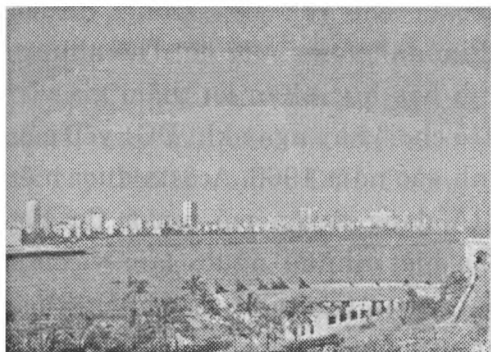
*** Ai điều khiển ai?**

Nội dung bức điện đó như sau: “Nhân danh những điệp viên bảo vệ an ninh quốc gia và những đồng bào đang tranh đấu, chúng tôi gửi đi bức thông điệp cuối cùng này. Chúng tôi đã thông qua quyết định chiến đấu đến cùng, bất kể ở đâu và với phương pháp nào, để chống lại mọi cố gắng ám sát vị lãnh tụ tối cao của chúng tôi, chống lại mọi đe dọa về quân sự, chống lại mọi thủ đoạn cản trở tình đoàn kết quốc tế của chúng tôi, chống lại âm mưu phá hoại cuộc cách mạng của những người Cộng sản. Fidel muôn năm!”.

Mẫu tin trên rõ ràng là một sản phẩm của cơ quan tình

báo Cu Ba (DGI). Nhưng phía dưới ký tên Mateo, biệt hiệu của một trong những gián điệp hàng đầu mà CIA đang cài cắm ở Cu Ba. Thông điệp này không thể nhầm lẫn được: Mateo thực sự làm việc cho DGI. Mẩu tin trên không hoàn toàn bất ngờ đối với CIA. Một tháng trước, một điệp viên là Antonio Rodriguez đã đầu thú CIA. Trong buổi thẩm vấn, Antonio đưa ra một ý kiến khiến người nghe vô cùng sửng sốt. Anh ta không được biết chi tiết, nhưng theo các câu chuyện phiếm tại đầu não DGI ở Havana thì tất cả các điệp viên nằm vùng mà CIA tuyển mộ trong 26 năm qua, thực chất là những điệp viên nằm trong kế hoạch của DGI. Chỉ vài tuần, điều tệ hại nhất đã được khẳng định khi một điệp viên khác của DGI phản bội: Người này có nhiều thông tin chính xác hơn. Astillaga Lombart, trạm trưởng của DGI ở Praha do một mối bởi cuộc sống nghèo nàn, đã cùng bạn gái lái xe qua biên giới vào đất Áo. Ông ta đến thẳng Đại sứ quán Mỹ ở Vienna, tuyên bố ý muốn đầu hàng và lập tức cho họ thấy rằng mình là người có nhiều món hàng có giá trị để trao đổi. Ông ta tiết lộ trước đây mình làm việc ở bộ phận phản gián của DGI. Tại đây, ông ta đã giám sát các điệp vụ chống CIA ở Cu Ba. Ông ta cho biết, DGI đã thành công trong việc điều khiển tất cả 38 điệp viên ngầm mà CIA đã thâm nhập ở Cu Ba từ năm 1961.

Bức thông điệp trên đã làm rõ tất cả những gì mà CIA nghĩ là họ đã biết về Cu Ba thực tế là thông tin giả. Người viết bức điện trên chỉ là một trong số đó. Vài ngày sau, CIA phải xấu hổ khi Đài Truyền hình Trung ương Cu Ba đã chiếu một cuốn phim tài liệu gồm 11 phần với tựa đề *Cuộc chiến của CIA chống Cu Ba*. Nội dung của nó là những cuộc phỏng vấn hàng loạt người Cu Ba (cả nam và nữ), những người mà CIA tin rằng họ đã làm việc cho CIA hàng thập kỷ qua. Cùng với nó là



Thành phố La Habana

những thước phim quay cảnh các điệp viên CIA dưới vỏ bọc ngoại giao ở Havana đang đến các “hòm thư chết” để gửi tài liệu. Dựa theo tường thuật của Astillaga, người Mỹ đã có một báo cáo đánh giá thiệt

hại: từ trước đến nay, CIA đã hoàn toàn bị DGI đánh lừa và loại bỏ hàng loạt điệp viên của CIA ra khỏi Cu Ba. Thậm chí bản báo cáo còn “cân đong” thảm họa này: trong 26 năm qua, 38 điệp viên nằm vùng người Cu Ba đã chịu sự điều khiển của DGI và họ đã giúp Cu Ba tìm ra ít nhất là 179 điệp viên của CIA (24 trong số đó hoạt động dưới chiêu bài ngoại giao đã sớm rời Cu Ba khi CIA biết về thảm kịch của họ). Trong suốt thời gian đó, DGI đã điều khiển tình báo CIA từ Cu Ba và khiến cho CIA bị “mù” hoàn toàn. Thật dễ hiểu tại sao tình báo Mỹ trên đất Cu Ba hiện nay vẫn ở trong tình trạng hết sức tồi tệ.

*** Các điệp viên trên sàn diễn**

Mateo, điệp viên nằm vùng, người đã gửi bức điện cuối cùng nói trên đến tổng hành dinh của CIA, là nguyên mẫu điển hình của các điệp viên CIA thu nhận ở Cu Ba. Anh tên thật là Juan Acosta, một thuyền trưởng tàu đánh cá, một người rất kính trọng Fidel Castro trong suốt cuộc cách mạng. Sau khi Castro lên nắm quyền lãnh đạo năm 1959, Acosta quyết định ở tại Cu Ba. Kiến thức về thế giới tình báo của



*Fidel Castro Chủ tịch
nước Cu Ba*

Acosta chỉ vờ vện trong vài bộ phim anh xem trước đó. Thế nhưng, anh háo hức nhận lời tham gia vào “trò chơi” này ngay khi DGI yêu cầu anh vào năm 1966. Acosta được biết CIA đang tuyển mộ người Cu Ba, đặc biệt những người làm việc từ hải ngoại. Gần như chắc chắn (theo Acosta được thông báo) anh sẽ bị CIA tiếp cận. Khi điều này xảy ra, anh hãy giả vờ chấp nhận và lập tức thông báo cho DGI, họ sẽ lo mọi chuyện còn lại. Người của DGI

hướng dẫn cho anh biết nếu anh bị tuyển mộ, anh sẽ phải khẳng định mình bất mãn về chính trị và cảm thấy hạnh phúc khi cung cấp tin tức tình báo chống lại Castro. Bất kỳ loại tin tức nào CIA yêu cầu, anh sẽ được DGI cung cấp. Đúng như DGI dự đoán, trong một chuyến đến quần đảo Canary, người của CIA đã tiếp cận Acosta. Những người tuyển mộ nói anh sẽ được trả 250 USD mỗi tin (sau này tăng lên 1.700 USD) và hầu hết số tiền này sẽ được chuyển khoản vào một nhà băng ở Mỹ. Một ngày trong tương lai, CIA sẽ đánh tháo anh khỏi Cu Ba và trao cho anh toàn bộ số tiền (cả lợi tức) mà họ đã gửi vào tài khoản cho anh. Acosta bối rối khi bị tuyển mộ bởi anh không có một chút kiến thức nào về quân sự hay các bí mật chính trị. Nhưng sau đó anh đã hiểu ra là CIA quan tâm đến một lĩnh vực khác: Acosta là bạn thân với một số thuyền trưởng tàu chuyên phục vụ cho các nhà lãnh đạo Cu Ba, trong đó có Castro. Trong các chuyến đánh cá thường kỳ hay các trò tiêu khiển trên biển,

Acosta được hướng dẫn thu thập tin tức của các chuyến đi, đặc biệt là thời gian chính xác mà Castro hay rời Cu Ba và trở lại Cu Ba. Acosta cung cấp các báo cáo về mọi động thái của Castro một cách cụ thể, nhưng đó chỉ là tin bịa đặt bởi các cấp trên của anh ở DGI. Chúng chẳng khác gì một mớ hỗn độn với thời gian và ngày tháng giả. Acosta lo lắng những người liên lạc của CIA sẽ khám ra sự lừa bịp này. Thế nhưng, anh lại được khen ngợi bởi từ các tin tức mà anh cung cấp đã khiến CIA kết luận rằng: "Fidel di chuyển một cách có quy luật".

Sự tuyển mộ của CIA đối với những người trung thành với Fidel Castro như Acosta được coi là một thuận lợi đối với DGI. Đó cũng là trường hợp một điệp viên nằm vùng khác của CIA là Rodriguez Mena, làm ở Hãng hàng không Cu Ba. Năm 1966, làm việc trên các chuyến bay quốc tế của Cu Ba, khi anh đến một điểm dừng tại Madrid, một phụ nữ Cu Ba đã tìm đến anh và đề nghị anh làm việc cho CIA. Anh nhận lời, và khi trở về Havana đã báo cáo lại cho DGI. DGI đã chấp nhận cho anh được làm việc và họ tạo ra những tin tức tình báo khiến CIA phải trả cho anh 2.000 USD mỗi tháng. CIA cần những tin tức mà Rodriguez Mena biết về chuyến bay ra hải ngoại của Castro, đặc biệt là những tin tức liên quan đến việc vận chuyển quân đội và vũ khí bằng đường không từ Havana. Anh luôn đảm bảo cung cấp một lượng thông tin đều đặn, anh còn đánh lạc hướng CIA về việc quân đội Cu Ba chuyển về Angola. Rodriguez Mena được coi là ngôi sao sáng trong số các điệp viên nằm vùng người Cu Ba của CIA. Anh luôn giữ vẻ bề ngoài là một người Cu Ba yêu nước nhưng bị Castro làm vỡ mộng một cách rất thành công. Rodriguez Mena đã đánh lừa phương tiện kiểm tra duy nhất của CIA chuyên dùng để kiểm tra sự



Thiết bị kiểm tra nói dối được dùng phổ biến ở Mỹ

thành thật của các điệp viên: máy phát hiện nói dối. CIA có xu hướng quá phụ thuộc vào công nghệ này và phải trả giá đắt. KGB có một phương pháp đánh bại bài kiểm tra nói dối, đã trao cho Cu Ba bí mật này. Thậm chí lĩnh vực công nghệ tình báo được người Mỹ tự hào là dẫn đầu thế giới cũng trở nên ít ấn tượng. Phương pháp phổ biến của họ là tuyển người Cu Ba từ hải ngoại rồi trang bị cho họ công nghệ truyền tin tiên tiến nhất một khi

họ trở lại Cu Ba. Thiết bị được CIA ưa dùng là máy truyền tin CD-501, một thiết bị điện tử kỳ diệu có thể tự động hóa tới 1.596 chữ cái, có chip nhớ có thể lưu dữ liệu tới 30 ngày, có thể truyền chớp nhoáng trong 21 giây và sau đó dữ liệu truyền đi được thu nhận bởi vệ tinh PLTSATCOM (phương thức liên lạc của hải quân). Thế nhưng, điệp viên ngầm của CIA tại Cu Ba lại quan tâm đến “dead drop” (điểm giao tài liệu) những khi phải sửa chữa CD-501. Các điệp viên thường phàn nàn rằng, thứ công nghệ cao này thường xuyên bị hỏng hóc và pin của nó trở nên tồi tệ khi đối mặt với khí hậu nóng ẩm ở Cu Ba. Các điệp viên này cũng không tỏ ra mặn mà lắm với các thiết bị công nghệ tình báo vì chúng có xu hướng thường xuyên hỏng hóc. Trong số này có cả một chiếc radio có vẻ bề ngoài giống như bao chiếc radio khác nhưng bên trong có gắn một bộ phận nhận tin bí mật để ghi lại sóng được phát đi từ Langley và chứa chúng trong một bộ nhớ bí mật. Vào khoảng giữa 19 giờ

và 20 giờ, CIA sẽ truyền các mệnh lệnh và yêu cầu bằng sóng ngắn tới các điệp viên cài cắm ở Cu Ba. Các thông điệp được phát đi bởi một giọng nữ (giống như giọng gái quán bar) và được những người nghe đặt tên là Cynthia. Mỗi thông điệp được mở đầu bằng một nhóm 10 chữ số để cho người nhận biết có bao nhiêu nhóm mã số gồm 4 chữ số sẽ tạo nên thông điệp này. Các điệp viên có một bảng mật mã (loại dùng một lần rồi bỏ) dùng để đọc các thông điệp, một hệ thống rất an toàn và đơn giản (các điệp viên cần rất ít hướng dẫn để có thể sử dụng lại bảng mã dùng một lần này).

* Trò chơi vẫn chưa kết thúc

Trong khi đó, kế hoạch đánh lừa của Cu Ba vẫn đang khẩn trương tiến hành. Theo đánh giá từ Langley, kế hoạch tuyển mộ ở Cu Ba dường như đã thành công một cách đáng kinh ngạc, tạo được hàng loạt điệp viên cài cắm. Danh sách bao gồm cả Eduardo Leal, một nhân viên của Bộ Thông tin Cu Ba. Người này cung cấp tần số mà Castro và các quan chức hàng đầu dùng để liên lạc với nhau và với các lực lượng ở nước ngoài. Leal được coi là gián điệp có giá trị nhất. Anh ta được CIA trả tới 20.000 USD kèm theo là khoản tiền thưởng đặc biệt 10.000 USD và một huân chương đích thân Giám đốc CIA William Cosey tận tay đính lên ngực. Thế nhưng Cục An ninh quốc gia (NSA), nơi sử dụng các tin tức tình báo của Leal để nghe trộm các cuộc đàm thoại của Castro cảm thấy không ấn tượng lắm. Một cách bí hiểm, Castro lần cấp dưới của ông chẳng nói một điều gì quan trọng ở dải sóng đó cả. Vị trí thấp hơn Leal là các điệp viên chuyên cung cấp những thông tin về nông nghiệp, công nghiệp, chính quyền và kinh tế của Cu Ba.

Những thông tin được CIA coi là đã cho họ bức tranh toàn cảnh về Cu Ba. Bản danh sách còn có cả một quan chức trong ngành công nghiệp mía đường, lãnh đạo ngành công nghiệp Amoniac, một quan chức của Liên đoàn Thể thao Cu Ba, một doanh nhân liên quan đến việc buôn bán ở nước ngoài được Chính phủ tài trợ, một số quan chức và chuyên gia khác... Thế nhưng có một sự thật là, cho đến trước khi bức điện trên được gửi đến, Vụ Mỹ - Latinh của CIA không hề cảm thấy nghi ngờ tất cả các gián điệp người Cu Ba của mình. Bức điện trên đánh dấu sự thất bại của một kế hoạch. Sau đó những người dân Cu Ba được xem những bộ phim tài liệu trên truyền hình cảnh các gián điệp CIA đến các hòm thư chết bí mật thu thập các mẫu vật về vụ mùa thuốc lá của Cu Ba, liên lạc chớp nhoáng trên đường phố đông đúc ở Havana và cảnh một điệp viên CIA có mật danh là Angel đang ngồi đợi tại một ghế băng ở công viên, mặc áo sơ mi nhiều màu, mỗi màu ra ám hiệu rằng anh ta "sạch" (không bị theo dõi) hay "bẩn" (bị theo dõi). Kết thúc cuộc chơi bằng ngoại giao, phía Cu Ba đòi triệu hồi một danh sách dài các "nhà ngoại giao" ở trạm Havana. Để trả đũa, Mỹ trục xuất hai tùy viên người Cu Ba ở Washington.

Có một công trình kỷ niệm các chiến công của DGI hiện nay vẫn còn ở Havana. Đó là Bảo tàng an ninh quốc gia trưng bày các phương tiện của CIA mà DGI thu thập được qua vô số các điệp vụ của mình, trong đó có cả các mô hình thu nhỏ của các máy truyền tin.

CÁC ĐIỆP VỤ CỦA ANT4 TRONG CHIẾN DỊCH HỒ CHÍ MINH LỊCH SỬ

Trong Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, hơn 13.000 cán bộ công an ở khắp mọi miền đất nước vinh dự được trực tiếp tham gia, có mặt ở nhiều nơi, lập nhiều thành tích vẻ vang, góp phần vào chiến thắng chung của dân tộc, ở đây chỉ hệ thống lại một số hoạt động của các chiến sĩ điệp báo an ninh Đặc khu Sài Gòn - Gia Định (ANT4) trong những ngày gần cuối của chiến dịch.

Huỳnh Bá Thành (họa sĩ Ớt), cán bộ điệp báo ANT4, thuộc cụm điệp báo A10, trong vai một ký giả, hoạt động trong giới trí thức, sinh viên, nhà báo, nhà văn, nhóm “lực lượng thứ ba”, nghị sĩ đối lập. Anh được chỉ thị thâm nhập nhóm thân Dương Văn Minh từ năm 1971, thường lui tới tư dinh tướng Minh và có quan hệ tương đối gần gũi với ông ta. Ngày 15, 16 tháng 4, ta giải phóng Phan Rang. Ngày 21 tháng 4, giải phóng Xuân Lộc. Dịch hoang mang, tuyệt vọng. Thực hiện sự chỉ đạo của lãnh đạo ANT4 là cần mở rộng tuyên truyền công khai thắng lợi to lớn của quân và dân ta trên khắp mặt trận, Huỳnh Bá Thành thúc đẩy nhóm thân Dương Văn Minh ra bản tin công khai, phát cho 40 đoàn thể công khai và báo ở nội thành. Những tin tức đăng trong các tin báo đó là do các đồng chí trong cụm A10 dựa vào Đài Phát thanh Giải phóng và Đài

Tiếng nói Việt Nam mà biên soạn và cung cấp. Cụm A10 thúc đẩy nhóm Dương Văn Minh đứng ra làm bình phong và liên kết với 40 đoàn thể, phong trào quần chúng cách mạng, tiến bộ, đấu tranh đòi lật đổ Thiệu. Trước sức ép do liên tiếp thất bại trên chiến trường, nhất là sức đấu tranh của công luận, của quần chúng cách mạng và các lực lượng tiến bộ, ngày 21 tháng 4, Thiệu ngậm ngùi đọc diễn văn tuyên bố từ chức. Việc Thiệu trao quyền cho Trần Văn Hương đã 71 tuổi làm cho Dương Văn Minh và những người thân tín của ông thất vọng và bức tức. Đây là mâu thuẫn có thể khai thác và lợi dụng được. Dựa vào tin tức thu được trên Đài Tiếng nói Việt Nam và Đài Phát thanh Giải phóng, cụm A10 tác động vào các dân biểu đối lập như Lý Quý Chung, Nguyễn Văn Chung, Dương Văn Ba... cùng ra bản tuyên bố chống “Chính phủ Thiệu không có Thiệu”, đòi Trần Văn Hương phải từ chức.

Cụm A10 cùng văn phòng báo chí Dương Văn Minh tổ chức họp báo gồm cả báo trong nước và nước ngoài. Để chuẩn bị họp báo, cụm A10 đã in tuyên cáo (dịch ra cả tiếng Anh và Pháp). Cuộc họp báo thành công, thu hút được trên 40 đoàn thể và báo giới tham gia. Tuyên cáo 3 thứ tiếng được phát cho mọi người.

Sáng ngày 25 tháng 4, nhằm lúc nhóm dân biểu phản động trong thượng nghị sĩ nhóm họp, chuẩn bị làm lễ tấn phong Trần Văn Hương, nhóm dân biểu đối lập đã phân phát tuyên cáo chung của 40 đoàn thể báo giới đòi Trần Văn Hương phải từ chức. Hội trường rối loạn. Dân biểu Lý Quý Chung đoạt micro đọc bản tuyên cáo. Cuộc “tấn phong” thất bại.

Ngày 28 tháng 4, các hướng, các mũi quân chủ lực của ta đã đến sát cửa ngõ Sài Gòn, chỉ chờ lệnh là tấn công. Dư luận

trong dân chúng và binh sĩ xôn xao, nếu Chính phủ Trần Văn Hương ngoan cố, Cách mạng sẽ tấn công. Trong ngày, Cao Văn Viên, Tổng tham mưu trưởng quân đội ngụy, vừa ký xong lệnh “Tử thủ đến cùng trên mảnh đất còn lại” thì y đã vội chuồn ra nước ngoài. Nguyễn Bá Cẩn cũng chuồn luôn. 17 giờ hôm đó, Trần Văn Hương buộc phải tuyên bố trao quyền lại cho Dương Văn Minh.

Trên thực tế, khi lên thay Trần Văn Hương, Dương Văn Minh không thể làm gì hơn để lật lại thế cờ. Vì thế, làm cho Dương Văn Minh chấp nhận đầu hàng không điều kiện là chủ trương sáng suốt và tinh táo của Đảng ta trong chỉ đạo chiến dịch.

Bằng nhiều con đường, điệp báo viên ANT4 đã có người tiếp cận Dương Văn Minh.

Ông Nguyễn Khắc Thuận, một cơ sở điệp báo của ANT4 là vận động viên quần vợt, đã từng so vợt với Dương Văn Minh. Theo hướng dẫn của đồng chí Ba Dũng, ủy viên Ban ANT4, ông Thuận đã gây dựng được quan hệ thân thiết với Dương Văn Minh. Từ khi Thiệu từ chức, ta nhận định có khả năng Dương Văn Minh sẽ được đưa lên làm Tổng thống. Ông Thuận thường luôn có mặt tại tư dinh của Dương Văn Minh. Khi tướng Minh lên làm Tổng thống, ông Thuận trở thành cố vấn của Minh. Được sự chỉ đạo của Ban ANT4, ông Thuận nói với tướng Minh: “Tôi là đại diện của Mặt trận, Mặt trận yêu cầu anh phải đầu hàng, nếu không hành động kịp thời sẽ thân bại danh liệt”.

Anh Nguyễn Hữu Thái được chỉ đạo tìm cách tiếp cận Dương Văn Minh từ trước khi Minh trở thành Tổng thống. Sáng ngày 30 tháng 4, Thái cũng có mặt tại Dinh Độc Lập. Thái đã góp phần thúc đẩy Dương Văn Minh đầu hàng và tổ

chức ghi âm lời tuyên bố của Dương Văn Minh phát trên Đài Sài Gòn trưa ngày 30 tháng 4.

Trong khi các lực lượng của ta tiến công và chiếm lĩnh các vị trí, nhiều chiến sĩ điệp báo và cơ sở điệp báo ANT4 đã làm nhiệm vụ liên lạc dẫn đường, khéo léo tác động để sĩ quan, binh lính địch bỏ trốn, hoặc đơn phương ngừng bắn... tạo điều kiện cho việc tiến công chiếm lĩnh của chúng ta thực hiện được thuận lợi và trọn vẹn.

13 giờ ngày 30 tháng 4, một mũi tiến công của ANT4 đánh chiếm Bộ Tư lệnh Cảnh sát quốc gia ngụy. Lúc này bọn địch ở đây đã tháo chạy hết. Một nhân viên cảnh sát đặc biệt ngụy là cơ sở bí mật của ANT4, làm việc trong Ban thẩm vấn đã đón lực lượng ta và hướng dẫn đến chốt giữ bảo vệ các khu: lưu trữ hồ sơ, cảnh sát đặc biệt, truyền tin, căn cước và các kho tàng.

Đồng chí Bảo Việt và một số cán bộ điệp báo hoạt động trong biệt đoàn Lôi Hồ. Khi biệt đoàn này được điều động đến bảo vệ Bộ Tổng tham mưu, nhằm lúc tâm lý binh lính địch hoang mang, Bảo Việt đã tác động để tên thiếu tá trưởng phòng 3 cùng bỏ trốn với binh lính, giao chìa khóa các phòng tài liệu lại cho anh.

Tại trụ sở Tổng Liên đoàn Lao động Trần Quốc Biếu, ngày 28 tháng 4, Biếu và tay chân thân tín đã trốn hết. Trần Quang Sang, ủy viên Ban chấp hành, cơ sở điệp báo của ANT4, theo chỉ đạo đã lập một "Ban đại diện" (gồm 4 người) do Sang phụ trách. Là "thủ lĩnh mới", anh yêu cầu tập trung 12 súng trường và 6 súng ngắn cất vào kho. Thủ lĩnh giữ chìa khóa. Sáng ngày 30 tháng 4, tại trụ sở cơ quan sặc mùi phản động này xuất hiện một lá cờ Mặt trận giải phóng và 2 băng

khẩu hiệu với dòng chữ *“Nhiệt liệt chào mừng Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam”, “Hoan nghênh bộ đội ta vào giải phóng thành phố”*.

Thành tích của các chiến sĩ điệp báo an ninh Đặc khu Sài Gòn - Gia Định trong Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử chắc chắn còn nhiều, một phần nào đó 25 năm qua đã được sách vở, báo chí và đồng chí, đồng đội nhắc đến. Nhưng do tính đặc trưng của hoạt động tình báo nên hiện nay có những chiến công thâm lặng, hiển hách mà chúng ta vẫn chưa biết hết được.

ĐIỆP VỤ “NHỮ MỒ” - VỤ ÁN GIÁN ĐIỆP LỚN NHẤT NƯỚC NGÀ THỜI HẬU XÔ VIẾT

Trong vòng kiểm tỏa của các nhân viên hộ tống, Zaporozski đã thét lên một cách đầy tuyệt vọng, chẳng khác gì một con thú vừa bị sập bẫy. Ngày 11 tháng 6 năm 2003, tòa án quân sự Moscva đã đưa ra phán quyết cuối cùng về tội danh phản bội Tổ quốc của Aleksandr Zaporozski với bản án khá nghiêm khắc: 18 năm tù giam.

* Như điều gặp gió

Aleksandr Zaporozski sinh ngày 29 tháng 8 năm 1950 tại Gruzia. Sau khi tốt nghiệp phổ thông, anh ta vào làm thợ nguội tại nhà máy Thủy điện Tbilisi. Zaporozski tốt nghiệp trường đào tạo các phiên dịch viên quân sự sau khi nhập ngũ. Năm 1975, anh ta được nhận vào KGB. Bốn năm sau, Zaporozski thực hiện chuyển công tác nước ngoài đầu tiên có thời hạn 5 năm tại Ethiopia. Trở về sau chuyến công tác tại Ethiopia lần thứ hai, Zaporozski hầu như đã có được tất cả những gì mà bất cứ một người dân thường nào tại Liên Xô thời đó cũng đều mơ ước: chiếc xe Volga mới, nhà nghỉ, ti vi, cassette... và còn có cả hai căn hộ nữa.

Zaporozski gây được ấn tượng khá tốt đối với cấp trên. Cho dù không có được thành tích nổi bật tại Ethiopia, anh ta vẫn biết cách "thể hiện" kết quả hoạt động của mình và còn được tặng thưởng huân chương. Zaporozski luôn được đánh giá là một điệp viên chuyên nghiệp và chuyên gia phân tích trong thông tin có hạng. Chuyển sang làm việc cho Cục Phản gián Đối ngoại, Zaporozski trực tiếp tham gia nhiều công việc khá quan trọng như tìm kiếm những kẻ phản bội trong nội bộ, theo dõi tất cả những nhân viên đáng ngờ. Năm 1994, Zaporozski được thăng chức làm phó chỉ huy một ban quan trọng nhất chuyên về Châu Mỹ của VKR (Cơ quan Phản gián quân đội).

*** Tên phản bội bị phát giác**

Những hồi chuông cảnh báo đầu tiên trong các cơ quan tình báo Nga đã vang lên từ đầu năm 1997, sau khi một vài chiến dịch do SVR (Cơ quan Tình báo Đối ngoại Nga) phối hợp tổ chức cùng FSB (Cơ quan An ninh Liên bang Nga) đã bị phía Mỹ dễ dàng vô hiệu hóa. Trong cơ quan phản gián bắt đầu xuất hiện những nghi ngờ: Nội bộ của SVR có kẻ nội gián cho Mỹ. Tuy nhiên, bước đầu mới chỉ là những phỏng đoán, cần phải được kiểm tra một cách tỉ mỉ và kỹ lưỡng. Theo lời kể của các đồng nghiệp, Zaporozski đã có thái độ lo lắng khá rõ khi biết được về những mối nghi ngờ này. Nhiều lần, các đồng nghiệp bắt gặp viên đại tá này bắt đầu ngày làm việc mới bằng một cốc rượu whisky to. Nhưng mọi người chỉ coi đây là nguyên nhân của những công việc căng thẳng. Đến ngày 8 năm 1997, Zaporozski bất ngờ đệ đơn xin thôi việc vì lý do bệnh tật. Điều này thật vô lý vì mọi người đều biết ông ta rất khỏe mạnh.

Nguyên nhân của thái độ vội vã kỳ quặc này chỉ mới được làm rõ về sau này, khi FSB và SVR đã thu hẹp dần dần vòng vây nghi vấn để có thể đưa ra kết luận: Tên phản bội chính là Zaporozski.



Lối vào trụ sở của CIA ở Langley, Virginia

Đáng tiếc là điều này đã xảy ra quá muộn.

Hiện giờ vẫn chưa ai làm rõ được động cơ phản bội Tổ quốc của Zaporozski. Một số người cho rằng, nó xuất phát từ tham vọng không có giới hạn của Zaporozski, về việc ông ta luôn cho mình “cao hơn một cái đầu” so với cấp chỉ huy của mình, trong khi bản thân không còn triển vọng thăng tiến thêm. Một số khác lại nghiêng về thói háms lợi và tham tiền của Zaporozski.

Có điều chắc chắn, Zaporozski đã chủ động tìm cách tiếp xúc với CIA trong một chuyến đi công tác ngắn ngày của mình tại Châu Mỹ - La tinh hồi giữa năm 1990. Sự xuất hiện của Zaporozski đã khiến cho cơ quan đầu não của CIA tại Langley hết sức hân hoan. Hoạt động của hấn ta trong cơ quan tình báo Nga từ lâu không còn là chuyện bí mật đối với người Mỹ. Hồi đầu năm đó, Zaporozski còn được công khai giới thiệu với tùy viên hợp pháp của CIA tại Moscva. Trước đó, ông ta từng có khá nhiều lần gặp gỡ các “đồng nghiệp từ bên kia đại dương” tại một số cuộc đàm phán trong và ngoài nước.

Đã từ lâu, người Mỹ không có được nguồn cung cấp tin quý giá tới mức này. Vì an toàn của nguồn tin, họ sẵn sàng chấp nhận bất cứ một nhượng bộ nào. Tuy nhiên, Zaporozski

đã không đòi hỏi gì nhiều, ngoài việc phải tuân thủ nguyên tắc hoạt động bí mật một cách tối đa. Cụ thể theo yêu cầu của ông ta, mọi cuộc tiếp xúc với CIA cần phải được diễn ra ngoài biên giới nước Nga. Để phối hợp hoạt động với “siêu điệp viên” này, phía Mỹ đã biệt phái hẳn một chuyên gia tình báo có nhiều kinh nghiệm. Theo một số đánh giá, nhân vật làm liên lạc viên cho Zaporozski có thể là William Ortman, một chuyên gia tình báo tại các nước Châu Mỹ - La tinh. Sau khi Zaporozski chạy trốn, đây là kẻ có mối quan hệ chặt chẽ nhất và là vị khách thường xuyên có mặt trong nhà hắn ta. Cần nhắc tới một tên tuổi nữa là Steven Kappes - kẻ từng chỉ huy bộ phận tình báo CIA tại Moseva vào thời đó và sau cũng trở thành bạn thân của Zaporozski. Hai nhân vật trên đã có ảnh hưởng khá lớn đến số phận của tên phản bội.

Lúc biết được về những nghi ngờ của Cơ quan Phản gián Nga, Zaporozski đã hiểu rằng: Ngay sau khi CIA và FBI bắt đầu “áp dụng” những thông tin nhận được từ hắn ta, bản thân hắn sẽ không tránh khỏi nút thông lọng đang siết chặt dần. Tháng 12 năm 1997, Zaporozski xin thôi việc trong cơ quan tình báo. Ông ta ngay lập tức cắt bỏ mọi liên hệ với thế giới trước đó. Không ai biết được ông ta đang ở đâu và đang làm gì. Hiếm hoi lắm, Zaporozski mới gọi điện cho một số đồng nghiệp cũ, nhưng khi được hỏi xin số điện thoại, hắn ngay lập tức tìm cách thoái thác. Điều duy nhất mà hắn tiết lộ: Đó là đang “hoạt động kinh doanh” qua lại giữa Kaliningrad và St.Peterburg nên không có chỗ ở cố định.

Về sau mọi người mới được biết, đến tháng 4 năm 1998, Zaporozski đã bí mật bay sang Praha để gặp gỡ với các nhân viên CIA. Zaporozski yêu cầu phải chuyển hết gia đình của

mình sang Mỹ. Đích thân Kappes đã đứng ra trực tiếp chỉ đạo chiến dịch này. Gia đình Zaporozski rời khỏi Moscva vào tháng 6 tháng 1998 mà không nói với ai một lời nào. Chỉ có bà vợ Galina tiết lộ với hàng xóm xung quanh rằng ông chồng đang chuẩn bị cho chuyến đi công tác mới vì mọi người xung quanh vẫn nghĩ Zaporozski là một sĩ quan SVR như trước đây. Theo quy định chung, Zaporozski - với tư cách là một người từng được tiếp xúc với các tài liệu mật - trong vòng 5 năm không được phép ra nước ngoài. Nhưng khi nghỉ việc, hắn đã không trao trả cuốn hộ chiếu đi nước ngoài của mình. Sự cẩu thả này đã khiến Cơ quan Tình báo Nga phải trả giá khá đắt.

*** Chiến dịch “nhử mối” bắt đầu - Tên phản bội bị trừng trị**

Khi Cơ quan Phản gián Nga thất vòng vây nghi ngờ đến nút cuối cùng thì Zaporozski đang sống nhõn nhõ tại Mỹ. Những kế hoạch xử lý kẻ phản bội tương tự như ám sát hay bắt cóc đều có vẻ “không mấy hợp thời” nữa. Vấn đề là làm sao để có thể lôi kéo Zaporozski quay trở lại nước Nga. Chỉ còn một phương án duy nhất: Trước tiên là củng cố lòng tin của hắn về việc chưa ai biết gì về vụ phản bội này, cũng như không ai đe dọa hắn tại nước Nga. Bước tiếp theo là nhử hắn quay trở về... Nhưng kế hoạch như vậy dường như chưa từng có trong lịch sử tình báo của Liên Xô trước đây, cũng như của Nga hiện nay. Thật ra, cũng từng có hai chiến dịch có điểm tương tự mang tên “Trest” và “Syndicat” hồi những năm 20, khi các cơ quan mật vụ nhử thành công Boris Savinkov và điệp viên người Anh là Sidney Reilly (vốn được coi là nguyên mẫu của điệp viên 007 James Bond). Nhưng

trong khi Savinkov chỉ là một đảng viên Đảng Xã hội Cách mạng, còn Reilly là một kẻ có tính phiêu lưu, Zaporozski lại là một cựu đại tá tình báo. Đánh lừa một kẻ mới hôm qua còn cùng chung chiến hào, đồng thời hiểu rõ tất cả những "mánh lới" và cạm bẫy trong nghề quả thực là chuyện không phải đơn giản.

Trong khi đó, "Tổ quốc mới" đã đón tiếp Zaporozski khá chu đáo. Chỉ sau nửa năm, hắn đã được nhận "thẻ xanh" (một dạng giấy phép cư trú thường chỉ được trao cho những người đang sống tại Mỹ từ 5 năm trở lên). Zaporozski cùng gia đình chuyển tới sống tại một biệt thự 3 tầng ở ngoại ô Baltimor. Theo một nguồn tin công khai, tiền mua ngôi nhà này (khoảng 300 ngàn USD), Zaporozski đã kiếm được khi làm một chân cố vấn tại Công ty Water Shipping Co... Nhưng đó là chuyện không mấy ai có thể tin cậy (ngay sau phiên tòa xét xử Zaporozski, các phóng viên Mỹ đã không thể tìm ra được một công ty có cái tên như vậy). Thực ra, kẻ phản bội này đã nhận được từ người Mỹ tới hơn nửa triệu USD. Cần nói thêm là FBI cũng tham gia chia sẻ "phần bánh này": Ngoài việc cộng tác với CIA, Zaporozski còn tư vấn rất tích cực cho cơ quan đảm trách về phản gián hàng đầu của Mỹ.



*Biểu tượng của Cơ quan
An ninh Liên bang Nga*

Nhưng lượng thông tin quý

giá để bán dần dần cũng cạn, kéo theo khoản tiền “bồi dưỡng” cũng ít dần. Zaporozski buộc phải nghĩ đến cách tìm những nguồn thông tin mới. Hắn đã nghĩ ngay tới các đồng nghiệp cũ. Nhiều lần, hắn đã tìm cách tiếp cận với các nhân viên SVR đang hoạt động ở nước ngoài nhằm đề nghị hợp tác. Zaporozski cũng thường xuyên liên lạc với Moscva, đặc biệt là những đồng nghiệp đang chuẩn bị nghỉ hưu. Đây chính là cơ sở cho chiến dịch “nhử mồi” được FSB và SVR phối hợp tổ chức. Đến năm 1999, Zaporozski đã có một quyết định thiếu thận trọng khi quay trở lại Moscva mà không có mục đích cụ thể. Cơ quan Phản gián Nga đã biết được điều này, nhưng chưa vội vàng hành động. Nếu như tên gián điệp đã tới đây lần đầu, nhất định sẽ có những lần tiếp theo, với những nhiệm vụ cụ thể và quan trọng hơn.

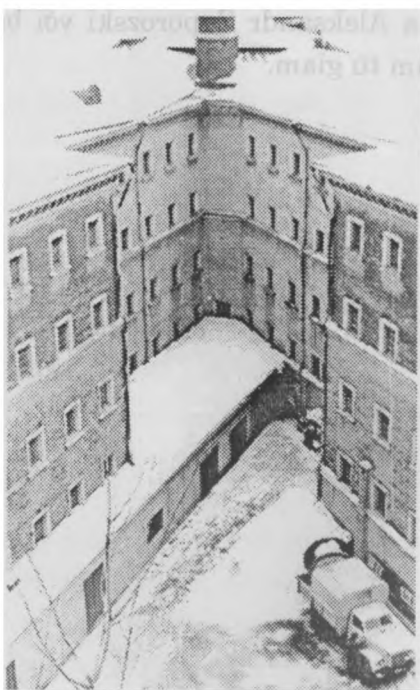
Tháng 10 năm 2000, viên phó chỉ huy bộ phận tình báo của SVR tại New York là Sergey Tretiakov đã trốn sang Mỹ. Chỉ hai tháng tiếp sau là vụ đào ngũ của một sĩ quan an ninh trong đại sứ quán Nga tại Ottawa và nhân viên phản gián đối ngoại của SVR là Evgheny Toropov. Đối với Zaporozski, đây là một thời điểm thuận lợi nhất để có thể công khai quay lại Moscva. Hắn đã có “bằng chứng ngoại phạm”: Tất cả những thất bại trước có thể đổ lỗi cho hai tên phản bội vừa qua, hơn nữa Toropov còn từng làm việc chung một ban với hắn. Zaporozski thậm chí đã gọi điện về cho các đồng nghiệp cũ tại Moscva, bày tỏ “sự công phần” của mình trước những kẻ phản bội!

Mọi việc tất nhiên không thể qua được mắt của SVR và FSB. Họ đang tập trung vào những “chiêu cuối cùng” nhằm nhanh chóng dụ Zaporozski về Moscva.

CIA cũng muốn cho điệp viên của mình nhanh chóng trở lại Moscva. Họ đã lập sẵn một danh sách các nhân viên và cả cựu nhân viên các cơ quan mật vụ Nga, những người mà Zaporozski phải gặp gỡ để khôi phục lại quan hệ. Quyết định dứt khoát đã được Zaporozski đưa ra vào hè năm 2001, khi Cơ quan Phản gián Nga đưa ra một đòn tâm lý cuối cùng. Trong những lần điện thoại trước đó, các cựu đồng nghiệp của Zaporozski luôn phàn nàn về việc thiếu tiền. Họ “nài nỉ” Zaporozski tài trợ cho lễ kỷ niệm 30 năm của Cơ quan Phản gián Đối ngoại sẽ được tổ chức vào tháng 11. “Cậu bây giờ đã là một thương gia - họ thuyết phục - tiền bạc không còn là chuyện khó khăn nữa.

Tất cả hy vọng đều dồn vào cậu”. Sau khi các chỉ đạo viên Kappes và Ortman đồng ý, Zaporozski đã quay trở lại Moscva vào ngày 9 tháng 11. Trong chiếc cặp hần mang theo là một danh sách những “đối tượng có thể tuyển mộ”, còn trong ví là một chiếc vé khứ hồi cùng với 10 ngàn USD “tiền tài trợ”.

Kế hoạch dạo chơi với các đồng nghiệp cũ đã không thành hiện thực. Ngay sau khi đặt chân



Nhà tù Lefortovo

xuống sân bay Sheremetrevo - Moscva, “nhân vật đặc biệt” đã được mời ngay lên chiếc xe con đậu sát đường băng. Đến khi bị ép chặt giữa các nhân viên an ninh Nga, Zaporozski mới hiểu được chuyện gì xảy ra với mình. Từ thời điểm này đối với hắn, căn nhà ấm cúng tại Baltimor, vợ con và bạn bè... tất cả đều không còn ý nghĩa nữa. Trong vòng kiểm tỏa của các nhân viên hộ tống, Zaporozski đã thét lên một cách đầy tuyệt vọng, chẳng khác gì một con thú vừa bị sập bẫy. Từ sân bay Sheremetrevo, hắn bị áp giải ngay tới nhà tù Lefortovo. Hoạt động điều tra vụ phản bội của Zaporozski đã kéo dài trong suốt nửa năm. Ngày 11 tháng 6 năm 2003, Tòa án quân sự Moscva đã đưa ra phán quyết cuối cùng về tội danh phản bội Tổ quốc của Aleksandr Zaporozski với bản án khá nghiêm khắc: 18 năm tù giam.

II - NHỮNG ÔNG TRÙM

FRANCIS WALSINGHAM

ÔNG TỔ CỦA NGÀNH PHẢN GIÁN ANH QUỐC

*Thời của Nữ hoàng Elizabeth và
đôi địch của bà - Nữ hoàng Maria
Stuart - để lại dấu ấn trong lịch sử
nước Anh như một trong những
thời bi thảm nhất. Hoạt động của
Francis Walsingham (1530-1590)
được coi là người sáng lập ra
ngành phản gián Anh cũng gắn
liền với thời kỳ này.*



Thật ra việc khẳng định Francis Walsingham - người sáng lập ra ngành phản gián Anh - vẫn còn là vấn đề tranh cãi. Nhìn rộng ra thì chính Nữ hoàng Elizabeth Đệ nhất mà phần lớn qua Cecil William đã được phong tước là huân tước Burghley mới là người sáng lập ra nền phản gián của Anh. Trong suốt 40 năm ròng, huân tước thực sự là bộ trưởng thứ nhất của Nữ hoàng, bất kể ông giữ trọng trách gì. Và trong suốt thời gian ấy, huân tước đã chỉ huy đội an ninh mật mà trước đó theo lệnh của vua Henry VIII là do Hội đồng cơ mật điều hành.

Trợ lý đầu tiên của huân tước là Nicolas Tromocton, một

con người ranh mãnh xảo quyệt, một thần dân trung thành với Nữ hoàng. Và theo đúng quy định thời đó, Nicolas Tromocton vừa là đại sứ của Anh tại Pháp vừa là cơ sở của phản gián. Chính ông là người đã phát hiện ra chàng trai Francis Walsingham tài năng, hướng chàng thanh niên vào hoạt động phản gián và trở thành người kế cận sau này.

* Một tài năng được phát hiện

Francis sinh năm 1530 trong một gia đình luật gia nổi tiếng có họ xa với Nữ hoàng, hầu như mọi đứa trẻ quý tộc độ tuổi ấy đều trong một chừng mực nhất định có họ hàng với nhau.

Tuổi trẻ của Francis không có gì nổi trội: chàng trai học ở Cambridge, trường luật, nghiên cứu và thực hành luật ở trung tâm văn hóa danh tiếng của Italia, giao du với các chàng trai thông minh tài giỏi ở Florence và Venezia. Francis say mê nghiên cứu cuốn *Bá tước* của Machiavelli và đó cũng là dịp và cơ để làm quen và tranh luận với đại sứ Anh tại Paris, ngài Nicolas Tromocton, một tín đồ và môn đệ của tác giả này.

Năm 28 tuổi, Francis trở về Anh và sau vài năm sống ở làng quê, vào năm 1568 bắt đầu làm việc trong triều đình. Huân tước xứ Burghley đã đề ý trao cho chàng trai những nhiệm vụ quan trọng thuộc phạm vi tình báo và phản gián. Khi ấy, vấn đề “nóng hổi” là ngăn chặn những vụ mưu sát có thể xảy ra với Nữ hoàng, nên đó cũng chính là mối quan tâm hàng đầu của điệp viên mới vào nghề Francis Walsingham.

Để phát hiện những kẻ có thể là chủ mưu nổi loạn, Francis đã thỏa thuận với thị trưởng thành phố Luân Đôn yêu cầu

những người nước ngoài phải đăng ký hiện diện và hàng tuần lập danh sách những người thuê nhà ở thủ đô.

Trong hai năm 1570-1572, Walsingham là đại sứ Anh đồng thời là cơ sở của phản gián Anh tại Paris. Về cơ bản Walsingham tiếp tục điều hành mạng lưới phản



*Nữ hoàng Elizabeth Đệ nhất
và Francis Walsingham*

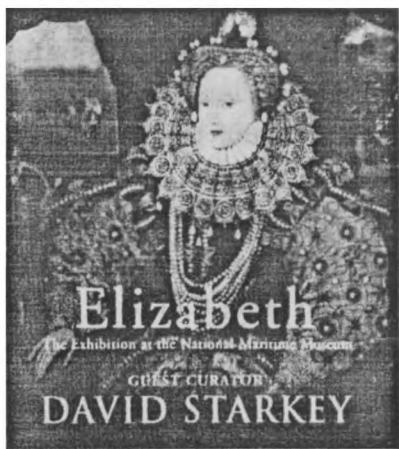
gián do huân tước Burghley và Nicolas Tromocton đã tạo dựng. Sau này ông đã tự gây dựng mạng lưới của chính mình, không chút phân biệt đối xử, tuyển chọn cả bọn tội phạm, giết người, phiêu lưu mạo hiểm, thanh toán với họ rất hào phóng. Ông thường nói: “Không có mức thù lao nào quá cao cho những tin tức cần thiết và giá trị”.

Walsingham không bao giờ sử dụng các điệp viên và thám tử của mình để khuếch trương quyền lực thanh thế. Ông toàn tâm toàn ý trung thành tuyệt đối với Nữ hoàng cho dù có đôi lúc tranh cãi với Người. Ngược lại, Nữ hoàng đánh giá ông rất cao, thường thân mật gọi ông là “người Môrô”, có lẽ do màu tóc đen và nước da ngăm ngăm của ông.

*** Chính thức đứng đầu cơ quan phản gián Anh**

Năm 1572, huân tước Burghley nhậm chức thủ tướng và cho triệu Walsingham từ Paris về. Từ năm 1573, ông chính thức đứng đầu phản gián Anh cho dù huân tước vẫn nắm quyền lãnh đạo chung.

Nhiệm vụ chính của phản gián là ngăn chặn mọi âm mưu tạo phản đối với Nữ hoàng và vạch trần mọi kế hoạch của nhà vua Tây Ban Nha Philip đệ nhị cùng đồng minh của ông ta, trong đó có vụ huấn luyện quân để đổ bộ vào Anh. Ngoài ra còn một nhiệm vụ khác gián tiếp nhưng lại rất quan trọng, đó là duy trì cuộc chiến với các hạm thuyền vận tải của Tây Ban Nha. Nhiệm vụ này do đội “Cướp biển hoàng gia” Anh đảm trách nhằm một mặt làm suy yếu Tây Ban Nha, mặt khác tăng ngân khố của Nữ hoàng.



*Nữ hoàng Elizabeth Đệ nhất
(1533-1603)*

Vì vậy Walsingham đã bố trí mạng lưới phản gián hoạt động ở tất cả các cảng có tàu Tây Ban Nha ra vào. Về lộ trình, hàng hóa và thời gian ra khơi của các con tàu điệp viên kịp thời thông báo cho Walsingham để ông báo cho “Cướp biển hoàng gia”.

Điệp viên của Walsingham tất nhiên không chỉ có bọn cường đạo, những người phiêu lưu mạo hiểm mà còn có cả các nhà quý tộc, tu sĩ, luật sư, sinh viên, thương gia, mục sư. Ngoài ra, ngay từ thời kỳ xa xưa đó phản gián Anh cũng đã tuyển chọn cả các nhà văn, nhà soạn kịch, nhà báo và nghệ sĩ, như vẫn thường gọi là “giới trí thức sáng tác”.

Các diễn viên và nhà viết kịch nổi tiếng với tư cách là điệp viên đã góp phần không nhỏ, như Antoni Mendi, William

Fauler... Đặc biệt là Antoni Mendi đã mạo nhận là tín đồ Thiên Chúa giáo lọt được vào trường dòng, nơi đào tạo các nhà truyền đạo của Anh ở Rome. Các nhà truyền giáo này sẽ được tung vào Anh. Khi trở về Anh quốc Antoni Mendi không chỉ báo cáo về tên tuổi những học viên trường đó mà còn tham gia truy tìm bắt giữ họ.

Lần đầu tiên trong lịch sử tình báo, Walsingham đã lập ra phòng kỹ thuật thuộc Cục Phản gián do Thomas Philipe, chuyên gia xuất sắc trong việc giải mã, bóc trộm thư, làm giả chữ ký và con dấu phụ trách. Ngay từ thời ấy phòng kỹ thuật này đã làm ra những thiết bị nghe trộm có một không hai, có các chuyên gia khéo ngụy trang những ô hổng ở tường để theo dõi bên trong. Có chuyện là một thầy tu nào đó đã bán cho Walsingham kính tiềm vọng do ông ta làm để theo dõi từ xa, nhưng không rõ có được sử dụng không. Thậm chí còn có hẳn một trường chuyên dạy cho các điệp viên cách theo dõi bí mật kín đáo và trong phút chốc có thể thay đổi hình dạng bên ngoài của mình. Để đánh lạc hướng đối phương người ta còn sử dụng cả các nhà chiêm tinh.

Trong những năm Walsingham điều hành Cục Phản gián, các cuộc chiến tranh, hòa giải rồi lại âm mưu kích động, hòa ước liên miên vì quyền lợi đan chen của cả Anh, cả Pháp, cả Tây Ban Nha và Hà Lan liên tục xảy ra. Những mối bất hòa và các cuộc hòa giải với đức vua Tây Ban Nha Philip Đệ nhị, với vua Pháp Henri III, với các lãnh tụ khởi nghĩa Hà Lan và quận công Anba đều qua đường ngoại giao với sự hỗ trợ của phản gián. Mà có lẽ là chưa bao giờ ngành phản gián lại hoạt động tích cực như bấy giờ.

* Những vụ mưu phản bất thành

Nhưng rồi những mối quan tâm tới bên ngoài của phản gián đã tạm thời phải lùi xuống hàng thứ yếu nhường chỗ cho việc “phanh phui” mọi âm mưu tạo phản chống lại Nữ hoàng.

Ngay từ năm 1580, La Mã đã tuyên bố bất kỳ ai giết được Nữ hoàng Elizabeth của Anh “với nguyện ước cao quý thực thi sứ mạng của Chúa trời sẽ không hề có tội mà ngược lại còn được tán dương”. Rõ ràng là người vì “sứ mạng Chúa trời” được hứa hẹn cả hạnh phúc trần gian.

Năm 1582, Cục Phản gián đã bắt giữ một điệp viên của đại sứ mới Tây Ban Nha, ngài Mendot. Xem xét kỹ đằng sau tấm gương tịch thu của người này đã phát hiện ra những giấy tờ quan trọng cho biết những tu sĩ dòng Tên đã lên một âm mưu mới lấy tên là “Sự nghiệp nước Anh” nhằm giết bằng được Nữ hoàng Elizabeth, để đưa Maria Steward lên ngôi.

Khi bắt đầu “tháo gỡ vụ việc” đã phát hiện ra chính Maria Steward là người liên hệ trao đổi thư từ với các cường quốc Thiên Chúa giáo qua đại sứ Pháp và các nhân viên tùy tùng của ông ta. Điệp viên của Walsingham đã xin vào làm bên ngoài đại sứ và đã dò hỏi được mọi chi tiết của kế hoạch. Sau khi theo dõi ngặt nghèo cùng với việc tra tấn tàn bạo tên điệp viên bị bắt đã phát hiện ra “linh hồn” của “vụ việc” chính là ngài đại sứ Tây Ban Nha. Walsingham đã đề nghị ngài đại sứ phải rời khỏi Luân Đôn trong vòng 15 ngày.

Mặc dù vậy ở Anh vẫn âm ỉ những âm mưu mới chống lại Nữ hoàng. Do mầm mống của những âm mưu tạo phản đều ở nước ngoài, Walsingham đã cử tới các nước đó nhiều điệp viên đã “cải đạo theo Thiên Chúa giáo”. Các điệp viên này đã lọt được vào sào huyệt của bọn tạo phản. Đôi khi họ báo cáo thực

với lãnh đạo, đôi khi họ lại chơi trò hai mặt giống như ông bác sĩ Paris nào đó. Ông này đã nhập vai đến mức đích thân đề nghị những người tiếp chuyện mình tổ chức tạo phản. Và tất nhiên là những người này đã tố giác, kết cục là Paris đã bị chặt đầu vào năm 1585.

* Một âm mưu



Nữ hoàng Anh
Maria Stewart (1542-1587)

Bất kỳ Cục Phản gián nào cũng có nhiệm vụ đảm bảo an ninh và yên bình cho chủ nhân, do đó cần có tiền và cũng cần cả những người tạo phản để biện minh cho số tiền đã tiêu. Thậm chí nếu những người mưu đồ lật đổ thực sự đã hết thì cần phải nghĩ ra những người mới để rồi lại “phát hiện”, tố cáo ra những kẻ chống đối.

Một trong những vụ tạo phản lớn nhất chống lại Nữ hoàng đã được dàn dựng theo cách đó. Walsingham còn quyết định lôi kéo cả Maria Stewart vào cuộc.

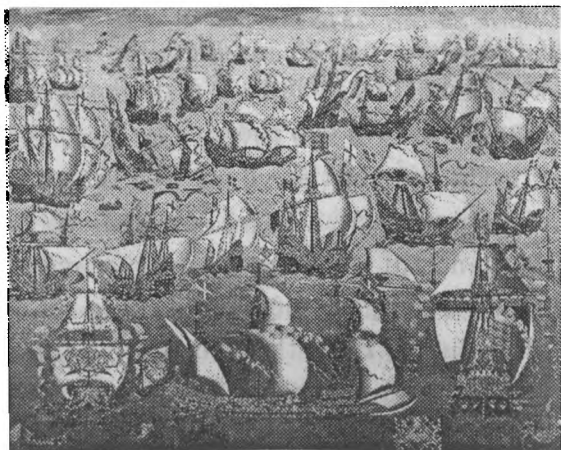
Cụ thể chi tiết về vụ việc thật phức tạp đòi hỏi cả một câu chuyện dài. Còn về số phận của bà hoàng bất hạnh xứ Scotland thì có rất nhiều thiên truyện tuyệt vời đậm chất bi kịch mà cũng rất nên thơ. Chúng tôi chỉ muốn một lần nữa nhấn mạnh rằng thực sự đứng đằng sau vụ việc chính là huân tước Burghley và ngài Walsingham, Babinton kẻ chấp bút viết những bức thư giả dẫn thẳng kẻ “chủ mưu” là Nữ hoàng Maria Stewart tới đoạn đầu đài. Ngày 8 tháng 2 năm

1587 bà hoàng xứ Scotland bị chặt đầu. Về phía mình, Walsingham đã viện cớ ốm nặng để không tham gia nghị án, lẫn tránh trách nhiệm.

* Phá tan “Hạm đội bất khả chiến bại”

Mọi việc lại tiếp diễn bình thường. Tháng 7 năm 1586, Walsingham đã nhận được báo cáo của ngài Xtapford, đại sứ Anh quốc tại Paris về việc Tây Ban Nha thành lập hạm đội “Armada bất khả chiến bại” và sẽ chở hàng ngàn quân lính Tây Ban Nha tới Anh. Cần nói thêm rằng chính ngài Xtapford cũng đã được tình báo Tây Ban Nha tuyển mộ và trả công hậu hĩnh. Việc đó tất nhiên không thể lọt khỏi con mắt già đời của Walsingham và điệp viên Rotgiec đã được lệnh theo dõi ngài đại sứ và đã phan phui chuyện phe phái Thiên Chúa giáo đã mua được ngài đại sứ và được cho xem mọi giấy tờ công văn gửi từ trong nước sang. Tuy nhiên Walsingham đã không cách chức Xtapford mà đã tương kế tựu kế qua ngài đại sứ cung cấp cho đối phương những thông tin giả để đánh lạc hướng họ.

Đồng thời ông thành lập ở Pháp một mạng lưới điệp viên mới độc lập với mạng lưới cũ mà rõ ràng là đã bị Xtapford bán rẻ.



Hạm đội Armada bất khả chiến bại

Lúc này phản gián Anh tập trung vào việc làm rõ mọi kế hoạch của đức vua Tây Ban Nha cùng đồng minh của ông ta.

Đích thân Walsingham thảo ra kế hoạch “Âm mưu thu thập thông tin về Tây Ban Nha”. Kế hoạch đề ra biện pháp chặn lấy thư từ công văn của đại sứ Pháp tại Tây Ban Nha, thu nhận thông tin ở các thành phố cảng, cử điệp viên đủ loại quốc tịch đến vùng dọc bờ biển Tây Ban Nha và rất nhiều biện pháp khác trong đó có việc thiết lập điểm theo dõi ở Cracov để biết được mọi báo cáo về Tây Ban Nha tới từ Vatican. Tất cả điệp viên của Walsingham dù ở đâu đều có nhiệm vụ thu thập mọi thông tin về các mưu đồ dự định của phía Tây Ban Nha.

Thông tin của các điệp viên dưới quyền Walsingham chính xác đến mức vào tháng 3 năm 1587, Walsingham đã đệ trình lên Nữ hoàng một bản sao báo cáo của đô đốc hạm đội Xanta Crut gửi đức vua Tây Ban Nha. Bản báo cáo chi tiết về “Hạm đội bất khả chiến bại” với các chiến thuyền và các thông số cụ thể về vũ khí đạn dược, quân số và dự trữ. Vào tháng 6 cùng năm, Walsingham gửi về một báo cáo khác cho biết hạm đội chưa thể lên đường vào năm 1587 tạo điều kiện cho quân Anh có thời gian chuẩn bị cẩn thận.

Đồng thời với việc tìm hiểu các kế hoạch của đức vua Tây Ban Nha Philip Đệ nhị, Walsingham còn tiến hành cái mà bây giờ chúng ta gọi là “Các biện pháp tích cực”. Chẳng hạn như các chủ nhà băng ở Gienevơ trì hoãn không cho vua Tây Ban Nha vay tiền ngay đã gây khó khăn đáng kể cho việc xây dựng hạm đội.

Cuối cùng khi hạm đội Acmada cần lên đường tới Anh để ngăn cản việc tuyển mộ lính người Anh và người Ireland theo đạo Thiên Chúa cho quân đội Tây Ban Nha thì Walsingham

đã cho tung tin khắp nước Anh và Ireland về những “tiên tri” của nhà chiêm tinh Johnny về các cơn bão khủng khiếp sẽ đổ sập xuống hạm đội, tiêu diệt tất cả mọi người trên các con tàu.

Ngày 24 tháng 5 năm 1588, hạm đội đã rời cảng Tây Ban Nha lên đường tới Anh quốc, nhưng ngay trước hôm đó đô đốc Xanta Crut qua đời. Thay thế đô đốc là quận công Media Xidonia, người hoàn toàn mù tịt về biển. ĐIỆP VIÊN của Walsingham theo sát từng bước hạm thuyền suốt dọc bờ biển Atlantic, biết rõ cả thời gian hạm đội tới đích. Cuối cùng “hạm đội bất khả chiến bại” đã bị quân Anh đánh tan tác vào cuối tháng 7.

Không bao lâu Francis Walsingham ra đi vĩnh viễn sau khi đã hoàn tất sự nghiệp chủ chốt của đời mình.

NATHAN HALE

CHA ĐỀ NGÀNH TÌNH BÁO QUÂN SỰ MỸ

Mặc dù gặp thất bại trong công tác nhưng Nathan Hale (1755-1776) lại được tôn là “cha đẻ” của ngành tình báo quân sự Mỹ. Quả thực anh chẳng lập nên được kỳ tích đặc biệt nào nhưng sự hy sinh của anh dưới tay dân Anh thù địch đã làm bùng lên ngọn lửa tinh thần chiến đấu chống kẻ thù của lớp trẻ yêu nước Mỹ, và rất nhiều người trong số họ đã nối gót Nathan Hale.

Tượng đài của Nathan Hale hiện được đặt ở thủ đô Washington.



Tượng đài Nathan Hale ở Mỹ

*** Hale, nhà tình báo Mỹ đầu tiên bị xử tử**

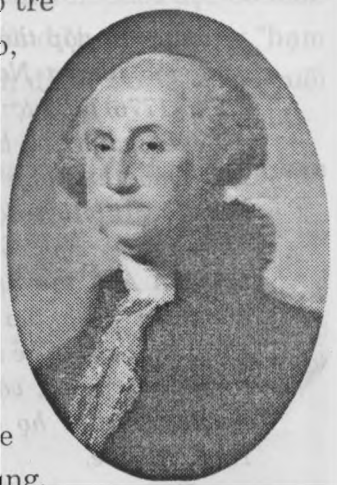
Thời kỳ đầu của cuộc chiến tranh giành độc lập (1775-1783) tại Hợp Chúng quốc không có cơ quan tình báo chuyên nghiệp. Thông tin cần thiết thường đến từ những người tự nguyện, những người ủng hộ cuộc đấu tranh giải phóng. Tướng Washington, tổng tư lệnh quân đội thuộc địa Bắc Mỹ, mặc dù không đặt ra hẳn một cơ quan tình báo cụ thể như vậy nhưng

được nhiều lợi thế hơn so với những nhà cầm quyền khác thời đó: Ông được ủng hộ rất nhiều bởi những người coi cuộc đấu tranh vì tự do và độc lập của đất nước là ý nghĩa cuộc đời mình. Trong số đó có những thanh niên tuổi trẻ nồng nhiệt, sẵn sàng mạo hiểm và không quản ngại hy sinh. Từ những con người như vậy đã bắt đầu hình thành nên cơ quan mật vụ của George Washington. Nathan Hale là một trong số họ.

Trong thời kỳ chiến tranh của lớp trẻ

Hợp Chúng quốc vì nền độc lập,

Nathan đã thực hiện nhiệm vụ do tướng George Washington giao phó tại hậu phương của quân Anh. Anh đã khai thác được một số tin tức về tình hình bố trí và vũ trang của quân Anh, nhưng gần như ngay lập tức đã bị người Anh tóm được. Viên chỉ huy quân cảnh Anh là Kanniham đã tra tấn Hale rất tàn bạo. Hale không chịu đựng nổi các cuộc hỏi cung, trở nên hết sức lung lay, và các cuộc hỏi



George Washington

cung càng thêm tàn bạo. Theo phỏng đoán của các nhà nghiên cứu, Hale đã khai tất cả những bí mật nắm được, và điều này đáng giá bằng cả cuộc sống của anh ta - anh ta bị xử tử. Hale trở thành nhà tình báo Mỹ đầu tiên bị xử tử. Người đầu tiên báo tin này cho quân Mỹ là một sĩ quan Anh, đại úy John Montessor thuộc quân đoàn công binh hoàng gia, sĩ quan tùy tùng của tướng William Haw. Mang cờ trắng, anh ta vượt qua giới tuyến mặt trận sang phía Charm Plaince, bang New York và được một nhóm sĩ quan Mỹ ra nghênh đón.

Có một thời gian tin về cái chết của Nathan Hale được giấu kín. Nhưng năm tháng sau, báo chí bắt đầu loan tin về cái chết bi thảm của Nathan Hale trong khi làm nhiệm vụ vì tổ quốc. Và sau đó mới thực sự bắt đầu thành hình cơ quan tình báo quân sự thường trực của Mỹ.

*** Cái chết khởi đầu cho sự ra đời của một mạng lưới gián điệp**

Một thời gian dài người ta cho rằng tướng Washington khi biết về cái chết của nhà tình báo trẻ tuổi đã từ chối coi hoạt động mật vụ là vũ khí chiến đấu. Chỉ hơn một trăm năm sau người ta mới phát hiện ra những tài liệu phủ nhận ý kiến trên và khẳng định rằng ông đã đi đến những kết luận thực tiễn từ bi kịch này và quyết định thành lập cơ quan tình báo chuyên nghiệp, thu hút không chỉ những người yêu nước nhiệt huyết mà cả những thanh niên có các phẩm chất cần thiết cụ thể khác. Ban đầu Washington dự kiến chỉ định John-Morin Scott làm chỉ huy cơ quan mật vụ, nhưng không hiểu vì lý do gì mà anh ta bị chuyển chuyển khỏi công tác này, chưa kịp bắt tay vào việc. Cương vị này được chỉ định cho Benjamin Tolmedj. Tolmedj được anh trai Inok và Robert Tausend - bạn đồng học của Hale tại trường Đại học Tổng hợp giúp đỡ. Tại hậu phương của quân Anh, họ đã tổ chức một mạng lưới gián điệp hay có thể gọi là “chuỗi” theo cách nói của George Washington. Các mắt xích của chuỗi này được ngụy trang dưới mật danh “Samuel Calper” và được bảo mật rất tốt, mặc dù tình báo quân sự Mỹ thời đó chưa hề có chút kinh nghiệm nào. Điệp viên Woodhol được gọi là “Samuel Calper cả”, còn Tausend là “Samuel Calper

út". Chỉ huy của chuỗi là đại tá Tolmedj có tên "mister John Bolton".

Hoạt động chính của "Calper" diễn ra ở New York, Manhattan và các vùng phụ cận, nơi trong thời kỳ đó có tổng hành dinh của quân Anh, và phần lớn hạm đội Anh đóng trong cảng New York. Tauzend có một cửa hàng bách hóa lớn là nơi gặp gỡ của các điệp viên, còn các sĩ quan Anh đến mua hàng cũng hay ba hoa làm lộ những bí mật mà ông chủ cửa hàng rất cần mẫn góp nhặt. Các "Calper" còn tiến hành đồng thời các chiến dịch phản gián bên cạnh hoạt động tình báo, đã bắt được và xử tử điệp viên Anh là thiếu úy Andre. Đây có thể coi như sự báo thù cho Hale.

*** Trả thù cho Hale**

Chuyện xảy ra như sau: Làng Ostrea Bay (Vịnh Con Sò) nằm cách trung tâm New York hai mươi dặm bị người Anh chiếm. Do hoàn cảnh tình cờ đưa đẩy, các sĩ quan cấp cao Anh đến đóng trong ngôi nhà thuộc sở hữu của Robert Tauzend. Anh có cô em gái tên là Sara. Cô thiếu nữ cũng gia nhập nhóm tình báo nhưng trong một thời gian dài không có dịp thể hiện mình trong cuộc chiến đấu chống quân Anh. Một hôm, vào cuối tháng 8 năm 1780, viên đại tá người Anh Simkow đã mời ông bạn tên Andre của mình tới dự cơm tối. Khi dọn bàn ăn cho khách, Sara nhận thấy viên tùy phái bước vào đã đặt lên tủ một lá thư gửi "John Anderson". Ông khách Andre cầm mở ra đọc rồi đốt vào túi. Sau đó cô nghe được câu chuyện của Andre với đại tá Simkow và hiểu đích xác họ nói đến việc chiếm đánh căn cứ lớn nhất West-Point của phía quân Mỹ với sự nội ứng của những tên phản bội. Những kho tàng của căn cứ này là nơi

cất giữ gần như toàn bộ dự trữ của quân đội Mỹ, kể cả vũ khí nhận được từ Beaumarchais.

Cần phải thông báo gấp với Robert lúc này đang ở New York. Sara đã nghĩ ra cách. Sáng ngày hôm sau cô cố gắng hết sức thuyết phục viên đại úy người Anh đang phải lòng cô là Daniel Jung phái người đến New York mua lương thực cho đại tá Simkow. Như vậy người này nhất định sẽ phải đến cửa hàng anh trai Robert của cô. Trong tập phiếu đặt hàng cô gài vào một mẫu thư báo cho Robert chuyện về Andre, "John Anderson" và dự định chiếm căn cứ West-Point của người Anh. Lá thư vừa đến tay Tauzend, "chuối" lập tức khởi động. Austin Row nhảy lên ngựa thẳng đường Long-Iland đến thị trấn Setoket, nơi có người bạn của anh đang sống. Vừa nhận tin người này lập tức ra bờ biển, nơi áo quần đang được chằng trên dây phơi. Chỉ một chút thay đổi trên sợi dây - từ bờ bên kia anh chàng Colleb Bruster vội vã lên chiếc thuyền con chèo sang nhận tin rồi lập tức trở lại, không quên thông báo việc cập bến an toàn của mình bằng chiếc váy đỏ trên dây phơi.

Mọi việc còn lại, như người ta vẫn thường nói, chỉ là vấn đề kĩ thuật. Bruster lọt vào lãnh địa thuộc quyền kiểm soát của quân Mỹ và trao tài liệu cho chỉ huy cơ quan tình báo Benjamin Tolmedj. Và thật trùng hợp: ngay trước khi nhận



*Nathan Hale là tình báo viên
luôn được tôn vinh ở Mỹ*

tin này Tolmedj vừa nhận thư của chỉ huy trưởng West-Point, tướng Benedict Arnold, thông báo rằng có khả năng bạn của tướng John Anderson sẽ đến vùng Tolmedj đang ở và yêu cầu cất người bảo vệ ông ta.

Trên cơ sở các tin tức đó quân Mỹ đã làm phá sản chiến dịch chiếm West-Point của người Anh. Tuy tên phản bội là tướng Benedict Arnold đã chạy thoát, nhưng đồng bọn của hắn là John Anderson, tức Andre đã bị bắt đưa ra xét xử và bị treo cổ.

Tổng thống đầu tiên của Hợp chủng quốc Hoa Kỳ là George Washington một lần đã nói rằng: Nathan Hale và thiếu úy Andre đều là những sĩ quan trung thực, dũng cảm và đã chết một cách xứng đáng.

Khi trở thành tổng thống, George Washington đã đưa các điệp viên của mình đến Long-Island và cảm ơn họ vì những thông tin quý giá mà họ đã khai thác được trong thời kỳ chiến tranh. Và còn có một chi tiết thú vị khác nữa. Cuốn sổ kế toán do chính Washington ghi chép đã cho thấy giữa các năm 1775 và 1781 ông đã chi cho tổ chức tình báo của mình tất cả là mười bảy nghìn sáu trăm mười bảy dollar. Có những khoản chi phí liệt kê trong sổ là dành cho các “nhân vật vô danh” vì không thể tiết lộ tên của họ.

JOSEPH FOUCHE

- CÔNG TƯỚNG OTRANTE

TRÙM MẬT VỤ TÀI NĂNG VÀ PHẢN PHÚC

Đây là một nhân vật phức tạp, một loại người hai mặt, vừa là tên vô lại vừa là tên phản bội. Fouché (1759-1820) luôn luôn thay đổi, vừa phản lại những người Jacobins nhảy sang ôm chân Napoleon đã lại sắp xếp những vụ tạo phản nhà vua để rồi lại tố cáo những âm mưu đó. Sau Fouché chuyển sang làm cho phe Bourbon, rồi lại mưu phản họ. Trong thời gian “100 ngày” ông ta ủng hộ nhà vua, lại phản, rồi lại ôm chân bọn Bourbon... Thật ngạc nhiên là Napoleon lại có thể chịu đựng được một kẻ như vậy bên mình. Đó là điều chúng ta cần lý giải về nhân vật này.



* Cánh tay phải của Napoleon

Napoleon không bao giờ bắt đầu bất kỳ một chiến dịch nào mà không có trong tay những thông tin đầy đủ nhất về đối phương: về quân đội, về tiềm năng kinh tế và nhân lực, về các tướng lĩnh cũng như các thủ lĩnh của bên địch. Thế nhưng

nhà vua lại không có một cơ quan phản gián hoạt động thường xuyên. Bởi theo đúng quy tắc thì cơ quan phản gián lại thuộc thẩm quyền người đứng đầu cảnh sát.

Người đầu tiên (và sau này cũng là người cuối cùng) điều hành bộ máy cảnh sát của Napoleon là Joseph Fouché, công tước Otrante. Thật ra mà nói, Fouché như một nhà tình báo và cũng là nhà phản gián đã phục vụ đắc lực cho nhà vua chống lại những vụ tạo phản của phái Jacobins trong nước và bọn Bảo hoàng lưu vong. Trong bản thông tri viết ngày 27 tháng 11 năm 1799, Fouché đã kịch liệt lên án bọn lưu vong, bọn người đã bị đất nước quê hương “tống cổ mãi mãi ra khỏi lòng mình”.

Tuy nhiên các cuộc tạo phản cũng như mưu sát thực hay hư đều không phải là do Fouché bịa đặt ra.

Ngày 24 tháng 12 năm 1800, trên đường đi xem hát, Napoleon bị tên Bảo hoàng Sen - Rezan mưu sát bằng cách cho nổ thùng thuốc súng đặt trên xe khiến bốn người bị thiệt mạng, khoảng sáu mươi người khác bị thương. Một loạt các sự kiện chứng minh rằng đó là “bàn tay” của bọn Bảo hoàng lưu vong, nhưng Bonaparte đã trút hết lên đầu những người Cộng hòa và cho trấn áp rất tàn bạo. Một số bà vợ, kể cả bà góa của những người Cộng hòa, trong đó có hai bà góa Marata và Babepha đã bị tống giam không qua xét xử. Fouché đã nắm bắt được “ý đồ” của nhà vua muốn trấn áp những người Cộng hòa và phái Jacobins. Vậy là năm người đã bị truy tố ở tòa án binh về tội tham gia vào một vụ tạo phản do cảnh sát bố trí sắp đặt và bị xử bắn, bốn người nữa bị chặt đầu sau đó và vài trăm người của phái Cộng hòa bị đẩy ra đảo Guyam để sau này chỉ còn vài người sống sót trở

về. Cảnh sát, tình báo và phản gián của Fouche hoạt động khắp nơi, thâm nhập cả vào quân đội, nơi cũng có không khí chống đối Napoleon...

Mạng lưới điệp viên của Fouche luôn theo sát tướng Moro nổi tiếng của phái Cộng hòa đã khẳng định ông không liên can gì đến các vụ tạo phản. Mặc dù vậy, việc ông chủ động xin về hưu cũng đã thể hiện thái độ phản đối nhà độc tài rồi.

Tổng chỉ huy cánh quân phía Tây, tướng Bernadotte không giấu giếm sự phản nộ của mình. Mật thám của Fouche không xác định được ông có tham gia tạo phản hay không nhưng để phòng xa, trưởng ban tham mưu Ximen và trợ lý Marbo của Bernadotte đều bị bắt giam.

Fouche còn phát hiện được một vài vụ mưu phản nhằm giết hại hoặc lôi kéo, ép Napoleon vào vụ đấu súng để trừ khử nhà vua. Vụ mưu phản quan trọng nhất trong số đó có sự tham gia của các tướng Domadieu và Denma, đại tá Furie và nhiều sĩ quan khác. Denma trốn thoát, những người còn lại đều bị bắt giam.

Bonaparte tìm mọi cách bưng bít không cho dân chúng biết về tất cả các vụ mưu phản trên. Nhà vua làm như vậy để Pháp và cả Châu Âu tin rằng dân chúng hoàn toàn ủng hộ vô điều kiện chính sách của con người thiên tài đã tự mình khai thông đường lên ngai vàng.



Napoleon trên ngai vàng

Trong hai năm 1800 - 1801, các phiên tòa đặc biệt được thiết lập khắp nơi để xét xử hai phái đối lập, Bảo hoàng và Cộng hòa.

Thế nhưng hoạt động của bọn Bảo hoàng lưu vong vẫn không giảm sút vì chúng vẫn được người Anh nung nấu khát vọng trừ khử Napoleon nuôi dưỡng.

* Khi quyền lực nằm trong tay

Mùa xuân năm 1800, cảnh sát đã phát hiện bọn Bourbon có vũ trang âm mưu tấn công đoàn hộ tống Napoleon đi từ Paris đến Manmedon để bắt cóc ông. Fouché đã cử hai điệp viên tới đầu độc lãnh tụ phái Bourbon là Cadudan, song Cadudan rất sắc sảo và dễ dàng vạch trần bộ mặt của Fouché. Cả hai điệp viên đã bị treo cổ để cảnh báo răn dạy, còn bản thân Cadudan cảm nhận được mối hiểm họa đã bỏ chạy sang Anh tiếp tục tổ chức các vụ mưu phản khác.



Cũng khoảng thời gian này Hoàng đế Pavel đệ nhất, người hướng tới quan hệ giao hảo với Pháp, đã bị sát hại tại Peterburg. Tin đưa về tới Pháp. Cho rằng lực lượng mưu phản chủ yếu của vụ mưu sát nằm ở London, Napoleon tuyên bố ở Anh: “Bọn Anh đã mưu sát hụt ta ở Paris, nhưng lại trúng đích ở Peterburg!”. Napoleon đã lệnh cho Fouché đẩy mạnh hoạt động chống lại Anh và bọn Bảo hoàng lưu vong và Fouché đã sốt sắng thực thi ý muốn của Hoàng đế.

Mạng lưới điệp viên của Fouche rộng khắp nước Pháp, thâm nhập vào cả xã hội Pháp. Điệp viên của Fouche có mặt ở mọi triều đình Châu Âu, ở khắp các trung tâm những người lưu vong.

Đấu tranh với phản gián Anh là chuyện không đơn giản và dễ dàng, trước hết là vì họ được tổ chức hết sức chặt chẽ và lại có nhiều tiền để hoạt động. Các quan chức cấp cao của Napoleon dễ dàng bán mọi thông tin quan trọng sống còn. Niềm tin vào quyền lực toàn năng vô hạn của đồng tiền cũng có lần làm hại người Anh. Viên toàn quyền người Anh tại triều đình Bavarơ ở Munchen đã mua được giám đốc bưu điện để được phép tiếp cận mọi thư tín của Pháp gửi tới. Thế nhưng viên toàn quyền Dray này đã làm tổn hại thanh danh của mình khi sử dụng một điệp viên của Fouche. Dray đã trả công hậu hĩnh cho mỗi thông tin mà thực tế chỉ là giả trong khi điệp viên được nhắc tới kia lại moi được những tư liệu mật, những lời tâm sự riêng tư mà Napoleon vội cho công bố ngay.

Người Anh có hẳn một đội quân các điệp viên đánh thuê và thông tin từ khắp mọi miền Châu Âu đổ cả về London. Các điệp viên tìm mọi phương kế chuyển tin. Cảnh sát của Fouche đã bắt và giải mã các bức thư toàn bằng nốt nhạc trông bề ngoài chỉ là một bản nhạc chép tay bình thường.

Phản gián Anh sử dụng đủ kiểu mật mã. Trong kho lưu trữ còn giữ bản báo cáo mật của Fouche gửi Napoleon thông báo rằng theo tin tức cảnh sát có được thì phản gián Anh không còn dùng nốt nhạc và các thuật ngữ thực vật học nữa, mà đã thay thế bằng các thuật ngữ thuộc lĩnh vực sửa chữa đồng hồ, dịch vụ nội trợ và ẩm thực.

Fouche đã có công bóc trần những âm mưu chống lại Napoleon.

Dân lưu vong hung hăng nhất đã tập hợp ở Anh quanh bá tước Arthur, quận công Berrixki và ông hoàng Conde. Bá tước Charles Phillip Arthur là anh em của vua Louis XVI và Louis XVIII. Sau cách mạng ông ta đã cùng với những lãnh tụ sống sót của các cuộc khởi nghĩa và chiến tranh chống lại nhân dân Pháp sang Anh ẩn náu và tích cực hoạt động chống lại Napoleon. Sau này ông trở thành vua Charles X. Quận công Charles Ferdinan Berrixki là con trai thứ hai của ông. Ông hoàng Louis Joseph Conde thuộc dòng họ Bourbon đã bị lật đổ và đã cầm đầu đội quân những người lưu vong cùng phe đồng minh tấn công nước Pháp. Ủng hộ họ là tướng Pisegriu, một người Cộng hòa cũ, nổi tiếng bởi những chiến công hiển hách tại Hà Lan từ năm 1795, sau đó chuyển sang phái Bảo hoàng. Ông đã bị lưu đày sang một nước thuộc địa của Pháp và từ đó trốn được sang Anh.

Bọn mưu phản có ý định lôi kéo Moro, tướng đã về hưu, một người chỉ thua có Napoleon về chiến tích quân sự, nhằm hòa giải Moro và Pisegriu vốn thù địch kèn cựa nhau lâu nay. Moro đồng ý hòa giải nhưng từ chối tham gia tạo phản.

Mặc dù vậy đầu năm 1803, Cadudan cùng đồng bọn đã đề trình lên bá tước Arthur một kế hoạch khác để mưu sát Napoleon với điều kiện nếu thành công thì trong thành phần chính phủ sẽ phải có cả hai tướng Moro và Pisegriu. Sau đó về phía lãnh đạo bên Bảo hoàng phải có bá tước Arthur hoặc quận công Berrixki.

Mọi kế hoạch trên được vạch ra theo lời xúc xiểm của

Mere de Latouche, một điệp viên của Fouche cài vào hàng ngũ đối phương, nhằm tiêu diệt tướng Moro, chụp lên đầu ông ta tội cầm đầu bọn tạo phản đồng thời giăng bẫy bắt các ông hoàng dòng Bourbon.

Ngày 30 tháng 8 năm 1803, Cadudan cùng một vài lãnh tụ quân Bourbon có vũ trang đã bí mật tới Paris nhằm dấy lên vụ nổi loạn quân sự ở đây với sự trợ giúp của tướng Moro. Thấy rằng kế hoạch trên không thể thực thi được, họ quyết định tấn công Napoleon ngay ngoài phố với số quân ngang bằng đoàn hộ tống đức vua nhằm giết hoặc bắt cóc bằng được nhà vua. Một khi thành công bá tước Arthur và quận công Berrixi sẽ phải đổ bộ vào Pháp ngay lập tức.

Song mọi tình tiết của cuộc mưu sát đều bị cảnh sát kiểm soát, Fouche nắm rõ từng bước tiến triển của kế hoạch, song cảnh sát đã không can thiệp từ trước nhằm bắt “quả tang tại trận” Moro và các ông hoàng.

Cadudan vốn thận trọng cảnh giác hơn cả, hẳn không bao giờ qua đêm hai lần ở cùng một ngôi nhà, vì vậy việc săn đuổi tên này phải kéo dài tới vài tháng. Được nhà vua chuẩn y, Fouche đã thành lập những đội quân cơ động sục sạo rà soát tất cả những nơi Cadudan có thể chui lủi lẫn trốn.

Lúc này cảnh sát cũng đã có trong tay toàn bộ hồ sơ mật mang tên “Vùng đất Bảo hoàng” chứa đựng hàng ngàn hồ sơ về những tên Bảo hoàng đặc biệt nguy hiểm. Cho dù cảnh sát giữ bí mật tuyệt đối về chuyện đã biết trước vụ mưu phản song Fouche vẫn cứ ra lệnh bắt giam tra hỏi một vài tên Bảo hoàng có vũ trang đã tham gia vụ tạo phản. Buve de Lode, một tên trong số đó đã khai rằng ngày 28 tháng 1 năm 1804, Pisegriu đã tới Pháp gặp gỡ với Moro và Cadudan. Tướng Moro tuy rất

cảm thông với những kẻ mưu phản, song vẫn từ chối giúp họ và thế là cuộc gặp gỡ đã không đưa lại kết quả gì, đường ai nấy đi.

Một tên Bảo hoàng bị bắt khác đã chỉ ra những nơi ở bí mật của bọn cầm đầu. Tại một nơi trong số đó cảnh sát đã bắt được tên hầu của Cadudan và bị tra tấn hấn đã phải khai ra nơi có thể bắt được Cadudan. Cuối cùng tên này đã bị bắt, sau đó là Pisegriu.

Mặc dù những người bị bắt đã minh oan cho Moro, song Bonaparte vẫn cho bắt giam ông như tòng phạm. Báo chí được dịp bôi nhọ ông.

Biết tin thất bại, cả bá tước Arthur lẫn quận công Berrixi đều không về Pháp.

Những kẻ tạo phản đã bị truy tố. Cadudan chịu án tử hình bằng máy chém. Pisegriu thất cổ tự vẫn trong xà lim (hoặc có thể bị treo cổ) trước phiên tòa. Quận công Enghenxki cũng bị xử bắn. Chỉ có tướng Moro được sống sót vì Bonaparte muốn tránh tiếng trả thù kinh địch cũ và chỉ bị kết án hai năm tù giam mà sau đó Napoleon đã cho thay bằng án trục xuất. Moro đã sang Mỹ, mãi năm 1813 mới trở lại Châu Âu và sau này đã gia nhập quân đội Nga. Tại trận đánh ở Dresden, một viên đại bác rơi trúng giữa tổng hành dinh của Hoàng đế Alexandre làm Moro bị giập nát cả hai đầu gối. Lúc hấp hối ông đã tự nguyện rửa mình: "Thế đấy! Ta, Moro, lại phải chết giữa lòng đối phương của Pháp vì đại bác của chính người Pháp, của đồng bào ta!".

Việc phát hiện và trấn áp được vụ tạo phản mưu sát hoàng đế đã nâng cao uy tín của Fouché trong con mắt Napoleon. Đôi khi nhà vua có việc đi vắng, Fouché đã thực sự điều hành đất nước thay ông.

* Con tắc kè hoa phản phúc

Fouche tiếp tục lãnh đạo cả cảnh sát lẫn phản gián và đã thực thi cái gọi là “các biện pháp tích cực”. Chẳng hạn như trong chiến dịch năm 1807, để đẩy cho Hungari đụng độ với Áo, Fouche đã cho tung vào Hungari những tờ báo chứng minh Áo và Anh đã lừa dân Hungari.

Ngay từ cuộc họp Nga-Pháp ở Erfurt năm 1808, Fouche đã cùng Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Talleyrand bí mật bày mưu tính kế chống lại Hoàng đế. Trò này được họ thực thi mỗi khi họ cảm thấy số phận của nhà vua bị đe dọa. Mỗi lần như vậy họ tìm mọi cách để có thể tự mình thay thế nhà vua,



Tài liệu về J. Fouche

cũng có lúc thay hoàng đế bằng một nhân vật khác hoặc nếu cần thì phế bỏ thậm chí nhanh chóng kết liễu số phận của hoàng đế để kịp tự cứu khi vương triều sụp đổ. Một trong những vụ dàn dựng tương tự là vào năm 1808, lúc Napoleon lên đường đến Tây Ban Nha. Khi ấy họ đã bí mật chuẩn bị một chính phủ mới mà về hình thức là do phò mã Murat đứng đầu, song thực quyền trong tay họ.

Ngoại trưởng Áo đã thông báo vụ việc cho chính phủ mình, còn Napoleon thì nhận được những bức thư bắt được. Hoàng đế đã nổi cơn thịnh nộ về ngay Paris, nhưng cuối cùng những người mưu phản lại được... tha bổng. Chỉ có điều sức

chịu đựng của Hoàng đế có giới hạn, năm 1810 Napoleon cách chức Fouche, một con người nhanh trí, khôn khéo, am hiểu, biết nhiều và bổ nhiệm tướng Rene Savary, quận công Rovigo, một người chậm chạp, ngây độn nhưng cẩn mẫn, lên thay thế.

Việc thay đổi người đứng đầu cảnh sát tất nhiên không thể không âm ỉ bê bối khiến Napoleon phải ra lệnh: “Ngài quận công Otrante, ông không còn cần cho tôi nữa. Trong vòng 24 tiếng ông phải thu xếp rời đến chỗ làm việc mới”. Tướng Rene Xavary, bộ trưởng cảnh sát mới, được lệnh theo dõi sao cho Fouche nhanh chóng rời khỏi Pháp.

Tuy vậy sự nghiệp của Fouche vẫn chưa kết thúc. Khi Napoleon bị lật đổ Fouche ngay lập tức trở lại chính trường. Chính phủ Bourbon đe dọa vị trí của ông. Để tự bảo vệ và khẳng định mình, Fouche, cũng giống như các chính trị gia khác, bắt đầu tấn công chính phủ. Sau khi không lọt được vào Thượng viện cũng như không được vua Louis XVIII vời tới, Fouche đã tổ chức vụ đảo chính âm mưu đưa quận công Orleans lên ngôi. Vụ việc xảy ra cùng một lúc với vụ “100 ngày” của Napoleon. Hoàng đế đã chiến thắng và thế là Fouche vội tuyên bố thần phục trung thành với ngài. Ông còn làm ra vẻ vụ việc đảo chính là vì Hoàng đế. Đức vua lại bổ nhiệm ông đứng đầu cảnh sát như trước. Ngài muốn giữ Fouche bên mình để dễ bề theo dõi ông ta mà không biết đã “nuôi ong tay áo”.

Khi thoái vị, Napoleon tuyên bố con trai mình là Napoleon Đệ nhị sẽ nối ngôi và trao lại chính quyền cho chính phủ lâm thời do Fouche đứng đầu, song Fouche lại nỗ lực tìm mọi cách vận động để dòng họ Bourbon được trở lại vương triều.

Sau khi vương triều Bourbon được phục hồi, Fouche ra sức chứng tỏ lòng trung thành của mình với đức vua Louis XVIII bằng cách cần mẫn truy lùng những người theo Napoleon trước đây và đã có “sáng kiến” công bố danh sách năm mươi bảy nhân vật bị thất sủng để truy lùng.

Ngày 6 tháng 7 năm 1815, vua Louis XVIII thành lập nội các mới, bổ nhiệm Fouche làm bộ trưởng cảnh sát và đã hình thành cái gọi là “Bộ Talleyrand-Fouche”.

Ngày 8 tháng 7, Louis XVIII “cầm đầu đoàn quân Anh-Phổ” tiến vào Paris với “một bên là tội phạm, một bên là tệ nạn”. Đó là nhận định về Fouche và Talleyrand của nhà sử học, nhà văn và chính trị gia Chateaubriand.

Phái Bảo hoàng rất phẫn nộ trước việc “tên giết vua” Fouche lại được ngồi họp ở Hội đồng bộ trưởng. Rất nhiều người chống đối và chỉ sau hai tháng nhà vua buộc phải cách chức Fouche. Ngày 19 tháng 9, ông ta được cử làm đặc phái viên tại triều đình Dresden - “Một cuộc đi đày trong danh dự”.

Ông ngồi viết hồi ký, nhưng đã không viết xong. Ngày 26 tháng 12 năm 1820, Fouche qua đời tại Trieste ở tuổi sáu mươi hai.

VILHELM CANARIS

TRÙM QUÂN BÁO QUỐC XÃ BỊ HITLER TREO CỔ

Tầm vóc nhỏ bé, hay chuyện, mềm mỏng trong quan hệ giao thiệp, có mái tóc đen nhưng sớm bạc, nét mặt đặc trưng dân vùng Nearian - đó là miêu tả của những người đương thời về Vinhelm Canaris (1888-1945) - trùm quân báo Quốc xã. Được gọi là “kẻ nghe lén”, “con cáo quỷ quyết”, Vinhelm Canaris đã từng lẫn lộn trong các chiến dịch tình báo của Hitler, tác giả nhiều vụ đảo chính, và có quan hệ mật thiết với những nhà cầm quyền có máu mặt ở Phương Tây... Thế nhưng kết cục của “tên Đức Quốc xã đặc biệt hăng hái” này lại vẫn là giá treo cổ.



Nhà nghiên cứu người Anh Cookridg đã viết về Canaris như sau: “Hắn ta đã sát hại một cách tàn bạo hàng trăm con người, là một kẻ đầy âm mưu và thủ đoạn”; còn Corte Riss, tác giả cuốn sách tình báo tổng hợp lại gọi Canaris là “kẻ giả hoạt, quỷ quyết, khéo xoay xở và là tên phiêu lưu vô liêm sỉ”. Và người ta còn nói rằng nếu hắn không bị Hitler treo cổ thì tòa án Nuremberg cũng sẽ phải làm việc này.

* Vinhelm Canaris - Những chuyện thêu dệt hay là hành tung bí ẩn

Xuất thân của đô đốc thủy sư Valter Vilhelm Canaris không rõ ràng, quá khứ lẫn lộn. Theo một số lời kể thì tổ tiên của hắn là người Italia, những nguồn tin khác lại khẳng định là người Hy Lạp. Nguồn thông tin này lại rẽ làm hai hướng. Theo hướng thứ nhất, ông tổ của Canaris là Constantin Canaris, nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào giải phóng dân tộc Hy Lạp những năm 1820, một thủy thủ, người đã làm nổ tung hạm đội Thổ Nhĩ Kỳ. Nguồn thông tin này phát ra chính từ miệng Hoàng đế Vilhelm II khi ông này đọc một tài liệu có nhắc tên gã thủy thủ trẻ Vilhelm Canaris: “Chẳng phải anh bạn Canaris đây là hậu duệ của người anh hùng dân tộc trong chiến tranh giành độc lập Hy Lạp sao?”.

Hồi đầu Thế chiến Thứ nhất, Vilhelm là hạ sĩ quan trên tuần dương hạm “Dresden” chuyên thực hiện những vụ đột kích trên Đại Tây Dương, đánh đắm tàu buôn của đối phương. Canaris không được chú ý bởi các chiến tích, nhưng hắn được đánh giá là người có khả năng tìm kiếm ở những cảng trung lập ngôn ngữ chung với những người cung cấp và chính quyền sở tại, để họ không những không gây trở ngại mà còn phối hợp cung cấp cho “Dresden” mọi thứ cần thiết. Ngoài ra, hắn còn biết tung tin giả về hành trình tiếp tục của tuần dương hạm “Dresden”, và khi nó đến gần người Anh rồi thì người Anh lại tìm kiếm “Dresden” ở một nơi nào đó khác. Nhưng bất chấp những mảnh khoe của Canaris, “Dresden” vẫn bị phát hiện tại một trong vô số các vịnh của bờ biển Chile.

Sau khi “Dresden” bị đánh đắm, Canaris đã chạy thoát. Người ta không rõ lắm về hành tung thời kỳ này của Canaris.

Một số người cho rằng hấn đã sang Mỹ, từ đó liên lạc với fon Papen đang là tùy viên quân sự và công sứ tại Washington. Trước năm 1916, Canaris trốn ở Mỹ, thực hiện nhiệm vụ do Papen giao phó và tham gia tổ chức một số vụ nổ và phóng hỏa. Năm 1916, thoát không bị vạch mặt, hấn chạy sang Madrid. Còn theo những nguồn tin khác, sau khi tuần dương hạm “Dresden” bị đánh đắm, Canaris đã lên một chiếc tàu Anh với hộ chiếu giả của Chile mang tên Rid Rosos trở về Châu Âu. Hấn đóng giả làm một công dân Chile và hoạt động chống quân liên minh suốt năm 1915. Hấn trợ giúp cho các bộ tộc Ả Rập ở Marocco và Tây Phi, kích động họ nổi dậy chống lại Anh và Pháp. Hấn chuẩn bị các vụ phá hoại ngầm và hình như đã làm nổ tung chín chiếc tàu của Anh. Ngoài ra, hấn còn tuyển mộ nhiều điệp viên, trong đó có nàng Mata Hari lừng danh. Canaris thích nghe những chuyện thêu dệt về hành tung của mình, không bao giờ phủ nhận hay khẳng định điều gì mà chỉ mỉm cười hết sức bí ẩn.

*** Một mắt xích quan trọng của ngành phản gián Đức**

Hồi cuối Thế chiến Thứ nhất có thời gian hấn đã làm việc trên tàu ngầm, sau đó trở thành chỉ huy trên thiết giáp hạm “Slezvig”. Mặc dù là sĩ quan hải quân, nhưng Canaris luôn dính líu đến hoạt động tình báo. Hấn sẵn sàng thực hiện những nhiệm vụ bí mật, biết mọi chuyện và thông báo tin mới cho bạn bè của mình. Đồng sự gọi hấn là “Kiker” (Gã nghe lén). Canaris là một tên Đức Quốc xã đặc biệt hăng hái. Năm 1919, hấn trở thành nhân viên tình báo Đức, hay nói đúng hơn là của ngành phản gián. Trong vai trò này, hấn đã tham gia vào các vụ sát hại những lãnh tụ của đảng “Spartac” (Đảng Cộng

sản) Đức như Carl Libknecht “khi ông ta đang tìm cách chạy trốn”, và Roza Lucxamburg trên đường đến nhà tù. Hắn cung cấp hộ chiếu cho bọn giết người và giúp chúng lẩn trốn.

Sau đó, hắn tiến hành các cuộc đàm phán về việc đóng tại Tây Ban Nha, Hà Lan và Nhật Bản tàu ngầm cho nước Đức. Theo hiệp ước Versailles, Đức bị cấm sở hữu hạm đội tàu ngầm.

Năm 1920, Canaris tham gia vào vụ “đảo chính Kappov” chống nền quân chủ và nhằm thiết lập chế độ độc tài của giới chóp bu quân sự nhưng không thành công. Sau đó, có thời gian hắn buộc phải từ nhiệm và chỉ trở lại giữ chức chỉ huy căn cứ hải quân ở Swinemunde khi Hitler nắm quyền. Nhưng hắn không ngồi lâu ở vị trí đó. Cuối năm 1934, đại úy cấp I Patsyg bị miễn chức chỉ huy ban quân báo. Còn ngày 5 tháng 1 năm 1935 phó đô đốc thủy sư Vilhelm Canaris được chỉ định vào vị trí đó. Cơ quan tình báo quân sự Đức – gọi là Abver - chia làm ba bộ phận. Abver-I chuyên thu thập thông tin từ cơ quan tình báo Đức và nước ngoài, Abver-II chuyên hoạt động phá hoại ngầm, còn Abver-III là bộ phận phản gián trên lãnh thổ Đức.

Hitler cảm thấy mình vẫn chưa vững chân lắm và buộc phải nhượng bộ các tướng, nên trong giai đoạn đầu dành cho các Abver quyền độc lập hoàn toàn. Hitler triệu Canaris lên, thảo luận rất lâu với hắn và trao trách nhiệm xây dựng Abver thành một tổ chức hùng mạnh không thua kém bất kỳ cơ quan tình báo của các quốc gia Phương Tây nào.

Một trong các hoạt động lớn nhất của Canaris ở giai đoạn đầu là vụ ủng hộ tướng Franco phát động cuộc nổi loạn của phe phát xít chống chính phủ nước cộng hòa.

Hitler và Hering nhanh chóng hiểu ra những mối lợi mà

chúng có thể kiếm được từ thắng lợi của Franco là: tiêu diệt nước Cộng hòa Tây Ban Nha, thiết lập chế độ độc tài có liên hệ tinh thần gần gũi với Đức, sở hữu những bàn đạp quân sự quan trọng nhất từ Tây Nam Châu Âu.

*** Trở thành người đứng đầu cơ quan tình báo quân sự**

Cuối tháng 7 năm 1936, trong cuộc họp có Hitler tham gia, Hering, Bộ trưởng Quốc phòng, nguyên soái Bloomberg và thủy sư đô đốc Canaris đã cùng thông qua quyết định mang tính nguyên tắc về việc ủng hộ Franco. Sau đó Canaris bay sang Italia. Tại đó, với sự hỗ trợ của viên tướng đồng nghiệp Roatt, Canaris đã thuyết phục được cả Mussolini giúp đỡ tướng Franco. Trở lại Đức, Canaris bắt đầu tổ chức hoạt động cung cấp vũ khí và đạn dược cho quân Franco. “Con cáo quỷ quyệt” Canaris cũng thu xếp việc cung cấp vũ khí cho cả quân Cộng hòa, mà thực ra là những tên vô dụng, đào ngũ hay đặc biệt đã tha hóa trong thời kỳ Thế chiến Thứ nhất. Để thực hiện việc đó, Canaris xây dựng các công ty cung cấp tại Tiệp Khắc, Phần Lan, Ba Lan và Hà Lan.

Canaris nhiều lần bay sang Tây Ban Nha gặp gỡ với Franco, phối hợp việc tham gia hoạt động chiến đấu của quân đoàn không quân “Condor” (Đức) và giải quyết những vấn đề khác trong tương trợ chiến đấu, cùng với Franco đi thanh sát các mặt trận. Hắn đồng thời chỉ đạo việc đưa chuyên viên quân sự vào Tây Ban Nha, một công tác được thực hiện hết sức bí mật (người ta biết được có những sĩ quan Đức đã bị kết án tử hình do thông báo cho gia đình về việc họ được điều đi đâu). Toàn bộ ba mươi hai tháng chiến tranh Tây Ban Nha, Canaris luôn ở “tiên tiêu”. Chính hắn đã biết thuyết phục Franco tán

thành công ước chống Quốc tế Cộng sản. Sự hỗ trợ của nước Đức dành cho chế độ Franco ước tính khoảng năm tỉ mark.

Chiến tranh vẫn đang tiếp diễn ở Tây Ban Nha khi Hitler nghĩ tới việc thôn tính nước Áo. Canaris được ủy thác việc tiến hành các biện pháp bóp méo, xuyên tạc thông tin nhằm làm giới lãnh đạo Áo hoảng sợ và buộc phải chấp nhận các điều kiện của Đức. Trên thực tế không hề có các cuộc di chuyển và tập trung quân Đức trên biên giới nước Áo khi đó, nhưng Canaris đã biết cách tung tin vịt về các cuộc tập dượt quân sự và khả năng chiến đấu cao của quân đội Đức. Tin đồn đã gây ảnh hưởng quyết định đến động thái của chính phủ Áo và dư luận quốc tế. Tất cả đều tin rằng tiềm lực quân sự của Đức thực sự lớn. Nước Áo buông xuôi, còn tiếp đó đã là Hiệp ước Munchen.

Nhưng đây lại là thời điểm Canaris bắt đầu cảm thấy nghi ngờ tính chất đúng đắn trong đường lối chiến tranh của Hitler. Hẳn ta, cũng như những bạn bè của hắn trong giới tướng lĩnh, hoàn toàn không theo chủ nghĩa hòa bình. Đơn giản là chúng nhận thấy nước Đức chưa sẵn sàng cho chiến tranh xâm lược, và trong tương lai xa các kế hoạch của Hitler nhất định phá sản. Thực sự chưa xảy ra một vụ phản loạn, nhưng những kẻ mưu loạn thì đã tồn tại và chuẩn bị để thực hiện nó. Từ thời gian này bắt đầu con đường sáu năm Canaris tham gia vào những vụ âm mưu chống Hitler, khiến rốt cục đã bị bắt và chết. Trong các hoạt động theo hướng đó, có việc phái Evald Kleist sang London vào năm 1938 nhằm tiến hành các cuộc mật đàm. Người này bay sang Anh một cách công khai trên chiếc máy bay U-52, và điều này không thể che mắt Gestapo. Tuy nhiên, khi đó

các cuộc mật đàm là không cần thiết bởi vì người Anh đã tự đến với Hitler và thực chất là bật đèn xanh cho Thế chiến Thứ hai.

Ngay trước Thế chiến II, Canaris ở vào một tình cảnh bất thường: Một mặt hắn là lãnh đạo cơ quan tình báo quân sự của quốc gia gây chiến và đã chỉ đạo hoạt động của cơ quan này đạt nhiều thành tích, mặt khác lại đồng lõa và giúp đỡ kẻ thù. Nghịch lý ở chỗ, Canaris tuy chống Hitler nhưng lại tận tụy làm việc, ra sức hoàn thiện cơ cấu của Abver, gửi ra nước ngoài và tuyển mộ ở đó nhiều cơ sở tình báo gián điệp. Tổ chức của Canaris mặc dù vậy không đông đảo bằng Gestapo, toàn bộ số lượng thành viên cho đến năm 1943 chỉ có ba mươi nghìn người, trong đó có tám nghìn sĩ quan.

Những trung tâm tình báo tạm thời được Canaris tổ chức ở Brussel, Varsava, Sofia, Bucarest, Gaaga và Paris, là những thành phố trong trường hợp chiến tranh có thể trở thành các thủ đô thù địch, còn sau đó sẽ bị chiếm đóng. Do vậy, hắn xây dựng tại đó những nhóm tình báo tác chiến trong trường hợp quân Đức tấn công xâm nhập. Những nhóm tương tự được hắn xây dựng tại các thủ đô vùng Baltich. Và còn một trung tâm quan trọng nữa mà gã đồ đốc năng nổ đã tổ chức ở Vatican, thành phố quốc gia có đại diện tại nhiều quốc gia trên thế giới.

Nước Đức đã ký các hiệp ước về phối hợp hoạt động quân báo với các quốc gia vùng Ban Tích. Những công dân Ban Tích, theo lệnh của bọn Đức đã cài gián điệp của Canaris vào các cơ quan tình báo ở Caunas, Riga và Tallin. Tại các thành phố này và ở Gaaga, cơ quan của Canaris hàng ngày nhận được báo cáo về hoạt động của tình báo Anh.

Là người đứng đầu cơ quan tình báo quân sự, Canaris khi

đó cũng là phó chỉ huy thứ nhất của tướng Katel - chỉ huy Bộ Tổng tham mưu các Lực lượng vũ trang Đức, do đó việc soạn vạch tất cả các kế hoạch xâm lược của Hitler đều diễn ra với sự trực tiếp tham gia của hắn.

Trong giai đoạn “cuộc chiến tranh kỳ quặc” (tháng 9 năm 1939 - tháng 5 năm 1940), các gián điệp của Abver đã thu thập được thông tin chi tiết về tình hình ở hậu phương của quân đội Đồng Minh, tình trạng cầu cống, đường sá, hệ thống phòng vệ. Diễn ra cuộc chiến tranh gián điệp và phản gián, cơ quan chuyên trách của Abver đã khám phá và vô hiệu hóa nhiều điệp viên của phe Đồng Minh. Abver còn có nhiệm vụ đánh cắp quân phục đặc chủng từ các kho quân sự của Bỉ và Hà Lan. Những thứ này cần để làm phục trang cho lính chiến tiên tiêu Đức khi cần bất ngờ chiếm lĩnh cầu qua sông Maas và Mozel. Và khi “cuộc chiến tranh kỳ quặc” kết thúc, quân Đức tiến vào Bỉ và Hà Lan thì những cây cầu này đã bị những “kẻ mặc quân phục quân Đồng Minh” chiếm giữ và chờ quân đội Đức tiến vào. Nhiều cuộc phá hoại đã phá hủy toàn bộ hệ thống phòng ngự của quân Đồng Minh, hệ thống tiếp tế và đường thông tin liên lạc.

Chiến dịch chiếm Na Uy của quân Đức vào tháng 4 năm 1940 là một trong những hoạt động quan trọng nhất giai đoạn đầu chiến tranh. Thừa lệnh quốc trưởng, thông qua cơ quan tình báo của mình, Canaris thu thập tất cả những số liệu cần thiết để tiến hành thành công chiến dịch này. Nhưng mặt khác, qua người của mình hắn cũng cảnh báo cả người Anh lẫn người Na Uy. Hiển nhiên là hắn không hề mong quân Đức thất bại nhưng cho rằng sự xuất hiện của hạm đội Anh ở bờ biển Na Uy sẽ buộc Hitler phải từ bỏ ý

định của mình. Tuy nhiên khi cần hành động, Canaris đã thực hiện nghiêm chỉnh nhiệm vụ trực tiếp của mình. Chính Abver đã điều tàu Đức đến Oslo và chỉ đạo hoạt động của các tùy viên quân sự Đức trong phối hợp với các sĩ quan nội ứng Na Uy chuẩn bị bảo vệ sứ quán Đức. Chúng chuẩn bị điều kiện cho không quân nhảy dù chiếm Oslo nếu hạm đội Đức không hoàn thành nhiệm vụ. Không phải ngẫu nhiên mà sau các sự kiện ở Na Uy, Canaris từ phó đô đốc được thăng lên đô đốc.

*** Những thủ đoạn tình báo của đô đốc trẻ Canaris**

Khi Hitler chỉ định chính xác ngày tháng tấn công sang phía Tây là mừng 10 tháng 5 năm 1940, Canaris lại một lần nữa quyết định báo trước cho quân Đồng Minh. Hắn phái viên sĩ quan Joseph Muller của mình đến Rome và báo chính xác ngày tháng đó cho một trong số các nhà cựu ngoại giao của Vatican. Đại sứ Bỉ đã kịp thời thông báo vào ngày 1 tháng 5 cho chính phủ nước mình. Nhưng như chuyện vẫn thường xảy ra, thông tin bị bỏ qua, và cuộc tấn công của quân Đức diễn ra vào đúng ngày ấn định.

Nhưng với lịch sử điều này vẫn là bài toán chưa rõ lời giải. Vấn đề là ở chỗ Canaris thông báo cả cho Thụy Sĩ về ngày tháng dự định tấn công của quân Đức. Không hiểu đây có phải là mánh khéo để quân Đồng Minh chờ đợi đòn đánh từ cả hai sườn và phải phân tán lực lượng của mình?

Sau khi Pháp đầu hàng, Hitler ra lệnh chuẩn bị kế hoạch đổ bộ vào Anh mang tên “Sự tử biển”. Nhưng sau hai tháng hắn ta đã thực sự không quan tâm đến ý tưởng đó nữa. Những báo cáo của Canaris phóng đại nhiều lần khả năng phòng thủ

của Anh đã đặc biệt tạo điều kiện để quốc trưởng đi đến quyết định như vậy.

Tình báo Anh cảnh báo đồng minh của mình: “Đừng làm hại Canaris. Sự bại lộ của ông ta sẽ hết sức nghiêm trọng và ảnh hưởng đến chúng ta”.

Nhưng nếu đánh giá tình hình một cách sâu xa cận kề hơn, thì điều đó căn bản cũng không do Canaris. Hitler đã xây dựng những kế hoạch khác - vì phải để mắt sang phía Đông, nơi đối thủ chính của nước Đức phát xít là Liên Xô đang bí mật xây dựng phòng tuyến. Các cuộc đàm phán về cuộc đổ bộ trước mắt xuống nước Anh vẫn tiếp diễn, nhưng thực ra chỉ là mánh khóe để che giấu ý định thật của Hitler.

Canaris và Abver do hấn lãnh đạo nhận được lệnh tăng cường tối đa hoạt động tình báo và phá hoại chống Liên Xô. Những mệnh lệnh cũng được ban xuống các cơ quan ngoại biên và đơn vị quân đội.

Những chứng cứ đáng quan tâm về vấn đề này được phó ban phá hoại của Abver là Stolse khai trước tòa án Nuremberg như sau: “Mệnh lệnh chỉ rõ ràng nhằm mục đích giáng một đòn chớp nhoáng chống Liên Xô, Abver-II trong khi tiến hành hoạt động phá hoại phải lệnh cho các gián điệp của mình kích động thù hận dân tộc giữa các dân tộc Liên Xô. Đặc biệt riêng tôi đã truyền chỉ thị cho các điệp viên Đức và thủ lĩnh Quốc xã Ucraina Melnik (có biệt danh là “Lãnh sự I”) và Bander về việc tổ chức ngay lập tức sau khi Đức tiến công vào Liên Xô những hoạt động khiêu khích tại Ucraina với mục đích phá hoại hậu cứ gần nhất của quân đội Xô Viết, đồng thời thuyết phục dư luận quốc tế về sự tan rã đang diễn ra ở hậu phương Xô Viết”.

Tình báo quân sự Đức do Canaris lãnh đạo đã thu thập

được khối lượng thông tin hết sức lớn về Liên Xô và các lực lượng vũ trang của quốc gia này. Kết quả là đầu năm 1941, cơ quan của Canaris đã chuẩn bị và ban hành những thông báo mật của Bộ Tổng tham mưu Đức về "Tình hình các lực lượng vũ trang Liên Xô đến ngày 1 tháng 1 năm 1941" với đánh giá về dự trữ của cải vật chất và người của đất nước Xô Viết cũng như tinh thần chiến đấu và tình trạng đạo đức của Hồng quân.

Từ trước chiến tranh, các nhân viên chuyên trách việc tuyển mộ của bọn phát xít đã lùng sục tìm kiếm đám Bạch vệ lưu vong trung thành khắp Châu Âu. Giữa tháng 6 năm 1941 diễn ra hoạt động rải gián điệp ồ ạt. Chỉ trong bốn ngày, từ 18 đến 21 tháng 6, và chỉ theo hướng Minsk đã có hàng chục nhóm bị bắt và vô hiệu hóa hoạt động. Đêm rạng sáng ngày 22 tháng 6, Abver lại tung qua biên giới bằng đường bộ và hàng không một số lượng đáng kể những nhóm phá hoại nhỏ, ăn mặc dân sự và giả trang Hồng quân. Quân phát xít đã đạt được một số thành tích như: phá hoại thông tin liên lạc ở một vài khu vực riêng rẽ, xây dựng được những điểm đổ bộ quân, lật tàu. Tại một số địa phương, lan truyền các tin đồn thất thiệt. Tại Moscva và các vùng ngoại ô Moscva có một vài nhóm gián điệp được ném vào với nhiệm vụ tổ chức phá hoại hàng loạt, làm nổ tung tuyến đường cao tốc Uglitr - Moscva. Phần lớn bọn phá hoại đã bị bắt, và ổ gián điệp cần được bổ sung.

Ervin Stolse đề nghị Canaris chú ý đến những tù binh chiến tranh và tuyển mộ gián điệp ở các trại tập trung. Tuy nhiên ý đồ này thất bại. Hitler hết sức tức giận đã viết trong huấn lệnh ngày 18 tháng 12 năm 1941: *"Bọn tù binh, đặc biệt là thế hệ trẻ, trung thành tuyệt đối với Bolsevich. Chúng có*

khả năng làm bất cứ chuyện gì.” Khi đó Abver liền từ bỏ các biện pháp tuyển mộ “nhân đạo”. Tù binh bị đặt trước hai sự lựa chọn: hoặc chết dưới làn đạn, đói khát và bệnh tật, hoặc đồng ý làm việc cho tình báo phát xít. Bọn phát xít đặc biệt chú trọng đến việc kích động chủ nghĩa dân tộc, đặc biệt đối với người Ucraina, người Hồi giáo và Gruzia. Những kẻ đồng ý hợp tác sẽ được kiểm tra kỹ lưỡng và gửi vào các trường huấn luyện hoạt động tình báo. Nhưng thực tế đã chứng tỏ rằng, khi đặt hy vọng tìm kiếm tay chân trong các tù binh, Canaris đã tính nhầm. Hơn nửa số gián điệp phá hoại được tung vào hậu phương Xô Viết đã ra đầu thú. Cả âm mưu lôi kéo bọn tội phạm vào hoạt động tình báo (để tung sang bên kia đường biên mặt trận) cũng phá sản, vì bọn này chỉ thuận làm việc cho người Đức ở hậu phương của chúng trong vai trò lính tiểu phạt và cảnh binh, còn hoạt động ở hậu phương Xô Viết thì không.

Gặp khó khăn trong việc tuyển mộ những tên phá hoại, cơ quan tình báo quyết định thực hiện một kế hoạch kỳ quặc: dùng trẻ em cho hoạt động này, chủ yếu là những trẻ em trong các trại trẻ mồ côi vô thừa nhận đưa về Đức. Trường huấn luyện trẻ em phá hoại nằm ở Hamfurt, gần Kasseli. Những cậu bé thích hợp được đào tạo như những “đứa con của nước Đại Đức” sẽ được nuôi dưỡng và phát triển những bản năng khác bình thường. Đêm 28 rạng ngày 29 tháng 8 và 1 tháng 9 năm 1943, có những nhóm trẻ em tầm tuổi mười ba đến mười lăm được thả dù xuống hậu phương của Hồng quân từ Kaliningrad cho đến Kharcov. Chúng được trang bị mìn ngụy trang thành những cục than đá để có thể ném vào toa than xe lửa chạy hơi nước, hay vào các kho chứa than. Nhưng cả chiến

dịch này cũng thất bại. Tất cả lũ trẻ mang chất nổ nhảy dù xuống đều đến đầu thú tại các đơn vị quân đội, công an, các cơ quan an ninh quốc gia.

* Vị trí lung lay

Khi chiến tranh nổ ra, Canaris ở mặt trận phía Đông và cùng với quân đội tấn công đến tận sát Moseva. Chỉ tại đó hắn mới thấy những hiểu biết của giới lãnh đạo nước Đức, và của chính bản thân mình về sức mạnh và dự trữ của Hồng quân là sai lầm đến mức độ nào. Hắn đã cảnh báo cấp lãnh đạo tối cao rằng, quân Đức sẽ không bao giờ có thể chiếm được Moseva. Hắn cũng có lời báo trước tương tự vào năm sau, trong mùa khởi đầu cuộc tấn công Kavkaz. Hitler bỏ qua ý kiến đó, nhưng bắt đầu “để mắt đến Canaris”.

Abver cũng tìm cách triển khai mạng lưới rộng khắp mặt trận phía Đông. Một trong các hoạt động đó là chiến dịch mà cơ quan tình báo Liên Xô gọi theo mã danh là “Tu viện”. Chiến dịch này do người đứng đầu Cục 4 là tướng Sudoplatov chỉ huy.

Bản chất của chiến dịch này nói gọn là: điệp viên Liên Xô “Geine”, tức Alekxandr Demianov, về sau này là thành viên của chiến dịch “Berezino” đã “chạy” sang phía quân Đức vào tháng 2 năm 1942, được “tuyển mộ” và ném trở về hậu phương của Hồng quân. Có huyền thoại kể rằng, anh đã lọt vào dưới trướng của tướng Saposnikov, và “mời” được những thông tin mới, “giá trị” nhất. Không chỉ Abver, mà cả Bộ chỉ huy quân sự phát xít Đức đều tin chắc rằng chính chúng đã “cài” “Geine” vào vị trí này. Về sau, người ta còn biết rằng, cấp chỉ huy tối cao trong quân đội Đức không thông qua quyết định khi chưa

nhận được báo cáo của “Geine”. Anh được đánh giá gần như là nguồn cung cấp thông tin trực tiếp duy nhất từ Moscva. Cơ quan tình báo Anh cũng biết Abver của Đức có một gián điệp hết sức giá trị ở Moscva. Năm 1943, Thủ tướng Anh



*Hồng quân và Đức giao tranh ác liệt
ở thành phố Moscva*

Churchill thậm chí còn thông báo cho Stalin rằng: “Trong Bộ Tổng tham mưu Hồng quân có một gián điệp của Đức”. Chiến dịch “Tu viện” đóng vai trò có thể nói là hết sức to lớn, đặc biệt trong hoạt động chuẩn bị cho cuộc phản công của quân Xô Viết ở ngoại ô Stalingrad, cũng như trong trận Cursk. Ở trận phản công ngoại ô Stalingrad, quân Đức bị thuyết phục rằng Hồng quân đang chuẩn bị đánh ngoại ô Rjev (thậm chí tướng K. Jukov đã di chuyển đến đó), còn trong trận Cursk - ý đồ phòng ngự tích cực và tiếp đó là kế hoạch phản công quyết liệt đã được giữ kín.

Không có gì lạ khi mà sự thất bại của Abver đã khiến Hitler không hài lòng. Có thể do cố tình hoặc do sự lười biếng của đám gián điệp mà Canaris thất bại ở khắp các mặt trận: thường thường thông tin của hán không khớp với thực tế. Bên cạnh đó, Gestapo bắt đầu nghi ngờ Canaris. Một vài cộng sự của hán bị bãi miễn chức vụ, bị bắt và kết tội quan hệ bí mật với người Anh. Tháng 1 năm 1944, Gestapo tiến

hành thanh trừng những người Đức bất mãn với chế độ Hitler. Trong số họ có bạn bè và những kẻ cùng tư tưởng với Canaris. Tình hình khiến vị trí của hấn thực sự lung lay. Nhưng bão tố thực sự nổ ra sau bản báo cáo của Canaris gửi Hitler về tình hình mặt trận Nga tháng 2 năm 1944. Khi nghe bản báo cáo, Quốc trưởng ban đầu nhìn chòng chọc Canaris, sau đó đột ngột đập bàn, nhẩy xổ vào viên đồ đốc và túm lấy cổ áo hấn:

- Ông làm sao vậy, thử chứng minh rằng tôi đã bại trận à?! - như nổi cơn điên, Hitler gầm lên.

Canaris lập tức bị truất chức. Mọi chuyện cũng chấm hết đối với Abver. Cơ quan tình báo quân sự bị chuyển vào tay Himmler. Tên này từ đó trở đi lãnh đạo cơ quan tình báo duy nhất của nước Đức phát xít. Canaris bị chỉ định một chức vụ thứ yếu nào đó trong quân đội ở ban quân nhu. Bạn bè thân thiết khuyên hấn cùng với gia đình chạy sang Tây Ban Nha nương náu tướng Franco, nhưng hấn không nghe.

* Giá treo cổ

Tháng 6 năm 1944, xảy ra vụ mưu sát Hitler và âm mưu đảo chính nhà nước. Canaris không tham gia nhưng có biết chuyện. Khi biết việc không thành, Canaris lập tức đến nhiệm sở và kịp thời ký tên dưới bức điện gửi Quốc trưởng chúc mừng vụ thoát chết may mắn. Không hề tìm cách ẩn trốn, hấn tiếp tục làm việc ở cơ quan quản lý kinh tế. Hai ngày sau vụ mưu sát, Canaris bị đích thân người kế nhiệm của mình là Sellenberg bắt.

Gestapo tiến hành cuộc điều tra hết sức kỹ lưỡng, bởi vì không đơn giản khi tử hình một người nổi tiếng, bạn của tướng



Bìa cuốn sách viết về Canaris

Franko, hơn nữa sự tham gia của hắn vào vụ mưu loạn không có ai xác nhận. Sau đó chúng tìm được một số chứng cứ riêng rẽ về các cuộc tiếp xúc với người Anh. Canaris bị chuyển đến pháo đài Flossenburg, bị cùm chân suốt ngày đêm.

Ngày 9 tháng 4 năm 1945, đúng một tháng trước khi kết thúc chiến tranh, Canaris bị xử tử cùng với năm tù nhân khác. Một đao phủ SS khai trước tòa

rằng, Canaris bị treo cổ bằng một vòng thép và chết trong đau đớn chỉ sau nửa giờ. Thi thể của các tù nhân bị thiêu trên đồng lửa trong sân nhà tù. Cũng có tin đồn rằng Canaris vẫn còn sống, nhưng điều này bị phủ nhận.

BERT HALL

CHA ĐỂ CỦA NGÀNH TÌNH BÁO HÀNG KHÔNG

Phi công người Mỹ Bert Hall có thể được coi là cha đẻ ngành tình báo hàng không. Với ước mơ được bay cao, bay xa như cánh chim đại bàng từ thời niên thiếu, Bert Hall đã trao trọn trái tim cho ngành hàng không. Tham gia hoạt động tình báo, Bert Hall không chỉ thỏa mãn sở thích cá nhân mà còn để lại cho đời những phi vụ ngoạn mục.



* Ước mơ bay cao, bay xa

Ông sinh ở bang Kentukki năm 1888. Từ thời thanh niên ông đã say mê núi non. Lúc nhỏ xíu ông đã trèo lên đỉnh núi cao nhất gần nhà, nhìn xuống thung lũng trải dài dưới chân, mơ ước được bay trên đó như cánh đại bàng. Ông cũng yêu thích kỹ thuật và rất say mê tốc độ cao. Thế là ông bắt đầu lái xe đua, coi đó là hạnh phúc tuyệt vời. Ông đã từng chiến thắng, chiến bại, đã từng lộn nhào, đã cận kề cái chết, nhưng không bao giờ bỏ nghề cho tới một ngày nghe thấy trên đầu mình có tiếng động cơ lạ và nhìn thấy một điều kỳ diệu: một người đội mũ sắt, đeo kính, mặc áo da, bay ngang bầu trời như cánh đại bàng. Từ ngày đó cho đến khi nhắm mắt trái tim ông đã thuộc

về ngành hàng không. Ông học lái máy bay, sau đó quyết định mang truyền thống xe đua lên trời và trở thành người tiên phong của môn thể thao máy bay. Nghề này khiến



ông kiếm được nhiều tiền, nhưng tiền không bao giờ đủ. “Nếu đã có lính bộ đánh thuê, thì sao lại không có lính phi công đánh thuê?” - ông nghĩ thế và bắt đầu đi tìm nơi thể hiện tri thức và kinh nghiệm của mình. Và số phận đã mỉm cười với ông.

* Đại bàng tung cánh trời xanh

Năm 1912, chiến tranh Balcan bắt đầu diễn ra. Những người Xerbi và Bungari chống lại quân Thổ, cùng hợp sức với họ là người Hy Lạp. Bert Hall vội vã sang Châu Âu. Bằng số tiền dành dụm được ông mua một chiếc máy bay cánh đơn của Pháp và đến xin làm việc cho người Thổ. Người Thổ mừng quá, cấp cho ông một khoản lương lớn - một trăm đô la vàng mỗi ngày, nhưng với điều kiện phải hoàn thành công việc. Hàng ngày, cùng với thợ máy, một người Pháp tên là Andrey Pyers, ông phải đi khảo sát. Đôi khi ông bay là là sát mặt đất và bật cười khi thấy bọn lính ở những làng mạc xa xôi hẻo lánh lần đầu tiên nhìn thấy máy bay phải quỳ xuống mà làm dấu thánh.

Song, mặc dù Bert Hall đã rất cố gắng, quân Thổ vẫn thua, vẫn bị đánh tan ngày 24 tháng 10 tại Kirk-Kilis, năm ngày sau, 29 tháng 10, lại bị đại bại ở Burgas. Quân đội Xerbi-

Bungari đã bao vây được thành phố chính và pháo đài của Thổ ở Frakia là Adrianopol, bịt kín con đường dẫn tới Stambul (Konstantinopol).

Người Thổ yêu cầu ông ngoài việc tiến hành do thám phải bỏ bom vào hàng ngũ địch. Nhưng Bert Hall không chịu vì ông không có ý định giết ai cả, nhất là những người theo đạo Thiên Chúa như ông. Thế là ông không được trả lương nữa.



*Pháo đài Adriannopol
của Thổ*

Hall đã tìm được một lối thoát đơn giản. Cùng với anh thợ máy ông lại bay về phía người Bungari. Ông lại được trả khoản lương như của người Thổ, nhưng ông mang lại được nhiều lợi ích hơn, bởi vì ông đã biết rõ hệ thống các công trình phòng ngự của Thổ. Tuy vậy, đối với người Bungari như thế vẫn là ít. Ngoài việc khảo sát họ còn yêu cầu ông làm mật thám nữa. Được thêm tiền, lần đầu tiên ông bay vượt qua phòng tuyến, hạ cánh và thả vào hậu phương quân Thổ một điệp viên Bungari.

Hall làm việc hết mình, thế nhưng một tháng sau người Bungari chậm trả tiền cho ông. Ông quyết định rời bỏ họ, nhưng ngay tại máy bay ông đã bị họ bắt, đưa về cảnh sát, tại đây ông bị buộc tội làm gián điệp cho Thổ. Hall không phủ định, nhưng khó chứng minh được rằng ông đã thôi. Ông muốn liên hệ với lãnh sự Mỹ nhưng không được phép. Ông bị đưa ra toà án quân sự. Không ai nghe những lời thanh minh của ông,

không chú ý đến những lời giải thích rằng ông bỏ đi vì họ không trả thêm tiền và ông bị kết án tử.

* “Con quỉ bay” sống sót

Người cứu ông chính là anh thợ máy được thả tự do. Anh đem một phần “kho vàng” của mình, tìm đến những cửa cần thiết, và chỉ mấy giờ trước khi hành hình, Hall được thả ra. Ông cùng với người thợ máy trở về Pháp. Ít lâu sau nổ ra Đại chiến thế giới Thứ nhất. Đến ngày thứ hai của cuộc chiến ông ghi tên vào đoàn quân lê dương, sau 3 tháng ông được chuyển vào đội bay nổi tiếng của Lafayette, các phi công ở đây được gọi là “những con quỉ bay”.

Bây giờ những kinh nghiệm của Hall rất có giá trị. Ông được giao trách nhiệm thả điệp viên vào hậu phương quân Đức. Muốn vậy, cần phải biết bay và thả quân vào ban đêm, nói đúng hơn là vào những giờ rạng sáng, cũng như phải biết hạ cánh xuống những nơi hẻo lánh, chưa được chuẩn bị. Cứ vài ngày ông lại phải bay một lần, lần nào cũng nguy hiểm chết người. Nhưng tài năng và sự chai lỳ của ông bao giờ cũng chiến thắng.

Một lần ông bị giăng bẫy. Lần ấy ông phải hạ cánh xuống phía bên kia chiến tuyến để đón một điệp viên trở về.



Bert Hall và chiếc Nieuport 11

Nhưng tên này đã hợp tác với Đức và chúng đã lập kế hoạch phục kích. Tuy nhiên, trong số lính Đức có kẻ không đủ kiên nhẫn nên đã nổ súng ngay khi máy bay sắp hạ cánh. Ông bị thương nhẹ, nhưng đã kịp vọt lên trời trở về. Nếu ông bị Đức bắt, chắc ông bị tử hình vì tội gián điệp. Lúc bấy giờ còn có những luật lệ hiệp sĩ. Nếu phi công mặc quân phục thì được coi là quân nhân, chứ không phải là gián điệp. Ngày 30 tháng 10 năm 1915 đã có một tiền lệ: Tòa án Đức đã tha tội gián điệp cho 2 phi công Pháp, vì khi bị bắt họ mặc quân phục. Họ chỉ bị tù có 3 năm thôi.

Đến cuối chiến tranh, đội “những con quỷ bay” có hai người sống sót, trong đó có Bert Hall.

IAN BERDIN

ANH HÙNG QUÂN BÁO XÔ VIẾT

*** Từ những nổi loạn mang tính riêng lẻ, tự phát...**

Peterits Kudits (tên thật là Ian Carlovic Berdin) sinh năm 1889, trong một gia đình cố nông vùng Klighen Riga. Chàng trai khó khăn lắm mới thi đỗ vào trường sư phạm, nơi học sinh rất ngang bướng và cậu học sinh mới đã cùng một số học sinh nổi loạn khiến trường bị đóng cửa vào tháng 10 năm 1905. Chàng trai phải quay về nhà. Chịu ảnh hưởng của người anh cả, Berdin tham gia tấn công bọn Côđắc, tấn công lâu đài tên nam tước để rồi phải trốn tránh vào rừng trong đội quân “những người anh em của sơn lâm”. Bọn Côđắc bắt được Berdin, đánh cho tơi tả bằng que thông nòng súng. Sau vụ đó Peterits thể sẽ đấu tranh đến cùng với nền quân chủ chuyên chế.

Hồi phục sau trận đòn roi, Berdin quay trở lại với “những người anh em sơn lâm”. Họ đã đập tan tòa thị chính địa phương ở Iaunpins, bắn chết tên phản động làm văn thư, tịch thu giấy tờ, thiêu hủy quán trọ và tửu quán, trưng dụng vốn liếng của bọn chủ. Trong lúc hai bên bắn nhau Peterits bị trúng ba viên đạn, một viên nằm trong hộp sọ, may không ảnh hưởng tới não, nhưng anh đã bị bắt đưa ra tòa. Với tội trạng như trên lẽ ra bị tử hình, song Peterits chưa đến tuổi thành

niên nên chỉ bị phạt giam. Bốn năm sau, năm 1909, Peterits mới được thả. Khi chia tay giám ngục đã nói:

- Hy vọng nhà tù đã cho cậu một bài học đích đáng.

Song ông ta đã lầm. Peterits Kudits tiếp tục theo con đường mình đã chọn để trở thành nhà cách mạng chuyên nghiệp. Và rồi lại tòa án, tù giam, thậm chí cả lưu đày. Chính tại những nơi đó chàng thanh niên Peterits đã nhận thức được khoa học đấu tranh cách mạng. Cũng chính tại nơi lưu đày ở Xiberi nhà cách mạng Ian Carlovic Berdin đã ra đời, họ tên này được ghi trên các tư liệu chính trị cách mạng mà các tù nhân Bolsevich đưa cho.

*** ... trở thành nhà cách mạng chuyên nghiệp**

Từ tháng 2 năm 1917, cuộc đời Ian Berdin gắn liền với số phận không chỉ của riêng Latvia, mà còn của cả đất nước Xô Viết. Sau Cách mạng Tháng Mười, Ian Berdin được cử vào bộ máy chính quyền mới, là trưởng văn phòng Bộ Dân ủy chính quyền tự quản địa phương, là thư ký kiêm phó ban kinh tế của Bộ Dân ủy Nội vụ. Mùa hè năm 1918, Berdin đã cùng đơn vị Hồng quân đến Iaroslav để trấn áp cuộc nổi loạn của bọn xã hội cách mạng ở đó. Tháng 5 năm 1919, trong khi bảo vệ Riga chống lại quân Bạch vệ, Berdin lại bị trọng thương. Chữa trị vết thương xong Berdin về làm chính ủy sư đoàn bộ binh rồi được điều về Ban đặc trách đấu tranh chống hoạt động phản cách mạng và khủng bố của quân đoàn 15. Ngày 2 tháng 12 năm 1920 chuyển sang ban quân báo. Ngày 27 tháng 12 năm 1921, Pavel Ivanovic Berdin được bổ nhiệm làm phó Ban quân báo. Tên Pavel là do ông chọn để tưởng nhớ ông nội của mình, một người lính tham gia bảo vệ Sevaststopon, khi ấy ở làng

người ta thường gọi ông cụ là “anh bạn Pavel người Nga”. Berdin sớm bạc tóc nên bạn bè đồng chí gọi ông là “cụ già”, sau này trở thành biệt danh hoạt động của ông.

Cảm thấy trình độ còn non kém, Berdin đã thi vào học lớp buổi tối ở trường Đại học Tổng hợp vô sản. Thấy mình chẳng hiểu biết gì về các nước khác, Berdin với tên họ mới là Dvoreski lên đường đi thăm Berlin, Praha và Varsava.

Ngày 23 tháng 3 năm 1942, Berdin lên làm trưởng Ban quân báo. Lần đầu tiên ông ở cương vị này cho đến năm 1935, sau đó được bổ nhiệm chức phó tư lệnh quân đoàn Cờ đỏ đặc nhiệm Viễn Đông, dưới sự chỉ huy của vị anh hùng thời Nội chiến, nguyên soái Vaxili Constatinovich Blukhe. Trước khi đi nhận nhiệm vụ Vorosilov đã nhận xét về ông như sau: *“Berdin thực sự là một chiến sĩ Bolsevich trung thành, đặc biệt khiêm tốn. Tất cả những ai đã tiếp xúc với đồng chí qua công việc đều yêu mến và tôn trọng đồng chí. Đồng chí Berdin đã hiến dâng toàn bộ sức lực, kinh nghiệm và thời gian của mình cho sự nghiệp khó khăn nhưng quang vinh nhất...”*.

Tại sao Berdin lại được đánh giá cao đến vậy? Để giải đáp câu hỏi trên, cần xem lại thời gian và hoàn cảnh làm việc của Berdin khi đó, cũng như tìm hiểu cho dù là lướt qua công việc của ban phản gián.

*** Những bước thăng trầm...**

Thời gian từ năm 1921 đến 1937 được coi là “thời đại của những điệp viên ngầm vĩ đại”. Tiểu sử của những điệp viên được Ian Berdin đào tạo và tung vào hậu phương địch về thực chất cũng chính là tiểu sử của ông.

Sau Cách mạng Tháng Mười, chính quyền Xô Viết không

động chạm đến mạng quân báo. Quân báo vẫn tiếp tục hoạt động, nhưng trải qua nhiều tình huống bi đát: phản bội, chạy trốn, chiến sĩ không chịu thực thi nhiệm vụ. Dần dần cho tới đầu năm 1921 bộ máy mới của cơ quan phản gián đã hình thành. Quá nửa cán bộ lãnh đạo ở các vị trí chủ chốt là người Latvia, trong đó có Ian Berdin phụ trách tác chiến. Cùng với sự phát triển của hoạt động phản gián, cơ cấu của nó cũng có sự thay đổi, trách nhiệm của Berdin cũng không cố định. Ông được bổ nhiệm vào vị trí lãnh đạo.

Đầu những năm 20 đối với hoạt động phản gián thật khó khăn do nhiều lý do: không có kinh nghiệm, thiếu cán bộ, nhưng cơ bản là thiếu tiền. Để có tiền hoạt động buộc phải buôn bán (như lông thú chẳng hạn). Khó khăn còn ở mối quan hệ giữa Ban Nước ngoài của Cục Phản gián với Quốc tế Cộng sản. Đã nhiều lần được chỉ thị cấm sử dụng đảng viên Đảng Cộng sản các nước vào hoạt động phản gián vì quyền lợi Liên Xô. Song việc có được những điệp viên “trời cho” không phải mất tiền ấy quả là hấp dẫn đến mức các nhà tình báo bỏ qua mọi chỉ thị và lệnh từ trên xuống.

Dù thế nào thì công việc vẫn được triển khai. Do việc hoạt động “hợp pháp” (“dưới vỏ bọc” sứ quán, đại diện thương mại, hãng buôn...) bị đối phương giám sát nghiêm ngặt, nên phải chuyển sang dựa chủ yếu vào các điệp viên ngầm.

Đức vừa là đồng minh vừa là đối tượng theo dõi của cơ quan quân báo. Từ đầu những năm 1920, Đức Quốc xã và quân báo Liên Xô thường xuyên trao đổi thông tin chủ yếu về Ba Lan (Ba Lan là đối thủ chính của cả Đức và Liên Xô) và cả về vùng bán đảo Balcan cũng như các nước Châu Á. Từ năm 1925, Berdin trực tiếp điều hành việc trao đổi thông tin. Đầu

những năm 1930, điệp viên Xô Viết ở Vienna bị bắt giam rồi được thả tự do nhờ tác động của đại tá Ferdinand fon Bredov phụ trách phản gián Đức lúc đó. Sau khi Hitler lên nắm chính quyền mọi tiếp xúc giữa hai Cục Phản gián đã phải ngừng.

Mọi quan hệ đặc biệt với Đức được sử dụng cho việc điều hành hoạt động phản gián ở các nước Châu Âu khác, thậm chí cả ở Mỹ.

Điệp viên ngầm của Liên Xô hoạt động có hiệu quả ở Đức. Một trong số đó là Vladimir Fedorovich Petrov. Sau cuộc nội chiến, Petrov phải sống lưu vong và đã ổn định việc làm ở ban Quân sự của sứ quán Nhật tại Berlin. Từ năm 1923, Petrov đã bắt liên lạc được với phản gián Xô Viết và cung cấp cho phía Liên Xô mọi thông tin giá trị, trong đó có việc trao đổi thư từ giữa chính phủ các nước khối Antanta, những báo cáo về kinh tế chính trị ở Đức... Giữa những năm 1920, nhân danh phản gián Nhật, Petrov đã tuyển dụng ba điệp viên: lãnh đạo quân báo Đức, điệp viên Anh Enlis và một giám đốc của "Doiche Verke".

Đầu những năm 1930, Petrov mở rộng mạng lưới điệp viên của mình, tiếp xúc với tình báo và phản gián Đức, với Bộ Ngoại giao Đức và với giới tài chính công nghiệp ở Berlin. Nhưng ông đã tỏ ra sốt sắng quá. Vì vậy Trung ương đã nghi ngờ mối quan hệ của ông với phản gián một vài nước như Nhật, Anh, Pháp, Đức nên đã ngừng tiếp xúc với ông vào năm 1935. Năm 1937, người ta muốn phục hồi lại nhưng những cuộc trấn áp cản trở chuyện đó.

Biên chế của cơ sở tình báo ở Berlin cho tới trước năm 1928 lên tới 250 người, trong đó có Constantin Basov (Ian Abontn), chính là người góp ý tuyển dụng Richard George.

Trong hoạt động phản gián tất nhiên có thắng có bại, có được có mất. Năm 1927, cảnh sát Pháp đã phá tan cơ sở phản gián ở Pháp. Điều đáng buồn nhất là chính Gian Creme, người lãnh đạo mạng lưới điệp viên, không chỉ là đảng viên cộng sản, mà còn là Trung ương ủy viên, thậm chí ủy viên Bộ Chính trị của Đảng Cộng sản Pháp, đã bị tổn hại thanh danh. Ông đã cùng vợ chạy được sang Liên Xô. Tuy nhiên Đảng Cộng sản Pháp cũng như phản gián Liên Xô không tránh được những tổn thất nặng nề mới. Chẳng bao lâu sau phản gián Pháp đã vạch trần hoạt động của “mạng lưới thông tin viên công nhân”. Những người này đã viết bìa về tình hình ở xí nghiệp mình và gửi đăng báo *Nhân đạo*, những bài này đã được phản gián Xô Viết xử lý. Một số tình báo Xô Viết và Pháp đã bị bắt.

Công việc vẫn tiếp tục đều đều. Một điệp viên ngấm tên là Vinarov được cử sang Pháp tạo dựng mạng lưới tình báo phản gián nhằm vào Tây Ban Nha và đã tổ chức được bốn điểm thu phát tin ở Paris và Toulouse, một hình thức phù hợp với những năm chiến tranh.

Ở Italia cũng có một mạng lưới điệp viên rộng lớn. Một trong số họ là Roberto Bartini. Điệp viên này đã tốt nghiệp trường đào tạo phi công, sau đó vừa theo học trường Bách khoa vừa đi làm ở xưởng sửa chữa máy bay. Do môi trường học tập và làm việc Roberto đã có quan hệ sâu rộng trong giới hàng không. Bản báo cáo tổng kết hoạt động của phản gián những năm 1923 - 1924 đặc biệt nhấn mạnh thành tích ở Italia: “... Chúng tôi tiếp cận được với mọi tài liệu bảo mật nhất liên quan tới các đơn đặt hàng và mọi thực nghiệm trong lĩnh vực hàng không. Chúng tôi luôn có được những thông tin đầy đủ về tình hình máy bay, phi công với các thông số khác nhau...”

Quân báo viên ngấm tên là Lev Manevich hoạt động ở Italia với mật danh “Etienne”. Manevich tuyển dụng được nhiều điệp viên giỏi, thành lập cơ sở và gửi về Trung Tâm chủ yếu là những thông tin về kỹ thuật quân sự - các bản vẽ và biên bản thử nghiệm các loại máy bay ném bom, máy bay tiêm kích, tàu ngầm mới, loại đại bác 37mm, thiết bị điều khiển hỏa lực pháo đặt trên tàu chiến, về các khí cụ cho phép thực hiện các chuyến bay đêm, về việc điều khiển máy bay và về các chuyến bay của binh đoàn không quân theo đội hình và trong sương mù. Manevich cũng đã ở Tây Ban Nha và mang về từ đó báo cáo cụ thể về không quân của tướng Franco cũng như mẫu mới nhất của máy bay tiêm kích “Messersmit”. Ngày 5 tháng 12 năm 1936, Manevich bị bắt giam do bị phản bội. Ông mất ở trại tập trung của Đức ngày 9 tháng 5 năm 1945.

Trước năm 1925, quân báo Xô Viết có được những thông tin về Mỹ chỉ qua báo chí và một số tư liệu do các cơ sở phản gián ở Châu Âu ngẫu nhiên có được và gửi về. Năm 1925, điệp viên ngấm đầu tiên của quân báo đã được tung sang Mỹ. Đó là điệp viên Vladimir Bogdanovich Carlot, tên thật là Verner Racov nhưng vào Mỹ với tên Kark Felic Wolf. Vốn là người vùng Kurlandia, xuất thân gia đình gốc Đức Wolf đã được ăn học ở Đức. Năm 1914, Wolf cùng gia đình về Nga, nhưng đầu Thế chiến Thứ nhất đã bị quân thù bắt. Sau cuộc cách mạng tháng hai ông tích cực tham gia công việc cách mạng, thành lập tổ chức tù binh quân sự lớn nhất ở Xiberi, bản thân ông đã bị thương trong chiến đấu với bọn nổi loạn người Tiệp. Sau cuộc cách mạng ở Đức, ông được tung vào nước này tham gia vào đại hội trừ bị của Đảng Cộng sản Đức, tham gia vào việc thành lập nước Cộng hòa Xô Viết Bremen cho dù nước Cộng hòa này tồn tại không được lâu. Sau đó ông là cơ sở cho quân

báo Xô Viết ở vùng Bắc nước Đức và ở Vienna. Ở đây ông đã phụ trách đào tạo mạng lưới điệp viên cho vùng Balcan. Năm 1923, Wolf phụ trách bộ máy phản gián của Đảng Cộng sản Đức. Chỉ trong một thời gian ngắn ông đã củng cố thành một tổ chức vững mạnh. Sau này trong suốt nhiều năm đó là nguồn điệp viên cho quân báo Xô Viết. Sau khi cuộc cách mạng ở Đức bị đè bẹp, Wolf được triệu về Moscva để rồi không bao lâu sau được phái sang Mỹ. Là thực tập sinh về triết học và xã hội ở trường Đại học Tổng hợp Côlômbia nên Wolf có điều kiện giao thiệp rộng rãi với cánh tả. Từ đó ông đã tìm được những người thích hợp để sau đó tuyển dụng cho phản gián Xô Viết. Và thật kinh ngạc chỉ trong hơn một năm ông đã tạo dựng được cơ sở tình báo tuy không lớn nhưng tài năng hoàn toàn có thể nắm vững được những thành tựu mới nhất thuộc các lĩnh vực hàng không, lực lượng hải quân và hóa học trong quân sự.

Năm 1924, đích thân Vorosilov và Berdin huấn thị điệp viên Lev Triemen trước lúc điệp viên này ra nước ngoài. Lev Triemen vừa là một nhà khoa học vừa là nhạc công. Năm 1921, ông đã làm ra một nhạc cụ điện tử “Triemenvocs” mang tên ông. Từ năm 1928, Triemen mang nhạc cụ “Triemenvocs” đi biểu diễn ở Châu Âu, ở Mỹ và được hoan nghênh nhiệt liệt. Mỹ đã cho phép Triemen thành lập hãng điện tử sản xuất nhạc cụ hàng loạt. Nhưng tất cả những cái đó chỉ là “mặt trên của tảng băng”. Khó có thể đánh giá hết giá trị của những thông tin do Triemen cung cấp, chỉ tiếc là đã không được sử dụng đúng tầm của nó. Cũng cần nói thêm rằng trong số những người Triemen tiếp cận và có quan hệ đã có những nhân vật tầm cỡ như tướng Eisenhower (sau này là tổng thống thứ 34 của Mỹ), nhà bác học Einstein, Grofs (sau này là quân hàm

tướng, phụ trách dự án nguyên tử “Manhattan”). Triemen đã tham gia cùng họ lập ra hệ thống bảo vệ công nghiệp quân sự có một không hai, điều chỉnh liên lạc bằng điện thoại giữa Mỹ với Châu Âu và các vùng khác. Ông còn nắm vững tiềm năng quân sự của Mỹ và các dự thảo chiến lược trong chính sách đối ngoại của Mỹ. Thế nhưng cuối năm 1938, khi về đến Liên Xô Triemen lại bị bắt và tuyên án 8 năm tù giam.

Quân báo hoạt động cả ở Thổ Nhĩ Kỳ, lúc đầu dựa vào các đảng viên Cộng sản Thổ Nhĩ Kỳ, thậm chí cả vào các sĩ quan Bạch vệ để giành lấy chính quyền ở Constantinopon và thành lập ở Thổ Nhĩ Kỳ một nước Cộng hòa Xô Viết. Ban Quân báo còn mở rộng mạng lưới điệp viên ra nhiều phân nhánh (chỉ ở Trapadund đã có tới 200 điệp viên). Song sau thất bại của vụ đảo chính quân sự, Ban quân báo chỉ còn hoạt động bình thường. Đặc biệt các khuôn mặt sáng giá ở cơ sở Ancara đã không còn nữa trừ S.Aralov, cựu lãnh đạo cơ sở. Tuy nhiên Ban quân báo vẫn giữ được quân số tương đối bảo đảm cho việc cải thiện mối quan hệ Liên Xô - Thổ Nhĩ Kỳ. Theo lời mời của phía Thổ Nhĩ Kỳ, Bộ trưởng Quốc phòng Liên Xô Vorosilov cũng đã sang thăm chính thức đất nước này, một sự kiện chính trị đáng chú ý thời kỳ đó.

Đối tượng được quân báo Xô Viết đặc biệt lưu ý những năm 1920-1930 là Trung Quốc. Tình hình ở đó những năm ấy rất phức tạp và không ổn định: thù trong - cuộc nội chiến giữa các tướng lĩnh quân phiệt, giữa các đảng phái; giặc ngoài - Nhật, Anh, Mỹ can thiệp. Ban ngoại gián thuộc Bộ Dân ủy tập trung sinh lực chống Nhật và bọn Bạch vệ ở Cáp Nhĩ Tân, còn Ban quân báo do Berdin lãnh đạo hoạt động chủ yếu ở Thượng Hải, trợ giúp cho quân đội Trung Quốc tham gia vào việc thành lập “các vùng Xô Viết” ở nước này.

Chính tại Thượng Hải này hai điệp viên ngầm Richard George và Ursula Cutrinxki (Rut Verner), những điệp viên được Berdin “đỡ đầu”, đã bắt đầu cuộc đời hoạt động phản gián của mình. Bên cạnh họ còn có rất nhiều điệp viên ngầm ở các cơ sở khác nữa.

Cuối năm 1932, Ian Berdin nhận được tin về mưu đồ Nhật muốn tách tỉnh Tân Cương ra khỏi Trung Quốc. Tân Cương có vai trò quan trọng đối với Liên Xô: tỉnh giáp giới với Kazastan, dân cư theo đạo Hồi. Trong khi “phía trên cấp cao” thỏa thuận về biện pháp thì ở Tân Cương đã nổi dậy dưới sự lãnh đạo của tướng Mã Dung, người địa phương. Ian Berdin đã đề nghị trấn áp và được Stalin chấp thuận. Trung đoàn 13 của Bộ Dân ủy nội vụ được bố trí đóng quân ở Anma Ata đã ăn mặc quần áo dân sự và cất hết giấy tờ rồi đột nhập Tân Cương với tư cách “quân tình nguyện Antai”. Quân nổi loạn của tướng Mã đã bị đập tan một cách dễ dàng. Sau đó một nhóm quân báo đã được phái tới Tân Cương để củng cố chiến thắng. Họ đã giúp chính quyền hợp pháp của địa phương thành lập quân đội chính quy và ổn định lại trật tự.

Tuy nhiên đội quân báo của Berdin không chỉ gặt hái thắng lợi mà còn bị những tổn thất nặng nề.

Vào cuối những năm 1920 và đầu những năm 1930, sau hàng loạt thất bại và tổn thất, mạng lưới điệp viên ngầm của quân báo thực sự bị xóa sổ ở các nước Rumani, Latvia, Pháp, Phần Lan, Estoni, Italia và chỉ còn tồn tại ở Đức, Ba Lan, Trung Quốc và Mãn Châu thuộc Trung Quốc. Tổn thất quá nhiều và những chuyện âm ỉ quanh vấn đề này trên báo chí nước ngoài đã khiến Stalin cũng để ý. Ngày 29 tháng 3 năm 1934, ông đã phát biểu “Bàn về chiến cục ở nước ngoài về

gián điệp Xô Viết” tại phiên họp của Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Bolsevich. Bộ Chính trị đã giao nhiệm vụ tìm hiểu nguyên nhân tổn thất cho phòng đặc trách của Bộ Dân ủy. Kết luận điều tra thật buồn và bi thảm đối với Berdin: *“Quá trình tìm hiểu xem xét nguyên nhân các thất bại dẫn tới tổn thất nặng nề, xóa sổ các cơ sở lớn nhất cho thấy đó là hậu quả của việc để lọt bọn phản bội trà trộn vào, việc tuyển chọn điệp viên nước ngoài có quá khư và các mối quan hệ đáng ngờ, việc không tuân thủ nguyên tắc bảo mật, lãnh đạo không chặt chẽ của chính Ban 4 thuộc Bộ tham mưu tạo điều kiện cho việc để lọt vào một số lớn các thông tin không xác thực làm chúng ta mất hướng”*. Tất cả mọi nguyên nhân nêu ra đều được xác định bằng những sự kiện thực tế.

Sau khi đọc báo cáo Stalin quyết định xem xét lại vấn đề một lần nữa ở Bộ Chính trị vào ngày 26 tháng 5 năm 1934. Và ngày này có thể coi là bắt đầu ngày tàn của Berdin.

Artuzov, điệp viên lão luyện của ngoại gián, đã được chuyển từ Bộ Dân ủy sang làm phó Ban quân báo. Ông “dem theo” gần ba mươi điệp viên để phụ trách các tiểu ban.

Không bao lâu sau vào tháng 2 năm 1935 lại xảy ra một tổn thất trầm trọng nhất ở Đan Mạch. Bốn điệp viên có trọng trách của phản gián Trung ương đã bị bắt tại cơ sở mật mà họ tới đây lại không phải vì công việc: ba trong số họ rẽ qua cơ sở chỉ để thăm bạn bè. Trong báo cáo về vụ việc trên Artuzov đã nhận định: *“Rõ ràng là thói quen đi lại thăm hỏi bạn bè như ở quê nhà ở đây khó có thể bài trừ.”*

Tổn thất này ở Copenhagen được gọi là “hội thảo các điệp viên”, đã chấm dứt con đường công danh của Berdin ở bên

quân báo. Ông đã xin từ chức và được Stalin chấp thuận. Thay thế ông là quân đoàn trưởng Uriski, còn Berdin được cử tới Viễn Đông “lưu đầy trong danh dự”.

Tới Khabarovsc ông lập tức bắt tay vào nhiệm vụ ở vị trí trợ lý cho Blukhe, người mà ông học tập được rất nhiều chỉ trong vài tháng ở Viễn Đông. Blukhe truyền cho Berdin không chỉ tri thức quân sự mà cả kinh nghiệm thời ông làm cố vấn ở Trung Quốc với bí danh Galin. Những kinh nghiệm đó rất bổ ích cho Berdin sau này.

Ngày 18 tháng 7 năm 1936, ở Tây Ban Nha xa xôi trong bản tin thời tiết đã nhắc đi nhắc lại ba lần câu “Trên toàn đất nước trời không mây”. Đó chính là tín hiệu cho vụ nổi loạn của bọn phát xít. Quân đội dưới sự lãnh đạo của tướng Franco đã nổi dậy chống lại chế độ Cộng hòa, chống lại chính phủ hợp pháp của Mặt trận dân tộc. Để chống lại, khắp thế giới dấy lên một phong trào bảo vệ nước Cộng hòa Tây Ban Nha. Trong hai tháng 10 và 11 năm 1936 đã hình thành những đội quân quốc tế thu hút hơn ba mươi lăm ngàn chiến sĩ từ 54 nước, đủ quốc tịch Mỹ, Anh, Đức, Pháp, Do Thái, Hungari, Ba Lan... Liên Xô không đứng ngoài cuộc và cũng đã cử tới Tây Ban Nha những người tình nguyện của mình - những phi công, chiến sĩ xe tăng, bộ binh và các điếp viên.

Tháng 8 năm 1936, Berdin nhận được lệnh triệu hồi gấp về Moscva và ở đây ông đã nhận được điều mình mơ ước ngay từ lúc mới xảy ra vụ nổi loạn: sang Tây Ban Nha làm trưởng cố vấn quân sự. Ông đã thâm cảm ơn Blukhe về mọi câu chuyện kể trước đây.

Chỉ sau đó vài ngày tướng Grisin (tên mới của Ian Berdin) đã lên đường đi Châu Âu trên con tàu Moscva-Paris.

Vừa tới nơi Berdin đã bắt tay ngay vào việc, tạo mối quan hệ rất tốt trong công việc với Thủ tướng Largo Cabalero, Bộ trưởng Quốc phòng và các nhà lãnh đạo khác trong chính phủ và quân đội. Nhóm cố vấn quân sự Xô Viết do ông lãnh đạo đều có tên tuổi là các nguyên soái và tướng lĩnh tương lai, các anh hùng của cuộc Chiến tranh Vệ quốc vĩ đại sau này như Malinovski, Meretscov, Voronov, Cuznexov, Rodinsev, Batov, Conpacri... Công lao cơ bản của tướng Grisin - Berdin, cố vấn quân sự Liên Xô tại Tây Ban Nha đối với đất nước này là ở chỗ nhờ ý chí, sự kiên trì khéo léo của ông mà vào tháng 11 năm 1936, quân đội Cộng hòa Tây Ban Nha với sự trợ giúp của các đội quân quốc tế đã đánh bại sự tấn công của quân Franco, giữ vững Madrid mà số phận lúc đó đã treo trên sợi tóc, thậm chí Franco còn ấn định sẽ duyệt binh tại một trong những quảng trường trung tâm thành phố vào ngày 7 tháng 11.

Mùa xuân năm 1937, Berdin bị triệu hồi đột ngột. Vào thời kỳ lộn xộn dữ dội đó, những lệnh triệu hồi bất ngờ ấy chỉ có nghĩa hoặc là bắt giam hoặc là cái chết. Nhưng với Berdin mọi việc lại thật bất ngờ đúng với nghĩa của nó: Ông được tặng thưởng Huân chương Lenin, thăng hàm tướng và thăng chức trưởng ban. Đó là do trước hôm ông nhận thưởng Stalin đã có bài phát biểu tại phiên họp mở rộng của Hội đồng quân sự Bộ Quốc phòng, trong đó Stalin nhấn mạnh: *"Chúng ta đã đánh tan bọn tư sản ở mọi lĩnh vực, duy trong lĩnh vực tình báo chúng ta lại bị đánh tơi tả như bọn trẻ vậy. Đó chính là điểm yếu của chúng ta. Chúng ta đã không có được mạng phản gián, mạng tình báo thực sự... Nhiệm vụ của chúng ta là phải vực nó dậy. Đó là cặp mắt, là đôi tai của chúng ta."*

* Một cuộc thanh trừng

Ngày 3 tháng 6 năm 1937, Berdin tiếp nhận bàn giao của cựu trưởng ban Uriski và lại ngồi vào phòng làm việc của mình. Song lần “lên ngôi” thứ hai này của ông kéo dài không lâu. Ông chưa kịp làm gì mà lại phải “chủ tọa” ngôi nhìn những điệp viên xuất sắc của mình lần lượt bị diệt trừ. Ông buộc phải phát biểu tại các cuộc họp Đảng và phiên họp của chi ủy gọi những người đồng chí cùng sát cánh hoạt động bao nhiêu năm, nhưng bây giờ đã bị các cơ quan của Bộ Dân ủy nội vụ bắt giam coi là “kẻ thù của nhân dân”, là bọn gián điệp và những tên khủng bố. Ông đã nghĩ gì vào những giây phút nặng nề đó? Liệu ông có tin họ thực sự là kẻ thù đã khôn khéo biết che giấu bấy lâu không? Có thể đúng là mọi tổn thất trước nay là do sự phản bội của họ không? Hay ông đã không tin và có bản khoăn thắc mắc tại sao bỗng chốc người ta lại bắt tay vào việc tiêu diệt những con người trung thực, trung thành với đất nước và sự nghiệp vậy? Ngay tới bây giờ cũng không ai biết được những suy nghĩ của ông.

Ngày 19 tháng 8 năm 1937, tại cuộc họp những cán bộ cốt cán của Đảng mọi người đã được thông báo rằng “Trưởng ban phản gián Berdin đã bị cách chức cách đây 15 hôm vì liên quan tới những kẻ thù nhân dân đã bị bắt giam là Nikonov, Volin, Stenmac”.

“Kẻ thù nhân dân” tiếp tục bị đưa ra ánh sáng và đội ngũ Ban phản gián theo đó cũng ngày càng giảm đi. Về những vụ bắt giam họ đã được tuyên bố tại các cuộc họp ngày 7 tháng 9, ngày 15 tháng 10 và ngày 15 tháng 11. Cuối cùng chi ủy đã tuyên đọc thêm một danh sách hai mươi hai người bị bắt giam

nữa. Danh sách không chỉ theo văn, mà còn theo chức vụ và đứng đầu danh sách là Ian Carlovic Berdin.

Không thể xác định chính xác con số những cán bộ bị bắt giam của Ban phản gián vì rất nhiều người bị bắt với tư cách dân thường, bởi họ đã bị thả hồi từ trước đó vài tháng. Chỉ biết là cả bộ máy lãnh đạo của Ban quân báo và tất cả các trưởng ban đều bị tiêu diệt. Việc trấn áp thanh lọc vẫn tiếp tục cả năm 1938, chỉ trong hai năm cả bộ máy lãnh đạo giỏi giang dày kinh nghiệm của Ban quân báo đã bị xoá sổ hoàn toàn.

Ngày 29 tháng 7 năm 1938, Ian Berdin bị xử bắn. Mãi nhiều năm sau ông mới được minh oan.

Về Ian Berdin đã có một huyền thoại được viết lại trong cuốn *Lịch sử phản gián thế giới* của hai nhà nghiên cứu người Pháp R. Faligo và R. Coffere: “Ông đã bị bắt giam, bị tuyên án “phản cách mạng” và bị xử bắn ngày 29 tháng 7 năm 1938. Nhưng năm 1984, chúng tôi lại có được chứng cứ là ông vẫn còn sống. Dưới cái tên Vaxia, Berdin vẫn tiếp tục hoạt động bí mật cho tới những năm 1960”. Cho tới hôm nay thì những thông tin bổ sung khẳng định luận thuyết trên không có. “Và cho dù đó là huyền thoại thì ta vẫn muốn tin.”

ARTUR ARTUZOV

NHỮNG THÀNH CÔNG VÀ CAY ĐẮNG

Tốt nghiệp Đại học Bách khoa Petrograd, nhưng Artur Artuzov (1891-1937) lại trở thành nhân viên của Ủy ban khẩn cấp toàn Nga chống bọn phản cách mạng và khủng bố. Tại đây, ông mau chóng phát huy được năng lực và trở thành người điều hành của Ban Nước ngoài (INO), Cục Đặc nhiệm toàn Liên bang.



Tuy nhiên, cuộc đời hoạt động của ông cũng gặp nhiều biến cố. Sau khi chuyển công tác sang Cục Phản gián Liên Xô, ông đã gặp phải những rắc rối do chính những người thân tín của mình.

Năm 1937, ông bị tố cáo "oan" là gián điệp và bị xử tử ngay trong ngày tuyên án.

* Chàng kỹ sư hát hay trở thành điệp viên

Artur Artuzov tên thật là Frautri, cha là người Thụy Sĩ lưu vong sang Nga từ năm 1861 làm nghề sản xuất pho mát theo kiểu thủ công, mẹ là người Latvia. Ông sinh năm 1891 tại làng Utstino Casixki, một làng quê hẻo lánh vùng Tverxki và tự coi mình là người Nga lâu đời. Hai bác rể của ông, một là Kedrov, một người Bolsevich, một nhà tình báo đã hy sinh

vì những vụ trấn áp vô căn cứ, người kia là Podvoixki cũng là đảng viên Cộng sản.

Artur say mê âm nhạc từ nhỏ (ông có giọng nam cao thật ngọt ngào). Vì vậy sau khi tốt nghiệp xuất sắc trường trung học, sau đó là trường Đại học Bách khoa Petrograd vào năm 1917, Artur đã mơ ước được học ở nhạc viện. Giáo sư Grum Grugimailo đã có lời mời chàng trai mới tốt nghiệp làm việc cho “Văn phòng luyện kim”, nhưng Artur đã không làm diễn viên mà cũng chẳng làm kỹ sư.

Tháng 12 năm 1918, giữa lúc cuộc Nội chiến diễn ra ác liệt nhất, Trung ương Đảng Cộng sản Bolsevich đã quyết định bổ nhiệm Kedrov phụ trách bộ phận đặc nhiệm của Ủy ban khản cấp toàn Nga chống bọn phản cách mạng và khủng bố. Artur trở thành thư ký cho ông bác và là một nhân vật có đặc quyền ở bộ phận này.

Nhiệm vụ đầu tiên Artur hoàn thành độc lập là vụ thâm nhập vào cái gọi là “Trung tâm dân tộc” chống phá Bolsevich. Trung tâm bị phát hiện thật tình cờ. Trong một lần vây ráp chợ người ta đã bắt giữ một cô bé mười lăm tuổi đang cố vút bỏ khẩu súng lục trong người. Cô bé tình cờ đã làm lộ ông bố tên là Biurs và ở chỗ ông ta đã phát hiện được hầm bí mật với các báo cáo tình báo và các địa chỉ liên lạc. Tên Biurs quá khiếp sợ đã khai nhận có tham gia vào việc chuẩn bị nổi loạn ở Petrograd và giữ chân liên lạc cho bộ máy lãnh đạo của “Trung tâm”. Cô bé còn khai thêm một “quý cô” nào đó. Cô này đã bị bắt giam và Artur trực tiếp hỏi cung một cách nhẹ nhàng khôn khéo. Cô này khai ra tên cầm đầu, rồi qua tên này phát hiện ra tên điệp viên ngầm của Anh là Ducs. Từ đó khẳng định mối nghi ngờ rằng các tổ chức bí mật ít nhiều có liên quan tới cơ

quan phản gián của các nước thuộc khối Antanta. Thành công đã giúp cho Artuzov trưởng thành trong nghiệp vụ và không bao lâu sau ông đã được giao độc lập phụ trách một mảng hoạt động riêng.

Nội chiến kết thúc, những thế lực chủ yếu chống phá chính quyền Xô Viết là các tổ chức của bọn Bạch vệ lưu vong hoạt động với sự trợ giúp của các tổ chức phản gián các nước khối Antanta. Xuất phát từ tình hình đó Ban Nước ngoài (INO) của Cục Đặc nhiệm toàn Liên bang đã ra đời. Một trong những người điều hành là Artuzov. INO có nhiệm vụ nghiên cứu theo dõi hoạt động của các tổ chức phản cách mạng lưu vong, tìm hiểu rõ mọi kế hoạch của bọn chúng, việc bố trí các chi nhánh và điệp viên trên khắp lãnh thổ Liên Xô, làm phân hóa từ bên trong các tổ chức của chúng, đập tan mọi phương kế phá hoại, khủng bố của địch. Một trong những thành tích đầu tiên của INO trong năm 1921 là tìm ra mật mã của các tổ chức chống Liên Xô ở London và Paris.

Đầu năm 1921, Savincov, một kẻ khủng bố, đảng viên Xã hội cách mạng nổi tiếng đã đứng ra thành lập ở nước ngoài một tổ chức chiến đấu lấy tên “Liên minh dân tộc bảo vệ đất nước và tự do”. Tại Nga người ta đã bắt giam gần 50 hội viên tích cực của “Liên minh”, vạch trần mối liên hệ giữa tổ chức của Savincov với các cơ quan phản gián Ba Lan và Pháp, bóc trần mưu đồ chuẩn bị nổi loạn và thâm nhập vào nước Nga. Thấy rõ mức độ nguy hiểm của phong trào Savincov và của chính hần, INO bắt đầu “trò chơi” dưới tên gọi “Nghiệp đoàn”. Họ tung tin rằng một “phân hội” có tên “Các nhà dân chủ tự do” đã ra đời ở nước Nga. Và dường như phân hội này đã sẵn sàng cho những hoạt động quyết liệt chống lại Bolsevic và

rất cần có một người lãnh đạo dày dạn kinh nghiệm tâm cơ như Savincov. Bắt đầu tích cực trao đổi thư từ, Savincov đã gửi điệp viên tới Moscva trợ giúp cho phân hội “Các nhà dân chủ tự do”. Các điệp viên này hoặc bị bắt giam hoặc được chiêu mộ lại, đôi khi “không bị phát hiện” để những tên này quay trở lại Paris báo cáo một cách khách quan về hoạt động của phân hội. “Trò chơi” kéo dài ba năm và đã được miêu tả cụ thể trong văn học hoặc đã được dựng thành phim. Cùng với trò chơi “Nghệp đoàn”, Artuzov còn cùng một số cán bộ lãnh đạo khác triển khai chiến dịch “Tơ rớt” cũng thành công không kém.

* Tổ chức tốt hoạt động ngoại gián

Thành công của Artuzov còn trong việc tổ chức hoạt động phản gián bí mật ở nước ngoài. Một trong những điệp viên ngầm tin cậy của ông là Roman Birk, sĩ quan quân đội người Estonia, được tuyển chọn từ lúc triển khai chiến dịch “Tơ rớt” và từ đó đã hoàn thành không ít nhiệm vụ. Điệp viên này đã sinh cơ lập nghiệp ở Đức và tạo dựng được nhiều mối quan hệ trong hàng ngũ sĩ quan quân báo và quốc xã Cục Đặc nhiệm Đức cũng như trong giới chức trách thân cận với chính phủ. Thông tin của Birk đều đặn chuyển về cho mãi tới năm 1934 khi ông buộc phải rời khỏi Đức. Một điệp viên khác là Nicolai Crotsco. Hoạt động của ông đóng góp nhiều cho việc phanh phui nhiều mưu đồ xảo trá của địch cũng như việc công nhận Liên Xô về mặt ngoại giao.

Tháng 1 năm 1930, tại phiên họp của Bộ Chính trị, Artuzov đã đọc báo cáo về tình hình hoạt động phản gián, về những thất bại và nguyên nhân của chúng. Sau đó, hè năm

1931, thủ trưởng của INO chuyển công tác khác, Artuzov lên thay. Theo chỉ thị của Stalin ông bắt tay vào cải tổ hoạt động ngoại gián mà phạm vi nhiệm vụ đã mở rộng đáng kể.

Nếu như trước đây mục tiêu là bòn Bạch vệ lưu vong, thì bây giờ hoạt động ngoại gián chú ý cả đến Anh, Pháp, Đức, Nhật và các nước sát biên giới, nhằm thu thập các thông tin về khoa học kỹ thuật cũng như kế hoạch của chính phủ các quốc gia đó.

Dưới sự điều hành của Artuzov mọi hoạt động cả bí mật cũng như công khai đều được đẩy mạnh. Thời gian này đúng lúc Liên Xô được các nước công nhận nên càng tạo điều kiện cho hoạt động phản gián mở rộng phát triển.

Vấn đề quan trọng trước mắt đối với lãnh đạo là thái độ của Ba Lan đối với Đức và Liên Xô. Hè năm 1933, hội nghị đại diện Bộ dân ủy ngoại giao, Ban thông tin quốc tế Trung ương Đảng, Cục Phản gián và INO đã được triệu tập tại Cremlin. Tất cả mọi người đều báo cáo Stalin là Ba Lan đã ngả về Liên Xô, và chuyện liên minh chỉ là ngày một ngày hai. Riêng mình Artuzov tuyên bố không bao giờ Ba Lan bắt tay với Liên Xô và căn cứ vào những thông tin có được thì khả năng Ba Lan sáp gần với Liên Xô chỉ là bước đi có tính chiến lược nhằm làm ta mất cảnh giác. Khi ấy không một quyết định nào được thông qua, song Stalin đã ghi nhớ lời phát biểu của Artuzov. Và không bao lâu sau những nhận định của Artuzov đã được thực tế chứng minh: Ba Lan đã ký hiệp ước liên minh với Đức.

Công việc cứ tiếp diễn. Đúng lúc Artuzov nắm quyền điều hành INO, một điệp viên ngầm là Arnold Deitch đã đặt cơ sở cho việc thành lập "Bộ ngũ" nổi tiếng của Cambridge: Đó là Kim Philby, Donald Maklean, Guy Burgess, Anthony Blunt,

John Caincross và nhiều người vô danh khác nữa. Chính vào thời kỳ Artuzov lãnh đạo là lúc bắt đầu cuộc đời hoạt động phản gián của các nhà tình báo nổi tiếng Zarubin, Corotcov, Bustroliotov, Rosin.... với vụ bắt cóc tướng Cutepov đã giảng cho bọn Bạch vệ một đòn đích đáng hay như hoạt động của điệp viên xuất sắc nhất, điệp viên “Franchesco” mà cho tới giờ tên thật vẫn còn là bí mật. Điệp viên này đã cung cấp số tư liệu mật về lĩnh vực ngoại giao nhiều đến mức có thể in ra tới vài chục tập.

Tất nhiên có thể coi Artuzov là cha đỡ đầu của “Dàn đồng ca đỏ” ở Berlin. Chính có Artuzov nắm quyền điều hành nên “chuẩn úy” Harro Schulze-Boysen, “anh chàng đảo Corse” Arvit Harnar, “cụ già” Adam Cuckhov và nhiều người khác đã gia nhập hàng ngũ điệp viên Xô Viết.

Thời gian này bên quân báo liên tiếp chịu hàng loạt tổn thất. Stalin phải ra quyết định áp dụng những biện pháp khẩn cấp. Ngày 25 tháng 5 năm 1934, Artuzov được lệnh về Cremlin. Lúc 13 giờ 20 phút ông bước vào phòng làm việc của Stalin và đã thấy Vorosilov và nguyên soái Iagoda ngồi chờ. Cuộc trao đổi cụ thể kéo dài sáu tiếng. Artuzov được đề nghị chuyển xuống Cục Phản gián.

*** Chuyển công tác và vấp phải những khó khăn**

Chuyển sang bộ phận khác, cho dù cùng một loại công việc nhưng chức vụ bị giảm lại không có một bảo đảm tương lai nào thì tất nhiên chẳng ai muốn. Artuzov thừa hiểu rằng vốn là một cán bộ dân sự thì không bao giờ trở thành cán bộ lãnh đạo cơ quan quân báo được. Nhưng trong cuộc trao đổi Stalin đã nói: “Ngay từ thời Lenin, Đảng ta đã rất có kỷ luật và một đảng viên Cộng sản có nghĩa vụ nhận bất kỳ nhiệm vụ nào

được giao phó". Câu ấy không cho phép từ chối công việc với bất kỳ hình thức nào. Là đảng viên, Artuzov làm sao có thể tranh cãi với Tổng Bí thư. Ông chỉ còn nước xin được mang theo nhóm cộng sự mà ông đào tạo được trong quá trình làm ở INO và Stalin đã chấp thuận.

Thế là cùng chuyển sang công tác mới với Artuzov có hai, ba chục cán bộ đảm nhận những chức vụ cao. Sau này, tháng 11 năm 1935, Artuzov, cựu cục trưởng quân báo Radovedup Berdin, cục trưởng đương chức Uriski và các cán bộ khác như Carin, Steinbruc đều được phong là chính ủy quân đoàn (tương đương hàm trung tướng).

Tháng 6 năm 1934, Artuzov trình lên Stalin và Vorosilov bản báo cáo chi tiết về hoạt động của Cục có phân tích cụ thể những thất bại và khiếm khuyết. Báo cáo có nhận xét là các cơ sở tình báo ngấm về thực chất đã không còn tồn tại ở Rumani, Latvia, Pháp, Phần Lan, Estonia, Italia và chỉ còn ở mỗi Đức, Ba Lan, Trung Quốc và Mãn Châu. Theo Artuzov, sai lầm nghiêm trọng là đã tuyển chọn điệp viên trong số đảng viên cộng sản nước ngoài và những nhân vật có quan hệ với các Đảng Cộng sản. Ông đề nghị tán thành nguyên tắc "Không tuyển chọn điệp viên hoạt động ở một nước nào đó ngay trong số đảng viên cộng sản của chính nước đó." Tiếc là ý kiến của ông đã không được chú ý tới và chỉ còn là trên giấy tờ.

Artuzov đề xuất hàng loạt đề nghị cải tổ cơ cấu, cụ thể là đề nghị tổ chức theo INO, loại bỏ bộ phận phân tích thông tin. Đó là một sai lầm của Artuzov và đã ảnh hưởng tới việc chuẩn bị cho chiến tranh của bộ phận quân báo.

Công việc tiến hành đều đều. Tháng 10 năm 1935, điệp viên Sandor Rado, đảng viên Đảng Cộng sản Hungari, đến

Moscvà và được Artuzov giới thiệu với cục trưởng Phản gián. Trong khi trò chuyện trao đổi hai bên đã nảy sinh kế hoạch thành lập cơ sở phản gián mới lấy tên là "Dora". Cơ sở sau này trở nên nổi tiếng. Nhưng không bao lâu sau đã xảy ra vụ bại lộ gọi là "cuộc hội kiến các điệp viên", một thất bại nhục nhã lớn nhất trong lịch sử phản gián Xô Viết. Thủ phạm chính là Ulanovxki phụ trách cơ sở liên lạc ở Đan Mạch, do điệp viên này bất chấp lệnh cấm vẫn tiếp tục tuyển chọn những người cộng sản. Hậu quả dẫn tới sự phản bội, trong hai ngày 19 và 20 tháng 2 năm 1935, cảnh sát Đan Mạch đã bố trí mai phục địa điểm liên lạc và bắt đi bốn cán bộ Trung tâm và mười điệp viên nước ngoài thuộc Ban Quân báo. Những người bị bắt đều không có việc gì cần đến Trung Tâm mà chỉ tiện đường qua Đan Mạch rồi rẽ qua địa điểm liên lạc để "gặp gỡ bạn bè".

Trong báo cáo gửi Bộ Quốc phòng, Artuzov đã vạch ra: "Rõ ràng là việc bỏ phong tục thăm hỏi bạn bè của quê hương mình là điều thật khó khăn". Vorosilov sau khi đọc xong báo cáo đã kết luận: "Qua bản báo cáo rất mơ hồ và ngây thơ thấy rõ một điều là cơ quan phản gián nước ngoài của ta vẫn còn hoàn toàn què quặt. Và đồng chí Artuzov đóng góp cho chúng ta quá ít trong việc hoàn thiện công việc quan trọng này...".

*** Nội bộ lung củng**

Sau vụ việc trên cục trưởng Phản gián Berdin đã đệ đơn từ chức và được chuẩn y. Uriski, một cán bộ năng động và quyết đoán lên thay. Nhưng cả Berdin, cả Uriski cũng như Artuzov đều không củng cố được ý thức kỷ luật: Họ, hoặc không chịu tuân thủ triệt để những yêu cầu sơ đẳng nhất, hoặc không thực thi cận kề thận trọng chỉ thị của cấp trên. Đã thế lại còn

có sự chia rẽ nội bộ, có sự phân biệt và ganh ghét nhau giữa người của Berdin, của Artuzov và của Uriski khiến mối quan hệ giữa Artuzov và Uriski có phần rạn nứt. Thủ trưởng mới chuyên quyền và thô bạo đã ra những chỉ thị mang tính nhạo báng, thậm chí không bao lâu sau còn qua mặt không thêm bàn bạc gì với cục phó là Artuzov.

Rồi năm 1936, vào lúc ở Liên Xô có hàng loạt những vụ bắt giam những người cộng sản nước ngoài, Uriski đã nhân đà nêu lên “những mối ngờ vực về mặt chính trị” không rõ ràng về trợ lý gần gũi của Artuzov là Steinbruc, vốn là người Đức.

Ngày 11 tháng 1 năm 1937, nguyên soái Vorosilov đã yêu cầu Bộ Chính trị ra quyết định chuyển hai ông về Bộ Dân ủy Nội vụ. Artuzov không được phụ trách bộ phận ngoại gián mà chỉ đảm trách một chức vụ nhỏ là điều hành phòng đặc biệt của Bộ Nội vụ, nghe thì rất kêu nhưng thực chất chỉ là phòng lưu trữ hồ sơ.

Artuzov tìm mọi cách gặp và viết thư cho Ezov nhưng không làm được. Vậy là thời gian đối với Artuzov đã được định đoạt chỉ ngày một ngày hai.

Nhân viên Cục Phản gián bị bắt giam hàng loạt. Các cán bộ lãnh đạo - tất cả cán bộ phụ trách các phòng và rất nhiều nhân viên cấp dưới đều bị loại trừ. Cơ cấu đội ngũ điệp viên có thay đổi về độ tuổi và quốc tịch. Thay thế cho những người Latvia, Ba Lan và Do Thái là người Nga. Thay thế cho các cấp tướng bây giờ là các thiếu tá, những người mới tốt nghiệp học viện quân sự và ở cột khai thành phần xuất thân đều thấy ghi “công nhân”, “nông dân”. Cần phải thừa nhận là họ đã làm được một điều kỳ diệu. Đội quân phản gián bị đánh tan tác, sống dở chết dở, không có triển vọng chỉ hơn hai năm sau đã

hồi sinh và trở thành một trong những lực lượng mạnh nhất thế giới ở Thế chiến Thứ hai.

Còn với riêng Artuzov thì chuyện gì đã xảy ra với ông?

*** Bị tố cáo là gián điệp và chết “oan” ngay trong ngày tuyên án**

Ngày 13 tháng 5 năm 1937, tại cuộc họp những đảng viên tích cực của Bộ Dân ủy Nội vụ, Frinovski, một cán bộ lãnh đạo của Cục đã tố cáo ông là gián điệp. Lập tức đêm hôm đó Artuzov đã bị bắt ngay tại phòng làm việc của mình. Những tên đao phủ, chiến hữu cùng một tổ chức trước kia đã “làm việc” với ông suốt hai tuần liền. Và đã không uống công. Không chịu được những cuộc hỏi cung liên miên, con người mạnh mẽ đó đã đầu hàng, sẵn sàng không chỉ nhận mọi lỗi lầm về mình mà còn khai bừa ra những người khác, đặc biệt là Steinbruc. Vụ việc của Artuzov được ghi thành hai biên bản hỏi cung: ngày 27 tháng 5 và ngày 15 tháng 6 năm 1937

Ngày 21 tháng 8 năm 1937, Artuzov bị tuyên án tử hình và bản án được thi hành ngay hôm đó.

Mãi năm 1956 ông mới được phục hồi danh dự.

ALLEN DULLES

TRÙM MẬT VỤ MỸ VÀ NHỮNG CHIẾN DỊCH NGẦM CHỐNG CỘNG ĐIÊN CUỒNG

Từng bước leo lên chiếc ghế giám đốc Cục Tình báo Trung ương Mỹ (cũng là người giữ vai trò này lâu nhất), Allen Dulles (1893-1969) nuôi dưỡng niềm say mê ghê gớm với các chiến dịch ngầm chống Cộng. Mục đích chính mà Dulles cùng với Tổng thống Eisenhower theo đuổi suốt đời: là kiềm chế ảnh hưởng của phe Cộng sản chủ nghĩa và sau đó là tìm cách để xóa sổ nó. Thế nhưng, chính tham vọng điên cuồng của những con người này đã đưa nước Mỹ sa lầy vào những cuộc chiến chết chóc và phi nghĩa.



* Những cái lốt của trù mật vụ

Allen Dulles là con trai thứ hai của một mục sư giáo hội trưởng lão ở Watertown, bang New York. Anh trai của ông là John Foster, người về sau trở thành Ngoại trưởng Mỹ.

Allen sinh tháng 4 năm 1893, đi học ở New York, ở trường Elzass tại Paris, trường Đại học Tổng hợp Princeton danh tiếng. Sau tốt nghiệp đại học ông sang Châu Á. Đó là thời kỳ

Thế chiến Thứ nhất, cuộc chiến tranh mà nước Mỹ không tham gia. Do vậy năm 1916, Dulles trở thành nhân viên sứ quán Mỹ tại Vienna, thủ đô của đế quốc tham chiến Áo - Hung. Sau đó vào các năm 1917-1918, ông làm việc ở Bern, nơi lần đầu cảm thấy hứng thú với nghề tình báo. Năm 1920, Dulles cùng với anh trai John Foster trong đoàn đại biểu Mỹ đến Paris, nơi hòa ước Versailles được ký kết. Sự nghiệp ngoại giao của ông kéo dài thêm sáu năm. Ông đã từng làm việc ở Berlin, Stambul, trong bộ máy Bộ Ngoại giao ở Washington trước năm 1926, sau đó nghiên cứu chuyên sâu về luật. Ông cũng cùng với John Foster làm việc trong văn phòng luật quốc tế "Sullivan and Cromwel", tham gia xem xét các vụ liên quan đến Châu Âu và nước Đức. Năm 1942, ông chuyển sang công tác ở Cục Mật vụ Mỹ do tướng William Donovan đứng đầu. Không lâu sau đó, ông được chỉ định làm trưởng phái đoàn của Cục Mật vụ dưới lốt đại sứ quán Mỹ tại Bern. Chính trong thời kỳ này ông tiếp xúc với Canaris.

Dulles can thiệp cả vào hoạt động của phong trào Kháng chiến Pháp. Với hy vọng lôi kéo tổ chức "Combat" thuộc phong trào Kháng chiến Pháp hoạt động cho tình báo Mỹ, ông đã đề nghị được tài trợ cho tổ chức này để đổi lấy việc cung cấp tin tình báo chính trị và quân sự. Việc này đã gây mâu thuẫn trầm trọng giữa lãnh đạo tổ chức "Combat" và tổ chức bí mật thuộc phong trào "Nước Pháp tự do" do đích thân đại diện của tướng De Gaulle là Jean Moulin chỉ huy. Về sau, chuyện này vẫn luôn là mối ác cảm riêng của tướng De Gaulle đối với Allen Dulles.

Các cuộc mật đàm với người Đức được Dulles triển khai từ năm 1943. Tuy nhiên ban đầu tình báo Đức không

biết đó là Dulles nào, nên nhiệm vụ liên quan đến các cuộc đàm phán này mang mật danh là “Foster”. Hoạt động này do một nhân viên tận tụy của Tổng cục An ninh Đế chế Đức là Heinz Felfe chịu trách nhiệm điều hành, còn về sau là một điệp viên Xô Viết không kém phần nổi tiếng. Về ý đồ của người Mỹ, Felfe đã có thông tin từ các cơ sở ở dưới. Người Đức đã thành công trong việc gài điệp viên Gabriel của mình vào tổ chức của Allen Dulles. Dulles mời Gabriel và một số người mà ông cho rằng có thể đóng một vai trò nào đó ở nước Đức mới và bày tỏ mong muốn được đàm phán với họ.

Năm 1943-1944, Dulles dưới lối “mister Ball” đã gặp hoàng thân Golenloe, đại diện sáng giá của giới thượng lưu Đức, với tướng Brauchitrem, cũng như với những nhân vật thân cận của nhóm tướng lĩnh chớp bu dưới sự cầm đầu của đại tướng Seitsler, đại diện cho cả quyền lợi của các nhà công nghiệp. Các nhân vật nhóm họp này đã thảo luận cận kề kế hoạch xây dựng “khu vực chống Cộng sản và chủ nghĩa Đại Slavơ”, và bàn đến những nhượng bộ ở Phương Tây với mục đích đảm bảo tự do cho hoạt động chống Liên Xô. Mùa xuân năm 1945, tại Bern đã diễn ra các cuộc thương lượng giữa Dulles với thủ lĩnh SS và cảnh sát ở Italia là tướng Carl Wolf. Các cuộc họp diễn ra hoàn toàn bí mật, nhưng như Dulles nhớ lại trong cuốn sách của mình “Chiến dịch *Rạng Đông*” thì thông tin đã bị rò rỉ nên giám đốc Cảnh sát An ninh Kaltenbrunner trong một cuộc họp đã khiển trách Wolf. Dulles viết: “... Trong số những người biết về chiến dịch “*Rạng Đông*” rõ ràng có một kẻ phản bội, nếu không thì Kaltenbrunner đã không thể biết nhiều như vậy...”.

Nhưng không có kẻ phản bội trong số các thành viên của những cuộc đàm phán. Lỗi hoàn toàn ở thói ba hoa của Dulles, vì ông ta đã hãnh diện kể cho điệp viên Gabriel của Đức cả những chuyện hết sức chi tiết trong các cuộc họp đó để chứng tỏ hoạt động của mình và của Cục Mật vụ Mỹ. Hơn nữa các chuyên gia cơ quan kỹ thuật Đức đã giải được mật mã điện đài của các đại diện ngoại giao, trong đó có cả cơ quan tình báo tại Anh và Thụy Sĩ. Do vậy Cục An ninh đế chế Đức đã hình dung khá đầy đủ về các bước tiếp theo trong những cuộc đàm phán về ngừng bắn tại Italia mà các cường quốc Phương Tây mong muốn.

Cả Moscva cũng biết về các cuộc mật đàm ở Bern. Bộ Ngoại giao Liên Xô tỏ ý muốn tham gia nhưng phía Anh-Mỹ không chấp thuận đề nghị này. Khi Liên Xô đòi chấm dứt các cuộc đàm phán riêng rẽ, phe Đồng minh quay ra phủ nhận sự hiện diện của các cuộc thương lượng tiếp tục với người Đức và còn tuyên bố rằng “các thông tin viên Liên Xô đã khiến chính phủ của mình lẫn lộn”. Theo yêu cầu của Stalin, các cuộc thương lượng riêng với người Đức đã chấm dứt. Người ta nói rằng chính lúc này Dulles bắt đầu có thái độ chống Cộng và chống Liên Xô đặc biệt điên cuồng. Ông ta không chấp nhận sự thất bại trong sứ mệnh này. Bực mình vì ông ta đã không được đánh giá đúng mức sau “Vụ Italia” - vụ các cuộc đàm phán ở Bern và bị giữ ở vai trò thứ yếu (ông ta vẫn là đại diện của Cục Mật vụ tại vùng Mỹ chiếm đóng trên đất Đức), năm 1946, Dulles xin từ chức. Hai năm liền ông ta làm việc trong đoàn luật sư và bằng tiền của mình giúp đỡ tiến hành các chiến dịch tình báo chống khối Xô Viết.

* Những chiến dịch ngầm chống Cộng

Harry Schuman khi đang ở cương vị quyền tổng thống đã chỉ định Dulles làm trưởng ban gồm ba thành viên có nhiệm vụ đánh giá hoạt động của các cơ quan tình báo. Trong báo cáo của mình Dulles phát triển các luận điểm nhấn mạnh yêu cầu cần thiết đặt ra một chức vụ quản lý tập trung có khả năng phối hợp hoạt động của các cơ quan quân sự và dân sự đặc biệt.

Năm 1947, Tổng thống Schuman thành lập Cục Tình báo Trung ương Mỹ. Dulles trở thành phó giám đốc điều hành các chiến dịch đặc biệt trong phạm vi Cục Tình báo Trung ương. Năm 1951, ông ta được chỉ định vào chức vụ trợ lý cho giám đốc Cục Tình báo Trung ương là tướng Walter Bedell Smith. Tháng 1 năm 1953, tướng Dwight D. Eisenhower, người đánh giá rất cao anh em nhà Dulles, trở thành tổng thống Mỹ. Tổng thống đã chỉ định John Foster Dulles làm ngoại trưởng Mỹ. Ngày 9 tháng 2, Bedell Smith rời quân đội và sang giữ chức trợ lý ngoại trưởng, còn sau ba tuần Allen Dulles được chỉ định làm giám đốc Cục Tình báo Trung ương. Ông ta giữ chức vụ này tám năm.

Như vậy đã sinh ra liên minh nguy hiểm của hai anh em nhà Dulles. Trong các hoạt động ngoại giao, tình báo và hoạt động ngầm vì cuộc chiến chống mối họa Cộng sản họ sẵn sàng làm mọi chuyện. Hoạt động ngầm trở thành công việc yêu thích của Allen Dulles. Những chiến dịch bí mật thường xuyên được tiến hành trong thời kỳ Dulles giữ chức vụ giám đốc Cục Tình báo Trung ương Mỹ.

Năm 1953, Iran trở thành “điểm nóng”. Tại nước này Thủ tướng Mohammed Mosadduk bắt đầu tiến hành các cải

cách, quốc hữu hóa ngành sản xuất dầu mỏ của đất nước mình, mà trước tiên là động chạm đến tập đoàn dầu mỏ Anh - Iran. Các kế hoạch nằm trong chương trình cải cách có nguy cơ dẫn đến những thay đổi triệt để hơn nữa. Cục Tình báo Trung ương Mỹ phối hợp với Cục Đặc vụ Anh quyết định lật đổ Mosadduk, và đặt hy vọng vào vua Iran là Mohammed Rezu Pechlevi và các sĩ quan Bảo hoàng. Nhưng nhà vua còn do dự. Tháng 8 năm 1953, Allen Dulles và đại sứ Mỹ Loy Henderson đã gặp công chúa Asraf, chị em cùng cha khác mẹ với nhà vua. Asraf là một phụ nữ mạnh mẽ và kiên quyết. Bà này đã đến Iran để thuyết phục nhà vua đồng ý tham gia vào cuộc bạo động. Đại sứ quán Mỹ ở Teheran đã biến thành trung tâm của vụ âm mưu tiến hành chiến dịch "AIAKS" của Mỹ. Chiến dịch đã lật đổ được chính phủ của Mosadduk nhờ có sự can thiệp quân sự và hoạt động của các nhóm nổi loạn được tổ chức tốt.

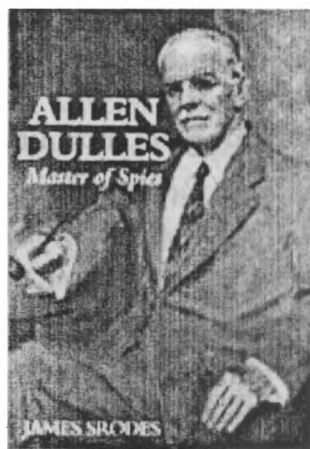
Cục Tình báo Trung ương Mỹ còn tiến hành một chiến dịch bí mật nữa ở Philippins, nơi vào thời gian đó ảnh hưởng của chủ nghĩa cộng sản phát triển và hoạt động của giải phóng quân phong trào "HUKS" được tôi luyện trong cuộc chiến chống Nhật đang có nhiều thắng lợi. Đặc phái viên của Dulles là Edward Giri Lansdale đã đến Philippins và dùng những khoản tài chính lớn để tiến hành vận động chiến tranh tâm lý chống quân "đỏ", đồng thời ông ta cũng đã tìm được một ứng cử viên tin cậy cho vị trí nguyên thủ quốc gia là ông Ramon Magsaisai. Với sự ủng hộ về mặt tài chính và vật chất kỹ thuật của Cục Tình báo Trung ương Mỹ, ông này đã giành thắng lợi trong cuộc bầu cử năm 1953 và trở thành một trong những sáng lập viên của khối SEATO thành lập năm 1954, là một tổ chức tương đương NATO của Châu Á.

Một đối tượng khác của các chiến dịch ngầm là Watemala. Năm 1951, sĩ quan phe cực tả Arbens được bầu làm tổng thống nước này. Năm 1952, ông ta bắt đầu thực hiện những cải cách nông nghiệp triệt để và đã tịch thu mất của hãng “United Fruit” một trăm mười nghìn hecta đất màu. Tình hình ở Watemala được đích thân Tổng thống Eisenhower quan tâm vì Arbens ngày càng cực tả và thân cận hơn với phe Cộng sản. Tổng thống ủy thác cho Dulles việc dàn xếp tình hình Watemala. Cục Tình báo Trung ương Mỹ đã lên chương trình chiến dịch “Thành công”. Người Mỹ tiến hành các hoạt động mua chuộc, đe dọa, hứa hẹn... Nhân viên Cục Tình báo Trung ương Mỹ phối hợp với các nhà ngoại giao và doanh nhân của “United Fruit” cung cấp vũ khí và tiền nong cho đối thủ của Arbens. Một ứng cử viên mới được lựa chọn cho cương vị tổng thống là Mighel Indigoras Fuentes đang sống lưu vong ở Salvadora. Theo yêu cầu của Dulles, Tổng thống Eisenhower đã cho phép phi công Mỹ oanh tạc lãnh thổ Watemala để thúc đẩy nhanh quá trình giải giáp chế độ. Ngày 27 tháng 6 năm 1954, Arbens đầu hàng. Khẩu hiệu cũ “Những gì có lợi cho “United Fruit” đều có lợi cho nước Mỹ” lại được giương lên.

Mục đích chính mà Eisenhower và anh em nhà Dulles theo đuổi suốt đời là kiềm chế ảnh hưởng của phe cộng sản chủ nghĩa và sau đó là tìm mọi cách để xóa bỏ nó. Để thực hiện điều này, Eisenhower đã thiết lập nên cái gọi là “chính phủ vô hình” mà bên cạnh sự đại diện của ông ta còn góp mặt các nhân vật Allen Dulles, John Foster và bộ trưởng quốc phòng. “Nội các giải quyết những vấn đề khủng hoảng” này do Allen Dulles đứng đầu.

Trong số các giải pháp thành công của Cục Tình báo

Trung ương Mỹ những năm Dulles đứng đầu có thể kể đến sự ủng hộ về mặt tài chính cho tổ chức tình báo và phản gián của “viên tướng xám” Gehlen tại Tây Đức. Tổ chức này đã từ hoạt động bán công khai trở thành một cơ quan chính phủ lớn của Cộng hòa Liên bang Đức. Tại Ai Cập với sự hỗ trợ của Allen Dulles và Cục Tình báo Trung ương Mỹ, Naser và những người ủng hộ ông ta trống tổ chức “Sĩ quan tự do” đã lật đổ vua Faruk và giành chính quyền.



Bìa một cuốn sách viết về Allen Dulles

Ban đầu Naser gây chiến với người Anh nhưng đồng thời vẫn làm bạn với người Mỹ. Cục Tình báo Trung ương Mỹ đã chi những khoản tiền lớn, cố gắng biến ông ta thành một đồng minh đáng tin cậy. Nhưng chẳng bao lâu sau ông này quay sang thân Liên Xô, và Cục Tình báo Trung ương Mỹ bắt đầu nghiên cứu khả năng lật đổ ông ta với sự giúp sức của những “anh em Hồi giáo”. Hơn nữa người ta còn lên kế hoạch ám sát Naser. Tại Đài Loan, Cục Tình báo Trung ương Mỹ ủng hộ những người theo chủ nghĩa quốc gia Trung Hoa. Người Mỹ thành công trong việc duy trì được chế độ xã hội được thiết lập tại đây và bảo vệ Đài Loan trước nguy cơ tấn công của Trung Quốc đại lục. Tại Hungari họ đã kích động dân chúng nổi dậy trong cuộc bạo loạn năm 1956. Sự thật là sau khi cuộc nổi loạn bị đàn áp, Cục Tình báo Trung ương Mỹ đã phò mặc người Hungari cho số phận may rủi.

Đó có lẽ là tất cả những mặt “tích cực” trong hoạt động

của Allen Dulles trên cương vị giám đốc Cục Tình báo Trung ương Mỹ.

* Những âm mưu không hoàn hảo

Nhưng mặt tiêu cực của hoạt động này cũng rất phong phú.

Cục Tình báo Trung ương Mỹ đã tung vào Liên Xô và các nước khối này một số lượng lớn điệp viên là những người di tản từ các nước thuộc Liên Xô. Nhưng hầu như không ai trong số họ còn sống sót hoặc ít ra là được tự do.

Người Mỹ đã hất chân được người Pháp khỏi Đông Dương nhưng rồi chính họ đã lập tức bị sa lầy trong cuộc chiến tranh phi nghĩa và đẫm máu ở Việt Nam và kết cục chịu thất bại hoàn toàn.



Tổng thống Sukarno, đối tượng lật đổ thất bại của CIA

Cục Tình báo Trung ương Mỹ mưu toan lật đổ Sukarno ở Indonesia. Vụ ám sát nguyên thủ quốc gia Indonesia xảy ra ngày 30 tháng 11 năm 1957 đã thất bại. Khi đó người ta liền quyết định quay sang sử dụng những phương thức khác. Cục Tình báo Trung ương Mỹ cài gián điệp của mình dưới vỏ bọc viện trợ kinh tế. Các đối thủ của Tổng thống Sukarno được sự ủng hộ của người Mỹ đã tiến hành các hoạt động giao tranh và sự ủng hộ này biến thành vụ bê bối quốc tế.

Tổng thống Sukarno cuối cùng cũng bị lật đổ, nhưng đó là chuyện về sau này, khi Dulles không còn tại nhiệm nữa.

Năm 1959, Cục Tình báo Trung ương Mỹ để Fidel Castro

yên ổn ở La Habana. Khi hiểu ra thì mọi chuyện đã quá muộn: Castro hóa ra hoàn toàn không phải là một “nhà dân chủ” mà người Mỹ cần. Cục Tình báo Trung ương Mỹ tìm mọi cách để loại trừ Castro: hoặc lật đổ hoặc giết chết. Ủy ban Thương viện Mỹ kết luận con số các vụ âm mưu nhằm mục đích này mà Cục Tình báo Trung ương Mỹ có nhúng tay vào là tám lần. Ban đầu người Mỹ tìm cách làm mất uy tín của Chủ tịch Castro trước dân chúng, xâm hại sức khỏe và tinh thần của ông bằng nhiều biện pháp khác nhau (như phun khí độc, tắm độc xì gà và thậm chí là cắt bộ râu nổi tiếng...). Sau đó người ta bắt đầu lập những kế hoạch nghiêm trọng hơn. Năm 1975, trong cuộc đàm luận với nghị sĩ Macgovern, Castro tuyên bố có đến hai mươi ba vụ mưu sát nhằm vào ông đã được thực hiện.

Ngày 1 tháng 5 năm 1960, một chiếc máy bay do thám rơi tại Sverdlov (Nga), phi công Powers thay vì cần ống thuốc độc tự vẫn đã đầu hàng người Nga và khai rằng anh ta hành động theo chỉ thị của Cục Tình báo Trung ương Mỹ. Vụ bê bối này đã trở thành cơ để Khrusov từ chối gặp Eisenhower trong một cuộc gặp gỡ cấp cao. Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô giận dữ tuyên bố không thể đàm phán với một kẻ đã cho máy bay do thám bay vào vùng trời nước mình, nhất là lại vào một ngày lễ trọng đại như vậy.

Và cuối cùng là vụ bê bối trên vịnh Con Lợn của Cu Ba. Vụ đổ bộ kiểu dân lưu vong Cu Ba tại đây dưới sự yểm trợ của lính đánh bộ và không quân Mỹ đã thất bại hoàn toàn. Quân nhảy dù rơi xuống biển. Hàng trăm tên phá hoại rơi vào nhà tù của Fidel Castro. Những sự kiện ở Cu Ba khiến tổng thống John Kennedy hết kiên nhẫn. Ông ta yêu cầu Dulles suy nghĩ về “sự hữu dụng nghề nghiệp” của bản thân.

Ngày 20 tháng 11 năm 1961, Allen Wels Dulles từ chức và quay sang viết sách. Đề tài chủ yếu trong sáng tác của ông ta là hoạt động của cơ quan mật vụ.

Dulles mất ngày 9 tháng 1 năm 1969 trong thời kỳ quyết liệt nhất của chiến tranh ở Việt Nam.

Sau đây là lời xác nhận hết sức quan trọng liên quan đến hoạt động của Allen Dulles và đặc biệt là đến niềm say mê ghê gớm của ông ta đối với “các chiến dịch ngầm”: “Khi tôi thành lập Cục Tình báo Trung ương Mỹ, nó hoàn toàn không phải trở nên theo tinh thần như nó đã trở thành - và đó là vào những năm hòa bình - trong các chiến dịch sa lầy và giết chóc. Tôi cho rằng một vài phức tạp, một vài khó khăn mà chúng ta đều biết phần nào khẳng định hoạt động tình báo chính là một vũ khí bí mật trong tay tổng thống - nhưng nó đã đi quá xa mục tiêu được đặt ra đó, và hiện nay được coi là biểu tượng của những âm mưu hiểm độc và bí mật ở nước ngoài và là đề tài cho sự tuyên truyền thù địch trong thời kỳ “chiến tranh lạnh”.

Tác giả lời xác nhận này không phải của ai khác mà chính của cựu Tổng-thống Mỹ Harry Schuman, người sáng lập ra Cục Tình báo Trung ương Mỹ, và lời trích dẫn trên được ông nói vào năm 1963.

FRANTISEC MORAVES

DIỆP VIÊN XUẤT SẮC CỦA TIỆP KHẮC

Thật thú vị khi có được tư liệu bảo mật của Đức. Đó là "Bản danh sách những người cần phải bắt giam ngay ở Anh sau khi nước này bị chiếm đóng". Trong danh sách bên cạnh tên Thủ tướng Anh Winston Churchill, bác sĩ tâm lý Digmun Fayd, Thủ tướng Pháp De Gaulle có cả Moraves Frantisec (1895-1966) với số thứ tự là 173.

Đế chế Áo - Hung sụp đổ, trên bản đồ Châu Âu xuất hiện một đất nước mới - Tiệp Khắc. Cơ quan tình báo của đế chế cũng tan rã, Cục Đặc nhiệm Tiệp Khắc ra đời.

Đại úy trẻ Frantisec Moraves lãnh đạo Ban quân báo đặt tại Praha. Xu hướng lúc này là hoạt động phản gián do cuối những năm 20 đầu

những năm 30 mối đe dọa chính là gián điệp Đức Quốc xã hoạt động ở vùng dân cư Đức Sudety gần biên giới. Trong hai năm



Bản đồ Cộng hòa Czech

1931-1932, Ban phản gián ở Sudety hoạt động bí mật dưới vỏ bọc câu lạc bộ thể thao “Fonspo” tập hợp được những cư dân Đức vùng này. Ngày 25 tháng 3 năm 1934, Moraves được đề bạt phụ trách Ban điều tra Bộ Tổng tham mưu, tổ chức hợp nhất của Cục Tình báo và Cục Phản gián. Theo đề nghị của ông, bốn trung tâm phản gián đã ra đời ở Praha, Brno, Bratisava và Cosise.

Năm 1933, Hitler lên nắm chính quyền ở Đức và không che giấu những dã tâm của mình. Moraves hiểu rõ nguồn gốc đe dọa nền độc lập và toàn vẹn lãnh thổ đất nước Tiệp Khắc của mình nên bắt đầu tìm đồng minh ở nước ngoài. Đầu tiên ông đi Paris, bắt liên lạc với phản gián Pháp và tiếp xúc với Louis Rive lãnh đạo tình báo Pháp. Rive từng bị Đức bắt làm tù binh thời Thế chiến Thứ nhất và mãi khi chiến tranh kết thúc mới được thả về. Ông gia nhập tổ chức tình báo và không bao lâu sau đi Ba Lan trong nhóm của tướng Weigand. Ở đây ông là trợ lý cố vấn của nguyên soái Pilsudski. Lúc này nhiệm vụ của phản gián Pháp là “giữ cho Phương Tây khỏi rơi vào tay Bolsevich” (cần nói thêm là đúng lúc này tướng Charles de Gaulle của Pháp cũng có mặt ở Ba Lan trong đoàn tùy tùng của Weigand). Sau đó Rive đã thăng tiến trong lĩnh vực hoạt động phản gián và đặc trách những vấn đề về Đức. Ông đã thu thập được một khối lượng đồ sộ các tài liệu phong phú về việc chuẩn bị quân sự và các kế hoạch xâm lược của Đức, nhưng đáng tiếc là những thông tin này đã không ai nhận được.

Trên đường từ Pháp về, Moraves đã rẽ qua Thụy Sĩ và tìm thấy ở đây sự đồng cảm hiểu biết lẫn nhau ở Rose Mason, người đứng đầu quân báo Thụy Sĩ. Họ đã bí mật ký thỏa ước, theo đó phía Thụy Sĩ cho phép tình báo Tiệp hoạt động ở

Duyrich. Cũng cần nói thêm là phản gián Thụy Sĩ thời kỳ ấy (1930-1935) chỉ vắn vắn có hai sỹ quan mà Mason là một. Năm 1936, Moraves đến Moscva gặp gỡ với Uriski phụ trách Cục Tình báo Liên Xô: Liên Xô và Tiệp Khắc đã ký kết hiệp ước hỗ trợ lẫn nhau, có dự kiến cả việc phối hợp hoạt động tình báo giữa hai nước. Semen Petrovich Uriski lên thay nhà tình báo dày kinh nghiệm Ia. K. Berdin. Uriski nói chuyện tâm đầu ý hợp, là người tiếp chuyện tương xứng với Moraves khiến ông rời khỏi Liên Xô như một người bạn. Tình bạn giữa hai nhà tình báo và ngành tình báo hai nước đã mang lại những thành quả bất ngờ. Tháng 4 năm 1937, chủ tịch Benes của Tiệp Khắc đã chuyển cho đại sứ Liên Xô tại Praha thông tin nhận được của tiến sĩ Mann, đại sứ Tiệp Khắc tại Berlin. Thông tin này lại do điệp viên Tiệp Caren Sedlachec từ Thụy Sĩ chuyển về có liên quan đến “âm mưu quân sự” của nguyên soái quân đội Liên Xô Tukhatrepxki.

* Cải tổ Cục Tình báo

Rời Moscva về tới Praha, Moraves bắt tay ngay vào việc cải tổ Cục Tình báo của mình. Ông bổ nhiệm người lãnh đạo cơ quan phản gián là thiếu tá Bartich mà tên tuổi ông gắn liền với việc tuyển chọn ly kỳ điệp viên A-54. Ngày 10 tháng 2 năm 1936, Bartich nhận được một lá thư đề nghị được làm việc cho Tiệp. Ngoài chuyện quốc tịch Đức tác giả không cho biết gì hơn. Moraves chỉ thị đồng ý tiếp nhận đề nghị của tác giả ẩn danh đó. Họ cấp ngay địa chỉ hòm thư và ngay lập tức nhân vật này đã cung cấp những thông tin thú vị.

Sau đó có lần người này đề nghị được gặp Bartich. Cuộc gặp ấn định vào ngày 6 tháng 4 năm 1936 ngay tại trung tâm

vùng biên, vùng đã bị Đức kiểm soát hầu hết. Có nguy cơ một vụ khiêu khích, song như ta vẫn thường nói “Chúa đã phù hộ”, nên không có chuyện gì xảy ra. Sau đó người này đã được tuyển trở thành điệp viên A-54 và



Thủ đô Praha

đã cung cấp những thông tin giá trị về mọi kế hoạch bí mật của Hitler. Tình báo Tiệp khi ấy cũng vẫn không biết được tên thật của điệp viên này. Nhưng bây giờ thì đã rõ. Đó là Paul Trumel, bạn của Himmler ở Bộ Tham mưu Quốc xã và là đảng viên Quốc xã. Không một ai cũng như chẳng bao giờ biết được lý do vì sao Paul quyết định hợp tác làm cho phản gián Tiệp: lý do cá nhân, chính kiến hay do bất đồng, không một ai biết, chỉ biết là ông không hề quan tâm đến tiền bạc và quyền lợi vật chất. A-54 là nguồn thông tin hiếm có về các kế hoạch và mọi hoạt động xâm lược Tiệp Khắc của bọn phát xít. Moraves còn giữ vững quan hệ hữu hảo với điệp viên Anh Gibson tại Praha, chia sẻ với ông thông tin nhận được của A-54. Đáp lại Gibson hứa với Moraves, một khi Tiệp Khắc bị chiếm đóng, Moraves sẽ được tiếp nhận ở London và Gibson đã giữ đúng lời hứa. Về phần A-54 - Trumel, sau khi Tiệp Khắc bị Đức chiếm đóng thì liên lạc được giữ vững qua thiếu tá Aloys Frans phụ trách phản gián Tiệp ở Gaia, sau đó khi

Hà Lan bị xâm chiếm thì qua nhóm điệp viên của đại tá Khurav có mối quan hệ mật thiết với London. Chính Trumel (với mật danh mới là “Fanta”) đã cung cấp cho Tiệp và thông qua Tiệp cho Anh quốc những thông tin chính xác về kế hoạch Đức tấn công Anh (kế hoạch “Sư tử biển”), tấn công Liên Xô (kế hoạch “Barbarossa”) và Hy Lạp (kế hoạch “Marita”).

Moraves làm việc rất hiệu quả: ông đã vạch mặt thiếu tá Emerich Calman là điệp viên Đức cài vào Bộ Tham mưu Tiệp, tuyển chọn đại tá Udadi của quân đội Hungari, sau này phụ trách Cục Tình báo Hungari.

* Sự phản bội và hiệp ước Munich

Song mọi thành tích trên chỉ còn là số không bởi tham vọng bá chủ hoàn cầu của Hitler và sự phản bội của các nước Phương Tây.

Ngày 19 tháng 5 năm 1938, Moraves được tin về Đức tập trung quân ở biên giới. Chính phủ Tiệp Khắc ra lệnh động viên và ngay lập tức báo cho Anh, Pháp về các hoạt động tại vùng biên giới Đức. Đại sứ Anh tại Berlin đã gửi công hàm yêu cầu Ribbentrop giải thích, nhưng rồi cả Anh cả Pháp đều rút lui và tuyên bố không đem quân bảo vệ Tiệp Khắc. Ngày 29-30 tháng 9 năm 1938, Anh, Pháp, Đức, Italia đã ký hiệp ước Munich, rút khỏi Tiệp Khắc, trao cho Đức vùng Sudety, cũng như thỏa hiệp với Hungari và Ba Lan về các vùng giáp ranh với Tiệp Khắc. Hiệp ước đã báo trước việc Đức xâm chiếm trọn vẹn Tiệp Khắc vào năm 1939 tạo điều kiện cho Thế chiến Thứ hai bùng nổ.

Ngay sau khi Hiệp ước Munich được ký kết, cục trưởng phản gián Tiệp Khắc, đại tá Gaec đã xin về hưu. Frantisec

Moraves được điều đến thay thế ông phụ trách quân báo. Cục trưởng phản gián Đức Quốc xã Canaris đề nghị Moraves gặp gỡ tại Thụy Sĩ, song ông đã khéo léo viện cớ từ chối.

Quân báo và an ninh Đức ra sức xúc tiến làm cho tình hình căng thẳng, chuẩn bị cho hoạt động chia rẽ ở Slovak. Trạm phát thanh cũng như các cơ sở quân báo và an ninh phát xít được bố trí khắp các vùng phụ cận Bratislav. Ngày 14 tháng 3 năm 1939, Slovak vừa tuyên bố độc lập thì ngay hôm sau quân Đức đã tràn vào Praha. Bọn tình báo Quốc xã định chiếm kho lưu trữ hồ sơ của phản gián Tiệp, song một nhân viên bình thường ở đây tỏ ý ái ngại: mọi hồ sơ đã bị thiêu hủy. Thực ra Moraves cùng mười sĩ quan tình báo Bộ Tham mưu đã kịp chuyển các hòm hồ sơ mật, trong đó có hồ sơ của điệp viên A-54, sang London bằng máy bay của hãng hàng không Hà Lan.

*** Hoạt động quân báo trong thời kỳ Đức chiếm đóng**

Moraves cùng Bộ Tham mưu đặt cơ sở ở khách sạn "Van Dake", bắt đầu hoạt động trong mối liên kết chặt chẽ với phản gián Anh. Nhiệm vụ chính của họ là giữ vững hoạt động của các ban phản gián Tiệp Khắc ở Durych, Bengrad, Haag và Stambul, cũng như giữ vững mối liên hệ với phong trào Kháng chiến ở Tiệp Khắc (được gọi là vùng bảo hộ Bohemia Moravia). Cai quản vùng này là những tên đao phủ của nhân dân Tiệp Khắc: tên Richard Heidrikh phụ trách an ninh Đức và tên Alfred Funk, sĩ quan SS Đức và là thẩm phán. Những tên này đã bị phong trào Kháng chiến tuyên án tử hình. Ba nhà yêu nước người Tiệp là Josef Gabtrikh, Ian Cubi và Josef Valtrikh, được Moraves và Cục An ninh của ông đào tạo chuẩn bị cho

việc thi hành án. Sau vụ ám sát Heidrikh, chiều tối ngày 27 tháng 5, cảnh sát Đức triển khai hàng loạt hành động trả đũa tàn ác chưa từng thấy. Cả Praha bị phong tỏa. Những cuộc lục soát khám xét ở khắp nơi, dân bị bắt giam hàng loạt. Cả đất nước chìm trong đàn áp khủng bố. Chỉ trong sáu ngày đầu đã có 440 người bị hành quyết, trong vòng 5 tuần con số lên tới 1357, chưa kể dân hai làng Lidix và Legiaki đã bị xóa sạch. Tuy nhiên một trong những kẻ đã thực thi những đòn trừng phạt trả đũa trên, tên Funk, thẩm phán Quốc xã cũng đã phải trả giá. Một năm sau đó hắn bị điệp viên Xô Viết Nicolai Kuznesov diệt trừ tại Rovno.

Đại tá Moraves vẫn tiếp tục công việc của mình. Ông giữ được mối quan hệ khá chặt với Ivan Andreevich Tritraev, đại diện chính thức của phản gián Xô Viết tại Anh.

Một trong những vấn đề luôn làm các nhà lãnh đạo Xô Viết băn khoăn lo lắng là khả năng phân rã trong khối Đồng minh và có ký kết liên minh với kẻ thù chung là Đức. Mọi thông tin liên quan tới vấn đề trên đều khiến mọi người quan tâm. Thấy rõ là chuyến bay đặc biệt bí mật của tên Gess, thư ký riêng của Hitler, đi Anh hôm trước ngày Đức tấn công Liên Xô là mối quan tâm lớn của cả nhà nước cũng như phản gián Xô Viết, nhất là khi phía Anh ra sức bung bít tin tức về chuyến bay đó. Và đến giờ bí mật của chuyến bay đó vẫn chưa hé lộ. Vì vậy thông tin của Moraves từ London báo về ngay lập tức được báo cáo lên Stalin. Nguyên văn bản báo cáo: "Tuyệt mật. Hội đồng Quốc phòng Liên Xô. Gửi đồng chí Stalin. Gửi đồng chí Molotov. Lãnh đạo quân báo Tiệp, đại tá Moraves thông báo cho điệp viên của Bộ Dân ủy nội vụ ở London tin tức sau đây:

Ý kiến lan truyền cho rằng Gess bất ngờ bay đi London là không chính xác. Trước chuyến đi khá lâu Gess đã có thư từ đi lại với huân tước Hamilton, trao đổi về mọi vấn đề tổ chức cho chuyến đi. Thế nhưng thực tế thì Hamilton không tham dự vào cuộc trao đổi thư tín trên. Mọi bức thư Gess gửi đi đều không đến tay người nhận, mà rơi vào tay tình báo Anh và họ đã giả danh huân tước trả lời Gess. Vậy là Anh đã dụ được Gess tới Anh”.

Trong báo cáo, Moraves còn cam đoan chính mắt ông nhìn thấy những thư từ trao đổi trên và trong những lá thư của mình Gess đã viết khá rõ về các kế hoạch tấn công Liên Xô của Đức. Cũng trong những thư ấy đã đưa ra những luận chứng cần thiết chấm dứt chiến tranh giữa Anh và Đức. Cuối cùng Moraves cho là tình báo Anh đã sắp xếp để có những chứng từ về tội của Gess và các tên Quốc xã đầu sỏ trong việc chuẩn bị tấn công Liên Xô.

Trong cuốn *Lịch sử hoạt động ngoại gián của Nga* đã chỉ rõ rằng Moraves tự nguyện giúp đỡ một cách trung thực Cục Phản gián Xô Viết cho dù ông cũng như chính phủ Tiệp Khắc phải sống lưu vong ở London dưới sự bảo trợ của Anh. Thông tin của đại tá tình báo Tiệp Moraves thật xác thực và đã được khẳng định qua những tin tức phản gián Xô Viết nhận được từ trước đó liên quan tới cuộc tiếp xúc của Gess với phía Anh trước khi hắn bay đi Scotland.

Năm 1945, Moraves trở về Tổ quốc nhưng đã có điều gì đó giữa ông với bộ máy lãnh đạo mới của Tiệp Khắc. Vì vậy cuối năm 1947 ông đã đi Mỹ, định cư tại đó cho tới khi qua đời năm 1966. Chín năm sau đó cuốn hồi ký *Ông chủ của các điệp viên* mới được ấn hành.

ERNST FRIDRIC VOLLVEBER

NHÀ TỔ CHỨC NHỮNG MẠNG LƯỚI ĐIỆP VIÊN CHỐNG PHÁT XÍT

Ernst Fridric Vollveber (1898-1967)
sinh trưởng trong một gia đình thợ mỏ,
nhưng cậu con trai lại không theo
nghề bố cho dù đã từng là thợ đốt lò
trên con tàu hoàng gia "Helholand".
Chàng trai đã trở thành thủy thủ và
đúng vào ngày sinh nhật lần thứ hai
mươi của mình, Vollveber đã kéo cờ đỏ
trên con tàu và thành người đứng đầu
cuộc nổi dậy của thủy thủ, cuộc nổi dậy
kỷ niệm bước đầu thắng lợi của Cách
mạng Đức, sự sụp đổ của vương triều
Wilhelm. Sau này, người thanh niên dũng cảm ấy đã trở
thành nhà tổ chức những mạng lưới điệp viên chống
phát xít nổi tiếng.



*** Trọng trách đặc biệt giành cho người thủy thủ dũng cảm**

Năm 1922, Vollveber được Đảng Cộng sản Đức cử đi dự Đại hội lần thứ IV Quốc tế Cộng sản. Sau đó trở về nước giữ trọng trách chủ tịch tổ chức quốc tế các bến cảng, một cơ cấu quan trọng của Quốc tế Cộng sản vì tổ chức này nắm được hệ thống quan hệ quốc tế đặc biệt. Tháng 9 năm 1923, Ernst

tham gia chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa vũ trang ở Đức. Cuộc khởi nghĩa nổ ra ở Hamburg nhưng không được hưởng ứng nên đã bị trấn áp. Bởi vậy, Vollveber đã có thời gian phải ngồi tù, song năm 1928 anh được bầu là thành viên của Hội quản lý đất đai ở Phổ và đứng ra thành lập Hội thủy thủ quốc tế. Đây là một tổ chức hùng mạnh, có cơ sở ở hai mươi bốn nước trên thế giới và ở mười lăm nước thuộc địa của Anh và Pháp. Hoạt động của Hội giúp cho Quốc tế Cộng sản rất nhiều, vì Hội thực thi những nhiệm vụ đặc biệt: ngăn cản việc vận chuyển quân lương khi Liên Xô bị ngoại bang tấn công, ở mỗi cảng lớn đều có mạng lưới điệp viên và liên lạc mà phản gián Xô Viết sử dụng rộng rãi, ngoài ra hội viên còn được đào tạo huấn luyện đặc biệt để có thể thực hiện các vụ phá hoại tàu và cảng.

*** “Liên đoàn của Vollveber” và những vụ đánh đắm tàu kinh hoàng**

Vào những năm ba mươi, để ủng hộ phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc, người của Vollveber đã thực hiện những vụ phá hoại to lớn trên các con tàu chở binh lính và vũ khí đến các nước thuộc địa, đến vùng Mãn Châu, Trung Quốc, nơi mà bọn Nhật đã bắt đầu nhòm ngó tấn công. Cũng cần ghi nhận một điều: rất nhiều con tàu khác bị đắm vì nhiều nguyên nhân khác nhau, nhưng cũng được “ghi vào” thành tích của Vollveber. Trong tất cả những trường hợp trên, mọi nỗ lực phát hiện thủ phạm của phản gián Phương Tây đều không thành, cho dù như báo chí đưa tin thì “dấu vết đều dẫn tới Vollveber và tổ chức của ông” - hay như người ta vẫn thường gọi là “Liên đoàn của Vollveber”.

Năm 1937, Vollveber là đại biểu Quốc hội, nhưng cũng không được lâu. Hitler lên nắm chính quyền và Ernst phải rút vào hoạt động bí mật. Ông là một trong những người bị bọn phát xít đưa vào hàng đầu danh sách những người bị truy lùng. Ông phải bỏ trốn sang Đan Mạch. Ở đó, ông đã tổ chức ra trung tâm phản gián chống phát xít, và từ đó lãnh đạo người của mình làm việc ở các cảng trên khắp thế giới. Những tin đồn huyền thoại về con số tàu bị thiêu hủy và đánh đắm làm xôn xao dư luận thời đó, nhưng vẫn còn xa so với thực tế. Một nguồn tin cho biết con số lên tới bốn trăm chiếc, theo nguồn tin khác lại chỉ có trên vài chục.

Các câu lạc bộ thuộc “Liên đoàn của Vollveber” thực chất là các cơ sở phản gián, nơi hoạch định các chiến dịch, chế tạo bom mìn, làm giả hộ chiếu, huấn luyện điệp viên và còn là các hòm thư liên lạc của phản gián Xô Viết. Bộ tham mưu của Vollveber gồm hai mươi người, do chính ông tuyển chọn và gồm đủ quốc tịch: Đức, Đan Mạch, Thụy Điển, Hà Lan, Bỉ, Pháp, Anh.

Năm 1936, khi cuộc nội chiến bùng nổ ở Tây Ban Nha, “Liên đoàn của Vollveber” đã đẩy mạnh đáng kể mọi hoạt động. Số tàu chuyên chở vũ khí cho quân đội Franco bị thiêu cháy và phá hủy khá lớn.

Vollveber, một con người gan dạ, đã nhiều lần đến Đức mặc dù ở đó tính mạng ông bị đe dọa ngặt nghèo. Một lần ông bị sa bẫy, nhưng đã thoát được thật kỳ diệu trong khi mười hai đồng chí của ông đều bị bắt giam và treo cổ.

*** Nhà tổ chức mạng lưới điệp viên chống phát xít**

Bất chấp tổn thất đó, Vollveber vẫn biết cách ổn định nền

nếp hoạt động. Cơ sở ở Đức này đã tiếp tục tồn tại cho tới đầu Thế chiến Thứ hai và cả sau này. Một minh chứng hùng hồn là vụ làm nổ tung con tàu quân sự “Marion” của phát xít Đức chở hai ngàn (theo nguồn tin khác những bốn ngàn) binh lính, chỉ một số nhỏ thoát chết.

Mùa xuân năm 1940, phát xít Đức chiếm đóng Đan Mạch. Nhiều điện viên ở cơ sở Copenhagen bị bắt giam.

Trước khi Na Uy bị Đức xâm chiếm, Vollveber có cơ sở tin cậy ở đó. Phó ban phản gián Xô Viết ở Hensinxki, bà Doia Ivanovna Vascreskaya Rubkina cũng đã tới đó gặp Anton (bí danh của Vollveber).

Các nhóm điện viên của Vollveber hoạt động ở các thành phố Hamburg, Bremen, Danzig, Rotterdam, Amsterdam, Copenhagen, Oslo, Riga và Talin.

Mọi cuộc đàm phán với Thụy Điển không thành. Thụy Điển không giao nộp Vollveber cho Đức với lý do: Vollveber phải được xét xử theo luật pháp Thụy Điển. Chiến tranh đã tới hồi kết thúc, Thụy Điển đã không còn sợ Đức nữa...

Ngay từ trước chiến tranh kết thúc, không cần đợi tới xét xử Vollveber đã được thả tự do và di lượn sang Liên Xô. Ông đã cùng Hồng quân tiến vào Berlin. Sau chiến tranh Vollveber được bổ nhiệm làm Bộ trưởng Bộ Giao thông của Đức, sau đó tháng 6 năm 1953 chuyển sang Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

Báo chí Phương Tây lại lên án Vollveber về mọi tổn thất hư hại của các con tàu của họ, nhất là trong cuộc chiến tranh Triều Tiên những năm 1950 - 1953. Tuy nhiên họ đã không tìm ra được một chứng cứ nào.

Trong hai năm 1956 - 1957, Vollveber nhiều lần lên tiếng

phản đối đường lối của Walter Wilbrikh, cụ thể là vấn đề Hungari, dẫn tới hậu quả ông bị cách chức bộ trưởng Bộ Nội vụ vào tháng 11 năm 1957. Đến tháng 2 năm 1958, ông phải ra khỏi Ban chấp hành Trung ương Đảng, về hưu vì “tình trạng sức khỏe”. Vollveber qua đời ngày 5 tháng 5 năm 1967 ở Đông Berlin.

CHU ÂN LAI

NHÀ TỔ CHỨC ĐẶC VỤ ĐẦU TIÊN CỦA TRUNG QUỐC

Kể từ tháng 11 năm 1927 đến tháng 12 năm 1931, trong sự tàn khốc của các cuộc khủng bố trắng, do bè lũ phản động gây nên tại Thượng Hải, Chu Ân Lai (1898-1976) với tài trí hơn người đã sáng lập và lãnh đạo Cơ quan Đặc vụ Trung ương Trung Quốc, phục vụ cho yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng và viết nên những trang sử hào hùng mang đầy màu sắc truyền kỳ, bí hiểm.



* Thành lập phòng công tác đặc vụ...

Nhằm bồi dưỡng các cán bộ cho công tác bảo vệ chính trị, tháng 9 năm 1926, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đã cử Cố Thuận Chương và Trần Canh sang Liên Xô học tập. Sau khi Tưởng Giới Thạch phát động cuộc chính biến phản cách mạng "12-4", do nhu cầu cấp bách của tình thế, tháng 5 năm 1927, tại Vũ Hán, Chu Ân Lai đã quyết định thành lập phòng Công tác Đặc vụ (tiền thân của Cơ

quan Đặc vụ Trung ương) với các công tác như tình báo, đặc vụ và bảo vệ những yếu nhân, trong đó công tác tình báo là chủ yếu. Đây là cơ quan bảo vệ chính trị đầu tiên của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc (khi đó Chu Ân Lai đang đảm trách chức vụ bí thư Quân ủy). Phòng Công tác Đặc vụ này đã phát huy tác dụng to lớn trong thời kỳ đấu tranh Quốc - Cộng. Ví như trước khi xảy ra biến cố Mã Nhật, do Hứa Khắc Tường phát động, hay Tưởng Giới Thạch gặp Phùng Ngọc Tường, đều không qua nổi tai mắt của phòng Công tác đặc vụ.

Sau tháng 9 năm 1927, cơ quan Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc chuyển từ Vũ Hán về Thượng Hải. Trong phiên họp ngày 9 và 10 tháng 10, Cục Chính trị lâm thời đã quyết định Chu Ân Lai tiếp tục đảm trách chức vụ bí thư Quân ủy Trung ương và phụ trách việc chuẩn bị thành lập Cơ quan Đặc vụ Trung ương. Sau đó Chu Ân Lai đã chủ trì việc xây dựng mô hình tổ chức, diễn hình cơ cấu chính trị, phát triển phòng Công tác Đặc vụ thành Cơ quan Đặc vụ Trung ương.

Đến năm 1929, cơ quan này đã tương đối hoàn chỉnh. Nó bao gồm 4 phòng: tổng hợp, tình báo, hành động và giao thông. Với nhiệm vụ cơ bản là: "Đảm bảo an toàn cho bộ máy lãnh đạo Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc; thu thập tin tức tình báo; ngăn chặn bọn phản động; giải cứu các đồng chí bị bắt và xây dựng dài phát thanh bí mật".

Trong 4 phòng của Cơ quan Đặc vụ Trung ương thì phòng Tổng hợp được thành lập sớm nhất và trưởng phòng là Hồng Dương Sinh. Còn trưởng phòng Tình báo là Trần Canh, phòng Hành động được thành lập tháng 4 năm 1928, do Cố Thuận

Chương làm trưởng phòng. Cuối cùng là phòng Giao thông hay còn gọi là phòng Thông tin vô tuyến điện, được thiết lập thêm vào năm 1929.

Tóm lại, cơ cấu tổ chức của cơ quan Đặc vụ Trung ương chặt chẽ, có tính cơ động cao và sức chiến đấu mạnh. Chu Ân Lai vừa là người đề ra quyết sách chính, vừa là người phụ trách tổ chức thực hiện.

*** ... và những cống hiến của Chu Ân Lai**

Thứ nhất: Đảm bảo an toàn tuyệt đối cho Cơ quan Trung ương Đảng.

Năm 1927, sau khi cơ quan Trung ương Đảng di chuyển căn cứ từ Vũ Hán về Thượng Hải, nhằm nguy trang cho công tác bí mật, cần phải thuê địa điểm để mở gấp căn cứ và các phòng, ban trực thuộc. Nhưng khó khăn là muốn thuê nhà cần có người đứng ra bảo lãnh. Trước tình hình đó, Chu Ân Lai chỉ thị cho Hồng Dương Sinh và các đồng chí khác bằng mọi cách phải thiết lập các mối quan hệ xã hội để giải quyết khó khăn trên. Nhờ sự nỗ lực từ nhiều phía, bước đầu đã xây dựng được 3 cơ sở cho cơ quan đặc vụ. Thứ nhất, phòng chụp ảnh Tam Dân ở đường Bắc Tứ Xuyên, chủ hiệu là Phạm Ngự Nhân, người có tư tưởng tiến bộ, sau này thường tham gia mua vũ khí và chuyển giấy tờ mật cho cơ quan đặc vụ. Thứ hai, tiệm vải của Lý Thụy Sinh nằm trên đường Uy Hải Vệ, sau này cũng trở thành địa điểm liên lạc của Trung ương Đảng. Và thứ ba, cửa hàng đồ điện của Trương Nghĩa An trên đường Lao Hợp (nay là đường Lục Hợp). Nhờ sự bảo lãnh của 3 cửa hàng trên mà cơ quan đặc vụ có thể thuê địa điểm trên khắp Thượng Hải, lập nên mạng lưới bí mật của mình.

Thứ hai: Cơ quan Đặc vụ Trung ương thường áp dụng ba phương pháp: Nếu đồng chí bị bắt chưa lộ thì công khai mời luật sư bào chữa để giải cứu một cách hợp pháp. Nếu bị lộ, phải tìm nội ứng để giải thoát, hoặc dùng tiền để lo lót. Gặp trường hợp phức tạp mà cả hai phương pháp trên không thể áp dụng được thì phải dùng vũ lực. Đây là phương pháp cuối cùng, “vạn bất đắc dĩ” mới dùng.

Thứ ba: Xây dựng một mạng lưới tình báo rộng lớn.

Chu Ân Lai đặt ra phương châm cho phòng Tình báo là “đưa người vào” và “kéo người ra”. “Đưa người vào” tức lợi dụng mọi mối quan hệ để đưa người vào các bộ phận chủ chốt của kẻ thù để làm công tác tình báo, còn “kéo người ra” là mua chuộc những nhân viên thuộc cơ quan mật vụ của Quốc dân Đảng và cơ quan tô giới của đế quốc làm việc cho mình. Sau khi Cơ quan Đặc vụ Trung ương thành lập không lâu, Trung ương Đảng ra chỉ thị cho các cấp: “Phải cử một hoặc hai người đáng tin cậy để thâm nhập vào đảng bộ Quốc dân Đảng cùng một số cơ cấu phản động khác nhằm do thám và tiến hành công tác phá hoại”. Theo chỉ thị này, Chu Ân Lai đã cử Tiền Tráng Phi, Lý Khắc Nông và Hồ Đễ, ba người này đã thâm nhập vào sào huyệt, đầu mưu, đầu trí cùng kẻ thù, và về sau đã viết nên những trang hiển hách trong lịch sử đấu tranh bí mật của Đảng. Tiền Tráng Phi do được sự tín nhiệm của Từ Ân Tăng - trưởng phòng Điều tra - Bộ Tổ chức của Quốc dân Đảng, vì vậy được giữ chức bí thư Cục Quản lý vô tuyến điện Thượng Hải. Hồ Đễ được giao nhiệm vụ phụ trách Thông tấn xã Dân Chí tại Nam Kinh, sau này được điều về Thiên Tân để thành lập Thông tấn xã Trường Thành và Thông tấn xã Trường Giang. Như vậy, dưới sự phụ trách

của Tiên Tráng Phi, những cơ quan đặc vụ của Quốc dân Đảng đã hoàn toàn nằm trong sự kiểm soát của Đảng Cộng sản Trung Quốc.

Ví dụ điển hình nhất về phương châm “kéo người ra” là thiết lập mối quan hệ với Dương Đăng Doanh - một nhân sĩ tiến bộ cánh tả của Quốc dân Đảng. Đầu năm 1928, qua mối quan hệ với những thủ lĩnh đặc vụ của Quốc dân Đảng như Trương Đạo Phan, Dương Kiến Hồng, Dương Đăng Doanh đã thâm nhập vào phòng Điều tra đảng vụ thuộc Bộ Tổ chức Trung ương, cơ quan đặc vụ tối cao Quốc dân Đảng, rồi trở thành nhân viên tình báo cao cấp. Không lâu sau đó, Dương Đăng Doanh tiếp xúc với Trần Dương Sơn - công tác tại Tỉnh ủy Quốc dân Đảng tỉnh Giang Tô - người nguyện cung cấp những tin tức tình báo có lợi cho Đảng Cộng sản mà ông ta được biết. Sau khi suy nghĩ thận trọng, Chu Ân Lai và các đồng chí phụ trách khác đã đồng ý cùng Dương Đăng Doanh thiết lập quan hệ đặc tình. Sau này Dương Đăng Doanh được ủy nhiệm làm đặc phái viên của Quốc dân Đảng phụ trách xử lý tin tức, hồ sơ của cơ quan Quốc dân Đảng tại Thượng Hải. Sự thiết lập quan hệ đặc tình này đã phát huy tác dụng vô cùng to lớn trong việc giải cứu người của Đảng Cộng sản bị bắt và trừng trị bọn phản loạn.

Thứ tư: Chỉ huy trừng phạt những tên tay sai đầu sỏ.

Đây là sứ mệnh hàng đầu của phòng Hành động với nhiệm vụ cụ thể do đội Hồng Binh đảm nhận (còn gọi là đội khùng bố đồ) tên tục là đội “đả cầu” (trừng phạt bẻ lư tay sai).

Sau cuộc chính biến phản cách mạng “12-4”, tỉnh ủy tỉnh Giang Tô đã chọn ra một số công nhân có tư tưởng chính trị

vững vàng, võ thuật cao cường, biết bắn súng và thông thuộc tình hình Thượng Hải, trên cơ sở đội duy trì trật tự lập thành một tiểu đội để phụ trách trấn áp bọn đặc vụ, bè lũ phản động và nội gián.

Đội hồng binh, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Chu Ân Lai, đã trừng trị được những tên tay sai sừng sỏ như Hà Gia Hưng, Đới Băng Thạch và bọn thủ lĩnh đặc vụ của Quốc dân Đảng như Vương Vũ, Mã Thiện Vũ...

Thứ năm: Chỉ huy chế tạo và lập đài phát bí mật.

Sau Đại hội Trung ương lần thứ 6, các căn cứ địa cách mạng phát triển mạnh mẽ, tổ chức Đảng tại bạch khu (khu do bè lũ phản động khống chế) dần dần được khôi phục. Để tăng cường sự liên hệ và chỉ đạo giữa tổ chức Đảng của các địa phương với Hồng quân thì việc cần thiết phải xây dựng đài phát thanh bí mật là vô cùng bức bách. Và nhiệm vụ này đã được đặt lên vai Cơ quan Đặc vụ Trung ương.

Ngay từ thập niên 20, Trung ương Đảng đã đặt ra yêu cầu với một số lưu học sinh ở Đại học Lao động chủ nghĩa Cộng sản Moscva, theo học ngành vô tuyến điện. Thời kỳ ở Moscva, Chu Ân Lai đã từng động viên Mao Tề Hoa và một số đồng chí khác cần tranh thủ học hỏi vì “nước ta đang rất cần kỹ thuật thông tin vô tuyến điện”. Về đến Thượng Hải, ông còn gặp Lý Cường, Trương Thắm Xuyên yêu cầu họ phải khắc phục mọi khó khăn để học kỹ thuật thông tin vô tuyến điện nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của cách mạng.

Đến tháng 10 năm 1927, sau nhiều nỗ lực, họ đã chế tạo thành công một số máy thu phát. Cho dù máy rất cồng kềnh, nghe chưa được rõ và công suất cũng chỉ là 50W nhưng nó lại là thiết bị thông tin vô tuyến điện đầu tiên do Đảng Cộng sản

Trung Quốc tự chế tạo ra. Sau đó, nó được lắp đặt tại số 11 đường Mạc Nhĩ Minh với đội ngũ công tác là Mao Tề Hoa, Tăng Tam... Tháng 1 năm 1930, bản tin đầu tiên đã được phát đi thành công.

Sự ra đời của đài thu phát vô tuyến điện bí mật đã góp phần tăng cường sự chỉ huy, chỉ đạo được nhanh chóng, tăng cường mối quan hệ giữa Trung ương Đảng với tổ chức Đảng các địa phương và Quốc tế Cộng sản, góp phần thúc đẩy sự phát triển của Cách mạng Trung Quốc.

KHANG SINH

“KẸ THỨ NĂM TRONG BÈ LỮ BỐN TÊN”

Chưa chắc đã có ai có thể nói được con số các điệp viên thực hay ảo mà con người này tung ra và bắt được. Con số đó nếu không lên tới hàng chục ngàn thì cũng tới hàng ngàn, nó vĩ đại như đất nước rộng lớn mà ông đã từng lãnh đạo hoạt động tình báo cũng như phản gián ở đấy.



Đó là một người tầm vóc trung bình, với vầng trán hói, cặp môi mỏng luôn mím chặt với hàng ria con kiến, cặp lông mày dưới cao và thói quen luôn rộng miệng mỉm cười. Con người đó thật có trình độ với phong thái trang nhã, nhưng lại hay hút thuốc giống như một nhà trí thức Trung Quốc, không hề giống chút nào con người mà người ta thường đồn đại “Khang Sinh không phải là người, mà là một con quái vật”.

*** Con đường hoạn lộ mở rộng**

Khang Sinh sinh năm 1898 ở Thanh Đảo trong một gia đình tiểu địa chủ. Năm 1920 Khang Sinh tốt nghiệp phổ thông, thoát đầu học đại học ở quê hương, sau đó chuyển lên Đại học Tổng hợp Thượng Hải. Vừa học vừa đi dạy thêm ở trường làng. Sau khi được kết nạp Đảng Cộng sản, Khang

Sinh theo học dự thính lớp bồi dưỡng cán bộ cốt cán của Đảng. Con đường hoạn lộ về chính trị rộng mở trước Khang Sinh: Năm 1926, ông là Bí thư Ban chấp hành Trung ương, sau đó là Bí thư Khu ủy phía Bắc Thượng Hải. Năm 1927, ngay trước hôm quân đội Cách mạng nhân dân tiến công thành phố, Khang Sinh lãnh đạo công nhân Thượng Hải xuống đường đấu tranh vũ trang, sau đó ông lại càng tiến cao hơn: Ủy viên Ủy ban Thanh tra của Đảng, trưởng ban Tổ chức Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Năm 1931, ông đã là Trung ương ủy viên, ủy viên Bộ Chính trị và bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc.

Năm 1933, Khang Sinh tham gia Hội nghị Ban chấp hành Quốc tế Cộng sản ở Moseva; hai năm sau, năm 1935 đã là đại biểu Đại hội Quốc tế Cộng sản lần VII. Từ năm 1935 đến năm 1937 là ủy viên thường trực Đảng Cộng sản Trung Quốc tại Quốc tế Cộng sản. Trở lại Diên An, Khang Sinh là giám đốc Cục Thông tin vùng giải phóng của Trung Quốc. Cục Thông tin không chỉ đảm nhận chức năng thông tin mà phụ trách cả hoạt động tình báo, phản gián và các mặt tư pháp, luật pháp, kiểm sát. Tháng 11 năm 1938, sau Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ 6, Ban Bảo vệ Chính trị được gọi là Ban Chất vấn các vấn đề xã hội do Khang Sinh làm trưởng phòng. Tháng 9 năm 1940, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra chỉ thị về hoạt động phá hoại ở vùng hậu địch: *"Ban Chấp hành Trung ương Đảng quyết định thành lập trong lòng địch ban điều hành các hoạt động phá hoại ở những thành phố lớn bị địch chiếm đóng do đồng chí Chu Ân Lai phụ trách cùng với phó của ông là Khang Sinh"*.

Khi ấy Trùng Khánh là tâm điểm hoạt động ở các thành

phố bị chiếm phía Nam Trung Quốc, còn phía Bắc là Diên An. Bộ Chính trị, các phòng ban trực thuộc và các tổ chức Đảng ở địa phương có nghĩa vụ thành lập các cơ cấu tổ chức tương ứng để tiến hành các hoạt động tương tự. Các phòng ban phải chú trọng đến biên chế đặc biệt cho việc thực thi các chiến dịch phá hoại và lưu ý tuyển lựa điệp viên trước khi tung vào vùng địch. Mỗi chiến dịch trước hết phải tuân thủ các mục đích sau:

a. Thu thập xem xét các thông tin tình báo để tìm hiểu thật tốt tình thế và nghiên cứu học hỏi kinh nghiệm rút ra.

b. Tận dụng mọi quan hệ quần chúng có thể để ngụy trang địa điểm tiến hành chiến dịch việc thực thi và khắc phục mọi hậu quả.

c. Tuyển chọn và hình thành đội ngũ điệp viên có thể hoạt động ở vùng địch tùy thuộc vào thành phần xuất thân của họ, vào kinh nghiệm hoạt động bí mật của họ ở thành phố, vào khả năng tổ chức được cơ sở che giấu bảo vệ tin cậy, bảo đảm đường dây liên lạc bí mật và đào tạo được những người có thể thâm nhập vào biên chế kỹ thuật ở các cơ sở công nghiệp tại các thành phố lớn. Đảng phải có nhiệm vụ lựa chọn những người thích hợp với công việc được giao”.

*** Trở thành tên khủng bố kiểu “Malius Scuratov”**

Năm 1941, Khang Sinh đã phát triển ban Điều hành thành một cơ quan lớn mạnh. Cơ quan này kiêm nhiệm cả chức năng tham mưu chính. Đồng thời, ông phụ trách cả ban Thanh tra cán bộ trong và ngoài Đảng. Và thực tế Ban thanh tra này không bao lâu sau đã có những biện pháp quái gở dẫn tới việc thanh trừng hàng ngàn người hoàn toàn vô tội.

Khang Sinh đã ở Moscva gần bốn năm, đúng lúc ở đó đang thực hiện chính sách thanh lọc của Ezov. Từ Liên Xô trở về, Khang Sinh trở thành nhân vật bài Xô Viết cuồng nhiệt, nhưng lại cũng là người sùng bái các biện pháp thanh lọc của Ezov. Việc nghi ngờ những người chung quanh kể cả chiến hữu và các đồng chí của mình đã khiến Khang Sinh biến thành một tên khủng bố kiểu “Malius Scuratov” trong chính phủ Mao Trạch Đông. Lại cũng chính nhờ ông ta mà Mao Trạch Đông có được Giang Thanh.

Năm 1931, một cô gái trẻ 19 tuổi có cái tên Vân Hạc nghe rất kêu (tên thật của cô là Lý Thục Mông, còn nghệ danh là Lam Bình) đã trở thành người tình của Khang Sinh. Lúc này cô gái đã thay đổi nhiều người bảo trợ, trong đó có cả các giáo sư trường kịch. Khang Sinh yêu cô gái không chỉ vì sắc đẹp mà còn vì trí tuệ, tính tình trang nhã nhưng lại cứng cỏi. Năm 1938, ông đưa cô diễn viên điện ảnh xinh đẹp 26 tuổi đến Diên An, rồi “chuyển giao” cho Mao. Mao đã cưới Vân Hạc làm vợ thứ tư, tạo thành một mối tình tay ba tâm đầu ý hợp không chỉ trong tình cảm mà cả trong công việc. Sau này hòa nhập với bộ ba này còn có Bành Chân, bạn cũ của Vân Hạc, Chu Ân Lai, bạn của Bành Chân. Chính những người này là đầu mối gây ra sự phân liệt Trung - Xô.

Trong thời gian Thế chiến Thứ hai, Đặc khu của Trung Quốc cũng như chính phủ chính thức đứng đầu là Tưởng Giới Thạch cùng với Quốc dân Đảng của ông ta đều ủng hộ Liên Xô và đối nghịch với đế quốc Nhật. Trước chiến tranh vài ngày, Khang Sinh đã cảnh báo Liên Xô về cuộc tấn công của Đức. Tin này Khang Sinh có được vào ngày 18 tháng 6 năm 1941, từ Chu Ân Lai, khi ấy là đại diện Đảng Cộng sản Trung Quốc ở

Trùng Khánh, thủ phủ của chính phủ Quốc dân Đảng. Chu Ân Lai báo về rằng đại sứ Quốc dân Đảng tại Berlin và tham tán quân sự đã báo cho Tưởng Giới Thạch rằng đêm 21 rạng ngày 22 tháng 6 Đức sẽ tấn công Liên Xô. Song đó là sự kiện duy nhất thể hiện quan hệ hữu hảo của Khang Sinh đối với Liên Xô mà đó cũng không phải là vô tư vì khi biết được kế hoạch tấn công của Đức, chính phủ Quốc dân Đảng đã có mưu đồ cấp tốc đưa quân tấn công Đặc khu, vậy là Đảng Cộng sản Trung Quốc cần sự trợ giúp ủng hộ của Liên Xô. Sau này qua những việc làm của Khang Sinh đối với đại diện của Liên Xô ở Diên An thấy rõ ông rất hần học đối với Liên Xô, nếu chưa muốn nói là thù địch.

Học tập những việc làm của những người theo chính sách Ezov, Khang Sinh bắt đầu làm trong sạch bộ máy Đảng và “Xô Viết”. Con số những người bị tố cáo là Quốc dân Đảng và “tình báo, điệp viên” của Nhật ở nhiều tổ chức lên tới 100%, và ở những nơi còn lại thì không dưới 90%. Nhiều đến mức không đủ nơi giam giữ và những người bị tố giác là “tình báo Nhật” được phép tiếp tục tạm thời làm việc ở chức vụ của mình.

Khang Sinh đàn áp trừng trị cả thành viên “nhóm Moscva”, nghĩa là tất cả những người đã từng học hoặc công tác một thời gian dài ở Moscva. Trong khi đó chính ông ta lại không cho mình vào nhóm đó, cho dù đã ở Moscva, đã rất nhiệt thành hô “muôn năm” trong mọi cuộc họp bên đó. Những người Cộng sản Trung Quốc rất cảm phẫn trước những việc làm trên của Khang Sinh. Uy tín của ông ta trong Đảng bắt đầu giảm sút (sau lưng người ta gọi ông ta là “Bộ trưởng mùa thu” nghĩa là “sú giả Thần chết”).

* Bị lên án và cách chức

Năm 1945, Khang Sinh đọc báo cáo tại Đại hội lần thứ VII Đảng Cộng sản Trung Quốc, qua đó ông nêu lên những vấn đề ông theo dõi và giải quyết trong thời gian Đặc khu tồn tại. Đó là: 1/ Hoạt động của quân báo Nhật chống phá các cơ sở của Đảng Cộng sản Trung Quốc. 2/ Hoạt động phản gián của Quốc dân Đảng. 3/ Hợp tác của Quốc dân Đảng với Nhật trong đào tạo điệp báo viên. 4/ Hợp tác của tình báo Mỹ với Quốc dân Đảng. Thế nhưng ông ta lại không nhắc nhở gì đến vụ “chỉnh phong”. Ông ta cũng không dả động gì đến mối quan hệ với xã hội đen và các tổ chức mafia ngầm sinh sôi nảy nở khắp đất nước Trung Quốc. Một số gọi là đại diện cho quyền lợi của nông dân nhưng chính số này lại thoái hóa thành các băng nhóm gangster, buôn bán thuốc phiện, buôn lậu, cướp bóc, nuôi dưỡng các tổ quỷ đi điếm. Khang Sinh được các băng nhóm đó cung cấp đầy đủ, chính xác mọi thông tin về các sự kiện và những người mà ông quan tâm. Cũng tại Đại hội này, trong bài phát biểu của mình khi đề cập tới công tác kiểm tra cán bộ và hoạt động chống gián điệp, Mao Trạch Đông đã khẳng định “Chúng ta đã thành công nhưng cũng phạm nhiều lỗi lớn...” và kêu gọi từ nay về sau phải thẳng tay trừng trị những kẻ chống đối, đồng thời để trấn an các đại biểu lại hứa rằng ở các nhà tù của Khang Sinh “sẽ khách quan và công bằng hơn”. Mặc dù vậy những việc làm của Khang Sinh đã gây cảm phẫn chung trong hàng ngũ cán bộ Đảng và về thực chất sự phẫn nộ đó đe dọa đường lối đối nội trong Đảng của Mao. Vì vậy năm 1949, Mao đã cách chức lãnh đạo Cục An ninh của Khang Sinh. Khang Sinh chỉ còn nắm được ban Các vấn đề xã hội (Ngoại gián và Ban Đặc nhiệm của Trung ương Đảng Cộng sản Trung

Quốc). Khang Sinh còn buộc phải xin từ chức lãnh đạo Ban Quân báo, song qua tay chân của mình Khang vẫn nắm được mọi hoạt động của ban này trong cuộc chiến ở Triều Tiên, ở Đông Dương và nhúng tay vào cả những cuộc đụng độ khu vực như cuộc chiến tranh du kích ở Malaysia và Philippins. Sau đó ít lâu Khang Sinh còn thúc đẩy tạo điều kiện cho Pôn-pốt và “Khơme đỏ” lên nắm chính quyền ở Campuchia. Chính ông là người đề xuất ý tưởng sử dụng rộng rãi Hoa kiều làm gián điệp. Đồng thời ông lãnh đạo nhóm thanh tra trong Hội đồng năng lượng hạt nhân được thành lập nhằm chế tạo bom nguyên tử ở Trung Quốc.

Cuối năm 1954, Khang Sinh lại bước lên vũ đài chính trị. Ông lại vào Bộ Chính trị phụ trách ban Đặc nhiệm và Quan hệ quốc tế. Chính thời điểm này Khang Sinh cùng Bành Chân và Chu Ân Lai khởi xướng việc tuyệt giao với Liên Xô.

* “Kẻ thứ năm trong bè lũ bốn tên”

Từ năm 1966, Khang Sinh ủng hộ Giang Thanh và “bè lũ bốn tên” làm cuộc “Cách mạng văn hóa” ở Trung Quốc và qua đó có biệt danh “kẻ thứ năm trong bè lũ bốn tên”.

Khang Sinh qua đời ngày 16 tháng 12 năm 1975. Một trong các nhà lãnh đạo nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, ông Hồ Diệu Bang đã nhận định: *“Khang Sinh là một trong những kẻ tội phạm đã kéo lùi bước tiến của cách mạng Trung Quốc tới 15 năm”* và *“chỉ căn cứ vào một vài hành động Khang Sinh đã làm thôi ông ta còn vượt trội hơn hẳn bất kỳ tên nào trong “bè lũ bốn tên”*.

REINHARD GEHLEN

KẾ HOẠCH GIA ĐÌNH TRỊ HOẠT ĐỘNG TÌNH BÁO

Có thời gian ông ta gần như được coi là một nhân vật huyền thoại gắn với tên gọi của OG (tổ chức Gehlen). Không ai nhìn thấy, không xuất đầu lộ diện ở đâu và không bao giờ trả lời phỏng vấn, nhưng con người này có thực và sự ra đời của OG gắn liền với ông ta.



* Gã phát xít và nỗi ám ảnh bài trừ Cộng sản

Reinhard Gehlen sinh tại Erfurt ngày 2 tháng 4 năm 1902. Ông ta chọn cho mình con đường binh nghiệp và từ đầu Thế chiến Thứ nhất đã có chức vụ trong Bộ Tổng tham mưu. Đứng đầu nhóm Phương Đông của ban Nghiệp vụ Bộ Tổng tham mưu, ông ta nổi bật trong vai trò người hình thành các kế hoạch quân sự chống Liên Xô. Từ tháng 10 năm 1940, Gehlen chịu trách nhiệm về “các vấn đề chung trong chỉ đạo cuộc chiến ở phía Đông”. Từ ngày 1 tháng 4 năm 1942, ông ta là đại tá chỉ huy Cục 12 thuộc Bộ Tổng tham mưu, ngoài khu vực Liên Xô còn chịu trách nhiệm về hoạt động các vùng Scandinavia và Balcan. Cục 12 trước đây hoạt động yếu được Gehlen biến thành bộ máy vận hành trơn tru và có tên gọi mới

là “FHO” - Cục “Quân đội nước ngoài ở phía Đông”, chuyên xử lý các tư liệu nhận từ Abver (Cơ quan Tình báo Quân sự Đức), lập báo cáo và đưa ra dự báo. Công việc không dễ dàng, hơn nữa kết quả làm việc được trình lên Hitler thường xuyên khiến gã này tức giận và không hài lòng, vì tình hình không khớp với hình dung của gã về tiến trình các sự kiện. Vì thông tin có chất lượng từ Abver bị ngừng trệ nên Gehlen thiết lập quan hệ tiếp xúc với các cơ quan tình báo khác như: Cục Tình báo mặt trận “Ost-I-II-III”, cơ quan thông tin liên lạc bí mật, đài phát thanh, tình báo không quân và mặt trận. Ông ta cũng sử dụng nguồn tin khai thác từ tù binh chiến tranh. Chính Gehlen đã đồng ý hợp tác với tướng Vlasov.

Gehlen cũng hợp tác chặt chẽ với Cục IV của Cơ quan An ninh Đế chế. Ông ta tham gia vào hoạt động chuẩn bị chiến dịch “Seppelin” tung gián điệp qua bên kia chiến tuyến, vạch kế hoạch chỉ đạo chiến thuật trong sử dụng các nhóm và tổ chức phá hoại ở hậu cứ của đối phương. Là một kẻ nắm được thông tin đáng tin cậy về cục diện chiến tranh và sự thất bại chắc chắn của nước Đức phát xít, nhưng có tư tưởng chống Cộng hiếu chiến, Gehlen đã thực hiện sự chọn lựa: dành bản thân và những hiểu biết cũng như cơ quan dưới quyền chỉ huy của mình phục vụ cho đối tác nào trong số phe Đồng Minh sẵn sàng thu dụng và trả thù lao cao cho sự phục vụ đó.

Gehlen giữ khoảng cách khá xa với những kẻ mưu loạn ngày 20 tháng 4 năm 1944, còn nếu có duy trì quan hệ quen biết với ai đó thì phải là người như ông ta, có khuynh hướng dựa vào Phương Tây. Trước khi Đế Tam Đế chế sụp đổ, Gehlen không tán thành ý định thành lập các nhóm “Vervolf” và tiến hành cuộc chiến tranh bí mật của bộ sậu cầm quyền Hitler.

Ngày 5 tháng tư năm 1945, Gehlen bí mật thỏa thuận với trợ lý của mình là Gerherd Vessel và chỉ huy cũ của Ban nước Nga trong Abver là German Baun đồng tình chạy sang với người Mỹ cùng món “lễ vật” là những tài liệu lưu trữ và danh sách những nhân viên xuất sắc có tư tưởng chống Cộng, chống Liên Xô và theo Mỹ. Trong tình hình náo loạn những ngày cuối cuộc chiến tranh, Gehlen đã rời nhiệm sở



*Reinhard Gehlen
những năm 1939-1940*

cùng Vessel và những người tin cậy khác của mình lẩn trốn trên miền đồng cỏ Anpes gần Elendzalm, nơi theo lệnh ông ta kho lưu trữ của FHO đã được chôn giấu dưới lòng đất. Khi vùng đất Châu Âu này rơi vào tay quân đội Mỹ, Gehlen không muốn giao nộp cho ai đó bất kỳ, mà yêu cầu gặp được đích thân chỉ huy cơ quan tình báo hoặc phản gián. Nhưng người mà ông ta gặp gỡ đầu tiên lại là một viên đại úy trẻ tuổi thuộc Cục Phản gián Mỹ. Anh ta đã chuyển Gehlen vào một trại tù binh chiến tranh. Tại đó may mắn cho Gehlen là ông ta đã gặp được tướng chỉ huy G-2 (Cơ quan Tình báo Quân sự) tại vùng chiếm đóng của Mỹ trên đất Đức là Edwin Luther Sibert. Gehlen chia sẻ với ông này những ý tưởng phối hợp chống Liên Xô. Điều đó cũng trùng hợp với tư tưởng của tướng Sibert. Ông ta giới thiệu Gehlen với người đứng đầu ban tham mưu của Eisenhower là tướng Walter Bedell Smith là người nổi tiếng có tinh thần chống Liên Xô mạnh mẽ. Hai người gặp gỡ đối thoại

lâu và hết sức tâm đầu ý hợp. Kết quả là tháng 9 năm 1945, Gehlen cùng với sáu trợ thủ đã bay sang Mỹ. Tại đây họ gặp thiếu tướng giám đốc Cơ quan Tình báo Quân sự Mỹ là George V. Strongo. Trước tháng 7 năm 1946, tại Washington đã diễn ra các cuộc đàm phán và một hoạt động chuẩn bị khác. Trong khi đó, “đồng minh” cũ của Gehlen là German Baun dưới sự kiểm soát của tướng Sibert đã giấu Gehlen bí mật lập một nhóm nhỏ hoạt động tình báo - phản gián. Tổng hành dinh của nó được đặt ở vùng núi Taunus. Nhóm hoạt động tích cực bắt đầu từ tháng 3 năm 1946.

* Sự ra đời và lớn mạnh của tổ chức OG

Tháng 7 năm 1946, Gehlen trở về Đức. Lúc này người Mỹ đã được phê chuẩn và đồng ý tài trợ cho tổ chức tình báo dưới sự chỉ huy của Gehlen. Baun và Vessel được chỉ định là trợ lý của Gehlen. OG đã ra đời như vậy. Người Anh cũng tìm cách xây dựng một tổ chức như vậy. Nhưng họ không thành công. Người đứng đầu tổ chức này là Adolf Vikht cùng những người dưới quyền đã chuyển sang gia nhập OG đầu năm 1947.

OG được thành lập với nhiều điều kiện, ví dụ như:

1. Cục Tình báo Đức thực hiện hoạt động tình báo ở Phương Đông... trên cơ sở mối quan tâm chung đối với vấn đề ngăn chặn ảnh hưởng của chủ nghĩa cộng sản...

... 4. Tổ chức được phía Mỹ cung cấp tài chính... Đổi lại tổ chức này sẽ cung cấp tất cả các kết quả hoạt động tình báo cho người Mỹ...

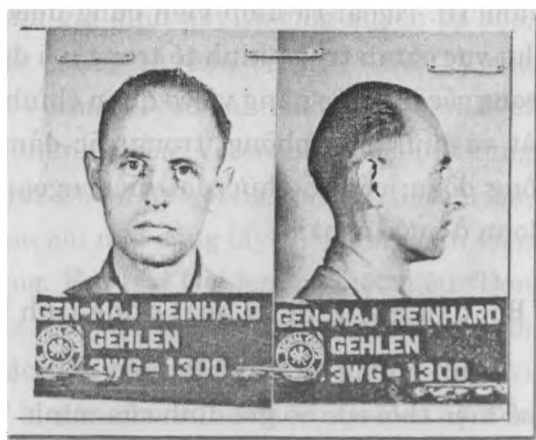
Ban đầu OG hoạt động ở Taunus, tháng 12 năm 1947, tổng hành dinh của nó chuyển về trang ấp của Rudolf Hess tại Pullache, cách Munchen không xa. Gehlen loại bỏ đối thủ của

mình là German Baun vào tháng 12 năm 1951 với lý do vi phạm tài chính. Dần dần trang ấp của Hess không chứa nổi cơ quan đã khuếch trương lớn của Gehlen. Tổ chức tình báo cũ của Martin Borman (“gián điệp của người Nga” theo định nghĩa của Gehlen) được sáp nhập vào OG. Sau đó người ta đã xây hàng loạt công trình làm công sở và nơi ở cho nhân viên OG. Khu làng có tên gọi là “trại Thánh Nicolaus” vì bắt đầu có người dọn đến ở vào ngày 6 tháng 12 năm 1947, ngày Thánh Nicolaus. Nhận được lương thực thực phẩm là thứ khan hiếm thời đó, cũng như dollar bị cấm lưu hành giữa người Đức, nhiều nhân viên OG và vợ của họ bắt đầu hoạt động dầu cơ. Họ thông đồng với cảnh binh, khi có người mua hàng của một kẻ dầu cơ và trả bằng dollar. Cảnh binh sẽ bắt giữ kẻ dầu cơ và thu dollar rồi lại trả về cho người này (sau khi đã lấy phần của mình). Đám này dầu cơ cả phê ở chợ đen và buôn lậu. Năm 1953 xảy ra vụ án lớn nhưng tướng Gehlen cũng như tổ chức của ông ta không hề bị triệu ra tòa. Điều đó đã được trả giá bằng một khoản tiền lớn, nhưng OG bảo vệ được danh tiếng của mình. Đương nhiên nhân viên OG không chỉ hoạt động dầu cơ. Nhiệm vụ chính của tổ chức này là chống Liên Xô, chủ yếu phát triển hoạt động gián điệp quân sự chống quân đội chiếm đóng Liên Xô trên đất Đức, và hoạt động phản gián. Tổ chức cũng tiến hành hoạt động tình báo chính trị và sử dụng các gián điệp hai mang. Từ thời điểm thành lập của mình, OG luôn duy trì quan hệ chặt chẽ với Cục Tình báo Trung ương Mỹ, cung cấp chi tiết thông tin về Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa mà việc thu thập là khó khăn đối với người Mỹ. Từ năm 1950, Gehlen bắt đầu tuyển mộ vào tổ chức của mình những tên quốc xã vốn thuộc Cơ quan An ninh Đế

chế trước đây. Trong những năm “chiến tranh lạnh” đó là những sự trợ giúp quan trọng. Ông ta còn thiết lập những mối tiếp xúc chặt chẽ với các tổ chức lưu vong chống Liên Xô như: “Liên minh Lao động Dân tộc”, “Nghĩa quân Ucraina” và các tổ chức khác.

Sau sự ra đời vào năm 1949 của nước Cộng hòa Dân chủ Đức (DDR), tổ chức của Gehlen lại càng trở nên quan trọng đối với người Mỹ. Theo nhiệm vụ của người Mỹ giao phó, Gehlen tuyển lựa gián điệp trong nhóm thân cận của thủ tướng DDR Otto Grotewohl, Bộ trưởng Giao thông DDR, bộ trưởng tương lai Ernest Vollveber và ở những điểm trọng yếu khác. Ông lôi kéo chạy sang Phương Tây một số nhân vật tầm cỡ: ví dụ như vào tháng 4 năm 1953 là Johann Krauss - một viên chức cấp cao trong của cơ quan Tình báo Đối ngoại DDR, còn vào tháng 9 năm 1955 là Thứ trưởng Herman Castner.

Ngày 11 tháng 7 năm 1955, Ông đổi thành Cục Tình báo Liên bang (BND), Reinhard Gehlen trở thành giám đốc. Bây giờ nguồn tài chính cho Cục không còn do người Mỹ cấp mà từ ngân sách Liên bang của Cộng hòa Liên bang Đức (LBD) và Cục trở thành cơ quan hoạt động gần như độc lập. Gehlen



Reinhard Gehlen - ảnh hồ sơ

đặc biệt chú trọng củng cố ảnh hưởng của mình trong quân đội LBD. Không phải ngẫu nhiên mà những kẻ như con trai người đứng đầu Bộ Tổng tham mưu cũ là trung tá Hains Gunter Guderian, cháu của một tướng Bảo hoàng là đại tá Ludendorf, cựu tướng quân đội Đức phát xít Adolf Hoyzinger, người về sau trở thành tổng thanh tra thứ nhất trong quân đội và nhiều kẻ khác đã tìm được nơi nương náu trong tổ chức của Gehlen. Bên cạnh đó Gehlen cũng chỉ đạo hoạt động phản gián trong nội bộ nước Đức, và càng làm tăng ảnh hưởng của bản thân, đặc biệt trong thời kỳ “săn phù thủy”, và được quyền tự do tiếp cận thủ tướng thứ nhất chính phủ LBD Conrad Adenauer.

OG, dù là với tên gọi nào, cũng có số lượng điện viên khổng lồ. Chỉ riêng cơ quan tổng đại diện của nó ở Karlsruhe đã có bốn mươi hai nguồn cung cấp tin tình báo hoạt động trực tiếp ở Đông Berlin và vùng cai quản của Liên Xô. Nó cũng có những nguồn tin, cơ sở chỉ điểm, các tùy viên và nhiều đơn vị tình báo ở các nước trung lập Áo và Thụy Sĩ, tại Pháp và Nam Tư. Ngoài ra điện viên cũng được tuyển mộ trong các khu vực chính trị và kinh tế trong nội địa BRD, ở Tây Berlin, trong các bộ chức năng và cơ quan chính quyền, cơ quan cảnh sát và lính biên phòng, trong các đảng phái chính trị, các công đoàn, các tổ chức đại diện ngoại giao của chính phủ Bonn ở nước ngoài.

*** Bắt đầu gia đình trị hoạt động tình báo**

Ảnh hưởng và ý nghĩa hoạt động tăng lên, Gehlen càng thể hiện thói cục bộ gia đình của mình. Tất cả những chức vụ lãnh đạo chủ chốt ông ta chỉ tin cậy giao cho các chiến hữu của

mình, chủ yếu là cựu sĩ quan của Bộ Tổng tham mưu và Cơ quan Tình báo Quân sự cũ của nước Đức phát xít. Những kẻ này lãnh đạo các đơn vị trong Cục, đôi khi có sự thay đổi vị trí lẫn nhau. Tính cục bộ càng biểu hiện rõ hơn sau sự thành lập Cục Tình báo Liên bang. Trong Cục, Gehlen tạo thành một bè cánh gia đình thực sự ảnh hưởng đến đường lối hoạt động của Cục. Các nhà văn Đức G. Gene và G. Solling nhận xét trong cuốn *Nội bộ Pullach*: “Vô số quan hệ chằng chịt gắn kết các thành viên của tổ chức với nhau. Gehlen với tư tưởng gia đình trị cố hữu của mình đã đưa vào bộ máy ở Pullach những quan hệ chéo. Ông ta đã tạo điều kiện cho cuộc hôn nhân của cô thư ký của mình với một trong các nhân viên cao cấp về sau trở thành người đứng đầu cơ quan mật vụ”. Gehlen gả con gái Catharina của mình cho đại tá Durrvanger, chính là nhân vật có biệt danh “Ustus” và đặt con rể vào vị trí trưởng ban liên lạc của Cục Tình báo Liên bang tại Bonn, có nghĩa là chỉ định vào một vị trí có khả năng tìm kiếm được những mối quan hệ tiếp xúc ở mọi lĩnh vực hoạt động của bộ máy chính phủ. Trong biệt thự của Gehlen, bè cánh gia đình này thường xuyên tụ họp, gồm ba cô con gái, các chàng rể, bạn bè và cô thư ký của “Ustus” Durrvanger là Veronica, con gái người bạn thân Wolf của Gehlen. Người trở thành chồng Veronica là Lenkait cũng làm việc cho Cục Tình báo Liên bang. Ngoài Catharina, Gehlen còn có hai cô con gái nữa cũng lấy chồng là nhân viên Cục Tình báo Liên bang. Em trai Gehlen, có biệt hiệu “Don Juan” là điệp viên của Cục tại Rome. Ông này nổi bật với những kế hoạch kỳ quặc xâm nhập Vatican và những hành vi phù hợp với biệt hiệu bị gán cho đó. Anh vợ Gehlen là Fon Seidlips-Kursbach, đứng đầu ban Nhân sự của Cục và giữ rệt

trong tay vị trí quan trọng nhất đối với “gia đình” đó. Một trong các anh em họ của Gehlen là Slemel, biệt danh “Tiến sĩ” là bác sĩ chính thức của Cục. Hoạt động quan trọng nhất trong “cảnh diễn viên gia đình” đó là trong thời gian họp mặt ở biệt thự của Gehlen họ cùng nhau vạch lí thuyết hoạt động tình báo, lập và phân chia nhiệm vụ.

Ngoài thành viên gia đình mình, Gehlen cũng ưu ái cho gia đình các ông bạn cùng cánh và đồng nghiệp cũ. Con trai đám bạn bè đó được sắp xếp vào những vị trí ngồi mát ăn bát vàng. Họ đi học bằng tiền của Cục và đi làm việc nặc danh nên có thể che giấu được việc là thân thích của những nhân viên cao cấp trong Cục. Điệp viên Liên Xô Felfe, người làm việc cùng Gehlen, nhớ lại rằng có một người trong đám con cháu đó được điều đi làm nhiệm vụ rất quan trọng và bí mật. Nhưng trong chương trình truyền hình về Thế vận hội Olympic tại Rome người ta lại thấy mặt anh ta được quay rõ ràng trên khán đài sân vận động, là nơi anh ta không thể nào được phép lộ diện.

Từ năm 1960, bắt đầu giai đoạn xé chiều của thời đại Gehlen. Hoàn toàn bất ngờ với Gehlen và Cục của ông ta là việc xây dựng bức tường Berlin. Điều này không chỉ là đòn giáng mang tính chất tinh thần vào thanh danh của Cục mà còn làm mất đi điểm hoạt động liên lạc nổi với các gián điệp đang hoạt động trên đất Cộng hòa Dân chủ Đức. Đòn giáng thứ hai là vụ bắt giữ và xét xử điệp viên Liên Xô Felfe, người nắm giữ chức vụ cao trong Cục. Ông này xuất thân từ Cục An ninh Đế chế và tổ chức SS, nhờ đó mà trở thành nhân viên của OG, và sau đó là Cục Tình báo Liên bang. Sự kiện bắt giữ ông đã gây làn sóng chỉ trích mạnh mẽ trong xã hội Tây Đức

về việc sử dụng trong các cơ quan đặc vụ những sĩ quan Quốc xã cũ. Mà đặc biệt là chính tổ chức của Gehlen đã phạm sai lầm này.

Cũng trong năm 1963 này, Thủ tướng Erhard lên thay ông Adenauer. Thủ tướng mới là người ít trọng thị Gehlen. Việc Thủ tướng Kurt Sorge Kisinger lên nắm quyền và sự kiện thành lập “Đại Liên minh” (Liên minh các đảng phái Tây Đức và Đảng Xã hội Dân chủ Đức) ở Tây Đức đã diễn ra những thay đổi - đường lối của chính phủ lúc này theo xu thế phát triển xã hội dân sự và hạn chế hoạt động phi pháp của Cục Tình báo Liên bang ở bên trong đất nước.

Đến tuổi hưu (66 tuổi), tháng 5 năm 1968, Gehlen được miễn nhiệm. Năm 1972, viên tướng này cho xuất bản tập hồi ký nhan đề *Công vụ, hồi ức 1942-1971*.

Năm 1979, tướng Gehlen mất ở tuổi 77.

VALTER SELLENBERG

TRÙM AMT6 CỦA ĐỨC QUỐC XÃ

Đây là một trong những nhà hoạt động trẻ nhất của Đế chế Đức. Khi Hitler tổ chức cuộc “bạo động quán bia” và viết cuốn Cuộc chiến đấu của tôi, thì Valter (1910-1952) đang là học sinh lớp năm trường trung học thực hành ở Lucxemburg. Valter gia nhập Đảng Quốc xã vì rất thích bộ trang phục SS màu đen và...

*** Thích Hitler và bộ trang phục màu đen**

Năm 1929, Valter vào học trường Đại học Tổng hợp Bonn. Ban đầu hấn học ngành y, về sau là ngành luật, và không quan tâm đến chính trị. Valter gia nhập Đảng Quốc xã và SS năm 1933 không chỉ vì con đường thăng tiến, mà còn bởi hấn thích bộ trang phục SS màu đen. Sự thật là hấn cũng thích Hitler vì ý tưởng đấu tranh khôi phục sự hùng cường của nước Đức. Tên luật sư trẻ này thăng tiến rất nhanh. Kể từ đầu của hấn chính là Heidrich Himmler, người đứng đầu Tổng Cục An ninh Đế chế. Năm 1939, hấn đã chịu trách nhiệm tổ chức hoạt động tình báo ở nước ngoài và đồng thời là trưởng Ban IV E của Tổng Cục An ninh Đế chế, chịu trách nhiệm về hoạt động phản gián trong nước Đức. Hấn thường xuyên được tiếp xúc không chỉ với các chỉ huy trực tiếp của mình và các đồng nghiệp như Heidrich, Himmler,

Kaltenbrunner, Canaris, Muller, mà cả với Ribbentrop, Hess và chính Quốc trưởng.

Văn phòng làm việc của Sellenberg gọi cho người ta nhớ đến những đồ trang hoàng phim trường Hollywood. Sellenberg tự miêu tả văn phòng làm việc của mình như sau: *“Bên cạnh chiếc bàn viết khổng lồ là một bàn xoay nhỏ đặt đầy điện thoại và micro. Trong lớp ốp tường và dưới chiếc bàn viết, cũng như trong chiếc đèn giấu những thiết bị nghe lén tự động ghi lại bất kỳ cuộc trò chuyện nào, dù chỉ là tiếng thì thầm. Đập vào mắt người bước vào là những ô vuông nhỏ bằng dây điện chằng khắp cửa sổ: đó là hệ thống kiểm tra điện tử mà vào buổi chiều khi rời văn phòng tôi sẽ bật lên, khởi động hệ thống tín hiệu bảo vệ tất cả các cửa sổ, kết sắt và những cánh cửa khác trong tòa nhà làm việc. Chỉ cần tiến đến gần vị trí đó tín hiệu báo động sẽ đổ dồn và sau vài giây là lực lượng bảo vệ sẽ có mặt.*

Thậm chí chiếc bàn viết của tôi cũng giống một pháo đài nhỏ với hai nòng súng máy sẵn sàng nhả đạn. Chỉ cần cửa ra vào văn phòng làm việc của tôi bật mở là đạn từ đó tự động nhằm thẳng kẻ đột nhập mà vãi. Trong trường hợp nguy cấp chỉ cần bấm một chiếc nút là có thể khai hỏa. Chiếc nút thứ hai cho phép tôi bật tín hiệu báo động, khi đó lập tức tất cả các cửa ra vào của tòa nhà bị lính bảo vệ phong tỏa”.

Sellenberg không nằm trong nhóm những lãnh tụ Quốc xã, ảnh của hắn ít khi xuất hiện trên báo chí, tên hắn cũng không quen thuộc với công chúng. Nhưng trong khi đó vị trí làm việc cho phép hắn luôn ở trong guồng máy đường lối do Hitler lãnh đạo liên quan đến quan hệ với đối phương, với các đồng minh của Đức và các nước bị chiếm đóng.

Bên cạnh việc chỉ đạo chung các chiến dịch tình báo, Sellenberg còn đích thân tham gia vào một số chiến dịch cụ thể nổi tiếng trong lịch sử tình báo của cả Thế chiến Thứ hai.

*** Tham gia vào “trò chơi” của tình báo Đức**

Không lâu sau thời gian mở màn cuộc chiến tranh, vào tháng 10 năm 1939, tình báo Đức bắt đầu triển khai một “trò chơi” khá thành công với Cục Tình báo Anh. Thông qua một điệp viên của mình ở Hà Lan được cài vào một tổ chức của Anh, người Đức bắt đầu tung tin sai lạc rằng trong Đế chế Đức hình như có một nhóm tướng lĩnh chống đối Hitler đang tìm cách tiếp xúc với Phương Tây. Mục đích của “trò chơi” là thăm dò và tìm cách kiểm soát một số mắt xích của mạng lưới gián điệp Anh ở Đức.

Sellenberg đích thân sang Hà Lan dưới lốt một đại diện cho nhóm chống đối.

Sellenberg còn trẻ tuổi không giống một viên tướng nên hẳn đã lôi kéo giáo sư bác sĩ Krinis là người có diện mạo sang trọng trông rất “tướng” vào chiến dịch. Sellenberg và Krinis có một số cuộc gặp với các đại diện của tình báo Anh là đại úy Patle Best và thiếu úy Richard Stevens. Quan hệ của họ tiến triển rất thuận lợi cho Sellenberg và tình báo Đức, bởi đột nhiên lại xảy ra chuyện bất ngờ: Hitler bị mưu sát tại Munchen. Quốc trưởng quyết định buộc tội người Anh trong âm mưu này và ra lệnh bắt Best và Stevens như là những kẻ cầm đầu vụ mưu sát. Sellenberg chống lại việc đó nhưng buộc phải phục tùng. Trong thời gian diễn ra cuộc gặp kế tiếp với người Anh tại thành phố nhỏ Venlo, một đội biệt kích SS đã vượt biên sang lãnh thổ Hà Lan bắt hai người Anh dẫn về Đức.

Viên sĩ quan đi cùng người Hà Lan bị bắn trọng thương trong cuộc đọ súng.

Việc “buộc” Best và Stevens vào vụ mưu sát Hitler không thành công, nhưng rơi vào tay Gestapo họ đã khai hết những thông tin biết được về hoạt động của tình báo Anh. Ngoài ra Stevens còn cung cấp cho bọn Đức các mã số bí mật và điện đài của Anh.

Màn kịch này được gọi tên là “Chiến dịch Venlo” và trở thành nguyên nhân để Hitler buộc tội chính phủ Hà Lan vi phạm nguyên tắc trung lập. Dựa vào đó, ngày 10 tháng 5, quân Đức tấn công Hà Lan. Bốn ngày sau nước này đầu hàng.

Best và Stevens bị giam trong trại tập trung cho đến ngày kết thúc chiến tranh.

Năm 1940, không lâu sau khi nước Pháp đầu hàng, Sellenberg theo lệnh của Ribbentrop bay sang Lisbon. Vào thời gian đó công tước Windsor, cựu hoàng Anh, người từ bỏ ngôi báu vì kết hôn với một phụ nữ Mỹ hai lần ly dị chồng là bà Simpson đang ở đây. Sellenberg phải dự vị công tước sang Thụy Sĩ hoặc một nước trung lập khác. Với tính toán cựu hoàng và vợ là những người có tư tưởng thân Đức, Hitler dự định sau kết thúc chiến dịch “Sư tử biển” và chiếm được nước Anh sẽ đưa lên ngai vàng nước Anh vị vua trong tay mình.

Nhưng sự tham gia của Sellenberg trong chiến dịch này đã không mang lại thành công. Lòng yêu nước của cựu hoàng hóa ra lại càng thêm mạnh mẽ, ông đã đến quần đảo Bahama và nhận chức thống đốc ở đó.

* Đào tạo, huấn luyện và tung gián điệp vào Liên Xô

Mấy tháng trước cuộc tấn công Liên Xô của quân Đức, Sellenberg tập trung đào tạo, huấn luyện và tung gián điệp vào Liên Xô. Đồng thời hắn cũng đẩy mạnh hoạt động phản gián chống người Nga, chú ý đến không chỉ các nhà ngoại giao Xô Viết, mà cả những Nga kiều lưu vong. Cứ ba Nga kiều thì có một trở thành gián điệp của hắn. Sellenberg dự tính sau này sẽ sử dụng chúng cho hoạt động trên lãnh thổ bị chiếm đóng. Trong hồi ký, Sellenberg viết: *"Chúng tôi đã khám phá được nhiều cơ sở tình báo, nhiều tuyến liên lạc và địa điểm đặt điện đài bí mật... Chúng tôi cũng biết nhiều về các biện pháp hoạt động của họ và về các quan hệ giữa những nhóm gián điệp làm việc cho họ"*. Nhưng thực ra Sellenberg đã phóng đại vì trước khi chiến tranh nổ ra tình báo Xô Viết chịu không nhiều tổn thất ở Đức.

Ngày 22 tháng 6 năm 1941, Sellenberg chính thức được chỉ định làm người đứng đầu Cục 6 (AMT-6) - là cơ quan tình báo ở nước ngoài. Chẳng bao lâu sau hắn ta có thể khẳng định rằng báo cáo của tình báo Đức phản ánh không đúng tiềm năng quân sự, kinh tế, tình hình chính trị và khả năng chống trả của Liên Xô. Cuộc chiến tranh du kích được tổ chức khéo léo đã trở thành điều hoàn toàn bất ngờ.

Quyết tâm cải tổ cơ quan tình báo, Sellenberg đặc biệt chú trọng đến chiến dịch "Seppelin" - chiến dịch thả dù ồ ạt các nhóm gián điệp tuyển chọn từ số tù binh chiến tranh người Nga vào vùng hậu phương sâu của Liên Xô. Những gián điệp này được huấn luyện kỹ lưỡng, kiểm tra mọi mặt và chịu sự tác động lớn về mặt tư tưởng. "Cuối cùng, - Sellenberg thú nhận, - phần lớn họ đã bị Dân ủy Nội vụ phát hiện".

Sellenberg lôi kéo vào hoạt động chống Hồng quân cả

Vlaxov và những kẻ chạy sang phía quân Đức khác. Trong hồi ký của mình hắn kể chuyện một đơn vị chiến đấu gồm các tù binh chiến tranh mang tên “Druzina” dưới sự chỉ huy của đại tá Rodionov (biệt danh “Gil”) đã đánh gục nhóm SS hộ tống đoàn tù binh và chạy sang với du kích. Nhìn chung du kích đã gây cho quân Đức không ít tổn thất.

Hitler muốn có thông tin về các đội quân du kích Nga, cơ cấu tổ chức, cấp trực thuộc và nhiệm vụ của họ. Hắn bị bất ngờ vì nhân dân Liên Xô đón quân Đức không bằng “bánh mì và muối”^(*), mà với một cuộc chiến tranh du kích trên diện rộng. Sellenberg giải thích việc này như sau: “Người Nga đã sử dụng sự tàn bạo mà quân Đức gây ra trong khi tiến hành cuộc chiến tranh làm cơ sở mang tính hệ tư tưởng cho hoạt động du kích. Cái gọi là “Lệnh về các chính ủy” yêu cầu bắn sạch các chính ủy, việc tuyên truyền về “tính thiếu năng” của dân tộc Nga, các cuộc tàn sát... chính là những điều gây nên tinh thần phản kháng chống trả không ngừng. Bản báo cáo của Sellenberg bị Quốc trưởng và giới chức cao cấp thân cận của Quốc trưởng bác bỏ.

Cả báo cáo về yêu cầu cần xem lại chiến lược chính trị và quân sự ở nước Nga vì nó được xây dựng trên một đánh giá không đúng về tiềm năng của Liên Xô cũng bị bác bỏ. Hơn nữa, Hitler ra lệnh bắt giữ toàn bộ các chuyên viên tham gia lập bản báo cáo và buộc tội họ vì tinh thần bại chiến luận đó. Sellenberg đã bênh vực được các cộng sự của mình nhưng không thuyết phục được cả Hitler lẫn Himmler.

Một trong các hướng hoạt động của AMT-6 là khai thác

(*) Người Nga có tục lệ đón khách quý bằng bánh mì và muối.

thông tin từ các gián điệp đang giữ địa vị cao trong các ban tham mưu Xô Viết. Nhưng chúng ta sẽ không dừng tại đây bởi vì vấn đề này đã được soi sáng trong các phần viết về những nhân vật khác trong lòng tình báo, từ đó chúng ta thấy rõ rằng cơ quan đặc vụ của Hitler trong trường hợp này đã trở thành nạn nhân “trò chơi” mà tình báo Xô Viết dẫn dắt trong chiến dịch “Tu viện” và “Berezino”, cũng như trong các trò chơi điện đài.

Năm 1942, đặc vụ Đức đã phát hiện và xóa sổ được một mạng lưới tình báo Xô Viết quy mô lớn có tên gọi là “Dàn đồng ca đỏ”. Về thực chất, có hai mạng lưới như vậy: một ở Berlin do Schulze-Boysen và Harnac chỉ huy, và mạng thứ hai ở Brussel đặt dưới quyền chỉ huy của Trepper. Trong việc khám phá được các nhóm này, Sellenberg đóng vai trò đáng kể. Thu được sáu mươi tư chiếc điện đài, quân Đức cũng bắt đầu “trò chơi điện đài”. Thực ra, như Sellenberg thú nhận: “Cũng phải mất ba tháng phát đi thông tin đúng và có giá trị để người Nga tin chúng tôi”. Còn sau đó người Nga hiểu rằng có kẻ đang bày trò chơi điện đài và cũng hành động tương tự đáp lại. Vậy là việc xóa sổ được “Dàn đồng ca đỏ” là một thành tích thì sự phát triển tiếp theo của sự kiện lại không mang đến thành công.

* “Làm việc” cho Anh

Sau đó Sellenberg xuất đầu lộ diện tại Thụy Sĩ trong vai trò “nhân vật chính thức của Vương quốc Anh” đang tỏ ra sẵn sàng khởi đầu “các cuộc thảo luận trước với đại diện của Đức”, thậm chí sau đó còn có sự ủy quyền của chính Churchill để đi đến các cuộc “thảo luận” này.

Khi Sellenberg đề xuất với Himmler về việc này, qua

phản ứng của Himmler, Sellenberg hiểu rằng tên này sợ. Himmler đề nghị sẽ bàn luận vấn đề này với Ribbentrop là người cách đó không lâu ông ta đã có lời phát biểu chống đối.

Kế hoạch được trình lên Ribbentrop, ông ta trao đổi với Hitler. Kết quả là một bức thư nhân danh Ribbentrop gửi đến Sellenberg: chỉ có thể bàn luận với người Anh về việc đầu hàng của họ.

Himmler vẫn cho phép Sellenberg tiếp tục các mối tiếp xúc với người Anh thông qua các kênh trung gian, nhưng nói thêm là ông ta không muốn biết bất kỳ chi tiết nào.

Thay thế cho Heidrich ở chức vụ người đứng đầu Tổng cục An ninh Đế chế được chỉ định chiến hữu cũ của Hitler là Ernst Kaltenbrunner. Tên này và Sellenberg rất ghét nhau, nhưng buộc phải chịu đựng nhau. Sellenberg viết: *"Những năm cuối cùng kinh khủng của cuộc chiến tranh đối với tôi toàn chuyện khổ sở"*.

Một trong những thành công của cơ quan mật vụ là vụ án "Sixeron" về gã hầu phòng của đại sứ Anh tại Ankara là sir Netchbull Hughessen. Tháng 10 năm 1943, tên hầu phòng này gạ bán những tài liệu của sứ quán Anh lấy những món tiền lớn. Hắn ta đã cung cấp những tài liệu hết sức có giá trị vẫn được báo cáo đều đặn lên cho Hitler. Khoảng vào tháng hai hay tháng 3 năm 1944, "Sixeron" ngừng hoạt động của mình, còn vào tháng 4 Thổ Nhĩ Kỳ cắt đứt quan hệ với Đức rồi chuyển sang phe các đồng minh phía Tây.

Giữa năm 1944, sau khi đô đốc Canaris bị bãi chức, Sellenberg trở thành người đứng đầu Cơ quan Tình báo Quân sự (Abver). Lúc này chức năng của Sellenberg được mở rộng đáng kể.

* Khi nước Đức suy yếu

Chiến tranh đi vào giai đoạn cuối. Những đòn giáng vào quân đội Đức những năm 1943-1944 (bắt đầu từ các trận Stalingrad, Kursk và kết thúc bằng sự đầu hàng của Italia cùng việc mở mặt trận thứ hai) đã khẳng định những dự báo của Sellenberg. Lúc này hấn sẵn sàng thương lượng kể cả với người Nga. Những cuộc gặp gỡ đầu tiên của Sellenberg lại diễn ra tại Stockholm với nhà ngoại giao Mỹ Hoopt, người đã hứa sắp xếp những cuộc điều đình chính thức. Trở về Berlin, Sellenberg đề xuất về cuộc đối thoại này với Himmler. Tên này nổi điên và cấm tiệt bất kỳ cuộc tiếp xúc nào với đối phương.

Thay vào đó Himmler đề xuất việc ám sát Stalin. Chúng tuyển mộ hai cựu quân nhân Xô Viết cho mục đích này. Những kẻ ám sát được trang bị mìn điều khiển bằng sóng vô tuyến và thả dù vào hậu phương Xô Viết. Nhưng sau đó liên lạc hoàn toàn bị cắt đứt. Rõ ràng, khi nhắc lại vụ này, Sellenberg có ý nói tới “vợ chồng” Silov. Hai tên này bị bắt giữ đúng vào hôm đầu tiên xâm nhập, và sau đó trò chơi điện đài với tình báo Đức được tiến hành nhân danh chúng. Về chuyện này Sellenberg cũng đã có nói đến.

Chính vào thời kỳ này, Sellenberg là người chứng kiến Hitler tuyên bố những câu đại loại như: “Nếu nước Đức thua trong cuộc chiến tranh này thì dân tộc Đức chúng tôi sẽ không thương đảng sinh học của mình và đánh mất quyền được tồn tại... Đúng vậy, và khi đó nó đáng bị tiêu diệt... Kết cục của nước Đức sẽ khủng khiếp, và dân tộc Đức đáng phải chịu điều này... Nhưng rõ ràng là người chiến thắng sẽ không phải là Phương Tây mà là Phương Đông”.

* Sellenberg nỗ lực “kiến tạo hoà bình”

Sellenberg tiếp tục những toan tính “kiến tạo hòa bình” của mình. Cuối năm 1944, hắn sắp xếp được cuộc gặp gỡ của Himmler với cựu Tổng thống Thụy Sĩ Muzi. Nhưng cuộc đối thoại bị giới hạn trong việc tranh luận về vấn đề giải phóng khỏi các trại tập trung và đưa sang Thụy Sĩ vài nghìn người Do Thái để đổi lấy việc cung cấp máy kéo, thuốc men, ô tô và những hàng hóa khác mà nước Đức cần.

Như vậy là đã có một nghìn hai trăm người Do Thái được cứu thoát. Sau đó Sellenberg còn thành công trong việc đề nghị Himmler ban lệnh cấm di chuyển các trại tập trung có thể bị rơi vào tay quân Đồng minh.

Sellenberg thậm chí còn nổi được tổ chức Chữ thập Đỏ Quốc tế vào các cuộc đàm phán với Kaltenbrunner, nhờ đó mà giải thoát được tất cả các phụ nữ Pháp bị giam giữ trong trại tập trung Ravensbruck.



*Các nữ tù nhân
ở trại tập trung Ravensbruck*

Tháng hai năm 1945, bá tước Thụy Điển Bernadot đến Đức. Đầu tiên Sellenberg và Kaltenbrunner gặp gỡ với ông ta, sau đó ông ta đến gặp Ribbentrop. Sau đó Sellenberg đã sắp xếp cuộc gặp của ông ta với Himmler (bất chấp lệnh cấm của Hitler). Họ thương lượng về việc tất cả những người Đan Mạch và Thụy Điển đang bị giam giữ trong các trại tập trung sẽ được di chuyển về một trại tập trung nằm ở miền

Bắc nước Đức. Sellenberg đã chọn người của hắn để tổ chức cuộc di chuyển.

Sellenberg và Bernadot lúc này cùng nhau điều khiển những hoạt động liên quan đến việc đầu hàng của nước Đức. Sellenberg đã sẵn sàng cùng Bernadot bay đến gặp Eisenhower. Ngoài ra hắn còn sắp xếp cuộc gặp gỡ bí mật của Himmler với đại biểu Đại hội Do Thái toàn thế giới là Mazur, hoàn toàn giấu kín không thông qua Hitler, kể lúc này thực sự không còn điều hành đất nước.

Vào những ngày tồn tại cuối cùng của Đế Tam Quốc xã, Sellenberg chạy đi chạy lại giữa Himmler, Bernadot và đại diện của chính phủ Thụy Điển, giữa Đan Mạch, Thụy Điển và Đức, tìm cách cứu vãn một cái gì đó. Mà có lẽ trước hết là cứu chính bản thân mình.

Ngày 30 tháng 4 năm 1945, Kaltenbrunner đã tước bỏ tất cả mọi chức vụ của Sellenberg.

Ngày 5 tháng 5 năm 1945, người đứng đầu chính phủ Đức thay Hitler là đô đốc Denis đã chỉ định Sellenberg làm phái viên đến Stockholm. Sellenberg đã tới nơi vào ngày 6 tháng năm năm 1945. Đến đây cuộc đời chức nghiệp của hắn kết thúc.

Sau sự sụp đổ của nước Đức, Sellenberg tìm được nơi nương náu bên cạnh bá tước Bernadot. Tại đây Sellenberg lập tức báo cáo về các cuộc đàm phán mà hắn có tham gia trong những tháng cuối cùng của cuộc chiến tranh. Không lâu sau đó quân Đồng minh yêu cầu giao nộp Sellenberg. Tháng 6 năm 1945, hắn trở về nước Đức để ra trình diện trước tòa án Nuremberg.

* Bị đưa ra xét xử và kết án

Nhưng tại tòa án xét xử các tội phạm chiến tranh chủ yếu là Hering, Ribbentrop và những tên khác (Himmler đã kịp tự sát) - Sellenberg chỉ phát biểu với tư cách là nhân chứng. Phiên tòa dành riêng cho hắn bắt đầu năm 1947. Sellenberg được gỡ bỏ tất cả mọi cáo buộc, ngoại trừ hai tội: hắn là thành viên SS và SD là hai tổ chức bị Tòa án Chiến tranh Thế giới ở Nuremberg tuyên bố là những tổ chức tội phạm, còn Cục AMT-6 do hắn đứng đầu thì bị buộc phải chịu trách nhiệm về việc giết hại không qua xét xử và điều tra nhiều tù binh người Nga được chọn lựa để thực hiện chiến dịch "Seppelin". Tòa kết luận rằng tội của Sellenberg được giảm nhẹ bởi những cố gắng trong việc giúp đỡ tù binh ở các trại tập trung do hắn quản lý vào giai đoạn cuối chiến tranh. Hắn bị kết án sáu năm tù giam. Đầu tháng 6 năm 1951, sau một cuộc phẫu thuật nặng, Sellenberg được giải phóng. Hắn đến định cư tại Thụy Sĩ và bắt đầu viết hồi ký. Nhưng chẳng bao lâu sau cảnh sát Thụy Sĩ yêu cầu Sellenberg rời đất nước mình.

Sellenberg dừng chân tại Italia, sống ở thành phố nhỏ Pallanoso. Ngày 31 tháng 3 năm 1952, hắn chết trong bệnh viện Fornaka tại Turina.

ISSER GAREL

TRÙM ĐẶC VỤ MOSSAD- ISRAEL

Con người nhiều năm dài nắm giữ cương vị lãnh đạo cơ quan đặc vụ của Israel sinh tại nước Nga xa xôi, tỉnh Vitebsk, trong gia đình một giáo sĩ Do Thái. Tiếng Nga là thứ tiếng đầu tiên của ông nên cho đến cuối đời ông vẫn không thể nào bỏ được âm sắc tiếng Nga trong giọng nói của mình. Tên thật của ông là Misha Galperin (sinh năm 1912), và chỉ ở tuổi năm mươi ông mới mang bí danh Garel.



* Thành công cùng những mưu mô và toan tính

Năm 1929, Isser di cư sang Palestin, từ khi đó đã thể hiện phẩm chất của một nhà hoạt động bí mật: ông đã đem lọt qua cửa hải quan gắt gao của người Anh một khẩu súng lục.

Có mấy năm Isser công tác bình thường tại Kibus, nơi ông đã học tiếng Do Thái. Cũng ở đó ông gia nhập quân đội bí mật Do Thái là Hananach, còn từ đầu Thế chiến Thứ hai thì vào làm việc tại đơn vị cảnh giới của quân đội Anh. Ông được Israrel Amir, sếp SAI là cơ quan tình báo của Hananach để ý đến. Isser lập tức thăng tiến nhanh trong công tác và không lâu sau đã lãnh đạo cái gọi là ban "Do Thái" của SAI. Công việc

không dễ dàng, buộc phải đương đầu với cả những kẻ cực đoan cánh hữu lẫn cánh tả trong nội bộ phong trào Do Thái. Đôi khi cuộc đấu tranh mang màu sắc huynh đệ tương tàn.

Đối thủ cạnh tranh của Isser Garel là một Isser khác, họ là Beer, khác với Isser Garel ở thân hình rất cao. Người ta gọi họ là “Isser Nhỏ” và “Isser Lớn”. Garel chẳng bao lâu đã rơi vào vòng thừa hành của Beer là người phụ trách tất cả các cơ quan đặc biệt của Israel, và nhận nhiệm vụ xây dựng Sin Bet - tức là Tổng Nha An ninh.

Những sai lầm của “Isser Lớn” và sự biết cách tận dụng chúng của Isser Gael đã dẫn đến việc Beer vào đầu năm 1949 bị mất chức. Ông ta bị buộc tội làm giấy tờ giả mạo và “vội vàng”, mà kết quả của việc này đã khiến có mấy cựu chiến binh phong trào Phục quốc Do Thái bị tử hình.

Isser Garel đã lợi dụng sự sụp đổ của Beer, mở rộng phạm vi hoạt động của Sin Bet và vào năm 1952 đã phụ trách cơ quan đặc vụ mới Mossad (đó là tên gọi tắt của Viện Tình báo và các nhiệm vụ khoa học). Theo yêu cầu khẩn khoản của đích thân người đứng đầu quốc gia Ben-Guriona, người ta đưa vào phạm vi quyền hạn của Mossad cả những “nhiệm vụ đặc biệt” không có trong thẩm quyền của những cơ quan đặc vụ khác.

Garel biết tranh thủ tình cảm bạn bè và sự ủng hộ của Thủ tướng thứ nhất và Bộ trưởng Quốc phòng Israel D. Ben-Guriona. Cả hai người họ đều bắt đầu con đường công danh vào năm 1948 và kết thúc năm 1963.

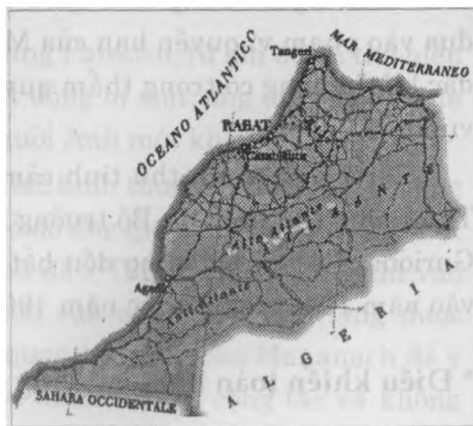
*** Điều khiển toàn bộ hoạt động của tình báo Israel**

Isser Garel là Giám đốc Mossad từ tháng 9 năm 1952 đến

tháng 3 năm 1963 và thực sự là người điều khiển toàn bộ hoạt động tình báo Israel. Một trong những nhiệm vụ chủ yếu nhất của ông là thiết lập sự hợp tác chặt chẽ với Cục Tình báo Trung ương Mỹ, và ông đã làm được điều này bằng cách chủ yếu là thông qua Mossad cung cấp cho Cục Tình báo Trung ương Mỹ những thông tin giá trị nhất về Liên Xô.

Từ năm 1955, Isser Garel đã thiết lập các mối tiếp xúc với các cơ quan đặc vụ Pháp, khi tình báo Israel bắt đầu cung cấp cho người Pháp thông tin về các kế hoạch của Mặt trận Giải phóng Dân tộc (FNO) của Algieri và các nước Đồng minh của họ (gồm cả Ai Cập). Tiếp xúc này do Yakov Kazora duy trì ở Paris. Đó là người đại diện của Mossad và là nhân vật tin cậy của Isser Garel.

Sự thực là ở chính Algieri, nơi Garel đã dự tính xây dựng một mạng lưới tình báo rộng lớn nhưng những nỗ lực của ông không thành công. Sau chiến thắng của FNO, phần lớn cộng đồng Do Thái, trong đó có cả những cơ sở gián điệp tiềm năng đã buộc phải rời khỏi Algieri. Đồng minh duy nhất của Israel trong cộng đồng các nước Ả Rập khi này chỉ còn lại Morocco. Bắt đầu từ năm 1954-1955, trước khi Morocco giành được độc lập, Garel đã kịp xây dựng tại đó hai mạng lưới tình báo khác nhau - một là mạng lưới tình báo



Vùng đất Morocco

“bình thường” của Mossad và hai là mạng lưới tình báo đặc biệt chuyên tổ chức việc tự vệ và di tản người Do Thái sang Israel. Tháng 10 năm 1959, Garel bí mật sang Marocco, còn vào đầu năm 1963 Bộ trưởng Ngoại vụ Marocco Ufkir đã sang thăm đáp lễ. Đó chính là Ufkir, người đã chủ mưu cuộc mưu sát và giết hại thủ lĩnh phe đối lập người Marocco Ben Barki tại Paris hai năm sau.

*** Nhiều điệp vụ trở nên nổi tiếng**

Một số chiến dịch do Mossad tiến hành vào những năm Isser Garel lãnh đạo cơ quan này đã trở nên nổi tiếng trong lịch sử ngành tình báo.

Một trong số đó là vụ giết Adolf Eichman, người chịu trách nhiệm về cái chết của hàng triệu người Do Thái, cựu thủ lĩnh ban 11-112 SD của nước Đức phát xít.

Tên này trốn ở Algieri dưới tên một người khác, nhưng cả tên mới lẫn nơi ẩn trốn của hắn tình báo Israel đều không biết. Năm 1957, có tin của một người tên là L German nào đó là một người Do Thái mù đã thông báo rằng coi, gái ông ta đã gặp một người xưng danh là Nicolas Eichman. Người ta biết Adolf Eichman có một con trai tên là Nocolai. Và điều đó đã trở thành một đầu mối. Người ta xác định địa chỉ của Nicolas và đặt thiết bị theo dõi ngôi nhà. Nhưng hình như Eichman cảm thấy được có chuyện nên cả nhà hắn đã trốn mất. Chỉ gần hai năm sau người ta mới lại lần ra được địa chỉ của gia đình này và xác định rằng Adolf Eichman đã lẩn trốn dưới cái tên Ricardo Klementa. Ngôi nhà bị đặt thiết bị theo dõi liên tục suốt ngày đêm.

Cũng có thể bắt ngay “Ricardo Klementa”, lôi vào rừng, tuyên đọc bản án rồi bắn như người ta đã từng làm như vậy

đối với những tên khác. Nhưng điều thứ nhất là phải xác định chính xác “Ricardo Klementa” có phải là Adolf Eichman, người mà cơ quan tình báo đang truy lùng hay không, thứ hai là chính phủ đã có lệnh nghiêm ngặt bắt buộc phải dẫn được Eichman về Israel để xét xử theo đầy đủ thủ tục.

Không lâu sau cơ hội để xác định chính xác “Ricardo Klementa” chính là Adolf Eichman đã đến. Ngày 21 tháng 3 năm 1960, các nhân viên theo dõi nhận thấy “Ricardo” trở về nhà với bó hoa lớn tặng vợ. Đứa con trai nhỏ mọi khi ăn mặc cầu thả của hần hôm nay diện áo quần ngày lễ. Sau đó từ trong nhà phát ra những tiếng ồn ào chứng tỏ gia đình này đang kỷ niệm một sự kiện vui lớn của mình.

Người ta lật lại hồ sơ của Eichman và phát hiện ra rằng đó chính là ngày kỷ niệm đám cưới bạc của vợ chồng Eichman. Mọi ngờ vực tan biến. Một nhóm nhân viên tình báo Israel gồm hơn ba mươi người lập tức có mặt ở Buenos Aires. Mười hai người có nhiệm vụ bắt giữ, số còn lại thuộc nhóm ngụ trang.

Ngày 11 tháng 5 năm 1960, nhóm bắt giữ bố trí lực lượng quanh ngôi nhà của Eichman. Đã hai chuyến xe bus mà Eichman vẫn thường dùng để trở về nhà đi qua nhưng không thấy bóng dáng hần. Sau đó thì hần xuất hiện. Vừa bước xuống xe, hần lập tức bị tóm và bị tống vào một chiếc ô tô chờ sẵn. Trước khi những người qua đường nhận ra có chuyện xảy ra, chiếc xe đã phóng vụt đi.

Eichman được đưa tới một căn hộ bí mật. Hần lập tức “đầu hàng”. Hần không chối cãi bất cứ chuyện gì. Hần thậm chí còn cầu kinh Do Thái bằng tiếng Do Thái, có thể vì nghĩ rằng như vậy sẽ làm động lòng những người giam giữ mình.

Ngày 20 tháng 5, người ta tiêm cho Eichman một mũi

thuốc khiến hắn trở nên kém tỉnh táo và khó khăn trong nhận thức mọi chuyện diễn ra xung quanh. Sau đó họ mặc giả cho hắn trang phục của một nhân viên hãng hàng không Israel và dìu tay lên máy bay như dìu một thành viên quá chén của đội bay. Sau vài giờ Eichman đã có mặt tại Israel.

Ngày 11 tháng 4 năm 1961, phiên tòa xét xử Eichman diễn ra. Hắn thừa nhận phạm tội chống lại nhân loại và bị xử tử hình. Ngày 31 tháng 5 năm 1961, Eichman bị treo cổ.

Dưới sự lãnh đạo của Garel cũng diễn ra chiến dịch cải diệp viên Elie Cochen vào bộ máy chính quyền của Xiri. Dưới lốt một người Ả Rập nhập cư vào Argentina, diệp viên này đã làm quen và kết bạn thân thiết với tùy viên quân sự Amin El-Hafiz, người về sau trở thành tổng thống Xiri. Tháng 1 năm 1962, Cochen “trở về” Xiri và nhanh chóng phát huy quan hệ quen biết với Amin. Anh ta đã biết cách khai thác và chuyển về Israel những thông tin giá trị. Nhưng vào năm 1964, sau khi Garel bị bãi nhiệm, Cochen bị radar định hướng phát hiện, bị xét xử và treo cổ.

Tháng 3 năm 1963 tại Thụy Sĩ xảy ra một vụ bê bối lớn gây nên bởi vụ bắt giữ một nhà khoa học nổi tiếng hoạt động cho Mossad. Vụ phá sản này ngang giá chức vụ của Garel. Ben-Gurion đã cách chức ngay ông. Thực ra từ tháng 9 năm 1965 đến tháng 6 năm 1966 ông vẫn giữ cương vị cố vấn của Thủ tướng Levi Escol, sau đó mới hoàn toàn rời khỏi chính trường. Lần cuối cùng ông xuất hiện trở lại ở đó là vào năm 1992, khi phát biểu hết sức gay gắt về hiểm họa tái sinh của chủ nghĩa Quốc xã ở Đức.

UÔNG ĐÔNG HƯNG

ĐIỆP VIÊN - VỆ SĨ CỦA MAO TRẠCH ĐÔNG

* Người bảo vệ trung thành và tận tụy của Mao Trạch Đông

Uông Đông Hưng sinh ra trong một gia đình nông dân nghèo ở huyện Thái Hòa, tỉnh Giang Tây. Năm 1927, sau khi Đảng Cộng sản Trung Quốc lập căn cứ du kích ở núi Tĩnh Cương, tỉnh Giang Tây được ít lâu, Uông Đông Hưng gia nhập tổ chức “Hong tiểu quỷ” của Đội thiếu niên Cộng sản. Năm 1933, Uông Đông Hưng được biên chế vào Hồng quân, làm cảnh vệ tại Cục Bảo vệ Quân khu Mân Tráng, mặc dù khi đó Uông chưa trải qua bất cứ một khóa đào tạo chính quy nào. Ít lâu sau, do sinh ra và lớn lên ở vùng núi Tĩnh Cương nên rất thông thạo địa hình vùng này, Uông được cử làm bảo vệ cho Mao Trạch Đông, nhiệm vụ này được coi là cái mốc quan trọng nhất trong cuộc đời chính trị của Uông.

Rất mực trung thành với Mao, Uông không những chỉ bảo vệ an toàn cho Mao Trạch Đông, mà còn chăm sóc sức khỏe, nấu ăn và làm cần vụ cho Mao. Cảm kích trước lòng tận tụy của Uông đối với mình nên những lúc nhàn rỗi, Mao thường dạy Uông đọc và viết, đồng thời giáo dục lý luận cách mạng cho Uông. Từ giữa những năm 30 đến những năm 40 của thế

kỷ XX, giữa Mao Trạch Đông và Uông Đông Hưng đã hình thành một mối quan hệ khăng khít và bền vững. Tháng 1 năm 1935, trong Hội nghị Tuân Nghĩa - hội nghị mang tính bước ngoặt - Mao Trạch Đông thay Chu Ân Lai giữ chức Chủ tịch Quân ủy Trung ương. Sau hội nghị này việc bảo vệ Mao Trạch Đông được tăng cường, Uông được giao đứng đầu 12 cảnh vệ để bảo vệ an toàn tuyệt đối cho Mao. Sau cuộc trường chinh, Uông được giao chỉ huy một đội cảnh vệ đặc biệt là “đội súng ngắn” với khoảng 30 tay súng trực thuộc Đoàn bảo vệ Trung ương. Sau năm 1949, Đoàn bảo vệ Trung ương được đổi thành Bộ đội 8341.

Riêng về tên gọi 8341 có hẳn một truyền thuyết về nó. Khi Mao Trạch Đông ở Hương Sơn có gặp một vị đạo sư pháp thuật cao siêu, Mao hỏi đạo sư: “Khi nào thì mình vào Trung Nam Hải mới tốt?”. Đạo sư không nói không rằng mà chỉ viết 2 số 99. Mao Trạch Đông lại hỏi: “Quyền vị của mình giữ được bao lâu?”. Đạo sư lại viết con số 8341. Mao Trạch Đông không hiểu nổi các thuật số này, nhưng rất kính trọng đạo sư. Ngày 9 tháng 9 năm 1949, Mao Trạch Đông vào ở Trung Nam Hải và đổi phiên hiệu đội bảo vệ của mình thành Đội 8341. Sau này, khi Mao Trạch Đông mất, hai thuật số đó mới được giải: Mao Trạch Đông mất ngày 9 tháng 9 năm 1976, thọ 83 tuổi (1893-1976) và “trị vì thiên hạ” được 41 năm (1935-1976).

*** Từng bước leo lên...**

Theo hồi ký của một số bảo vệ của Mao thì từ năm 1947, Uông đã được bổ nhiệm làm phó tham mưu trưởng phương diện quân, do Nhiệm Bách Thời làm tư lệnh, Diệp Tử Long làm tham mưu trưởng. Uông đã từng bảo vệ Mao Trạch Đông,

Chu Ân Lai và một số cán bộ khác của Tổng bộ Trung ương Đảng rút khỏi Diên An trước những cuộc tiến công của quân Quốc dân Đảng, do Hồ Tùng Nam chỉ huy. Tháng 10-1949, sau khi thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Ông Đông Hưng được bổ nhiệm làm phó văn phòng kiêm trưởng phòng bảo vệ Chính vụ viện (tiền thân của Quốc vụ viện). Sau đó ít lâu, Ông được cử làm phó cục trưởng Cục 8, thuộc Bộ Công an. Từ đó về sau, chức vụ của Ông thỉnh thoảng lại thay đổi, nhưng chức trách cơ bản vẫn như thế, tức là bảo vệ an toàn cho Mao Trạch Đông. Từ tháng 12-1949 đến 02-1950, khi Mao Trạch Đông sang thăm Moseva, Ông là người tháp tùng phụ trách công tác bảo vệ bên cạnh Mao. Đây là lần đầu tiên Ông ra nước ngoài. Từ năm 1951-1958, Ông không hề xuất hiện trong bất cứ trường hợp công khai nào. Chỉ có một lần duy nhất báo chí Trung Quốc nhắc đến Ông khi đưa một đoạn tin ngắn của *Tân Hoa Xã* (ngày 28-12-1955): Ông Đông Hưng được bổ nhiệm làm Thứ trưởng Bộ Công an, La Thụy Khanh làm Bộ trưởng. Song, hai chức vụ không công khai của Ông có thể khẳng định là quan trọng hơn và có quyền hành nhiều hơn. Đó là Ông làm Cục trưởng Cục Bảo vệ Trung ương Đảng, một tổ chức an ninh đặc biệt, có hành động độc lập tách khỏi các tổ chức an ninh và tình báo khác, mọi hoạt động của Ông chỉ chịu trách nhiệm trước Mao Trạch Đông; và chức vụ thứ hai là Đoàn trưởng kiêm Chính ủy Bộ đội 8341. Mãi đến giữa những năm 70, Bộ đội 8341 mới đổi phiên hiệu thành 57001.



Mao Trạch Đông

Bộ đội 8341 có tới hàng vạn người, đảm nhiệm trọng trách bảo vệ an toàn cho Mao Trạch Đông, và bảo vệ các cơ sở quan trọng cũng như những nhân vật quan trọng của Quân - Chính - Đảng. Cơ quan an ninh do Uông Đông Hưng phụ trách còn là một đơn vị thu thập tin tức tình báo. Chính vì vậy mà Mao Trạch Đông biết được mọi thông tin về các mặt xã hội, chính trị, kinh tế cũng như cuộc sống “riêng tư” của những người mà Mao quan tâm. Có thể nói công tác bảo vệ và thu thập tin tức tình báo đã đặt cơ sở quyền lực cho Uông trong những năm về sau này, khi mà thế và lực của Uông đã vững chắc. Với danh nghĩa để bảo vệ an toàn cho Mao Trạch Đông, Uông có “quyền điều tra” rất lớn, làm cho các nhà lãnh đạo khác cũng phải kiêng nể.

* Thử thách mới...

Có thể nói hai năm (1958-1960) là một bước thử thách mới trong sự nghiệp chính trị của Uông Đông Hưng khi Uông “bị đày” về làm phó tỉnh trưởng tỉnh Giang Tây - quê hương của Uông (Tỉnh trưởng khi đó là Thiệu Đức Bình). Tại đây, Uông được giao chủ quản ngành nông lâm và khai hoang, kiêm bí thư Đảng ủy Trường Đại học Lao động Cộng sản chủ nghĩa mới được thành lập (tạm thời gác bỏ chức Thứ trưởng Bộ Công an). Sở dĩ có sự điều động này là vì trong thời gian đó, Mao Trạch Đông đang phát động phong trào “cán bộ xuống cơ sở, sĩ quan xuống tiểu đội” với mục đích hồi phục sức sống cách mạng cho cán bộ và cải thiện quan hệ giữa sĩ quan với binh lính. Chuyển đi thực tế này của Uông còn có một trọng trách khác là phối hợp với địa phương thành lập các công xã nông thôn và “cuộc đại nhảy vọt kinh tế quốc dân” trong cả nước theo chỉ thị của

Mao Trạch Đông. Ngoài phạm vi công tác nông nghiệp, Uông còn tham gia chặt chẽ công tác xây dựng và quản lý Trường Đại học Lao động Cộng sản chủ nghĩa Giang Tây. Đây là trường kết hợp công - nông nghiệp không chính quy, gồm các chương trình tiểu học, trung học và đại học, đối tượng chiêu sinh là cán bộ trẻ và trung niên, vừa học, vừa làm. Nhưng đến năm 1961, số phận của trường đại học này bị đe dọa. Vì sau khi “cuộc đại nhảy vọt” bị thất bại, Lưu Thiếu Kỳ đã ra lệnh cho các trường, viện không chính quy phải giải tán. Uông đã yêu cầu Mao Trạch Đông cứu vãn “sản phẩm kết tinh” đó. Ngày 30 tháng 7 năm 1961, Mao đã viết một bức thư gửi cho trường này, xác định “phương hướng giáo dục” và đánh giá cao thành tích của nhà trường đã đạt được trong thời gian qua, thậm chí kêu gọi các tỉnh, thành khác phải học tập kinh nghiệm của trường này.

Mặc dù khá bận rộn với công tác tại Giang Tây, nhưng kể từ tháng 12 năm 1960, Uông đã được chính thức tái bổ nhiệm làm Thứ trưởng Bộ Công an do Bộ trưởng Tạ Phú Trị lãnh đạo. Từ năm 1961-1965, tên tuổi của Uông rất ít xuất hiện trên báo chí. Mùa hè năm 1966, cuộc Cách mạng văn hóa bước vào một giai đoạn mới. Tháng 8, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc triệu tập một cuộc họp toàn thể. Tại thời điểm đó, Lưu Thiếu Kỳ và Đặng Tiểu Bình đã bị tước đoạt mọi quyền lực. Mao Trạch Đông và những người ủng hộ ông tiếp tục quản hạt “địa bàn” của mình. Và chức chánh văn phòng Trung ương Đảng đã được Uông Đông Hưng tiếp quản, đây là một bước ngoặt quan trọng thứ hai trong sự nghiệp chính trị của Uông Đông Hưng. Tại thời điểm đó, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã bị “đóng cửa” (từ mùa hè năm 1966) nên Văn phòng Trung

ương đã tiếp quản hầu như tất cả những công việc quan trọng của Ban Bí thư. Sau khi hủy bỏ văn phòng của “tổ Cách mạng văn hóa” do Trần Bá Đạt cầm đầu và “văn phòng hành chính” cùng Quân ủy Trung ương do Lâm Bưu khống chế, thì quyền lực của Uông Đông Hưng càng được mở rộng thêm. Văn phòng Trung ương do Uông Đông Hưng cai quản đã điều tiết hầu như tuyệt đối chương trình nghị sự hằng ngày của các cấp trong Trung ương. Ngoài việc được “nâng cao uy tín” trong Đảng, Uông Đông Hưng còn từng bước mở rộng ảnh hưởng của mình trong hệ thống công an. Uông Đông Hưng chưa từng công khai phát biểu cổ động cho Cách mạng văn hóa, nhưng ông ta là người kiên quyết ủng hộ đến cùng mọi ý tưởng của Mao Trạch Đông. Trong Cách mạng văn hóa, quyền lực của Uông Đông Hưng được tăng dần theo tháng năm. Mọi người đều biết tới “Sự kiện Vũ Hán” xảy ra tháng 7 năm 1967 là một vụ binh biến do quân đội tiến hành, nhưng rất may nó đã được dập tắt nhờ công lao của Chu Ân Lai. Sau sự kiện đó, Uông Đông Hưng đã được bổ nhiệm làm phó chủ nhiệm tổ Cách mạng văn hóa của quân đội nhằm tăng thêm “tai mắt” của Mao Trạch Đông trong quân đội.

* Những vụ “tự sát” bí hiểm

Có một điều đáng chú ý là trong những năm 60, Uông Đông Hưng “hình như” có quan hệ khá mật thiết và chặt chẽ với Lâm Bưu và Giang Thanh, nhất là trong thời kỳ từ 1966-1968 - cao trào của cuộc Đại cách mạng văn hóa (khi đó, Mao Trạch Đông và Lâm Bưu hợp tác thân mật và chặt chẽ với nhau). Nhưng vốn là người trung thành với Mao nên Uông Đông Hưng đã đứng về phía Mao, chống lại Lâm Bưu khi Mao

Trạch Đông và Lâm Bưu xảy ra xung đột. Trong thời kỳ Uông làm vệ sĩ trưởng cho Mao có một vụ “tự sát” bí hiểm: Tối ngày 22 tháng 5 năm 1966, Diên Gia Anh, thư ký chính trị của Mao Trạch Đông kiêm Phó chủ nhiệm Văn phòng Trung ương, đã tự tử ở Hải Yến Đường. Đây là vụ tự sát nổi tiếng ở Trung Nam Hải. Từ năm 1948, Diên là trợ thủ đắc lực, chuyên thảo các văn bản cho Mao Trạch Đông. Sau Hội



Lâm Bưu

nghị Lư Sơn năm 1959, giữa Mao và Diên đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, ngăn cách, Diên đã nhiều lần đề nghị được chuyển công tác nhưng không được Mao chấp thuận vì Diên biết quá nhiều bí mật về Mao. Đêm hôm Diên tự sát, Uông Đông Hưng, Chủ nhiệm Văn phòng Trung ương Đảng kiêm Đội trưởng Đội bảo vệ, đã cử người đến nhà Diên tuyên bố đình chỉ công tác của Diên và lục soát nhà, lấy đi các văn kiện giấy tờ và tuyên bố cả gia đình Diên từ mai “ra khỏi Trung Nam Hải”. Có người cho rằng, không phải Diên tự tử mà là bị giết. Tiếp đến là vụ Thứ trưởng Bộ Công an Lý Chấn bị “hãm tử” trong đường hầm từ Trung Nam Hải đến Đại lễ đường Nhân dân. Địa đạo là khu vực bảo vệ đặc biệt. Chỉ có 3 người là Mao Trạch Đông, Chu Ân Lai và Lâm Bưu sử dụng. Chu Ân Lai có cho phép Trần Nghị, Giang Thanh, Khang Sinh, Trần Bá Đạt dùng. Ngoài ra, còn có Bộ trưởng Bộ Công an Tạ Phú Tri, Thứ trưởng Bộ Công an Lý Chấn và Uông Đông Hưng, vệ sĩ trưởng kiêm Chủ nhiệm văn phòng Trung ương Đảng, là những người biết tới con

đường địa đạo này, nhưng rồi Lý Chấn lại bị “hãm tử”. Lý Chấn xuất thân từ Dã chiến quân 2 của Lưu Bá Thừa và Đặng Tiểu Bình, từng là đội trưởng đội bảo vệ chính trị của Dã chiến quân 2, là một tướng trí dũng song toàn, được cả Đặng Tiểu Bình và Lưu Thiếu Kỳ yêu mến, nhưng lại bị chết trong tay Tạ Phú Trị, Bộ trưởng Bộ Công an. Để thanh trừ “hiểm họa” trong đội bảo vệ chính trị của Lưu Thiếu Kỳ, Đặng Tiểu Bình, tốp “đặc nhiệm” trong Trung Nam Hải - Đội 8341 - đã cấm ngặt không cho bất kỳ ai được mang theo vũ khí, do đó, Thứ trưởng Bộ Công an Lý Chấn đã bị 3 tên võ thuật cao siêu hãm chết trong địa đạo.

Trong cuộc Cách mạng văn hóa, Đơn vị 8341 của Uông Đông Hưng đã bắt giữ Lưu Thiếu Kỳ, Đặng Tiểu Bình, Bành Chân, La Thụy Khanh, Dương Thành Vũ và nhiều nhà lãnh đạo khác. Sau khi bị bắt, tất cả những người này đều “được” Uông Đông Hưng canh giữ trong “Nhà khách đặc biệt” ở Bắc Kinh hoặc tại Trường Cán bộ 725 ở Giang Tây. Nghe nói, Uông Đông Hưng thường xuyên “đến thăm”, kiểm tra “tình hình tư tưởng” của những người này và truyền đạt “sự quan tâm” của Mao Trạch Đông đối với sự “tiến bộ” của họ trong việc “tái cải tạo”. Tháng 4 năm 1969, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 9 đã họp và Uông Đông Hưng được bầu làm ủy viên dự khuyết Bộ Chính trị - một chức vụ không nhỏ (Sau này Uông Đông Hưng được cử vào Bộ Chính trị để cùng với Hoa Quốc Phong cộng tác làm việc). Trong thời kỳ 1969-1970, Đơn vị 8341 được báo chí Trung Quốc tâng bốc thành đơn vị kiểu mẫu về mọi mặt và Uông Đông Hưng là một người rất có ý thức kỷ luật. Nhưng Uông Đông Hưng lại không cho báo chí tiết lộ ông ta là tư lệnh và chính ủy của đơn vị đó. Tháng 9 năm 1971, sau khi

Lâm Bưu bị chết vì “tai nạn máy bay” trên đường chạy trốn, Ông Đông Hưng được bổ nhiệm làm thành viên trong tổ chuyên án điều tra tội ác của “tập đoàn phản đảng Lâm Bưu, Trần Bá Đạt”. Ngoài Ông Đông Hưng, tổ chuyên án còn có Diệp Kiếm Anh, Lý Đức Sinh, Trương Xuân Kiều, Kỷ Đăng Khuê và Trần Tích Liên (về sau được bổ sung thêm Hoa Quốc Phong và Vương Hồng Vãn). Mặc dù vậy, Ông Đông Hưng vẫn luôn ra sức duy trì quan hệ tốt - bảo vệ an toàn cho một số nhà lãnh đạo lão thành như Đặng Đình Siêu (vợ Chu Ân Lai), Đặng Tiểu Bình (giúp Đặng Tiểu Bình trốn khỏi Bắc Kinh)... Chính vì vậy mà khi Mao Trạch Đông chết, Đặng Tiểu Bình quay lại chính trường, Ông Đông Hưng vẫn là nhân vật mà tất cả “mọi người” đều phải cần tới. Có tin nói rằng, sau khi Lâm Bưu bị buộc tội tìm cách ám sát Mao Trạch Đông vào năm 1971, Giang Thanh đã lên án đơn vị 8341 là không đáng tin cậy, nhưng lời buộc tội này của Giang Thanh đã bị Mao Trạch Đông bác bỏ.

Sau khi Mao Trạch Đông qua đời, Ông Đông Hưng đã quay lại đối phó với “bè lũ bốn tên”. Đã có người nói rằng, nếu như “bè lũ bốn tên” được sự giúp sức của Ông Đông Hưng thì biết đâu chính cục Trung Quốc đã khác... Nhưng có người lại cho rằng, bản thân Ông Đông Hưng thấy rõ “bè lũ bốn tên” đã tạo dựng lên quá nhiều kẻ thù, nếu đứng về phía “bè lũ bốn tên” thì không những bị đánh bại, mà còn mất tất cả vốn liếng chính trị mà Ông đã tạo dựng bấy lâu nay. Cuối cùng, Ông quyết định đi theo “phò tá” Hoa Quốc Phong, Diệp Kiếm Anh, Đặng Tiểu Bình.

Đại hội Đảng lần thứ 11 (tháng 8 năm 1977) đã thừa nhận công lao và tác dụng của Ông Đông Hưng trong cuộc đấu

tranh với “bè lũ bốn tên” nên Uông đã được bầu làm một trong bốn phó chủ tịch Đảng - trở thành người lãnh đạo tối cao, đứng hàng thứ 5, chỉ sau Hoa Quốc Phong, Diệp Kiếm Anh, Đặng Tiểu Bình và Lý Tiên Niệm. Như vậy là Uông Đông Hưng từ một vệ sĩ của Mao Trạch Đông đã trở thành nhân vật số 5 trong Đảng, là một kỳ tích ít người làm được. Thành công nhất của Uông Đông Hưng chính là ở chỗ, bất kể là Lâm Bưu, Giang Thanh hay Hoa Quốc Phong, Diệp Kiếm Anh... họ đều trọng dụng ông ta, mặc dù ông ta đã từng “chân” với người này, “sơ” với người kia, thậm chí “đắc tội” với những người đã từng bị bắt thời kỳ Cách mạng văn hóa. Mặc dù vậy, Uông Đông Hưng vẫn luôn là một trong những nhân vật bí hiểm nhất trong số hàng ngũ lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc.

Trang Cường

(Theo *An ninh thế giới*, số 173)

NASS CAW

NGƯỜI SÁNG LẬP NGÀNH TINH BÁO ẤN ĐỘ

Dư luận Ấn Độ bàn tán xung quanh cái chết bí ẩn của ông Nass Caw (1918-2002), người được coi là cha đẻ của ngành Tinh báo Ấn Độ, tại tư dinh ở thủ đô New Delhi. Thậm chí có người còn nói, cái chết của ông Nass Caw là sự kết thúc một thời huy hoàng trong lịch sử của tinh báo Ấn Độ. Theo giới chuyên môn, ông Nass Caw không những là một trong những người được dòng họ Gandhi tin cậy nhất, mà còn là một trong những người thần bí nhất Ấn Độ.

*** Con người của huyền thoại**

Ông Nass Caw sinh năm 1918, tại một thành phố phía Bắc Ấn Độ. Sau khi tốt nghiệp đại học, ông gia nhập lực lượng cảnh sát và trước khi Ấn Độ tuyên bố độc lập (1947), ông được cử về công tác tại Cục Tinh báo do người Anh thành lập và trở thành một trong những người Ấn Độ đầu tiên hoạt động trong lĩnh vực này. Sau khi Ấn Độ tuyên bố độc lập, nhờ vào khả năng quản lý cũng như năng khiếu bẩm sinh về lĩnh vực tinh báo nên Nass Caw đã được Thủ tướng Nehru, Thủ tướng Indira Gandhi và Thủ tướng Rajiv Gandhi giao trọng trách đứng đầu cơ quan tinh báo Ấn Độ. Thậm chí Thủ tướng Indira Gandhi còn coi ông Nass Caw là người thân tín nhất của mình,

trước khi ra một quyết sách lớn, bà đều tham khảo ý kiến của ông. Sau cuộc chiến tranh Pakistan - Ấn Độ lần thứ hai (năm 1965), Thủ tướng Indira Gandhi yêu cầu ông Nass Caw thành lập Cục Tình báo đối ngoại với mô hình giống như KGB của Liên Xô, MI-5 của Anh và CIA của Mỹ. Vì công tác chuẩn bị quá gấp nên sau khi bí mật chiêu mộ được 250 chuyên gia phân tích, xử lý tin

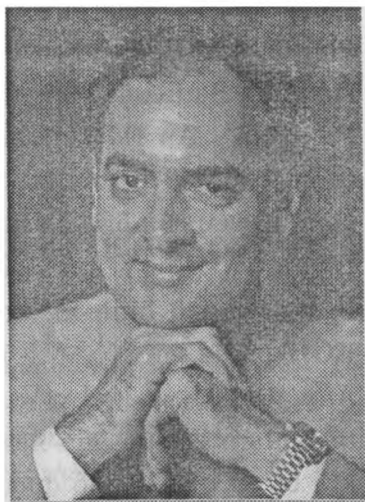


*Thủ tướng Indira Gandhi
(1917-1984)*

cùng các chuyên gia giỏi trong lĩnh vực hoạt động tình báo, ông Nass Caw đã đứng ra đảm trách cương vị Cục trưởng Cục Tình báo đối ngoại. Năm 1977, ông Nass Caw tuyên bố nghỉ hưu sau thất bại của Thủ tướng Indira Gandhi trong cuộc tranh cử. Sau khi bà Indira Gandhi trở lại chính trường, việc đầu tiên của bà là mời ông Nass Caw đảm trách cương vị Cố vấn an ninh quốc gia. Người ta còn nhớ, tháng 7 năm 1984, ông Nass Caw đã đề nghị Thủ tướng Indira Gandhi đưa các vệ sĩ người Xích ra khỏi đội bảo vệ của bà, song đề nghị này đã bị bà kiên quyết từ chối: “Chúng ta làm thế có coi được không?”. Nhưng thực tế đã chứng minh ngược lại: 9 giờ 15 phút ngày 30 tháng 10 năm 1984, Thủ tướng Indira Gandhi đã bị 2 lính gác cổng người Xích (Banter Singh và Steven Singh) bắn chết.

Đến đời Thủ tướng Rajiv Gandhi, ông Nass Caw được bổ nhiệm làm cố vấn cao cấp chuyên xử lý các vấn đề có liên quan tới tình báo cũng như liên hệ với các tổ chức tình báo trên thế

giới. Theo giới thạo tin, ông Nass Caw là người được Thủ tướng Rajiv Gandhi cử làm đại sứ, khai thông những trở ngại để Ấn Độ và Trung Quốc tái bình thường hóa quan hệ (năm 1988). Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng, dòng họ Gandhi là một trong những dòng họ chịu nhiều đau thương nhất trên thế giới bởi không chỉ bản thân bà Indira Gandhi bị ám sát, mà cả hai con trai bà cũng đều bị chết một cách bí ẩn (Thủ tướng Rajiv Gandhi bị ám



*Thủ tướng Rajiv Gandhi
(1944-1991)*

sát năm 1991, còn Sanjai Gandhi bị tai nạn máy bay). Chính vì vậy, Chính phủ Ấn Độ đã phải áp dụng các biện pháp bảo vệ đặc biệt đối với bà Sonia Gandhi, vợ cố Thủ tướng Rajiv Gandhi và hai con của bà. Ngoài 3 cảnh vệ lấy từ lực lượng tình báo, 1 đội bảo vệ khác được huấn luyện kỹ càng cũng được tăng cường để bảo vệ an toàn cho gia đình bà. Những người lính này được tuyển lựa rất cẩn thận, không một cảnh vệ nào thuộc đội cảnh vệ cho Thủ tướng Rajiv Gandhi được tái sử dụng đủ thấy vấn đề này quan trọng tới mức nào.

*** Cục Tình báo Đối ngoại Ấn Độ dưới sự chỉ đạo tài tình của Nass Caw**

Theo giới chuyên môn, Cục Tình báo Đối ngoại mặc dù mới thành lập chưa đầy 3 năm, nhưng đã phát huy tác dụng to lớn trong cuộc chiến tranh Pakistan - Ấn Độ lần thứ ba

(năm 1971). Khi đó nhân viên của Cục Tình báo Đối ngoại ngoài việc báo cáo chính xác những tin tức tình báo có liên quan tới tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, cũng như việc đóng và di chuyển quân của phía Pakistan, còn kích động nhiều sĩ quan cao cấp trong quân đội Pakistan tạo phản, tổ chức huấn luyện vũ trang cho lực lượng chống đối Chính phủ tại Bangladesh để gây ra những cuộc bạo loạn quy mô lớn. Tất cả những công việc này của Cục Tình báo Đối ngoại không những góp phần quan trọng vào chiến thắng về quân sự của Ấn Độ trong cuộc chiến tranh năm 1971, mà còn giúp Bangladesh tuyên bố độc lập, tách ra khỏi Pakistan. Tháng 6-1975, sau khi nhận được tin tức tình báo: sắp xảy ra một cuộc đảo chính quân sự tại Bangladesh, ông Nass Caw đã bí mật bay sang thủ đô Dhaka để thông báo tin này cho Tổng thống Raheman, nhưng ông Raheman đã không tin vào tin này và hậu quả đã xảy ra - 2 tháng sau ông bị giết chết trong vụ đảo chính quân sự. Năm 1981, khi thăm Ấn Độ, tướng Qiya của Bangladesh đã nói với Thủ tướng Indira Gandhi rằng: "Ông Nass Caw còn hiểu đất nước Bangladesh hơn tôi". Sau khi kết thúc cuộc chiến tranh năm 1971, chiến tích của ông Nass Caw đã được Tư lệnh Lục quân Ấn Độ ca ngợi: "Nếu không có những tin tức tình báo của ông, quân đội chẳng biết tác chiến như thế nào". Kể từ đó tên tuổi của Cục Tình báo Đối ngoại cũng như của ông Nass Caw nổi như cồn. Bài học kinh nghiệm này đã được trường quân sự West Point, Mỹ, lấy làm giáo trình giảng dạy cho tới tận ngày hôm nay. Tên tuổi của ông Nass Caw còn được ghi vào cuốn "Những nhân vật đứng đầu Cơ quan Tình báo thế giới" do Phương Tây biên soạn. Mặc dù là một người quan trọng như vậy, nhưng ông Nass Caw rất hiếm

khi xuất hiện công khai, luôn lẫn tránh ống kính phóng viên và luôn đeo kính đen mỗi khi ra ngoài. Sau khi nghỉ hưu, ông cũng ít xuất hiện nơi đông người, không viết hồi ký. Tuy là một nhân vật bí hiểm, song ông là người đa tài, là một cao thủ trong lĩnh vực điều khắc.

Vị thế của Cục Tình báo Đối ngoại ngày một nâng cao, hiện nay nó thường xuyên cung cấp cho nội các Chính phủ Ấn Độ những kết quả phân tích, nghiên cứu mới nhất xung quanh lĩnh vực chính trị, quân sự, kinh tế... Những người lãnh đạo sau này của Cục Tình báo Đối ngoại đều tự xưng mình là con trai của ông Nass Caw.

MARKUS WOLF

VÀ CUỘC ĐỐI ĐẦU TÌNH BÁO ĐÔNG - TÂY ĐỨC

Markus Wolf - người Phương Tây gọi là “kẻ không có khuôn mặt” - là một trong những nhà tổ chức tài năng nhất của các Cục Tình báo Đông Đức. Ngành tình báo Cộng hòa Dân chủ Đức do ông lãnh đạo suốt hơn ba mươi năm là cơ quan năng động và tích cực nhất.

Tuy nhiên, chính những hiệu quả do ông đạt được trong quá trình hoạt động đã khiến ông phải lãnh án sáu năm tù vì tội “phản bội Tổ quốc” và hoạt động tình báo.



*** Tuổi thơ ở Moscva và niềm tin tưởng vững chắc vào chủ nghĩa xã hội**

Là con trai lớn của Elza (người Đức, theo Đạo Tin lành) và Fridrich Wolf (người Do Thái), Markus Wolf sinh năm 1923 tại thành phố nhỏ Hehingen. Cha ông là bác sĩ, say mê liệu pháp vi lượng đồng căn, ăn chay và rèn luyện thân thể, nhưng bên cạnh đó đã trở thành một nhà văn và nhà soạn kịch nổi tiếng. Bộ phim dựng theo vở kịch “Giáo sư Mamlok” kể về chủ nghĩa bài Do Thái và sự truy bức hăm hại người Do Thái

ở nước Đức phát xít được chiếu rất rộng rãi ở nước Nga và bản thân vở kịch cũng được diễn ở các nhà hát nhiều nước trên thế giới. Sau khi Hitler đoạt quyền lực vào tay, Fridrich Wolf đã phải chạy ra nước ngoài và sau một năm phiêu bạt đã cùng gia đình mình có mặt ở Moscva. Markus, được những người bạn Nga gọi là Misa, cùng cậu em trai Konrad học phổ thông ở Moscva, còn sau khi tốt nghiệp thì vào Học viện Hàng không. Tiếng Nga trở thành tiếng mẹ đẻ của ông. Markus lớn lên thành một người chống phát xít kiên định, tin tưởng vững chắc vào thắng lợi của chủ nghĩa xã hội. Năm 1943, ông được huấn luyện để ném vào làm điệp viên mật ở hậu phương của quân đội Đức. Nhưng nhiệm vụ bị bãi bỏ, và đến cuối chiến tranh Markus làm phát thanh viên và bình luận viên trên sóng phát thanh những chương trình chống phát xít. Ông vẫn làm công việc này cho đến khi tới Berlin vào năm 1945. Sau đó trong vòng một năm rưỡi ông làm công tác ngoại giao ở Moscva. Vì công việc này mà ông phải đổi quốc tịch Liên Xô sang quốc tịch Đức.

*** Cơ quan tình báo Đông Đức thành lập, Markus Wolf lãnh trách nhiệm chỉ huy**

Mùa hè năm 1951, Markus Wolf được triệu hồi về Berlin và được đề nghị, hay nói chính xác hơn là được lệnh theo ngạch đảng chuyển sang bộ máy cơ quan tình báo đã được thành lập. Đến lúc này ở Tây Đức cơ quan tình báo đã tồn tại được mấy năm - đó là tổ chức của Gehlen. Để đáp lại điều này, ngày 16 tháng 8 năm 1951, Viện Nghiên cứu Kinh tế được thành lập. Cái tên vô hại này được dùng để ngụy trang cho Cục Tình báo Chính trị Đối ngoại của Đông Đức. Ngày thành lập chính thức

của cơ quan này là mồng 1 tháng 9 năm 1951, khi tám người Đức và bốn cố vấn người Nga từ Liên Xô trong một cuộc họp chung đã xác định những nhiệm vụ của cơ quan này như sau: Tiến hành hoạt động tình báo chính trị, kinh tế và khoa học kỹ thuật tại Liên bang Đức, Tây Berlin và các nước NATO, cũng như chui sâu vào các cơ quan đặc biệt của Phương Tây. Nhiệm vụ sau cùng được trao cho ban do Wolf lãnh đạo.

Tháng 12 năm 1952, ông bất ngờ được Tổng bí thư Đảng Xã hội chủ nghĩa thống nhất Đức và là người đứng đầu thực sự của quốc gia là Valter Ulbricht mời gặp mặt. Ông này thông báo cho Markus Wolf về việc bổ nhiệm ông làm người lãnh đạo cơ quan tình báo. Markus vẫn chưa tròn ba mươi tuổi, kinh nghiệm hoạt động trong ngành tình báo của ông gần như bằng không. Nhưng bù lại ông xuất thân từ gia đình một nhà văn cộng sản nổi tiếng, có những quan hệ chắc chắn ở Moseva, và ông được người lãnh đạo tiền nhiệm của cơ quan tình báo Akkerman vừa từ chức vì “tình trạng sức khỏe” giới thiệu.

Wolf được bổ nhiệm không lâu trước cái chết của Stalin, trước những sự kiện ngày 17 tháng 6 năm 1953 và vụ bắt giam Beria, điều ở một mức độ không nhỏ đã ảnh hưởng đến số phận của cơ quan tình báo. Nó bị sát nhập vào hệ thống Bộ An ninh Quốc gia do Vollveber, sau đó là Milke lãnh đạo. Sau các sự kiện ngày 17 tháng 6 bắt đầu một luồng di tản ồ ạt từ Đông Đức. Trước năm 1957 có đến gần nửa triệu người rời bỏ Đông Đức. Trong đám đó người ta đã “tung” được một số đàn ông và phụ nữ được tuyển chọn đặc biệt, những điệp viên tình báo đã qua các khóa đào tạo đơn giản về các nguyên tắc bảo mật cơ bản và những nhiệm vụ họ sẽ phải làm. Một số trong đó buộc phải bắt đầu cuộc sống ở Phương Tây từ con số không, lao động

chân tay và bằng nỗ lực của bản thân tạo dựng sự nghiệp. Đối với các sinh viên và cán bộ khoa học, người ta dùng mọi cách để tìm kiếm vị trí làm việc trong các trung tâm khoa học quan trọng. Có những người thâm nhập vào các chức vụ liên quan đến bảo mật thông tin, hoặc có những người nắm giữ vị trí trọng yếu trong nền kinh tế. Việc cài điệp viên vào giới chính trị và quân sự gặp phải nhiều khó khăn. Những điệp viên này phải vượt qua sự kiểm tra quá phức tạp và không phải lúc nào cũng thành công. Có những cản trở khách quan như là tình trạng quá đủ ứng cử viên vào những vị trí đó ở Liên bang Đức.

* “Hoạt động gián điệp tình yêu”

“Felics” là điệp viên đầu tiên thành công. Theo vở bọc bên ngoài “Felics” là đại diện của một công ty cung cấp thiết bị cho phòng cất tóc thường xuyên có mặt tại Bonn, nơi có Tổng nha Thủ tướng Liên bang tọa lạc. Các nhà tình báo nói chung không dám mơ ước lọt được vào đó. “Felics” đã đánh bạo quyết định thử. Trong đám đông ở bến chờ ô tô buýt anh ta đã làm quen với một phụ nữ, về sau trở thành cơ sở đầu tiên trong Tổng nha. Dần dần họ trở thành tình nhân và “Norma” (biệt danh của chị) sinh cho anh ta một cậu con trai. Người phụ nữ không phải là điệp viên nhưng những gì chị kể lại giúp cho cơ quan tình báo hoạt động tích cực và có hệ thống hơn. Về sau “Felics” bị Cục Bảo vệ Hiến pháp (cơ quan phản gián Liên bang Đức) để ý. Phía Đông Đức buộc phải đưa anh trở về, còn “Norma” ở lại Tây Đức vì theo lời “Felics” là “cô ấy không thể hình dung được cuộc sống của mình ở Đông Đức. “Vụ Romeo” đầu tiên đã kết thúc như vậy. Sau đó còn có nhiều vụ tương tự

đã diễn ra. Tất cả những câu chuyện đó được người ta gọi là “hoạt động gián điệp tình yêu”.

Trong hồi ký *Trò chơi trên sân lạ* của mình, Markus Wolf viết rằng tình yêu, sự quyến luyến cá nhân với một nhân viên tình báo chỉ là một trong nhiều động lực thúc đẩy đối với những người hoạt động vì lợi ích của Cục, bên cạnh các chính kiến chính trị, sự ưa thích lý tưởng hóa, các lý do tài chính và thói hiếu danh không mẫn ý. Ông viết: *“Phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng lời khẳng định rằng Tổng cục Tình báo của tôi đã tung “điệp viên Romeo” thật để tấn công những nữ công dân vô tội Tây Đức, và họ nhanh chóng bắt đầu cuộc sống mới của riêng mình. Chẳng thể làm gì được với chuyện này, và từ đó cơ quan của tôi bị dính với câu chuyện úp mở về các chàng thợ “bẻ khóa trái tim” và bằng cách này khai thác những bí mật của chính phủ Bonn”*. Người ta viết rằng có hẳn bộ phận chuyên đào tạo “Romeo”. “... Sự tồn tại của một ban như vậy, - Wolf viết tiếp, - đúng chỉ là chuyện hoang đường, cũng như cái ban không có thật trong cơ quan MI-5 của người Anh mà người ta đồn rằng chuyên sáng chế và thử nghiệm những phương tiện hỗ trợ mới nhất cho điệp viên 007”. Tiếp đó Markus cũng lưu ý rằng sự xuất hiện của “bản đức Romeo” là có khả năng bởi vì phần lớn những điệp viên được tung sang Phương Tây là đàn ông độc thân - đối với họ người ta dễ thêu dệt những câu chuyện bịa đặt và điều kiện để thích nghi hơn.

Dưới đây mấy ví dụ về “hoạt động gián điệp tình yêu”.

Điệp viên “Felics” đã trở về Đông Đức. Anh ta thông báo về một cô Gudrun nào đó là nữ thư ký độc thân trong bộ máy của Ngoại trưởng Globke. Cô ta là người có thể bị mua chuộc

bởi một người đàn ông lựa chọn đúng. Nhằm mục đích này người ta đã chọn Herbert S. (bí danh là “Astor”), phi công - vận động viên thể thao, từng là thành viên của Đảng Công nhân Xã hội Dân tộc. Điều kiện sau cùng là lý do rất tốt để anh ta “đào tẩu” khỏi Đông Đức. Anh ta đã đến Bonn, làm quen được nhiều người, trong đó có cô Gudrun. Cô ta, thậm chí khi chưa được tuyển mộ đã cung cấp thông tin về những người và sự kiện xung quanh Thủ tướng Alenauer, về các cuộc tiếp xúc của Gehlen với Thủ tướng và với Globke. “Astor” đã tuyển mộ được Gudrun, tự nhận mình là điệp viên Liên Xô. Sự chú ý của đại diện đặc biệt một cường quốc lớn khiến Gudrun mất lòng, và cô ta bắt đầu làm gián điệp một cách nhiệt thành. Tiếc rằng bệnh của tình đã khiến cơ quan tình báo phải gọi anh ta trở về và mối liên hệ bị cắt ngang.

Giám đốc một nhà hát nổi tiếng từ Saksonia là Roland G. đã đến Bonn để làm quen với cô Margarita là một tín đồ Kito giáo nên nếp làm việc trong Tổng Hành dinh khối NATO. Anh ta tự nhận là phóng viên người Đan Mạch tên là Kai Petersen, nói tiếng Đan Mạch âm sắc nhẹ. Tiếp cận với Margarita, anh ta “thú nhận” mình là sĩ quan tình báo quân sự Đan Mạch. “Đan Mạch là một nước nhỏ bị coi nhẹ trong NATO nên không được chia sẻ thông tin. Em cần phải giúp chúng tôi”. Cô gái đồng ý, nhưng thú nhận rằng cảm thấy lương tâm cắn rứt với tính chất tội lỗi trong quan hệ. Để trấn an cô, người ta đã bài binh bố trận để một nhân viên Cục Tình báo lập tức học một ít tiếng Đan Mạch (với khối lượng cần thiết) và lên đường sang Đan Mạch. Anh ta tìm được một nhà thờ thích hợp và tìm hiểu lịch hoạt động của nó. Roland và Margarita cũng đến đó. Vào một ngày đẹp trời, khi ngôi nhà thờ vắng người,

“linh mục” đã nghe Margarita xưng tội, anh ta an ủi tâm hồn cô và chúc phúc để cô tiếp tục giúp đỡ bạn mình và “đất nước nhỏ bé của chúng tôi”. Sau này Roland G. phải trở về vì bắt đầu có nguy cơ bại lộ, Margarita đồng ý tiếp tục cung cấp thông tin cho một “người Đan Mạch” khác, nhưng không lâu sau hứng thú của cô không còn: cô hoạt động chỉ vì một người đàn ông duy nhất.

Đầu những năm 1960, tại Paris, sĩ quan tình báo Herbert Z. mang mật danh “Krans” đã làm quen với cô Gerda O. hai mươi chín tuổi. Cô làm việc trong một ban của Bộ Ngoại giao “Telko”, nơi giải mã và chuyển tiếp điện tín của tất cả các sứ quán của Tây Đức. “Krans” tỏ tình với Gerda và tiến tới hôn nhân. Với mật danh “Rita” cô bắt đầu hoạt động cho chồng. Vốn là người dũng cảm và mạo hiểm, cô đã bình thản nhét đầy băng điện tín vào chiếc túi to tướng rồi mang đến cho “Krans”. Ba tháng liền cô làm nhân viên mật mã tại Washington, và nhờ cô mà tình báo Đông Đức nắm được tình hình quan hệ Mỹ-Đức. Đầu những năm 1970, “Rita” bị chuyển đến làm việc tại sứ quán Tây Đức tại Varsava. “Krans” với vỏ bọc của mình buộc phải ở lại Tây Đức. “Rita” đã yêu một chàng phóng viên là nhân viên của Cục Tình báo Liên bang và thú nhận toàn bộ sự việc với anh này. Nhưng trước đó cô thông báo qua điện thoại cho “Krans”. Anh đã kịp trốn thoát về Đông Đức.

Theo yêu cầu của Wolf, các sĩ quan tình báo Ba Lan tại sân bay trước khi “Rita” lên đường về Bonn đề nghị cô tị nạn chính trị tại Ba Lan. Cô có dao động trong khoảnh khắc nhưng rồi vẫn lên máy bay. Tại Bonn cô thành khẩn khai báo mọi thông tin về hoạt động cho tình báo Đông Đức của mình và về “Krans”.

Nhưng anh chàng điệp viên đúng là người “không thể kháng cự”. Anh ta lại kiếm được một phụ nữ khác về sau nhận mật danh “Inga”. Cô biết tất cả về anh, lại còn đọc được bài báo về vụ “Rita” kèm ảnh của “Krans”. Bất chấp tất cả, cô đã tích cực hoạt động, khá nhanh chóng kiếm được một vị trí tại Bonn, tại Tổng nha Thủ tướng Liên bang, và trong suốt nhiều năm đã cung cấp cho tình báo Đông Đức những thông tin chất lượng hàng đầu. “Inga” mơ ước được chính thức lấy “Krans” làm chồng, nhưng ở Tây Đức điều này không thể được. Họ quyết định tiến hành kết hôn tại Đông Đức. Người ta cấp cho “Inga” giấy tờ mang tên họ thời con gái và tại một ủy ban vùng giáp biên giới họ đã chính thức hóa quan hệ vợ chồng. Sự thật là trang đăng ký kết hôn của họ đã bị thu và hủy, mà đôi vợ chồng không thể biết được vào thời gian đó.

Năm 1979, Cục Phản gián Tây Đức đã giáng những đòn nặng nề vào hoạt động tình báo của Đông Đức. Mười sáu điệp viên bị bắt. Rất nhiều người, trong đó có “đôi vợ chồng” này phải trốn về Đông Đức. Một số họ tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân và bắt đầu cuộc sống gia đình bình thường.

Nhưng hoạt động tình báo vẫn tiếp diễn hiệu quả với việc sử dụng những biện pháp truyền thống, cũng như “hoạt động gián điệp tình yêu”. (Cụm từ “biện pháp truyền thống” ý nói đến hoạt động tình báo thông thường của dân ông).

Những năm 50 là thời kỳ hoạt động của nhóm Kornbrenner do một cựu nhân viên SD - Cục An ninh Quốc xã đứng đầu. Đây có lẽ là trường hợp duy nhất khi cơ quan tình báo Đông Đức sử dụng một cựu thành viên Quốc xã tích cực.

Một trong những điệp viên thành công là Adolf Kanter (mật danh là “Fichtel”). Anh được cài vào nhóm thân cận với

một chính khách trẻ là thủ tướng tương lai Helmut Kol. Quả thật là sự đi lên của anh trong hàng ngũ những người ủng hộ Kol chấm dứt vì lời buộc tội vô lý về sử dụng tiền quyền góp không có mục đích mà về sau cũng thanh minh được. Nhưng với nhóm của Kol anh giữ được các mối quan hệ tốt đẹp. Năm 1974, anh trở thành phó ban đại diện tại Bonn của doanh nghiệp Flik và không chỉ chuyển các thông tin về mối liên hệ của đại doanh nghiệp với chính trị, mà bản thân cũng có ảnh hưởng đến sự phân chia những khoản “quyên góp” kénh xù.

Năm 1981, khi ở Bonn xảy ra vụ bê bối lớn liên quan đến những khoản tiền “quyên góp” này, tình báo Đông Đức, để bảo vệ cơ sở của mình, đã không chuyển tư liệu cho các phương tiện thông tin đại chúng Tây Đức, mặc dù cơ quan này nắm được rất nhiều bí mật về vụ này. Sau vụ bê bối, ban đại diện tại Bonn bị giải thể, nhưng Kanter vẫn giữ được các quan hệ của mình trong bộ máy đảng và chính phủ Tây Đức và tiếp tục chuyển tin về cho tình báo Đông Đức. Mãi đến năm 1994, Kanter mới bị bắt và bị kết án hai năm tù treo. Rõ ràng là việc anh đã không khai ra nhiều chuyện về cuộc sống của giới chính khách Bonn đã có tác dụng.

Markus Wolf gọi điệp viên “Freddy” của mình là “đầu mối hết sức quan trọng” (ông không bật mí tên thật của điệp viên này) trong nhóm thân cận của Willi Brandt. Điệp viên này đã hoạt động hết sức hiệu quả nhưng vào cuối những năm 1960 đã chết vì đột quỵ.

Một trong các nguồn cung cấp thông tin quan trọng nhất của tình báo Đông Đức là Gunter Gyom có tên tuổi đã đi vào lịch sử (xem bài viết về ông).

Cuối cùng là nhà nữ tình báo xuất sắc Gabriella Hast - người phụ nữ duy nhất trong cơ quan tình báo Tây Đức đã nắm được một chức vụ lãnh đạo với vai trò nhà phân tích về Liên Xô và Đông Âu. Chính bà là người soạn trình lên thủ tướng báo cáo tổng hợp từ các nguồn thông tin khai thác được. Bản sao thứ hai của những bản báo cáo này cuối cùng sẽ nằm trên bàn Markus Wolf. Năm 1987, bà được chỉ định làm phó ban phụ trách khối Phương Đông của Cục Tình báo Liên bang Đức. Năm 1990 bà bị bắt, được trả tự do năm 1994.

Nhiều khi nhiệm vụ của Markus Wolf mở rộng ra ngoài phạm vi chỉ đạo hoạt động ngành tình báo. Ông tham gia vào các cuộc thương lượng bí mật với các nhà hoạt động chính thức và cao cấp của Tây Đức. Ví dụ với Bộ trưởng Tư pháp Frisch Seffer là người có tư tưởng thống nhất hai nước Đức. Hoặc (qua trung gian) tiếp xúc với Bộ trưởng phụ trách các vấn đề chung nước Đức trong nội các của Thủ tướng Alenauer là Ernsto Lemmer. Các cuộc tiếp xúc chính trị bí mật cũng được duy trì với thủ tướng lãnh địa Bắc sông Rein - Westfalli là Heinz Kun và đại diện của đảng SDPG trong Thượng viện Bonn là Frish Erler. Phân tích các quá trình diễn ra trong nội bộ NATO, hay những thông báo về các kế hoạch của “những con điều hâu” Washington đã tỏ ra rất có ích lợi.

Để có thêm bạn hữu trong giới chức cao cấp ở Bonn, Markus Wolf sử dụng rất nhiều biện pháp khác nhau. Chẳng hạn để thiết lập các mối tiếp xúc với nhà hoạt động nổi danh trong lực lượng vũ trang Đức là người về sau hoạt động với mật danh “Ulius”, Wolf đã tổ chức cho ông ta một chuyến đi dọc dòng sông Volga, sau đó ghé thăm ngôi nhà nhỏ của một dân chài vùng ngoại ô Volgograd, nơi trong một bầu không khí hết

sức thoải mái, trong tiếng đàn baian, với món mì đặc sản Nga, rượu vodka, trứng cá hồi và những câu chuyện của người dân chài đã mất hai con trai ngoài mặt trận, họ đã tìm được tiếng nói chung.

* “Người không có mặt” lộ mặt

Markus Wolf đã nhận được ở Phương Tây biệt hiệu “Kẻ không có khuôn mặt”, bởi vì suốt hai mươi năm ông ở cương vị giám đốc cơ quan tình báo Đông Đức, Phương Tây chưa có được một tấm ảnh nào của ông. Chỉ do sự phản bội và đào tẩu sang phía Tây của một nhân viên tình báo là đại úy Stiller, điều này mới bị lộ. Chuyện xảy ra là trong thời gian sang Thụy Điển, Wolf đã bị chụp ảnh như “một nhân vật đáng ngờ”. Bức ảnh này được đặt giữa nhiều bức ảnh khác cho Stiller nhận diện và tất nhiên anh ta nhận ra ngay được sếp của mình. Hậu quả là một nhân vật tên là Kremer đã bị bắt giữ vì đã gặp gỡ với Wolf tại Thụy Điển. Người này bị coi là một gián điệp quan trọng vì được đích thân lãnh đạo tối cao của cơ quan tình báo gặp mặt. Nhưng anh ta hóa ra không phải là gián điệp mà chỉ là một chiếc cầu nối đến một người cần thiết khác. Nhưng điều đó không giúp ích gì cho Kremer, và anh ta vẫn bị kết án.

Nhiều năm liền đã diễn ra cuộc đấu tay đôi của Markus Wolf với giám đốc Cục Tình báo Liên bang của Tây Đức là “viên tướng xám” Gehlen. Cuộc đối đầu diễn ra với những thành tựu lúc thì thuộc bên này lúc thuộc bên kia. Gehlen đã tung sang, hay nói chính xác hơn là tuyển mộ điệp viên trong nhiều cơ quan trọng yếu của Đông Đức, kể cả những cơ quan đảng - chính phủ. Còn điệp viên của Wolf thì đã chui sâu vào những nơi bí mật nhất của Cục Tình báo Liên bang và NATO.

Cả hai đều phải chịu đựng những tên đao ngũ và phản bội. Và cả hai đều cho rằng mình phục vụ vì lợi ích dân tộc Đức.

Gehlen bị bãi chức năm 1968 và mất năm 1979.

Wolf thì tự nguyện từ chức năm 1983 ở tuổi 60. Ông không lập tức về hưu ngay mà phải mất đến gần ba năm để bàn giao công việc cho người kế nhiệm là Verner Grossman. Ngày 30 tháng 5 năm 1986 là ngày làm việc cuối cùng của ông, nhưng ngày chính thức ra đi là 27 tháng 11 năm 1986.

Wolf không còn bận rộn với công tác. Trước tiên ông thực hiện mơ ước của em trai đã mất của mình hoàn thành bộ phim "Điểm ba" nói về số phận những con người trong thời niên thiếu ở Moseva của họ. Mùa xuân năm 1989, bộ phim được đồng thời chiếu cả ở Tây Đức và Đông Đức đã gây chú ý của người xem. Trong phim tác giả luận bàn một cách gay gắt về những mặt khuất của Chủ nghĩa Xã hội, đòi cởi mở, đòi được trao đổi ý kiến một cách dân chủ và chấp nhận những tưởng khác.

Sau khi bức tường Berlin sụp đổ, Markus Wolf đến với chị gái Lena ở Moseva, để lao động sáng tạo nghệ thuật. Nhưng khi quay trở về Đức ông lại rơi vào bầu không khí xung đột căng thẳng. Sự khao khát báo thù của nhiều người tập trung chĩa vào các cơ quan an ninh quốc gia và những đại diện tiêu biểu của nó là Milke và Wolf.

Mùa hè năm 1990, điều luật được soạn thảo cùng với hiệp định thống nhất về đại xá cho nhân viên cơ quan tình báo Đông Đức bảo vệ họ không bị truy tố không được thông qua. Từ ngày thống nhất, tức là từ ngày 3 tháng 10 năm 1990, Wolf có nguy cơ bị bắt. Ông đã viết thư cho Bộ trưởng Ngoại giao Tây Đức, cũng như cho Willi Brandt thông báo không định đi

tân và sẵn sàng cho việc xem xét tất cả các cáo buộc đối với ông trong những điều kiện minh bạch. “Nhưng vào cái mùa xuân Đức năm 1990 đó các điều kiện minh bạch đã không được đặt ra”, Wolf nhớ lại.

Cùng vợ, ông sang Áo. Từ đó, vào ngày 22 tháng 10 năm 1990, ông viết thư cho Gorbachov. Trong thư nói:

“Mikhail Sergeievich thân mến!

... Các nhân viên tình báo Đông Đức đã làm được nhiều điều vì nền an ninh ngành tình báo của Liên Xô, và những nhân viên tình báo hiện nay đang bị truy bức và hăm hại khắp nơi là những người đã từng cung cấp luồng thông tin liên tục, đáng tin cậy và có giá trị. Người ta gọi tôi là “biểu tượng” hay “từ đồng nghĩa” của công tác tình báo hiệu quả. Rõ ràng là vì những thành tích của chúng tôi mà các đối thủ hiện nay đang muốn trừng trị, đóng đinh câu rút tôi, như người ta đã viết...”.

Tiếp theo trong bức thư của mình, Wolf yêu cầu Gorbachov trong thời gian thăm Đức sắp tới hãy đặt vấn đề về số phận những người bạn - nhà tình báo, những trợ tá đang bị người ta đối xử tồi tệ hơn cả tù binh chiến tranh.

Bức thư kết thúc với những lời như sau:

“Ngài, Mikhail Sergeirvich, hãy hiểu cho, rằng tôi đấu tranh không chỉ cho bản thân, mà cho nhiều người, cho những người vì họ trái tim tôi đau đớn, và vì những người mà tôi cảm thấy mình mang nặng trách nhiệm”.

Nhưng “Mikhail Sergeievich thân mến” không chỉ không có giải pháp nào mà còn không trả lời thư.

Từ Áo, Wolf và vợ đã đến Moscva. Nhưng tại đây ông cũng cảm thấy rằng trong điện Cremlin có nhiều ý kiến khác nhau

liên quan đến sự có mặt của ông tại Liên Xô. Một mặt, quá khứ của ông buộc họ có trách nhiệm cho ông một nơi ẩn náu, nhưng mặt khác người ta cũng không muốn làm hỏng quan hệ với nước Đức.

*** Bị bắt và bị truy tố vì tội “phản bội Tổ quốc”**

Sau thất bại của cuộc bạo động “lố lăng” tháng 8 năm 1991, Wolf trở về Đức và chia sẻ gánh nặng trách nhiệm đang đặt lên vai người kế nhiệm và các đồng chí cùng công tác của mình. Ngày 24 tháng 9 năm 1991, ông vượt biên giới Áo - Đức, Chánh Công tố viên đã chờ ông sẵn. Vào ngày hôm đó ông bị giam vào một xà lim đơn với hai lớp chấn song của nhà tù thành phố Carlsruhe. Sau mười một ngày ông được thả với khoản tiền bảo đảm rất lớn do bạn bè gom góp.

Bắt đầu quá trình sơ thẩm kéo dài và nặng nề, còn sau đó là phiên tòa xét xử Markus Wolf. Cả ông lẫn những người có đầu óc lạnh mạnh khác trước tiên hết sức phẫn nộ bởi bản thân sự kiện truy tố ông trước pháp luật của những người làm việc vì lợi ích của một quốc gia tồn tại hợp pháp của mình, một quốc gia là thành viên của tổ chức Liên Hiệp Quốc. Thậm chí các đối thủ cũ của ông cũng lấy làm ngỡ vực và khó hiểu.

Cựu giám đốc Cục Tình báo Liên bang là H. Hellebroit tuyên bố: “Vụ án chống Wolf theo tôi là đi ngược lại Hiến pháp. Wolf hoạt động tình báo là do sự ủy thác của quốc gia thời đó...”.

Bộ trưởng Tư pháp Kinkel: “Trong liên hiệp Đức không có người chiến thắng và cũng không có người bại trận”.

Viện Tư pháp Berlin theo luật pháp quốc tế đã chứng

minh một cách có cơ sở nghi vấn liên quan đến các cáo buộc chống những nhân viên tình báo.

Tuy vậy phiên tòa vẫn diễn ra. Ngày 6 tháng 12 năm 1993, Markus Wolf bị kết án sáu năm tù giam nhưng được thả ra với số tiền bảo đảm rất lớn. Mùa hè năm 1995, tòa án Hiến pháp Liên bang thông qua quyết định trong vụ án Verner Grossman, tuyên bố các sĩ quan tình báo của Đông Đức ở Tây Đức không thuộc diện bị truy tố vì tội phản bội Tổ quốc và hoạt động tình báo. Trên cơ sở đó, Viện Tư pháp Liên bang đã hủy bỏ cả bản án của tòa án Dusseldorf đã tuyên bố đối với Markus Wolf.

Thủ trưởng cũ của cơ quan tình báo Đông Đức vẫn tiếp tục cuộc đấu tranh đòi phục hồi quyền cho những người vẫn còn đang chịu sự truy bức vì làm việc cho Đông Đức.

Điều thú vị là Markus Wolf - “kẻ không có khuôn mặt” - trong cuộc đời đã trở thành nhân vật của một tiểu thuyết trinh thám. Năm 1960, những chiến công của ông đã khiến anh nhân viên trẻ của Intelligence Service là David Cornwell ngưỡng mộ. Dưới bút danh là John Le Carre, anh đã xây dựng hình tượng nhân vật Carl nổi tiếng, nhà lãnh đạo cơ quan tình báo của những người cộng sản, con người học thức và quyền rũ chuyên hút thuốc hiệu “Navy Cate”.

NGUYỄN TÀI

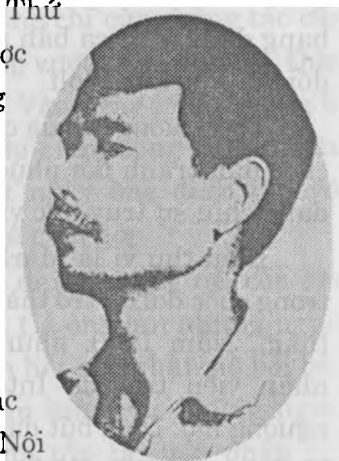
CUỘC ĐỐI MẶT VỚI CIA

Giữa năm 2002, 76 tuổi, nguyên Thứ trưởng Bộ Công an Nguyễn Tài đã được tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân (LLVTND), sau nhiều thăng trầm đã được tôn vinh xứng đáng.

Nguyễn Tài sinh năm 1926 tại Xuân Cầu, Văn Giang, Hưng Yên. Thừa hưởng truyền thống của gia đình và quê hương, ông đã sớm giác ngộ cách mạng và năm 1944 tại Hà Nội gia nhập Đoàn Thanh niên Cứu quốc. Một năm sau ông được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương.

Ông là một trong những người có công đặt nền móng đầu tiên cho ngành An ninh Cách mạng Việt Nam. Những người thầy đầu tiên của ông về nghiệp vụ quân sự cũng như công tác an ninh là các đồng chí Lê Đức Thọ, Võ Nguyên Giáp, Hoàng Văn Thái...

Tháng 9-1945, Nguyễn Tài được phân về Sở Liêm phóng Bắc Bộ và nhanh chóng được giao chức trưởng phòng Công an Khu đặc biệt Hà Nội. Vừa học vừa làm, vừa tích lũy kinh



nghiệm, ông đã đóng góp nhiều công lao to lớn vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chín năm.

Năm 1958, khi mới 32 tuổi, ông đã giữ một chức vụ vô cùng quan trọng trong ngành công an Việt Nam: Cục trưởng Cục Bảo vệ chính trị. Cái tên này đối với người dân thật mơ hồ, nhưng công việc của những người ở cơ quan này là đập tan mọi hoạt động mang tính bí mật của các thế lực nhằm chống lại Nhà nước xã hội chủ nghĩa. 32 tuổi mà ông đã được giao một trọng trách lớn lao như vậy. Năm 1964, ông xung phong vào chiến trường miền Nam. Việc đi chiến trường của ông được người ta kể lại như một huyền thoại rằng, chính Bác Hồ đã gặp ông trước khi đi và Bác Hồ gửi một bức điện vào chiến trường miền Nam với nội dung: Chú Nguyễn Tài là tài sản quý của Đảng, mọi người phải bảo vệ chú. Đồng chí Lê Duẩn gặp ông tại nhà riêng vào một buổi tối và nói với ông về Cách mạng miền Nam và sẽ làm gì khi ta giải phóng. Việc đi chiến trường là do ông xung phong. Hồi đó, ông là cán bộ miền Bắc có chức cao nhất trong ngành công an đi chiến trường.

Ông Nguyễn Tài là con trai nhà văn nổi tiếng Nguyễn Công Hoan. Nhưng ông không theo nghiệp cha. Có người bảo ông là một cán bộ an ninh bẩm sinh. Ông hoàn toàn không đồng ý nhận xét này. Ông bảo chẳng ai sinh ra lại được trời phú cho nghề an ninh. Hồi Cách mạng Tháng Tám, ông được Đại tướng Võ Nguyên Giáp giao cho làm báo *Nước Nam Mới*. Nhưng hình như ông chẳng mặn mà với nghề chữ nghĩa này cho lắm. Sau Cách mạng Tháng Tám, cấp trên phân công ông làm công tác trong ngành công an, ông đã lưỡng lự. Ông nói ông không thích nghề này vì nhiều người trong gia đình ông trước đó bị mất



Nhà văn Nguyễn Công Hoan

thăm Pháp bắt bớ. Nhưng cấp trên nói với ông là công an cách mạng chỉ vì dân vì nước. Và thế là ông chấp thuận.

Ông Nguyễn Tài bị bắt ngày 23-12-1970 trên đường đi công tác. Nhiều người sau đó nghi ông Bầy Sết, người lái chiếc ghe chở ông Nguyễn Tài đi công tác, đã phản bội, chỉ điểm cho địch bắt ông. Sau giải phóng, ông đã tìm

gặp Bầy Sết và minh oan cho ông ấy, và đề nghị chính quyền làm chế độ hưu cho Bầy Sết. Khi bị bắt, ông đã khai mình là Nguyễn Văn Hợp, đại úy thuộc Cục Nghiên cứu miền Bắc. Ông được đưa vào miền Nam để xã hội hóa và chờ khi chiến tranh kết thúc sẽ di Pháp để hoạt động lâu dài. Nhưng rồi CIA Mỹ đã lần ra lý lịch thật của ông. CIA đã phát hiện ra ông là con trai nhà văn Nguyễn Công Hoan, làm Cục trưởng Cục Bảo vệ chính trị. Biết ông đã từng đi công tác nước ngoài với Bác Hồ, chúng đã đưa cho ông xem một bức ảnh chụp Bác Hồ đi thăm đền Borubodour ở Nam Dương. Đứng sau Bác Hồ là một người trẻ đeo kính đen, đó là ông Nguyễn Tài. Và chúng biết những chức vụ ông nắm giữ trong thời gian ở Sài Gòn - Gia Định. Chúng biết cả ông Lê Văn Lương (tên thật là Nguyễn Công Miêu) là chú ruột ông. Việc CIA biết khá rõ về ông là vì một số cán bộ cấp dưới của ông đã đầu hàng và phản bội cách mạng. Lúc đầu chúng hỏi ông có thích đọc tiểu thuyết tiền chiến không? Rồi hỏi ông có đọc văn Nguyễn Công Hoan không? Và đưa cho ông mượn cuốn *Nhà văn Việt Nam hiện*

đại của Vũ Ngọc Phan trong đó có in ảnh cha ông để thăm dò phản ứng của ông. Nhưng là một cán bộ an ninh nhà nghề, những trò chơi nghiệp vụ như vậy đối với Cục trưởng Nguyễn Tài quả là một trò chơi xoàng. Trong bài phỏng vấn đăng trên báo *L'Express* sau ngày miền Nam giải phóng, Frank Snepp, nhân viên CIA đã từng hỏi cung ông, viết: *"Vì ông ta (Nguyễn Tài) không chịu nổi sự lạnh lùng cho nên người ta đã tống ông ta vào một xà lim của bộ máy của những người có thể lực để thổi một luồng không khí lạnh vào trong đó, nhưng ông ta không chịu khuất phục. Tôi đã phát hiện ra một điểm yếu khác trong ông. Trong những năm 50, ông đã muốn chứng tỏ lòng trung thành của mình với cấp trên bằng cách từ bỏ cha đẻ của ông, một nhà văn tên tuổi trên văn đàn Việt Nam. Khi mà ta hiểu rõ sự tôn kính gia đình trong con người Việt Nam, ta mới mừng tượng ra vết thương lòng đau đớn này... Có thể nói rằng ông ta đã không làm tròn đạo lý. Và vết thương này có thể làm thay đổi con người ông ta"*. Khi được hỏi vì lý do gì mà Frank Snepp lại nói như vậy khi nhà văn Nguyễn Công Hoan là nhà văn cách mạng nổi tiếng, người đã chiến đấu không mệt mỏi bằng ngòi bút của mình cho những người lao động, ông trả lời rằng đó là sự xuyên tạc. Ông nói sự thật cha ông như thế nào thì mọi người đều biết. Trong một số cuộc hỏi cung ở số 3 Bạch Đằng, Frank có đề cập đến cuốn *Đống rác cũ* và nói tại sao có người lại phê phán cuốn ấy ghê thế để kích động và phân hóa ông. Nhưng Frank nói riêng và CIA nói chung đã thất bại. Thời gian đó, CIA hứa với ông nếu ông xác nhận đầy đủ về bản thân mình thì chúng sẽ cấp cho ông 20 triệu và một biệt thự ở Thụy Sĩ để ông sang đó sinh sống nếu ông không muốn trở về miền Bắc. Sau này vì một số lý do, ông

đã thừa nhận mình là Đại tá Tư Trọng, phục vụ trong Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam (MTDTGPMNVN). Tháng 11-1971, ông Trần Bạch Đằng thừa lệnh cấp trên viết một lá thư nhân danh mặt trận để đặt vấn đề với phía Mỹ trong việc trao đổi ông Nguyễn Tài với một tù binh là sĩ quan tình báo Mỹ trước khi ký kết Hiệp định Paris. Bức thư này được giao cho một trung sĩ Mỹ bị ta bắt, được phóng thích mang về Sài Gòn. Trong cuốn hồi ký nhan đề *Decent Interval* của Frank Snepp thì giữa MTDTGPMNVN và CIA đã bí



*Đồng chí Nguyễn Tài và vợ
chụp ảnh kỷ niệm
trước phòng giam ở số 3,
đường Bạch Đằng*

mật dàn xếp một cuộc trao đổi tù binh đặc biệt vào cuối năm 1971. Frank viết: “Nguyễn Tài, người mà họ đã từng coi là quá quan trọng để đánh đổi lấy Ramsey năm 1971, nay phải thấy là cái tài sản hấp dẫn nhất nằm trong tay Sài Gòn, như họ đã từng rêu rao như thế... để không ai còn có thể chống lại cái quyết định trước đây tức là không đem người này (Nguyễn Tài) ra đổi lấy một sĩ quan ngoại vụ”. Sau này, cố Bộ trưởng Bộ Công an Trần Quốc Hoàn nói với ông làm thế là một hình thức ngăn cản Mỹ - ngụy có thể thủ tiêu ông. Vì lúc đó, việc trao đổi tù binh khó có thể thực hiện được. Và sau hơn bốn năm trong phòng biệt giam chịu đủ đòn tra tấn thể xác cũng như tinh thần, tình báo ngụy và CIA đã không thể nào khuất phục được ông.

Cũng trong cuốn *Decent Interval* của Frank Snepp có

đoạn: “*Ngay trước khi xe tăng Bắc Việt Nam tràn vào Sài Gòn, một quan chức cao cấp của CIA đã gợi ý với nhà chức trách Sài Gòn rằng, tiện nhất là cho y biến mất. Bởi vì Tài là một tay khùng bốc kinh nghiệm, nên khó có thể mong đợi y là một người thắng trận rộng lượng. Người Nam Việt Nam đồng ý. Tài bị đưa lên một máy bay và ném xuống biển Nam Hải từ độ cao mười ngàn bộ. Đến đây, thì ông ta đã trải qua hơn bốn năm bị biệt giam trong một phòng sơn trắng toát, và cũng chưa khi nào xác nhận một cách đầy đủ mình là ai cả*”. Đây là kế hoạch thủ tiêu ông mà CIA đã bàn với chính quyền Sài Gòn. Frank nghĩ ông đã chết mất tích trên biển. Nhưng kế hoạch thủ tiêu ông đã không thực hiện được vì lúc đó Sài Gòn đã hoàn toàn rối loạn trước sự tấn công như vũ bão của quân đội ta, không đủ bình tĩnh và thời gian để đưa ông lên một chiếc trực thăng bay ra biển Đông để thủ tiêu ông. Sau này khi biết được kế hoạch CIA nhằm thủ tiêu ông thì ông nhớ lại bữa cơm ngày 26 tháng 4 năm 1975. Khi ông bưng bát canh dưa lên, ông thấy có mùi lạ. Ông đã bỏ bữa cơm vì sợ bệnh đường ruột. Có lẽ do tình cờ vậy mà ông đã thoát chết chẳng?

Sau khi ra khỏi tù, ông trở về tiếp tục công tác tại Bộ Công an với chức vụ Thứ trưởng. Và rồi ông bị đình chỉ công tác vì có một tài liệu nào đó nói ông đã bị CIA sử dụng cùng với những đoạn lập lờ thiếu logic trong cuốn hồi ký của Frank Snepp. Đúng về nguyên tắc của tổ chức thì việc ông không được công tác ở Bộ Công an là đúng. Nhiệm vụ của tổ chức phải xác minh nguồn tin này. Tổ chức không thể để một Thứ trưởng Bộ Công an đang có nghi vấn bị CIA sử dụng làm việc. Sau đó ông được điều về công tác tại Ủy ban Pháp luật Nhà nước, rồi

làm Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan... và về hưu năm 1992. Sau chiến tranh, trường hợp hư hư thực thực của một số cán bộ bị địch bắt như ông không phải hiếm. Nhưng với ông, một trường hợp đặc biệt vì chức vụ cực kỳ quan trọng mà ông đang nắm giữ lúc bấy giờ. CIA cũng như nhiều cơ quan tình báo nào đó cũng có những trò chơi nghiệp vụ của họ. Nếu họ không sử dụng được một nhân vật quan trọng nào đó thì họ tìm cách vô hiệu hóa nhân vật đó.

Nhưng ông đã không hề khủng hoảng tinh thần, vẫn với tính cách và bản lĩnh của mình, ông bình tĩnh và bền bỉ bảo vệ nhân cách trong sáng và sự trung thành với dân tộc của ông trong những năm tháng biệt giam. Chính vì thế mà năm 2002, nguyên Cố vấn Võ Văn Kiệt đã đề nghị với Nhà nước phong tặng ông danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân với hai lý do: *Trung kiên bảo vệ Cách mạng trong nhà tù Mỹ - ngụy và dũng cảm bảo vệ nhân cách trong sáng của một đảng viên trước nhân dân.*

Hoàng Lê

Theo An ninh thế giới, cuối tháng 8-2002

WILLIAM JOSEPH DONOVAN

NGƯỜI LÃNH ĐẠO CỤC CHIẾN LƯỢC TÌNH BÁO MỸ

Dưới sự chỉ huy của W. J. Donovan (1883-1959), các điệp viên hoàn toàn không phải là các nhà tình báo chuyên nghiệp - họ là nhà khoa học, giáo sư, nhà văn, nhà báo, chuyên viên kỹ thuật,... thậm chí là những tên lừa đảo, những tay đầu gấu, ... - đã sáng tạo ra những phương pháp hoạt động tình báo và phá hoại độc đáo, mà các nhà tình báo chuyên nghiệp không thể tưởng tượng nổi.



*** Cơ quan tình báo Mỹ trước chiến tranh chỉ là...**

Theo đánh giá chính thức, trước năm 1941, nước Mỹ chưa có cơ quan tình báo thống nhất. Ngoại trưởng Mỹ Dean Acheson nói: “Trước Thế chiến Thứ hai, con số nhân viên làm nhiệm vụ tổng hợp thông tin trong Ngoại vụ Mỹ không vượt quá con số mười người. Tiến bộ trong công nghệ thu thập thông tin so sánh với năm 1770 có khác chăng chỉ là sự ra đời của máy chữ và máy điện báo”. Tuy vậy, cũng phải thừa nhận rằng nước Mỹ thực sự đã có được gần như toàn bộ những thông tin cần thiết. Thông tin được tập hợp bởi các đại sứ

quán, ban tùy viên Quân sự và Hải quân, nhưng chủ yếu vẫn từ các trùm tư bản tài chính và công nghiệp hùng mạnh với những mạng lưới cơ quan tình báo riêng rải khắp toàn cầu đã thu thập được những thông tin cần thiết không chỉ cho các ông chủ mà cả cho chính phủ Mỹ. Nói cách khác là chưa có một cơ quan chuyên môn để tập hợp, phân tích và trình bày dưới hình thức thuận tiện cho sử dụng để trình lên cấp lãnh đạo tối cao của đất nước.

Khi nước Mỹ sửa soạn tham chiến, Tổng thống Roosevelt quyết định thành lập cơ quan tình báo trung ương đứng trên tất cả các cơ quan tình báo hiện có. Việc này bị giới lãnh đạo nhiều cơ quan tình báo khác nhau chống đối, đặc biệt là Bộ Hải quân. Nhưng Roosevelt không nao núng. Ngày 11 tháng 7 năm 1941 ông chỉ định luật sư New York, đại tá, sau này là thiếu tướng William Joseph Donovan soạn thảo dự án thành lập tổ chức đó. Trong cuốn sách của mình là *Hoạt động tình báo - chìa khóa phòng vệ*, Donovan nhớ lại lời Tổng thống Roosevelt đã nói với ông vào ngày hôm đó: “Anh sẽ bắt đầu hoàn toàn từ đầu là rất tốt. Bởi vì nước Mỹ chưa có cái gọi là một cơ quan tình báo”.

*** Đơn phương độc mã nhưng về đích đầu tiên trong thành công vang dội**

William Donovan sinh tại thành phố Buffalo trong một gia đình công chức người Ireland theo Thiên Chúa giáo. Vợ ông theo đạo Tin lành. Tính cách khá khắt khe, nghiêm ngặt. Bạn bè thường gọi ông là “Bill Hoang Dại”. Là một luật sư nổi tiếng - tín đồ Thiên Chúa giáo và theo phe Cộng hòa, bằng cách nào đó ông đã trở thành bạn thân và là nhân vật

tin cậy của Franklin Roosevelt, một người Dân chủ và theo đạo Tin lành. Trước chiến tranh, Roosevelt đã phái ông sang Anh để dàn xếp quan hệ hợp tác với người Anh, và tiện thể theo dõi hoạt động của đại sứ Mỹ là Joseph Kennedy, một người Ireland theo Thiên Chúa giáo ở một mức độ nào đó tỏ ra có thiện cảm với quân Đức, là những kẻ ủng hộ nền độc lập của Ireland. Chúc vạ mà Donovan được chỉ định vào ngày 11 tháng 7 năm 1941 ban đầu được gọi là “Người phối hợp cơ quan tình báo”. Nhưng bất chấp lệnh của Tổng thống gửi tất cả các cơ quan chính phủ yêu cầu cung cấp cho Donovan thông tin mang tính chiến lược và chiến thuật, viên đại tá đã vấp phải sự chống đối ra mặt, sự không thông hiểu, sự ghen ghét của những người đại diện cho quyền lợi hẹp của các cơ quan và họ đã cản trở khiến công việc của ông gần như không thể thực hiện nổi. Thông tin do Ngoại Vụ viện, Quân đội và Hạm đội Hải quân cung cấp cho ông chẳng thể sử dụng vào mục đích gì. Những người có kinh nghiệm hoạt động tình báo trước yêu cầu đề nghị chuyển sang làm việc cho Donovan đều từ chối. Khi đó ông bèn chuyển hướng hành động và mời làm việc toàn những người ngoài cuộc, chưa hề hoạt động tình báo bao giờ như nhân viên các công ty, nhân viên các ngân hàng, luật sư, giáo sư các trường đại học, thậm chí là các linh mục.

Tháng 6 năm 1942, theo lệnh của Tổng thống Roosevelt, Cục Thông tin quân sự được thành lập, còn sau đó là Cục Chiến lược do Donovan đứng đầu. Có ba nhiệm vụ được đặt ra cho ông là: tiếp tục thu thập những thông tin khoa học và phi chính thức; tiến hành tuyên truyền phá hoại; hoạt động phá hoại (có sự phối hợp của quân đội). Như vậy, do vấp phải

sự chống đối của giới lãnh đạo Quân đội, Hải quân và Ngoại Vụ viện, Roosevelt và Donovan đã xây dựng được một cơ quan tình báo riêng rất mạnh hoạt động lấn át cả những tổ chức tình báo khác. Donovan nhận được những nguồn tiền rất lớn (chẳng hạn vào năm 1940 toàn bộ chi phí của quân đội Mỹ cho hoạt động tình báo gồm hai trăm bốn mươi nghìn đô la, mà riêng Cục Chiến lược của Donovan trong năm 1945 được cấp ngân sách lên tới năm mươi chín triệu đô la). Lúc này Donovan đã có thể mời những chuyên gia cao cấp, nhà khoa học, giáo sư trong tất cả các lĩnh vực khoa học hiện đại, các nhà văn, nhà báo, nhạc công, các chuyên viên kỹ thuật, thợ lành nghề và thậm chí cả những tên lừa đảo chuyên nghiệp và những tay “đầu gấu”... làm việc cho mình. Tiền cũng như tình cảm trách nhiệm đối với Tổ quốc đóng vai trò quyết định. Trong thời hạn ngắn ngủi, Donovan đã tập hợp được một đạo quân gồm mười lăm nghìn điệp viên thực hiện nhiệm vụ do ông giao ở tất cả các nước trên thế giới. Điều thú vị là tất cả những con người này không phải là các nhà tình báo chuyên nghiệp, đã sáng tạo ra những phương pháp hoạt động tình báo và phá hoại độc đáo của riêng mình, mà những gián điệp chuyên nghiệp thường bị gò bó bởi thói quen, nguyên tắc và bệnh quan liêu thậm chí không thể tưởng tượng ra nổi.

Các tướng lĩnh thuộc quân đội và Hạm đội Hải quân, các đô đốc và quan chức ngoại giao thuộc Ngoại Vụ viện đến cuối cuộc chiến tranh đã buộc phải thừa nhận rằng tổ chức của Donovan “đã vượt xa họ và đến đích đầu tiên”. Riêng cơ sở của Cục Chiến lược đặt tại Bern do Allen Dulles chỉ đạo đã khai thác lượng thông tin về nước Đức phát xít nhiều hơn

khối lượng thông tin do cả quân đội, Hạm đội Hải quân và Ngoại Vụ viện thu thập được. Ngoài ra, Dulles, như người ta biết, không chỉ hoạt động tình báo. Ông này còn duy trì mối quan hệ với Vatican, và với trùm tư bản độc quyền lớn nhất ở Đức là Krupp, một trong những nhân vật đứng đầu Đệ Tam Quốc xã Himmler, với lãnh đạo cao nhất của ngành tình báo Đức là Sellenberg. Thông qua nhà tình báo - nhà ngoại giao Nhật Bản Fudzimuru, ông ta chuyển thông điệp đến chính phủ Nhật Bản rằng “nước Mỹ sẵn sàng bắt đầu đàm phán về hòa bình vào bất cứ thời điểm nào để tước quyền bỏ phiếu của Liên Xô về vấn đề Trung Quốc”. Hơn thế nữa, ông ta còn thông báo cho người Nhật một trong những quyết định bí mật của Hội nghị Yalta về việc Liên Xô tham gia vào cuộc chiến tranh chống Nhật. Khi đó chính Dulles đã khuyên Roosevelt và Donovan không tiếc tiền của và sức người để làm suy yếu ảnh hưởng của Liên Xô và Anh tại các nước Đông Âu, biến Hungari và Ba Lan thành tiền đồn chống chủ nghĩa cộng sản trong tương lai. Năm 1943-1945, Donovan đã tổ chức thành công các chiến dịch tung gián điệp vào hậu phương của đối thủ ở Pháp, Italia, Miến Điện, Thái Lan, Algieri và các nước khác. Tiếc rằng rất nhiều gián điệp nhảy dù xuống Tiệp Khắc đã không có cơ hội sống sót.

*** Nga - Mỹ hợp tác thành công trong lĩnh vực tình báo**

Cuối năm 1943, Roosevelt đã tán thành đề nghị của Donovan về việc bắt đầu hợp tác với tình báo Xô Viết. Trước Giáng sinh năm 1943, Donovan bay sang Moseva. Ngày 25 tháng 12, ông ta cùng với đại sứ Harriman được Molotov tiếp. Donovan kể cặn kẽ về Cục Chiến lược, về các nhiệm vụ, chức

năng và hoạt động cụ thể của ông ta ở hàng loạt các nước, trong đó có các nước vùng Balcan. Sau đó Donovan gặp gỡ với người đứng đầu cơ quan tình báo nước ngoài Finitin. Kết quả các cuộc đàm phán được trình lên Stalin. Stalin đồng ý việc trao đổi đại diện và hoạt động hợp tác của cơ quan tình báo Xô Viết với Cục Chiến lược của Mỹ.

Trở về Mỹ, Donovan gửi đến tất cả các phòng ban chỉ thị về việc:

“Cục chiến lược có thể cung cấp cho Nga thông tin tình báo giá trị, hữu ích cho đất nước đang tiến hành cuộc chiến tranh chống Đức”. Đại diện Liên Xô ở Cục chiến lược là đại tá Graur và thành viên trong phái đoàn của ông đã sẵn sàng bay sang Mỹ. Đột nhiên ngày 16 tháng 3 năm 1944 từ Mỹ có một bức điện do Roosevelt gửi cho Harriman yêu cầu tạm hoãn vô thời hạn việc trao đổi các đoàn đại biểu. Quyết định đó được thông qua theo yêu cầu khẩn khoản của giám đốc FBI là E. Guver, người cho rằng mục đích của ủy ban An ninh Quốc gia Liên Xô (KGB) là thâm nhập vào các cơ quan nhà nước của Mỹ. Donovan thực sự tức giận vì sự can thiệp của Guver nhưng Tổng thống không thay đổi quyết định. Mặc dù vậy cuộc tiếp xúc giữa hai cơ quan tình báo vẫn được ấn định, nhưng thông qua người lãnh đạo phái đoàn đại diện quân sự của Mỹ tại Liên Xô là thiếu tướng J.P. Din.

Trong thời gian hợp tác giữa hai cơ quan tình báo, phía Mỹ đã cung cấp những thông tin chính trị và quân sự đặc biệt



*Tổng thống Mỹ
Franklin Roosevelt
nhiệm kỳ 1933-1945*

có giá trị trong những năm chiến tranh, gồm: tin về tình hình tại Đức và các nước bị chiếm đóng, các bản tổng hợp tin tình báo về các vấn đề riêng rẽ, bản tổng kết phân tích khả năng của nền công nghiệp Đức; đánh giá tình hình trong giới lãnh đạo quốc xã của Đức, thông tin về tình hình Hungari, Rumani và Bungari. Trong thời gian diễn ra các cuộc đàm phán, Donovan phát biểu nguyện vọng muốn trao đổi tài liệu về máy móc kỹ thuật cho hoạt động phá hoại, nhưng ông chỉ cung cấp được một cuốn danh mục có ảnh minh họa loại vũ khí và máy chuyên dụng khiến các chuyên gia quan tâm. Gói hàng thứ hai của người Mỹ là mẫu các thiết bị nhỏ dùng cho vi phim do Cục Chiến lược làm ra nhưng không sử dụng được vì các mẫu này được chế tạo bởi trình độ tay nghề quá thấp. Về phần mình, tình báo Xô Viết đã chuyển cho đối tác các báo cáo về tình hình quân đội Đức, tình trạng vũ trang, đánh giá tương lai chính trị của nước Đức; thông tin về các nhà máy hóa chất bí mật tại Đức và Ba Lan chuyên sản xuất chất độc; về nhà máy ngầm ở Svinemunde; về trạm thử nghiệm tên lửa tại Merzeburg; về tình hình Bungari với đánh giá tình thế chính trị bên trong nước này. Tháng 5 năm 1944, theo yêu cầu của Donovan, người ta đã chuyển cho ông ta thông tin về các bộ máy và phương pháp phá hoại, đặc biệt là về kinh nghiệm sử dụng mìn nổ chậm và về các khảo sát tìm tòi hoàn thiện phương tiện phá hoại. Năm 1944 - đầu năm 1945, tình báo Xô Viết đã giúp đỡ các đồng nghiệp Mỹ rất nhiều trong việc làm sáng tỏ số phận của một số nhóm điệp viên Mỹ nhảy dù xuống Tiệp Khắc và của những phi công lái máy bay đã bị giết ở đó. Toàn bộ những thông tin do tình báo Xô Viết cung cấp được phía Mỹ đánh giá rất cao.

Tháng 7 năm 1945, sau khi chiến tranh kết thúc, Donovan thông báo cho Fitin về việc người ta đã bắt giữ tại Áo chỉ huy mạng lưới tình báo ở các nước vùng Balcan là Huttler - kẻ “mong muốn gây bất đồng ý kiến giữa Liên Xô với Mỹ, sẵn sàng chuyển giao toàn bộ phần còn lại của mạng lưới tình báo đang tồn tại cho Mỹ để sử dụng chống người Nga”. Donovan đề xuất việc thảo luận các giải pháp phối hợp nhằm xóa bỏ mạng lưới của Huttler và thông báo đã giao nhiệm vụ này cho trợ lý của mình là Allen Dulles. Vào tay Dulles, công việc vượt khỏi tầm kiểm soát của Donovan và bị ngừng lại. Donovan tìm cách cố làm được điều gì đó, kiên trì yêu cầu gặp riêng Fitin nhưng không được. Còn trong thời gian đó Dulles cùng với chỉ huy cơ quan tình báo của quân đội là tướng Siberto đã tiến hành những cuộc thương lượng với người đứng đầu cơ quan tình báo của Hitler ở mặt trận phía Đông là tướng Gehlen về các hoạt động phối hợp chống người Nga. Chống lại đề xuất của Donovan còn có cả nhóm liên minh chỉ huy các bộ tham mưu. Họ cho rằng nhất thiết phải “thảo luận vấn đề nên hay không nên hợp tác với các sĩ quan Đức không thuộc Đảng Quốc Xã để thu thập tin tức tình báo về tiềm lực và các dự định của người Nga”. Hoạt động hợp tác giữa tình báo Xô Viết và Mỹ kết thúc ở vụ Huttler.

*** Lại cô độc một mình**

Donovan còn lại một mình đơn độc. Tổng thống Roosevelt mất ngày 12 tháng 4 năm 1945, còn Tổng thống mới là Truman lại là người giữ lập trường chống Liên Xô kịch liệt. Thậm chí không thể nói đến chuyện hợp tác tiếp tục với tình báo Xô Viết. Rõ ràng Donovan rất tiếc. Ông ta viết trong một

bức thư thể hiện sự ủng hộ “bầu không khí hợp tác hữu nghị” gửi Fitin như sau: *“Tôi tin tưởng rằng thành công đã đạt được bấy lâu trong sự nghiệp chung của chúng ta chứng tỏ rằng chúng ta có thể là những đồng minh trong các hoạt động hợp tác, ít ra là trong lĩnh vực tình báo”*.

Sau khi thắng Nhật, ngày 20 tháng 9, Truman ra lệnh giải tán Cục chiến lược. Tướng Donovan xin từ chức và trở về với nghề luật sư ở thành phố New York.

Hoạt động tình báo thời kỳ này lại được trao về dưới sự điều khiển của các chủ nhân cũ của nó là Ngoại Vụ viện và Bộ Quốc phòng. Không bao lâu sau đó, ngày 15 tháng 9 năm 1947, Tổng thống Truman ký Luật về An ninh Quốc gia và lại một lần nữa thống nhất ngành tình báo làm một và chính thức đặt bước khởi đầu cho việc thành lập Cục Tình báo Trung ương Mỹ.

MƯỜI HƯƠNG

MỘT HUYỀN THOẠI CỦA TÌNH BÁO VIỆT NAM

Cậu bé Trần Ngọc Ban được cha cho đi học chữ Nho từ khi còn nhỏ. Thầy dạy của Ban chính là đồng chí Nguyễn Đức Quý, Bí thư Tỉnh ủy Hà Nam, người đã giác ngộ Trần Ngọc Ban và đưa cậu đến với Cách mạng. Với cậu, chủ nghĩa xã hội là một cái gì đó thật tuyệt vời, lung linh huyền ảo. Hồi đầu khi mới tham gia một số nhiệm vụ, Mười Hương không hề ý thức được khả năng thiên phú của mình trong lĩnh vực tình báo và cũng chưa khi nào nghĩ rằng mình lại trở thành một nhân viên tình báo. Ấy vậy mà câu chuyện về cuộc đời hoạt động tình báo của ông đã trở thành huyền thoại.



* Tuổi thơ và những bước khởi đầu

Trần Ngọc Ban (tên thật của nhà tình báo Mười Hương) sinh ra trong một gia đình có thế lực ở Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Tiếng là tư sản, nhưng cha ông, nhà thầu khoán Trần Ngọc Tân, lại mang nhiều nét chất phác, cần kiệm của người nông dân Bắc Bộ. Cậu bé Trần Ngọc Ban được cha cho đi học chữ

Nho từ khi còn nhỏ. Thầy dạy của Ban chính là đồng chí Nguyễn Đức Quý, Bí thư Tỉnh ủy Hà Nam, người đã giác ngộ Trần Ngọc Ban và đưa cậu đến với Cách mạng. Với cậu, chủ nghĩa xã hội là một cái gì đó thật tuyệt vời, lung linh huyền ảo. Mới 14, 15 tuổi, Ban đã tích cực tham gia phong trào Thanh niên dân chủ. Học hết lớp nhất tại trường tiểu học Phủ Lý, Trần Ngọc Ban chuyển lên Hà Nội nhập học ở trường dòng phố Nhà Chung. Thời gian này anh đổi tên là Hương (sau này khi vào Nam công tác, anh mới được gọi là Mười Hương), nhiệt tình tham gia phong trào Hướng đạo và Hội truyền bá quốc ngữ. Học được hơn hai năm, đến năm 1941 thì Mười Hương bị bắt vì tội treo cờ Cộng sản và rải truyền đơn kêu gọi ủng hộ Hồng quân Liên Xô. Mười Hương bị tổng giam vào Hỏa Lò hơn một năm, sau đó bị đem ra xét xử tại tòa án binh của Pháp. Do chưa đến tuổi thành niên, mặt khác, anh trai Mười Hương cũng là một nhà thầu khoán có quan hệ rộng đã bỏ tiền lo lót cho em, anh được trả tự do. Mười Hương được phóng thích có mang theo một lá thư của chi bộ trong tù giới thiệu anh với Ban thường vụ Trung ương. Mười Hương được sắp xếp cho đi học một lớp chính sách mới tại Bắc Ninh, sau đó anh được cử về công tác tại Ban cán sự Phúc Yên. Ở trên đó một thời gian thì đồng chí Trường Chinh rút Mười Hương về An toàn khu.

Bối cảnh thế giới lúc đó hết sức phức tạp, phát xít Đức đã nuốt chửng hàng loạt nước Châu Âu và đang dồn sức tấn công Liên Xô. Nước Pháp sụp đổ và chia rẽ, De Gaulle phải lưu vong sang nước Anh lập chính phủ kháng chiến. Mười Hương được đồng chí Trường Chinh đặc trách giao cho việc giao thiệp với những người Pháp thuộc phái De Gaulle ở

Đông Dương nhằm tranh thủ cảm tình của họ đối với phong trào dân tộc ở thuộc địa. Trong đội ngũ lính lê dương của Pháp có một chi bộ Cộng sản của những người thuộc đảng Xã hội do một người Đức tên là Frey làm đại diện. Mười Hương đã tiếp cận được với Frey và khai thác được khá nhiều tin tức hữu ích. Sau đó, anh còn tổ chức thành công cuộc gặp giữa đồng chí Trường Chinh với nhóm những người Xã hội Pháp (trong đó có Caput, Chánh thanh tra học chính Bắc Kỳ, vốn là Bí thư đảng Xã hội Pháp tại Đông Dương, Frey, Borchers, Seyberlych và Thiếu tá Auriol, đại diện của tướng Mordant, chỉ huy quân đội Pháp ở Bắc Kỳ), để bàn về sự hợp tác tiến tới thành lập mặt trận chung chống phát xít. (Sau này Frey và Borchers đã rời bỏ hàng ngũ, đi theo những người Việt Nam kháng chiến chống Pháp, Borchers lấy tên Việt là Chiến Sĩ, còn Frey trở thành đại tá Quân đội nhân dân Việt Nam Nguyễn Dân).

Hà Nội vừa giành chính quyền thành công, đồng chí Nguyễn Lương Bằng giao cho Mười Hương việc tổ chức ra báo *Cờ giải phóng* của Đảng. Mười Hương cũng là một trong những người đóng góp tích cực trong thành công của buổi lễ Tuyên ngôn độc lập của Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, phụ trách vấn đề an ninh bảo vệ.

*** Bất ngờ trở thành nhân viên tình báo**

Kháng chiến bùng nổ, Trung ương lập G.L.A (Giao thông-Liên lạc-An toàn khu), đảm trách nhân khẩu báo chí, duy trì thông tin liên lạc từ Trung ương đi các chiến khu. Mười Hương về công tác tại bộ phận này từ năm 1946 đến 1948. Năm 1949, cuộc đời ông rẽ sang một bước ngoặt mới. Trên thực tế, một số

nhệm vụ Mười Hương làm trước đó đã ít nhiều mang màu sắc tình báo nhưng ông không hề ý thức được khả năng thiên phú của mình trong lĩnh vực này và cũng chưa khi nào nghĩ rằng mình lại trở thành một nhân viên tình báo. Tình cờ một lần ông Trần Hiệu, Phó tổng giám đốc Nha Công an phụ trách tình báo gặp Mười Hương và lập tức nhận ra đây chính là người mà ông cần. Trần Hiệu bèn xin Mười Hương về với mình và được đồng chí Trường Chinh chấp thuận.

Sau một thời gian dài đi biệt phái, lăn lộn dưới các địa phương, Mười Hương nhận được một bức điện của Trung ương với nội dung: “Về ngay Văn phòng Trung ương”. Khi đó quân đội viễn chinh Pháp đã bị đánh quỵ tại trận Điện Biên Phủ, Hiệp định Giơnevơ mang lại hòa bình cho Đông Dương sắp được ký kết. Ông vội vã thu xếp công việc, lên đường trở về chiến khu Việt Bắc.

Xuất phát từ yêu cầu nhệm vụ của phong trào cách mạng miền Nam, đồng chí Lê Đức Thọ xin Trung ương biệt phái một cán bộ công tác địch hậu và người này phải có khả năng tranh thủ được giới trí thức tầng lớp trên. Xét thấy Mười Hương phù hợp với nhệm vụ này, đồng chí Trường Chinh xin ý kiến của Bộ Chính trị, Hồ Chủ tịch và nhận được sự đồng tình ủng hộ. Hai đồng chí Trường Chinh và Phạm Văn Đồng gặp, trao nhệm vụ cụ thể cho Mười Hương. Đích thân Bác Hồ cũng dự cuộc gặp quan trọng này. Mười Hương gấp rút về sửa soạn chờ ngày lên đường. Ông ở nhà mấy hôm với vợ cùng cô con gái út và không khỏi suy nghĩ nhiều về trách nhệm người chồng, người cha. Ông không thể tiết lộ công việc của mình dù ngay cả với những người thân yêu nhất. Ông chỉ nói với người vợ rất đỗi yêu quý rằng mình sắp đi công tác xa một thời gian.

Vừa chân ướt chân ráo vào đến nơi, đang lo lạ nước lạ cái, Mười Hương gặp ngay ông Phan Trọng Tuệ, Tư lệnh Quân khu 9, từng là bạn tù với nhau trước kia. Ngoài ra, Xứ ủy Nam Kỳ, ông Lê Toàn Thư cũng tỏ ra tâm đầu ý hợp với Mười Hương khiến ông vững dạ. Ông bắt đầu vào việc ngay với hai ông Mai Chí Thọ và Cao Đăng Chiếm. Công việc đầu tiên là mở lớp huấn luyện tình báo, học viên chủ yếu tuyển lựa trong lực lượng công an. Thấm thoát 6 tháng trôi qua, khóa huấn luyện đã kết thúc và cũng đến lúc Mười Hương phải quay ra Bắc. Nhưng đồng chí Lê Đức Thọ nói: “Xứ ủy xin anh ở lại, anh tính sao?”. Mười Hương trả lời: “Nếu Trung ương đồng ý thì tôi sẽ ở lại”. Vấn đề được trên chấp thuận, Mười Hương được phân công vào Ban Định tình Xứ ủy, tiếp tục mở các lớp huấn luyện nghiệp vụ tình báo góp phần phục vụ cho yêu cầu của phong trào cách mạng.

*** Những học viên xuất sắc của nhà tình báo Mười Hương**

Vũ Ngọc Nhạ

Sau khi đã ổn định chỗ đứng trong vai một giáo viên dạy tư tại Sài Gòn, Mười Hương tìm cách bắt liên lạc lại với Vũ Ngọc Nhạ, người mà ông đã gây dựng từ trước khi vào Nam. Sau khi ký kết Hiệp định Giơnevơ, làn sóng giáo dân di cư vào Nam bắt đầu, những đơn vị quân đội Pháp cũng lần lượt rút đi. Đây thực sự là cơ hội tốt để có thể cài người của ta vào tìm hiểu tình hình bên kia giới tuyến. Vũ Ngọc Nhạ hồi đó đang là lính công binh trong quân đội Pháp, đồng thời cũng có chân trong Thị ủy thị xã Thái Bình. Mười Hương đã qua ông Nghĩa, Bí thư tỉnh Thái Bình để gây dựng Vũ Ngọc Nhạ, ém mình chờ thời chuẩn bị cho những kế hoạch lâu dài. Mười Hương suy xét

kỹ tình hình và thấy rằng, mặc dù Mỹ đổ tiền của vào dựng lên chính quyền Ngô Đình Diệm nhưng không phải đã nắm được tất cả, đặc biệt là các phe phái tôn giáo. Thiên Chúa giáo ở miền Nam bị chia rẽ sâu sắc, giám mục Lê Hữu Từ ở giáo xứ Phát Diệm là người của Pháp nhưng Phạm Ngọc Chi, giáo xứ Bùi Chi lại thân Mỹ. Anh em Ngô Đình Diệm muốn kéo Lê Hữu Từ về với mình nhưng ông ta không chịu nên xứ đạo Bình An bị Diệm - Nhu o ép cực khổ đủ bề. Theo gợi ý của Mười Hương, Vũ Ngọc Nhạ vốn là giáo dân đã khôn khéo chiếm được thiện cảm của Lê Hữu Từ và trở thành người đại diện của vị giám mục này trong việc giao thiệp với chính quyền Ngô Đình Diệm. Với vị thế sẵn có, Vũ Ngọc Nhạ dần dần gây được ảnh hưởng đối với anh em Diệm - Nhu, để rồi trở thành “Ông cố vấn” thân cận của chế độ gia đình trị của anh em nhà Ngô Đình Diệm. Ông đã triệt để khai thác những mâu thuẫn trong nội bộ chính quyền Diệm, cũng như những mâu thuẫn giữa chính quyền với các phe phái khác, lập những chiến công xuất sắc mà chúng ta đã biết qua tác phẩm *Ông cố vấn* của nhà văn Hữu Mai.

Lê Hữu Thúy

Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Mười Hương còn có một chiến sĩ điệp báo xuất sắc khác là Lê Hữu Thúy (tức Lê Nguyên Vũ), hoạt động trong lưới tình báo chiến lược H10-A22. Lê Hữu Thúy là một minh chứng hùng hồn cho quan điểm về lợi dụng, khai thác mâu thuẫn trong lòng kẻ địch của nhà tình báo Mười Hương. Cũng là một trí thức gốc Bắc di cư vào, Lê Hữu Thúy có một số bạn bè hiện đã nắm giữ những chức vụ quan trọng trong chính quyền Ngô Đình Diệm. Qua Huỳnh Văn Trọng, Đồng Lý Văn phòng Bộ Nội vụ Chính phủ

Ngô Đình Diệm, với vốn trí thức quảng bác và năng lực bẩm sinh của một chiến sĩ tình báo, Lê Hữu Thúy đã giành được thiện cảm của Tổng trưởng Nội vụ Huỳnh Văn Nhiệm. Nhiệm tin cậy, cử Lê Hữu Thúy làm “công cán ủy viên” của Bộ Nội vụ liên lạc với các phe Bình Xuyên, Cao Đài, Hòa Hảo theo “chức phận” của mình, Lê Hữu Thúy đã chiếm được lòng tin tuyệt đối của thủ lĩnh Bình Xuyên Bảy Viễn và tướng Hòa Hảo Năm Lửa. Năm Lửa tin và nể phục tài năng của Lê Hữu Thúy đến mức phong ông làm cố vấn đặc biệt cho mình. Lê Hữu Thúy đã “khích” cho các tổ chức Cao Đài, Bình Xuyên, Hòa Hảo bất hòa với Diệm. Năm Lửa, Bảy Viễn đồng loạt từ chức, rút lui khỏi chính phủ, thành lập “Mặt trận thống nhất toàn lực quốc gia” chống Diệm. Anh em nhà họ Ngô đã phải mất hai năm trời, hao tổn rất nhiều tiền của và binh lực mới tạm dẹp yên được những viên tướng nổi loạn. Ý đồ chiến lược của Trung ương đã thành công, trong khi Diệm lo bình định các phe phái cát cứ, Cách mạng miền Nam đã có đủ thời gian, điều kiện xây dựng và củng cố lực lượng, đưa phong trào đấu tranh lên một tầm cao mới.

Phạm Ngọc Thảo

Tìm hiểu kỹ con người Ngô Đình Diệm, Mười Hương đã khuyên Phạm Ngọc Thảo nên lợi dụng chiêu bài “tinh thần yêu nước và chính nghĩa quốc gia” của Ngô Đình Diệm để tiếp cận Ngô Đình Diệm. Quả nhiên bằng cách này, Phạm Ngọc Thảo đã chiếm được thiện cảm đặc biệt của Diệm. Diệm hết sức trọng dụng, cử Phạm Ngọc Thảo làm tỉnh trưởng Bến Tre với những đặc quyền trước nay chưa từng dành cho ai. Diệm tín nhiệm gửi ông ra nước ngoài học tập. Phạm Ngọc Thảo đã chui sâu, leo cao trong chính quyền

ngụy Sài Gòn. Ông đã tiến hành cuộc đảo chính tháng 2 năm 1965 nhằm lật đổ Nguyễn Khánh nhưng bất thành, ông bị bắt và bị địch sát hại.

Phạm Xuân Ẩn

Một thành công nữa của nhà tình báo Mười Hương là đã gây dựng được một điệp viên vô cùng lợi hại ngay trong văn phòng đại diện của tuần báo *Time* tại Sài Gòn. Mười Hương nhớ năm 1946, Bác Hồ có nói với đồng chí Trường Chinh rằng, nhà báo là người rất có thể lực. Nhà báo có thể tiếp xúc với bất kỳ hạng người nào trong xã hội, kể cả gặp tổng thống cũng không phải việc khó khăn và nhờ đặc thù nghề nghiệp có thể nắm được rất nhiều thông tin. Hồi đó, Hai Trung (tên thật là Phạm Xuân Ẩn) đang làm thư ký trong một công sở. Ông rất thông minh, giỏi tiếng Anh và thường đi làm phiên dịch cho người Mỹ, rất được người Mỹ quý mến, tín nhiệm. Ký ức về câu chuyện của Hồ Chủ tịch năm nào đã gợi cho Mười Hương một ý tưởng táo bạo. Ông đề nghị Hai Trung đi Mỹ học nghề báo để phục vụ yêu cầu của cách mạng. Từ Mỹ trở về, Hai Trung vào làm việc cho Văn phòng đại diện của tuần báo *Time* ở Sài Gòn. Với vị thế hết sức thuận lợi, Hai Trung có cơ hội tiếp xúc với nhiều nhân vật thuộc giới chóp bu của cả Mỹ và ngụy quyền. Chính ông là người nắm được và thông báo kịp thời cho Trung ương những chuyển hướng chiến lược quan trọng của Mỹ - ngụy như chiến tranh đặc biệt, chiến tranh cục bộ, Việt Nam hóa chiến tranh, để trên kịp thời điều chỉnh, giáng những đòn chí mạng, bẻ gãy mưu đồ thâm hiểm của chính quyền ngụy và quan thầy Mỹ.

* Bị phản bội và bị bắt

Tháng 6 năm 1958, Mười Hương không may rơi vào tay bọn mật vụ của gia đình họ Ngô. Tai họa khởi nguồn từ việc một cán bộ tập kết tên là Tam được trên bí mật phái từ Bắc vào phối hợp hoạt động trong mạng lưới tình báo chiến lược do Mười Hương phụ trách. Khi đi qua Quảng Trị, Tam bị đám đặc vụ của Ngô Đình Cẩn bắt. Không chịu nổi đòn tra tấn, Tam đã sớm chiêu hồi và khai hết mục đích chuyển về Nam của y. Tam bị khống chế, hợp tác với Cẩn, trở thành một con bài trong ván cờ mà Cẩn sắp đặt. Tam vào Sài Gòn đúng theo kế hoạch, không một ai trong các đồng chí của y phát hiện ra sự phản bội và y đích thực là một con rắn độc trong hàng ngũ. Tuy nhiên, qua một số biểu hiện bất bình thường, với linh cảm của người chỉ huy tình báo phải sống giữa bầy sói, luôn phải đối phó với bao cạm bẫy nguy hiểm xung quanh và cái chết thường trực, Mười Hương đã cảm nhận có điều gì bất ổn ở con người này. Đã có lúc, ông toan báo cáo cấp trên và cắt liên lạc với y nhưng những biểu hiện trên lại chưa đủ xét đoán và kết tội một con người, hơn nữa từ khi Tam vào cũng chưa xảy ra chuyện gì nghiêm trọng. Mười Hương quyết định theo dõi Tam thêm một thời gian, ông tự nhủ từ nay phải thận trọng hơn và ông đã phải trả giá cho sự trù trừ của mình.

Bằng đi một dạo, do nhu cầu công việc nên Mười Hương vẫn phải gặp Tam. Ông hẹn gặp y song vẫn cảnh giác đề phòng. Cuộc hẹn thứ nhất được ấn định tại một địa điểm ở Bà Chiểu, nhưng Mười Hương không đến. Cơ sở báo cáo lại rằng có thấy Tam tới chờ khá lâu, mãi mới lui thủi quay về, cũng không thấy ai lảng vảng xung quanh khu vực này. Cuộc hẹn thứ hai diễn ra tại một cây xăng thuộc quận Phú Nhuận,

lần này người không đến là Tam. Sau hai lần hẹn mà không gặp được nhau, Mười Hương cho Tam biết ông sẽ gặp y ở một nhà cơ sở tại Gò Vấp. Đó là một căn nhà nằm sâu trong ấp, khá kín đáo. Mặc dù 9 giờ mới tới giờ hẹn, nhưng Mười Hương đến điểm hẹn lúc 8 giờ. Ông đảo qua một vòng, thấy âm hiệu đúng, không thấy động tĩnh gì khả nghi. Đúng giờ, Tam xuất hiện. Mười Hương hỏi: “Sao lần trước hẹn gặp mà anh không đến?”. Tam lấy cớ bận bạch nhưng trông mất rất thiếu tự nhiên. Mười Hương nhận ra rất nhanh đằng sau vẻ lúng túng của y đang che giấu âm mưu gì đó. Ông chìa cho Tam mấy tờ báo: “Gặp nhau ở chỗ này e không tiện, hẹn anh ở cây xăng lần trước”. Dứt lời, ông sai bước. Vừa ra tới đường, thành linh một tiếng còi lạnh lạnh huyết lên, bốn năm gã lực lưỡng nấp sẵn ủa tới trối quặt tay ông ra sau lưng, rồi choàng lên mắt ông một cặp kính tròn đen đã bị sơn kín. Mười Hương bị tổng vào một chiếc xe bịt bùng và chạy thẳng. Tuy không nhìn thấy gì, song qua tiếng gió khi xe chạy qua cầu, Mười Hương nhận thấy chúng đưa ông ra ngoại ô. Xe đổ xích, bọn mặt vụ chẳng nói chẳng rằng đẩy Mười Hương vào một gian nhà tồi tàn, sập cửa lại, bên ngoài có một tên ôm súng gác. Ông nhận ra đó là khu nhà kho của thủ lĩnh Bình Xuyên Bảy Viễn trước đây ở Khánh Hội. Khoảng 9 giờ 30 phút, cửa mở, một tên lạ mặt bước vào. Hắn kéo ghế ngồi, nhìn Mười Hương bằng cặp mắt sắc lạnh: “Ông tên gì?”, Mười Hương đáp: “Ông coi thẻ căn cước của tôi rồi còn gì”. Cái nhìn của kẻ thẩm vấn như khoan vào ông: “Không phải, ông bịp tui tôi. Người ta đã khai hết về ông rồi. Ông là HG”. Mười Hương hơi chột dạ, đây là hai chữ viết tắt tên ông mà ông thường dùng khi gửi các báo cáo cho cấp trên. Không lẽ

chúng biết tường tận về ông đến thế? Tên lạ mặt thấy dường như nắn gân như thế là đủ, hần đi ra. Đầu óc Mười Hương căng như sợi dây đàn... 9 giờ tối, Khanh, Giám đốc Sở Hoạt vụ và Dương Văn Hiếu, Giám đốc Cảnh sát đặc biệt của Ngô Đình Diệm tới gặp Mười Hương. Hiếu được Mỹ đào tạo, nổi tiếng là một kẻ nham hiểm. Hiếu và Khanh làm như đến thăm một người bạn cố tri, sau một hồi tán chuyện như vô tình hỏi: “Có phải ông là Mười Hương không?”. Rồi không chờ ông trả lời, hai tên ra sức ca ngợi Mười Hương là một chỉ huy tình báo Việt Cộng tài giỏi và xuýt xoa: “Các ông Minh Vân và ông Hội bị bắt trước ông khen ông lắm đấy”. Mười Hương biết thừa chúng dùng đòn cân não để hù tinh thần. Ông điềm tĩnh đáp: “Phải, tôi chính là Mười Hương đây. Các ông muốn gì?” Hai vị khách đưa mắt nhìn nhau. Mười Hương đồng dục tiếp lời: “Bây giờ tôi đã là tù nhân của các ông. Tuy nhiên tôi tuyên bố có ba điều tôi quyết không làm dù có chết: Thứ nhất là tôi bị bắt không bao giờ tôi khai; thứ hai là không khi nào nói xấu Cụ Hồ; không nói xấu và chống miền Bắc là điều thứ ba.” Hiếu và Khanh tái mặt, nói ba lần dăm câu ba điều rồi lủi mất.

Hôm sau Mười Hương mới biết nơi này là trại giam của Ngô Đình Cẩn, các phòng khác đều có người bị nhốt. Khi tên gác dẫn ông đi tiểu, Mười Hương phát hiện thấy có mấy người quen đang ngồi đánh cờ. Ông nói: “Các ông chơi cờ vui quá nhỉ, coi chút được không?”, miệng nói, chân ông xáp ngay lại khiến tên gác không kịp ngăn. Một người nói nhỏ: “Thằng Tam nó tố anh từ lâu rồi. Nó cũng đang bị nhốt ở đây”. Mười Hương hiểu ngay vấn đề. Vậy là khẳng định được Tam chính là kẻ phản bội, bán đứng anh em đồng đội. Tuy nhiên đối với hạng người

này, Cẩn rất khinh và không tin hoàn toàn nên đã cho bắt giam cả Tam để xét hỏi kỹ càng.

Bị giam cạnh phòng Mười Hương là ông Hoàng, trưởng phòng tình báo Khu V. Mười Hương viết một bức thư, đại ý: “Thế nào người ta cũng giết tôi thôi. Nhưng *“Nhân sinh tự cổ thùy vô tử. Tử ư quốc sự tử do sinh”*. Tôi chỉ yêu cầu sau này có gặp vợ con tôi thì nói lại tôi chết rất thanh thoi, hy vọng con cái học tốt”. Viết xong, Mười Hương tìm cách búng thư vào cho ông Hoàng. Ông Hoàng thư lại: “Anh không nên nói thế. Có thể chúng sẽ đưa anh ra Huế”. Quả nhiên ông Hoàng nói đúng. Mấy hôm sau, Mười Hương bị áp giải ra sân bay, tống lên một chiếc máy bay quân sự, đưa thẳng ra Huế. Ông bị giam ở nhà lao Tòa Khâm khét tiếng của “hung thần miền Trung” Ngô Đình Cẩn.

*** Bị tra tấn dã man nhưng vẫn giữ vững tinh thần**

Bắt được một nhân vật quan trọng như Mười Hương, Cẩn rất muốn gặp nhưng lại sợ bị sỉ nhục sẽ không kiềm chế nổi bản thân dẫn đến hỏng việc lớn nên y sai Lê Khắc Duyệt, Giám đốc Cảnh sát Trung phần thay mình xử lý vụ này. Thoạt đầu, chúng cho tên chiêu hồi như Thống, trưởng ban kinh tài Khu V, Đạt là phó bí thư Thừa Thiên và một tiểu đoàn trưởng tên là Thuởng... đến dùng lời lẽ ngon ngọt thuyết phục, lôi kéo Mười Hương “về với chính nghĩa quốc gia”. Những người này không những không thành công mà còn bị chính Mười Hương dồn cho cứng lưỡi và bị thuyết phục lại. Chúng lại cho những tên khác thay nhau đến, dẫu khẩu đầu đem với Mười Hương với mục đích quần cho ông mệt, suy sụp về thể xác sau đó là suy sụp về tinh thần, cuối

cùng phải đầu hàng. Nhưng thấy cũng không ăn thua chúng chuyển sang nhiều chiêu hành hạ khác. Xem ra gặp phải một đối thủ quá rắn, không dễ gì lung lạc được, bọn chúng tổng ông vào phòng tối suốt 24/24 tiếng không thấy ánh sáng mặt trời. Một hôm, tầm 9 giờ sáng, bốn tên lực lưỡng hầm hầm bước vào phòng giam. Chúng đóng ập cửa lại rồi thi nhau đâm đá Mười Hương túi bụi khiến ông học cả máu mồm, máu mũi, ngất lịm đi. Ngày hôm sau, bọn đao phủ dùng gậy mây đánh ông thừa sống thiếu chết, rồi giết điện. Dã man hơn, chúng dần ngửa nạn nhân trên ghế dài, vừa đánh vừa đổ nước, ném một mảnh khăn phủ mặt khiến người bị tra tấn thở không được, nước xộc lên mũi lên óc, đánh đến khi bất tỉnh nhân sự mới ngừng tay. Dù bị đánh rất dữ nhưng Mười Hương cương quyết không chịu hé răng khai một lời.

* Đối thoại với Cẩn và Nhu

Những trận đòn dữ dội chấm dứt sau hai tuần lễ. Một hôm, Cẩn cho tay chân đưa Mười Hương đến gặp để xem nhân vật được đoán định là trùm tình báo Bắc Việt nằm vùng nổi tiếng cứng đầu ấy mồm ngang mũi dọc ra sao. Đây cũng là lần đầu tiên Mười Hương trực tiếp giáp mặt “hung thần miền Trung”. Cẩn xuất hiện đúng như người ta mô tả, y ăn vận theo nếp một viên quan triều Nguyễn khi ở nhà: quần lá tọa, di guốc mộc. Tham dự cuộc gặp này còn có mặt Ngô Đình Nhu, Tỉnh trưởng Thừa Thiên Hà Thúc Luyện và đại biểu Trung phần Hồ Đắc Hương. Sau khi chào hỏi Mười Hương, xưng hô ông - tôi rất lịch thiệp, tử tế, câu đầu tiên Cẩn dốp chát ngay: “Cộng sản các ông ác lắm, giết anh tôi rồi lại giết

cả thằng cháu đích tôn của tôi nữa!”. Cẩn muốn nói tới Ngô Đình Khôi và Ngô Đình Huân. Mười Hương không vừa, đáp ngay: “Nếu quả thật Cộng sản ác độc như ông nói thì ông Diệm đã chết từ lâu rồi” - ý ông muốn nhắc lại chuyện Bác Hồ thả Ngô Đình Diệm năm xưa. Cẩn thoáng bối rối lảng qua chuyện khác, còn Nhu thì lơ đi coi như không nghe thấy. Cẩn chuyển sang kết tội Mười Hương là người miền Bắc vào phá hoại miền Nam. Mười Hương phản công: “Miền Bắc hay miền Nam thì cũng là người Việt Nam cả, tôi chỉ là một giáo viên, muốn sinh sống ở đâu là quyền của tôi. Tôi thấy các ông đang chạy theo ảo tưởng, chính các ông cũng thừa nhận chưa có độc lập. Mỹ chỉ giúp các ông xây dựng bộ máy quân đội, cảnh sát, tuyên truyền để chống phá miền Bắc. 80% viện trợ của Mỹ dành cho quân sự, Mỹ chỉ chi tiền cho những việc họ muốn và có lợi. Khi ông Diệm sang vay tiền để xây mấy cái đập, Mỹ đã từ chối thẳng thừng. Các ông không thể có độc lập với Mỹ được”. Cẩn chống chế: “Các ông thì dựa vào Nga Xô, chúng tôi dựa vào Mỹ, như rứa là chúng ta hòa”. Mười Hương bác lại: “Mỹ đổ tiền của rồi đưa cố vấn, đưa quân vào miền Nam nhưng các ông có thấy có người lính Nga nào ở miền Bắc không?”. Một gã chiêu hồi tên Lâm kể lại, sau khi gặp Mười Hương, thái độ Nhu và Cẩn rất bức bối. Tuy nhiên, Nhu thừa nhận mình không có trong tay một bộ trưởng nào am hiểu nhiều như người tù Cộng sản này. Anh em họ Ngô xuất thân từ dòng dõi quan lại phong kiến, rất khinh ghét những kẻ hèn nhát quỳ gối nhưng lại kính trọng những người biết giữ tiết tháo, dám xả thân vì nghĩa khí, kể cả đó là kẻ thù. Nếu như Mười Hương tỏ ra sợ chết, phản bội ắt Cẩn sẽ giết chết không tha. Cẩn từng bảo bọn tay chân: “Giết thằng nó không

có lợi chi cả, cứ hành hạ hấn đễ khi có sống sót trở về thì cũng tàn phế”.

* Được thả tự do và tiếp tục phục vụ cách mạng

Cuộc đảo chính ngày 1 tháng 11 năm 1963 đã kết liễu chế độ gia đình trị của anh em nhà họ Ngô. Tin tức về cuộc đảo chính lan đi rất nhanh và những người tù cũng sớm nhận được tin này. Mười Hương biết là mình sống rồi. Ông trao đổi với anh em tù tiến hành liên hệ ra ngoài, đặc biệt là với Giáo hội Phật giáo và giới báo chí lên tiếng tố cáo chế độ Diệm đang giam giữ rất nhiều những người bất đồng chính kiến, khi nhà cầm quyền xem xét lại họ sẽ đảo cung. Đây cũng là cơ hội tốt để móc nối lại liên lạc với tổ chức. Lúc bấy giờ, anh em ở ngoài mới biết Mười Hương vẫn còn sống. Đồng chí Mai Chí Thọ chỉ thị phải cứu bằng được Mười Hương ra. Khi đó, chính quyền mới có chủ trương dùng tàu hỏa đưa tất cả số tù nhân bị Ngô Đình Cẩn giam cầm ở Huế vào Sài Gòn để phúc tra. Một số anh em bàn bạc với nhau, lập kế hoạch khi đoàn tàu đi qua vùng rừng núi thì sẽ trốn. Tuy nhiên, Mười Hương không ủng hộ kế hoạch trên vì ông thấy nó quá phiêu lưu. Mười Hương tin rằng, về đến Sài Gòn, ông sẽ có cách thoát được bởi lẽ các đồng chí không bao giờ bỏ rơi ông. Đúng như dự đoán, khi bị đưa về Tổng nha Cảnh sát Sài Gòn, tổ chức đã bố trí một cơ sở của ta là bà Lê Thị Nhiễm, người sau này trở thành Anh hùng quân đội, nhận Mười Hương là con mình và thường xuyên đến thăm nuôi. Một chi tiết hết sức thuận lợi và chồng bà Nhiễm cũng mang họ Trần, tạo cho ông một lý lịch hợp pháp nên địch không phát hiện điều gì đáng ngờ. Mười Hương khai mình chỉ là một giáo viên dạy tư bị đặc vụ

của Ngô Đình Cẩn bắt oan. Ông nằm trong danh sách 22 người được đưa lên Hội đồng an ninh xét thả đợt ấy. Hôm đưa ra Hội đồng an ninh phúc tra, Mười Hương trả lời khớp với những gì đã khai trước đây và một mực kêu oan. Vì thế ông được tha.

Sau khi ra tù, Mười Hương về ở nhà bà Nhiễm tại quận 3, hàng tháng phải tới đồn cảnh sát gần nhất trình diện. Mười Hương “ngoan ngoãn” nằm ở đó một tháng, tháng sau ông được tổ chức bố trí đưa về căn cứ Củ Chi gặp các đồng chí lãnh đạo miền lúc bấy giờ như Nguyễn Văn Linh, Trần Văn Trà, Trần Văn Danh. Mọi người đều rất mừng vì sự trở về của Mười Hương. Các đồng chí Trường Chinh và Hoàng Quốc Việt biết tin Mười Hương vẫn còn sống đều vui mừng khôn xiết, mặt khác vì ông đã giữ vẹn tròn uy tín cho Trung ương. Đồng chí Nguyễn Chí Thanh rất muốn giữ Mười Hương ở lại nhưng Bác Hồ nói: “Chú ấy vừa trải qua một cuộc đấu tranh vô cùng gay go, quyết liệt. Phải để chú ấy nghỉ ngơi một thời gian”. Sau đó, Mười Hương nhận chỉ thị của Trung ương gọi ra miền Bắc.

Sau khi được trên sắp xếp đi nghỉ ở Châu Âu, mục đích chính là để gặp người vợ đang học ở bên đó sau 10 năm cách biệt, Mười Hương lại xin đi Nam. Bộ trưởng Trần Quốc Hoàn nói: “Anh cứ nghỉ ngơi thêm một thời gian đi đã, ở ngoài này cũng không thiếu gì việc cho anh làm đâu”. Từ năm 1964 đến 1968, Mười Hương được cử làm Cục trưởng Cục Kỹ thuật Bộ Công an, đảm trách việc liên lạc với lực lượng An ninh miền Nam. Trước nguy cơ Mỹ - ngụy có thể dùng bộ binh đánh ra miền Bắc, Mười Hương được giao nhiệm vụ tổ chức khóa đào tạo lớp nữ trình sát viên đặc biệt với gần 100 học viên nhằm

đối phó với những tình huống xấu có thể xảy đến. Tuy nhiên, lòng ông vẫn không nguôi hướng về miền Nam, nơi mà ông cảm thấy mình mắc nợ rất nhiều. Cuối cùng, nguyện vọng cháy bỏng này ông đã được đáp ứng. Năm 1968, Mười Hương trở lại chiến trường Nam Bộ. Ông về công tác tại An ninh miền. Năm 1970, Mười Hương được đưa vào Thường vụ T4, trở thành Trưởng ban An ninh T4 với 3 nhiệm vụ chính: Diệt ác ôn, đánh xẹp khí thế chính trị của địch; Tiến hành công tác điệp báo, xây dựng mạng lưới cơ sở, nắm âm mưu địch; Đảm bảo an ninh khu vực. Dưới sự chỉ đạo của Mười Hương, lực lượng An ninh T4 đã lập nhiều chiến công xuất sắc, góp công lớn vào chiến thắng ngày 30 tháng 4 năm 1975 lịch sử. Sau ngày miền Nam giải phóng, thống nhất đất nước, Mười Hương đảm nhiệm cương vị Phó bí thư Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh phụ trách công tác an ninh rồi phụ trách tổ chức. Ông trở thành ủy viên Trung ương Đảng khóa 4, được Đảng và Nhà nước tín nhiệm lần lượt giao cho các trọng trách Phó bí thư Thành ủy thành phố Hà Nội, Tổng cục trưởng Tổng cục Du lịch, Phó ban Thanh tra Nhà nước rồi Trưởng ban Nội chính Trung ương... Dù ở cương vị nào, ông cũng làm hết trách nhiệm, không để cho mình bị chi phối bởi bất kỳ sức ép nào.

MỤC LỤC

♦ <i>Lời giới thiệu</i>	5
-------------------------	---

I - NHỮNG ĐIỆP VỤ

♦ ROBERT BRUCE LOCKHART	
Diệp vụ “Âm mưu của ba đại sứ”	9
♦ KENJI DOIHARA	
Âm mưu thuốc phiện hóa Trung Quốc	18
♦ NIKOLAI CROSCO	
Diệp vụ “Két sắt bí mật”	24
♦ MORIS BUKMASTER	
Chiến dịch “Pháp hóa” các điệp viên “Ban nước Pháp” của tình báo Anh	36
♦ ALECSANDR TSEK	
Diệp vụ ăn cắp bộ mật mã ngoại giao Đức	45
♦ Diệp vụ đánh tháo Mussolini	54
♦ GEORGE BLAKE	
Và những điệp vụ sau Thế chiến Thứ hai	71
♦ AMIA	
Người phá điệp vụ mưu sát lãnh tụ Tam cường	78

✧ Sự phá sản của “Đồng chí Li Khai Chen”	86
✧ Điệp vụ săn lùng vĩ đại của điệp viên thượng đẳng	93
✧ Điệp vụ CIA đánh cắp thông tin của Liên Xô dưới đáy biển Khosk	102
✧ Cú lừa ngoạn mục của tình báo Cu Ba	109
✧ Các điệp vụ của ANT4 trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử	117
✧ Điệp vụ “nhử mồi” - vụ án gián điệp lớn nhất nước Nga thời hậu Xô Viết	122

II - NHỮNG ÔNG TRÙM

✧ FRANCIS WALSINGHAM Ông tổ của ngành phản gián Anh quốc	133
✧ NATHAN HALE Cha đẻ ngành tình báo quân sự Mỹ	143
✧ JOSEPH FOUCHE - CÔNG TƯỚNG OTRANTE Trùm mật vụ tài năng và phản phúc	149
✧ VILHELM CANARIS Trùm quân báo Quốc xã bị Hitler treo cổ	160
✧ BERT HALL Cha đẻ của ngành tình báo hàng không	176
✧ IAN BERDIN Anh hùng quân báo Xô Viết	181
✧ ARTUR ARTUZOV Những thành công và cay đắng	196
✧ ALLEN DULLES Trùm mật vụ Mỹ và những chiến dịch ngầm chống cộng điên cuồng	206

✧ FRANTISEC MORAVES	
Điệp viên xuất sắc của Tiệp Khắc	217
✧ ERNST FRIDRIC VOLLVEBER	
Nhà tổ chức những mạng lưới điệp viên chống phát xít	225
✧ CHU ÂN LAI	
Nhà tổ chức đặc vụ đầu tiên của Trung Quốc	230
✧ KHANG SINH	
“Kẻ thứ năm trong Bè lũ bốn tên”	237
✧ REINHARD GEHLEN	
Kế hoạch gia đình trị hoạt động tình báo	244
✧ VALTER SELLENBERG	
Trùm AMT6 của Đức Quốc xã	254
✧ ISSER GAREL	
Trùm đặc vụ Mossad- Israel	266
✧ UÔNG ĐÔNG HÙNG	
Điệp viên - vệ sĩ của Mao Trạch Đông	272
✧ NASS CAW	
Người sáng lập ngành tình báo Ấn Độ	282
✧ MARKUS WOLF	
Và cuộc đổi đầu tình báo Đông - Tây Đức	287
✧ NGUYỄN TÀI	
Cuộc đổi mặt với CIA	302
✧ WILLIAM JOSEPH DONOVAN	
Người lãnh đạo Cục Chiến lược tình báo Mỹ	309
✧ MUỖI HƯƠNG	
Một huyền thoại của Tình báo Việt Nam	318